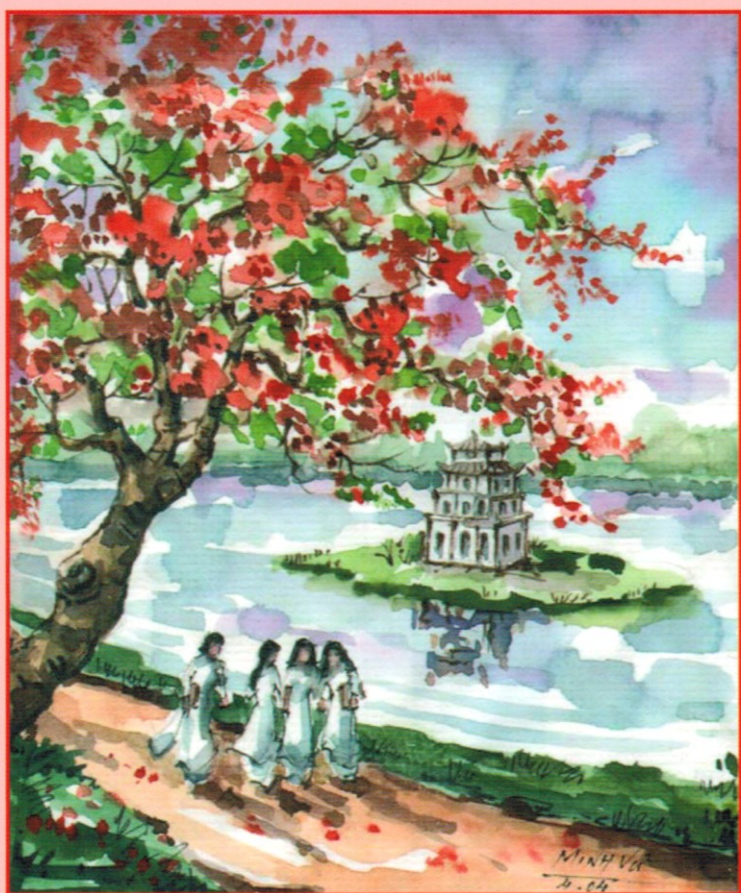


NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**Phượng
Vân Nở Bên Trời
Hà Nội**



HỒI KÝ TIỂU THUYẾT

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ

PHƯỢNG
VẪN NỞ BÊN TRỜI
HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**PHƯỢNG
VẪN NỔ BÊN TRỜI
HÀ NỘI**

Hội ký tiểu thuyết

Tranh bìa
MINH VŨ

Tựa
NGUYỄN ĐỨC NAM

Bạt
HỒ TRƯỜNG AN

Tái bản lần thứ hai
Có sửa chữa và bổ túc

**TỔ HỢP
XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG
HOA KỲ**

PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI

Hội ký tiểu thuyết: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tranh bìa trước: Minh Vũ

Tựa: Nguyễn Đức Nam

Bạt: Hồ Trường An

Đọc bản thảo: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

Trình bày: Dzung Senser

TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG HOA KỲ

2607 Military Road

Arlington, Virginia 22207

Tel. (703) 525-4538

In lần thứ ba, 8/15/2005 tại Hoa Kỳ

Copyright © 2005 by DZUNG SENSER

PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI

(The Flamboyants are still blooming in Hanoi)

Autobiographical Novel

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in or introduced into a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the author.

Printed in the United States of America

Third Edition (2005)

By To Hop Xuat Ban Mien Dong Hoa Ky

Kỷ niệm
50 năm xa Hà Nội
Kính dâng nội, ngoại
Cha, mẹ đã về cõi trời
Thương tặng anh, chị, em
Yêu dấu tặng các con, các cháu
Cảm ơn người bạn đường đã 34 năm
Cảm tạ quý thân hữu, quý độc giả đã khích lệ

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	07
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM: Nguyễn Đức Nam	09
Photo: Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi	14
HÀ NỘI THUỞ TÔI MỚI LỚN	15
Photo: Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi	69
NGÀY XƯA QUÊ TÔI	70
Tranh: Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng	99
NÚI TÍM SƯƠNG LAM	125
Tranh: Lê Văn Lai	129, 138, 149
HÀ NỘI NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG	154
Photo: Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi	212
THUỞ BAN ĐẦU	213
PHƯỢNG VẼN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI	267
CẢM Ề: Thơ Thái Bình Lang	326
MỘT ĐỜI NHỚ THƯƠNG	329
Nhạc: Nguyễn Đức Nam	
VỊNH NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	331
Thơ Thái Bình Lang	
VÀI NHẬN XÉT VỀ	332
<i>Phượng Vẽ Nở Bên Trời Hà Nội</i>	
CẢM TẠ: Nguyễn Thị Ngọc Dung	342
TIỂU SỬ TÁC GIẢ	344

LỜI NHÀ XUẤT BẢN NHÂN KỶ IN 3

Ngay từ những ngày đầu thành-lập, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ đã tự đặt ra cho mình một nguyên-tắc làm việc, đó là không chỉ nhắm in sách của những tên tuổi đã sẵn có trong văn-đàn mà còn nỗ lực đi tìm và giới-thiệu những cây bút mới. Khi cuốn *Phượng Vẽn Nở Bên Trời Hà Nội* cách đây ba năm được Tổ Hợp in ra, một tên tuổi mới được ghi vào trong danh-sách những cây bút nữ ở hải-ngoại: Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Bằng một ngòi bút chăm sóc và bay bướm, Nguyễn Thị Ngọc Dung đã chóng lấy được cảm-tình độc-giả. Năm sau, khi Tổ Hợp in ra cuốn *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là cuốn thứ hai trong thể tiểu-thuyết hồi-ký của tác-giả thì cuốn sách đã gây nên ngay một cuộc tranh-luận khá hào-hứng giữa một bên là những người thương cảm cho nhân-vật trong truyện và một vài người đặt vấn-đề sự thực ở ngoài đời mà người ta cho là tác-giả đã không phản ánh trung-thực. Người ta nêu ra những tên mà tác-giả đã cố công không nêu ra - chứng tỏ là tác-giả muốn viết một tác-phẩm hư-cấu, một tiểu-thuyết là chủ-yếu, chứ không viết lịch-sử dù như lịch-sử có là bối-cảnh của tác-phẩm - để rồi trách móc đủ điều. Song chính cuộc tranh-luận đã chứng tỏ ngòi bút Nguyễn Thị Ngọc

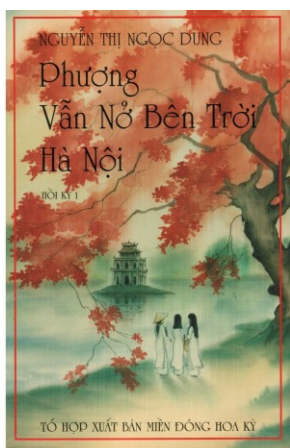
Dung là một ngòi bút có thơ, có mộng, có tài, một ngòi bút không dễ cho độc-giả thờ ơ.

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông, do đó, rất vui khi thấy đợt in đầu của cuốn *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* đã được tiêu-thụ một cách rất nhanh chóng để từ lâu đã tuyệt bản. Sự thành công của hai cuốn tiểu-thuyết hồi-ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung cho thấy là ở trong mỗi chúng ta đều có một chỗ khá dễ xúc-cảm trong tim khi nhắc đến một quá-khứ thân thương.

Phượng vãn nở ở Hà Nội hôm nay nhưng người xưa đâu tá?

Mời bạn đọc hãy lật sang trang để gặp lại một gia-đình êm ấm, một lớp chị em đùm bọc, một nhóm bạn gái thật xinh, thật dễ thương trong một Hà Nội huyền-thoại - và một nếp sống - Ngày nay không còn nữa!

TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG 2005



Bìa **Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội** in lần I, 1995.

GIỚI THIỆU

Tôi gặp chị Ngọc Dung nhiều lần, trong những buổi họp mặt hằng năm của Hội Cựu Nữ Sinh Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn. Lúc nào tôi cũng thấy chị tươi cười và nhanh nhẹn trong các công tác, nhất là việc bán Giai Phẩm Xuân của hội. Thế thôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ hay biết chị còn làm thơ, viết truyện từ lâu.

Đầu năm 1993, tôi họp tác với Vũ Bội Quang Khôi và một số anh em ở California để ra mắt bán nguyệt san *Ngày Mai*. Chị Ngọc Dung đã gửi cho tôi hai bài thơ *Đường Chiều Đà Lạt* và *Bên Hồ Than Thở*. Tôi ngạc nhiên lắm. Vì thơ Ngọc Dung buồn quá, không phản ánh con người bên ngoài của Ngọc Dung chút nào. Rồi lại còn ngạc nhiên hơn nữa khi nhận được tập hồi ký *Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn* của Ngọc Dung, viết rất thực và cảm động. Dĩ nhiên là hồi ký *Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn* đã được ân cần giới thiệu với độc giả của bán nguyệt san *Ngày Mai*.

Kể từ đó, hồi ký của Ngọc Dung liên tiếp xuất hiện trên báo, sau *Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn* là *Ngày Xưa Quê Tôi*, *Núi Tím Sương Lam*, *Những Ngày Cuối Cùng Ở Hà Nội*, và mới nhất là *Phượng Vĩ Nở Bên Trời Hà Nội*.

Hồi ký của Ngọc Dung đã được nhiều người đọc và khen ngợi. Tuy nhiên vì số trang trên tờ báo rất giới hạn nên không thể đăng một lần cả tập hồi ký được. Đó là một trong

những lý do chị đã in tập hồi ký này để độc giả có thể đọc ngay một lúc, không phải “đón đọc kỳ tới.”

Tôi được chị Ngọc Dung trao tận tay tập hồi ký tiểu thuyết của chị vào một ngày mùa đông buốt giá Hoa Thịnh Đốn. Nắng hôm ấy rất trong sáng, nhưng trời lộng gió nên rất lạnh. Tuyết vẫn còn phủ đầy trên nóc nhà, trên đường, trên cỏ. Có lẽ đây là một dịp may Trời cho để có thể ngồi nhà đọc truyện chẳng?

Tôi bắt đầu đọc vào lúc trời xế chiều. Ngồi bên khung cửa sổ, nhắm nháp một chút Remy Martin cho ấm, tôi đọc không ngừng nghỉ. Tập hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung gồm có sáu chương, dày hơn ba trăm trang giấy đánh máy. Tôi đã đọc thiên hồi ký này trên báo *Ngày Mai* nhưng tôi vẫn thấy thích thú được đọc lại. Tôi biết rõ là tác giả đã nhuần sắc nhiều, bỏ tức nhiều so với những kỳ đăng trên báo. Khi tôi đọc hết những dòng cuối cùng của tập hồi ký, nhìn ra ngoài thấy trời đã mờ mờ sáng. Tôi đã đọc say mê, không biết mình đã ngồi đọc trong bao nhiêu tiếng đồng hồ; chỉ biết là chai Remy đã gần cạn; chỉ biết là tôi đã khởi sự đọc vào buổi chiều mà bây giờ, đã nghe thấy chim hót buổi sáng sớm.

Thực sự tôi đã không đọc hồi ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung, mà tôi đã sống, đã nhập vào cuộc đời của tác giả từ lúc ấu thơ cho đến lúc trưởng thành.

Trong chương *Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn*, tôi đã sống trong cái thế giới yên vui, hồn nhiên của cô bé Ngọc Dung xinh xắn, dễ thương, với những ngày *đầy êm ái, đầy yêu thương của gia đình*. Đồng thời, trong chương này tôi cũng phải chạy về quê ngoại của Dung ở Hà Đông để tránh bom

đạn Nhật, Mỹ. Rồi Dung hồi cư, về Hà Nội, bắt đầu đi học lớp mẫu giáo ở trường Thanh Quan. Cô bé Ngọc Dung lớn lên, học hết bậc tiểu học và thi đỗ vào trường Trung Vương. Với tuổi mười ba ngây thơ, Ngọc Dung đã sung sướng hân hoan, nhìn tương lai:

Con đường tôi đi, trời xanh cao vút, mây trắng bồng bênh trôi, nắng vàng lóng lánh chạy theo vành xe đạp...

Trong chương thứ hai *Ngày Xưa Quê Tôi*, tôi đi theo Ngọc Dung về làng Mọc, để thấy Ngọc Dung sống những ngày đẹp như trong truyện thần tiên. Tuy nhiên ở cuối chương này tôi cũng ngậm ngùi nhìn Ngọc Dung về thăm làng cũ, vào mùa thu 1954, trước khi di cư vào Sài Gòn.

Con đường gạch đỏ của làng Mọc Thượng Đình không còn nữa. Biệt thự Văn Khôi không còn tấm bảng đồng mang tên bố. Hoa quả trong vườn khô héo, lúa thừa. Chim bay xao xác, bướm lượn hoang mang. Hoa giấy tím, hoa hoàng anh vàng không còn leo cao ngạo nghễ. Giàn ti-gôn cũng không còn trên cổng sau. Ngọc Lan trắng mang tên mẹ không tìm thấy trong vườn cũ...

Trong chương ba *Núi Tím Sương Lam*, tôi đã cùng Ngọc Dung và gia đình chạy loạn, bỏ làng Mọc, đến làng So với núi non hùng vĩ, mây trời bao la.

Tại nơi làng quê này, Ngọc Dung đã sống gần gũi nhất với người dân quê cần cù, chất phác và đồng thời cô bé Ngọc Dung chớm biết thế nào là chiến tranh, chết chóc, ly tan.

Đôi bàn chân nhỏ bé của một tiểu thư Hà Nội đã phải bước thấp, bước cao trên đồng ruộng mấp mô trong đêm sương của mùa đông miền Bắc giá lạnh, đi về vùng quê xa lạ. Cô bé đã bước đi cho đến khi đôi bàn chân tê dại và *nước mắt chảy dài trên đôi má lạnh gió đông...*

Chương bốn, *Hà Nội Những Ngày Cuối Cùng* có lẽ là chương tôi thích nhất vì tác giả đã tả lại vô cùng sống động, thật đầy đủ những con đường, những sinh hoạt “thật Hà Nội” của dân Hà Nội, những thứ mà tôi chỉ còn nhớ mơ hồ. Những đoạn văn hồn nhiên, trong sáng nhưng súc tích của Ngọc Dung làm sống lại tuổi ấu thơ mà tôi đã quên lãng, đã đánh mất từ lâu. Vì tôi xa *Hà Nội khi rằng vừa sún, chưa từng biết yêu*, nên không còn nhớ Hà Nội mấy. Những đoạn viết về Hàng Ngang, Hàng Đào, chợ Đồng Xuân v.v., đã như những đoạn phim tài liệu về Hà Nội được chiếu lên trong ký ức, làm tôi nhớ Bạch Mai, Ngọc Hà, chợ Hôm, hồ Hoàn Kiếm, tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Ấu Trĩ Viên, vườn hoa Con Cóc... và nhớ những món thịt bò khô, bánh tôm, lạc rang, táo dầm, nhót dầm... vô cùng.

Chương năm, *Thuở Ban Đầu* và chương sáu, *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (tên đặt cho tập hồi ký tiểu thuyết), hai chương này khá dài vì tác giả muốn trình bày rõ rệt hai khúc quanh của đời mình.

Chương thứ năm *Thuở Ban Đầu*, cô bé Ngọc Dung đã theo gia đình di cư vào Sài Gòn. Tại thành phố ấy, cô con gái Hà Nội ngây thơ thuở nào đã lớn lên và biết yêu. Người yêu của nàng là một nhà văn. Người yêu của nàng là một chàng trai thanh tú, lịch sự. Những buổi hẹn đầu, những rung động như *cánh bướm nghiêng chao bên bông hoa trái tim mong manh...* Rồi chàng phải đi xa làm việc; rồi những lá thư tình tai họa; rồi cảm đoán nghiêm khắc của cha; rồi tình xa, tình buồn nhưng tình không bao giờ phai.

Đọc chương này, tôi thấy buồn thương ngậm ngùi cho Ngọc Dung (trong truyện) quá. Với bút pháp từ hồi ký tự thuật, tác giả đã chuyển sang thể cách tiểu thuyết thật linh

động khiến cho người đọc không thể ngừng được, phải tiếp tục đọc cho tới đoạn cuối:

Mối tình thơm hương sách vở, trong trắng áo học trò, sẽ ngược thời gian đi vào quên lãng. Hay có chăng chỉ còn là hình ảnh nhạt mờ, thấp thoáng bên hồ Hoàn Kiếm mùa hè rực đỏ hoa phượng vĩ năm nào...

Chương cuối cùng, *Phượng Vấn Nữ Bên Trời Hà Nội* là chương mô tả cuộc sống thăng trầm của Ngọc Dung nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung trong thời loạn.

Ngọc Dung trở thành một người vợ, một người mẹ. Khi hạnh phúc gia đình tan vỡ, người đàn bà trẻ tuổi ấy đã phải đơn độc chăm sóc bốn đứa con thơ dại. Từ bỏ cuộc sống sung sướng, *nàng đã tìm cách bám bấu vào chính những bước đi dò dẫm của mình trên con đường đã mất chân trời mơ mộng...*

Mối tình đầu - mà trong đoạn cuối của chương năm - nàng đã tưởng có thể quên đi, tưởng rằng chỉ là một hình ảnh nhạt mờ trong dĩ vãng, lại bất thần trở về xé nát con tim nàng. Người xuân phụ đã bao nhiêu lần phải phấn đấu với cuộc đời, lại một lần nữa, phải phấn đấu với chính nội tâm, tình cảm của mình, và theo các nhà phân tâm học là một cuộc phấn đấu triền miên, cam go nhất.

Liệu cô bé Dung xinh xắn, ngây thơ của Hà Nội những ngày xa xưa, cô học trò dễ thương của trường Trưng Vương Sài Gòn, bà mẹ hiền của bốn đứa con ngoan, người đàn bà trẻ tuổi “chân yếu tay mềm” ấy có thắng được trận chiến cuối cùng không?

Những đoạn văn trong phần cuối của chương thứ sáu *Phượng Vấn Nữ Bên Trời Hà Nội* sẽ giải đáp câu hỏi đó.

Riêng tôi, vì được hân hạnh đọc tập bản thảo thiên hồi ký tiểu thuyết của Nguyễn Thị Ngọc Dung nên tôi đã biết phần kết cục, tôi chỉ xin cảm ơn tác giả cho tôi sống lại những ngày thơ ấu ngọc ngà tại Hà Nội, tìm lại được kho tàng kỷ niệm mà tôi đã mất từ hơn bốn mươi năm qua (1954-1995).

Virginia, tháng hai, chín lăm

NGUYỄN ĐỨC NAM



Khuê Văn Các, Văn Miếu Hà Nội
Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi

1

HÀ NỘI THUỞ TÔI MỚ LỚN

Tôi sinh ra đời tại Hà Nội như tất cả anh chị em trong gia đình. Tuổi tôi thơ ấu đầy ắp những yên vui, êm ái. Tôi lớn lên hồn nhiên như một chậu hoa, một cây cảnh được hằng tâm tưới bón, vun trồng. Tôi lớn lên trong sự chăm nuôi, dạy bảo chu đáo của cha mẹ và bà nội thương kính. Anh chị em thân yêu sống bên nhau những ngày trẻ thơ ngà ngọc.

Hình ảnh sớm nhất về cuộc đời, tôi còn nhớ bắt đầu từ ngôi nhà ba tầng cao như cái tháp Phố Chả Cá Hà Nội, nơi tôi đã sống sau tiếng khóc oe oe chào đời tại nhà Thương Công Đức gần Hàng Cót.

Nhà chúng tôi mặt tiền có mái hiên rộng ở tầng dưới, có ban-công lớn ngoài gác nhì. Một giàn hoa từng chùm như những trái ớt đỏ xinh xắn leo cột ban-công bên mặt. Một giàn hoa ti-gôn màu xác pháo dễ thương leo cột ban-công bên trái. Hai giàn hoa quấn quít nhau vươn vượt gác nhì qua cửa sổ gác ba của bố mẹ và với lên cao nữa để uốn lượn theo tường hoa xung quanh sân thượng.

Nhưng rất ít khi chúng tôi được ra chơi ngoài ban-công thơ mộng như của Romeo và Juliet¹ đó. Tôi vẫn còn cảm tưởng anh chị em chúng tôi bị canh giữ nghiêm ngặt trong nhà, biệt lập với phố phường bên ngoài.

Cổng dưới đất bằng sắt kiên cố, không một khe hở, khóa xích sắt nặng nề. Tường gạch bít bùng cao quá đầu người, mảnh chai đâm lên tua tủa đề phòng kẻ trộm. Mặt tường bên trong có giàn nho xanh rườm rà, leo kín sang cầu thang trong sân. Bó tay sẵn sóc những dây nho, quả chua ăn chảy nước mắt, chỉ để làm cảnh cho đẹp và lấy lá non nấu món bò kho rượu vang đỏ, ngon tuyệt vời.

Một chuồng chim bồ câu với mấy chục khuôn cửa tròn nhỏ được dựng trên mái hiên tầng mặt đất nhìn ra cầu thang qua cái sân lát gạch đỏ. Cả trăm con chim câu trắng bay lên xả xuống rộn ràng ngoài cửa sổ ba tầng nhà. Tiếng chúng gù gừ tình tự bên nhau suốt ngày đêm.

Dưới mái hiên phía gần cổng đi bên là một chiếc xe tay nhỏ được lau chùi sạch bóng và luôn luôn buông mui đóng kín khi không được dùng tới. Mỗi lần đi ra ngoài phố chúng tôi thường dùng xe này và có anh xe kéo. Xe có thể ngồi được hai người lớn, hai trẻ con. Tuy nhiên, bố thường đi xe đạp, để bà nội, mẹ và chúng tôi ngồi xe nhà. Đối với ông, xe kéo là phương tiện di chuyển cho đàn bà, con trẻ. Anh xe còn một việc khác phải làm, lau những dòng chữ tỏ tình lãng mạn, những trái tim với mũi tên xuyên qua của các chàng trai trồng cây si vẽ viết trên tường gửi hai tiểu thư Minh Kim, Minh Nguyệt, con ông Phán Khôi và cháu cụ Huân.

1- Romeo and Juliet: Hai nhân vật trong tiểu thuyết lãng mạn của William Shakespeare (1564-1616), Anh quốc. Cuốn tiểu thuyết đã được dựng thành nhiều vở kịch và diễn thành nhiều bộ phim nổi tiếng.

Người ta gọi bố, ông Phán, vì bố làm Thông Phán cho Pháp từ khi tốt nghiệp trường Bưởi. Ông nội ngày xưa tên Nguyễn Văn Thanh, đậu cử nhân, từ chối làm quan trên tỉnh, vì không muốn tiếp xúc với quân thuộc địa Pháp. Ông về làng dạy học và chỉ nhận chức Huấn Đạo. Vì thế, bà nội tên Phạm Thị Hoàn được người ta gọi là cụ Huân.

Chị Kim, chị lớn nhất, đi lấy chồng, ra ở riêng từ năm tôi còn rất bé nên không nhớ hình ảnh nào về chị trong ngôi nhà ba tầng ấy. Tôi được chị Tâm thứ tư, hơn tôi bốn tuổi, chị Phương thứ năm, hơn tôi ba tuổi, kể lại rằng, chị Kim, chị Nguyệt, chị thứ ba, thường lấy có cho các em bé leo chơi bên chần song cửa sổ gác nhì để được nhìn xuống đường khi những tiếng huýt gió vọng lên từ các chàng tuổi trẻ đi xe đạp lượn vòng qua nhà. Nhưng cứ thấy bóng cha tôi với cây ba-toong giờ lên, các chàng biến mất dạng, các chị cũng vội lùi ngay vào. Cái tật ngóng trai cũng là một trong những điều nghiêm cấm của bố với hai cô con gái lớn nổi tiếng hoa khôi Hà Nội.

Có nhiều người, không những đàn ông mà cả đàn bà sau này nói với tôi về hai chị: “Chúng tôi chỉ chờ rình được ngắm cô Kim, cô Nguyệt tha thướt ra vào ngôi nhà kín cổng, cao tường ấy. Mỗi lần thấy dung nhan mỹ nhân là một điều sung sướng, mãn nguyện. Hai cô đẹp lắm. Thúy Kiều, Thúy Vân cũng chỉ đẹp đến vậy thôi. Cô Kim, cô Nguyệt lúc nào cũng tươi như hoa. Hai cô trắng nõn, trắng nà, luôn luôn chải chuốt, lượt là.” Tôi biết chị Kim, chị Nguyệt đẹp, nhưng không thể ngờ người ta mê hai chị đến thế, cả nửa thế kỷ sau còn nhắc nhở, ca tụng.

Những buổi tối khi đường phố bắt đầu lên đèn cho tới khuya, vắng vắng tôi như còn nghe tiếng rao từ dưới đường: “Ai mua lúa rang, hạt dẻ, bưởi, ra mua!” Tiếng rao rộn rã

làm sao! Chúng tôi chỉ mong đợi tiếng rao ấy để đòi chị Nguyệt mua quà cho ăn. Chị lại phải xin phép mẹ. Bà chưa kịp dứt lời bằng lòng, chị Tâm, chị Phương và tôi đã muốn vươn cổ ra ngoài chấn song cửa sổ rầm rĩ la gọi:

- Lúa rang! Hạt dẻ! Lúa rang! Hạt dẻ!

Chúng tôi cuống quýt chạy theo chị Nuôi xuống dưới đường để ngửi mùi thơm phưng phức khi cô hàng hạ cái thúng đội trên đầu đặt xuống vỉa hè và mở nắp vỉ cối. Cô đong lúa rang, hạt dẻ còn nóng hổi bằng cái hộp sắt nhỏ. Chúng tôi lại lon ton, hớn hờ theo chị Nuôi lên nhà. Chị Nguyệt chia lúa rang cho các em và thường bảo tôi:

- Dung xòe tay ra, em đếm được bao nhiêu chị cho bấy nhiêu.

Tôi đưa cả hai bàn tay ra trước mặt, đếm đi đếm lại vài con số để được nhiều, cho đến khi nào không còn nắm tay lại được mới thôi. Tôi đã bắt đầu tập đếm với những hạt lúa rang trắng tinh, dòn tan trong miệng, những hạt dẻ thật ngọt, thật bùi tôi thích ăn từ khi chưa đủ răng, chưa biết bóc cái vỏ màu nâu giống như màu tóc của mấy cô đầm lai Việt-Pháp.

Thời gian ở Âu Châu sau này, lần đầu tiên từ thủ đô Vương Quốc Bỉ, Bruxelles, qua chơi kinh thành ánh sáng Paris, Pháp quốc, khi tôi đang đi trên vỉa hè đông đúc của khu Latin, bỗng đâu một mùi thơm đưa vào khứu giác. Cái mùi quen thuộc như từ thứ vỏ hạt nào bị đốt cháy gợi một sự thèm thuồng kỳ lạ. Tò mò đi theo và lùng kiếm mùi thơm kia, tôi vui mừng gặp được xe hạt dẻ nướng. Tôi có cảm tưởng như vừa tìm lại được một kỷ niệm quý báu đã bỏ quên lâu ngày, dù rằng hạt dẻ Hà Nội ngày xưa tròn nhỏ như viên bi, hạt dẻ Paris to hơn bốn năm lần.

Khi người bán xúc hạt dẻ, tôi vội vàng cản lại: “Làm ơn chọn cho tôi những hạt cháy một chút. Hạt cháy mới thơm phải không ông? Cả mấy chục năm nay tôi không được ăn

hạt dẻ nướng.” Người bán hàng thông cảm, vui vẻ bốc thêm cho tôi vài hạt. Gói nóng ầm tay, tôi nhâm nhi hạt dẻ thơm bùi. Mưa bụi Paris, rét mướt Paris, những tháng năm thơ ấu lại trở về với tôi. Hạt dẻ hình như mặn thêm nước mắt tôi. Mẹ già, anh chị em, bạn bè, tất cả đều xa xôi bên trời Việt Nam, quê hương cũ, hay bên trời Hiệp Chúng Quốc, quê hương mới...

Từ cửa sổ gác nhì của ngôi nhà ba tầng Phố Chả Cá, tôi có thể nhìn thấy cái quạt trần bằng giấy được kéo qua, kéo lại, quạt mát cho khách ăn trong tiệm Lã Vọng bên kia đường. Vài lần xem phim truyện về Phi Châu, tôi đã nhận ra loại quạt này, được kéo bởi một thằng bé da đen ngồi xếp trên đất, mắt trắng lảo lơ trông thật tội nghiệp. Không biết ngày nay tiệm Chả Cá Lã Vọng còn dùng thứ quạt đó hay không?

Những con cá to bằng tôi, phải hai người khênh vào tiệm. Trên quầy hàng có tượng ông Lã Vọng với nón lá, cần câu móc theo con cá nhỏ. Từ hồi Miền Bắc thuộc về tay ông Hồ Chí Minh, Chả Cá Lã Vọng là tiệm ăn quốc hồn, quốc túy duy nhất của chính phủ Hà Nội phô trương với thượng khách ngoại quốc. Tiếc rằng suốt thuở bé tí tẹo ấy tôi không được vào tiệm kia đến một lần, dù rằng chỉ chạy qua đường là sang tới. Cao lâu, nhà hàng dành cho người lớn. Con nít ở nhà chơi với u già, chị nuôi. Tôi cũng không bao giờ được một mình ra đường. Bà nội và mẹ thường dọa, “mẹ mìn hay bắt cóc trẻ con mang đi xa, xa lắm, không cho về nhà với bố mẹ”. Điều này làm tôi sợ nhất trong những ngày còn nhỏ.

Gác nhì cũng là nơi gia đình chúng tôi hội họp trong những bữa ăn đông đủ. Bà nội, bố mẹ, anh Khánh (anh thứ hai sau chị Kim), chị Nguyệt, chị Tâm, chị Phương ngồi chung quanh một cái bàn đá tròn có trục xoay. Tôi được đặt ngồi đằng sau mẹ, trong chiếc ghế cao bằng mây uốn, có

khay ăn lật từ lưng tựa phía sau ra phía trước. Ghế này còn được dùng hoài cho các em tôi về sau.

Cũng từ cái ghế lịch sử đó hình như tôi còn nghe thấy tiếng khóc thét xé không gian của chính cô bé Dung này. Số là tôi có cái tật thích ăn vữa thịt, để com lại sau chót rồi đòi trộn với đường mới chịu ăn hết. Lần đó tôi đã ăn tất cả các miếng thịt vụn nhỏ trước, để dành lại một miếng to nhất, “đẹp” nhất để thưởng thức sau cùng. Nhưng miếng thịt hấp dẫn đó không ngon, không tan nhuyễn trong miệng, nó đã làm tôi thét lên những tiếng kinh hoàng đến rung rinh cả chùm đèn thả từ trên trần nhà xuống bàn ăn.

Thì ra đó là quả ớt đỏ, bóng mỡ gọi thêm. Tôi khóc giẫy lên như bị bỏng lửa. Mẹ thương hại trộn đường vào bát com còn lại của tôi. Thường ra, bố mẹ sợ con bị sâu răng, không cho tôi ăn com với đường rồi lúng búng ngậm trong miệng cho đến khi ngủ gật trên ghế và được bế thẳng vào giường, không phải đánh răng. Có đứa con nít nào thích đánh răng đâu? Tối hôm đó hình như tôi đã bỏ dở bát com, ngủ lặng đi trong cái “ngọt cay” thốn thức thứ nhất của cuộc đời...

Mấy chục năm sau, khi đến thăm thư viện Richard Nixon² và căn nhà thuê thiếu thời của vị cố Tổng Thống này ở Yorba Linda, California, tôi đã gặp cái ghế cao tương tự của chị em chúng tôi ngày xưa. Có khác chăng, Nixon lớn con hơn anh chị tôi nhiều lắm, và ghế của cậu bé Nixon làm bằng gỗ không bằng mây như thổ sản Á Đông.

Nhà Phố Chả Cá có ba tầng, nhưng chúng tôi chỉ ở tầng hai, ba. Tầng dưới đường, mặt trước cho người thuê mở cửa

2 - Richard Nixon (1913-1994): Tổng thống thứ 37 của Hiệp Chúng Quốc từ năm 1969 đến năm 1974 thì từ chức.

hàng điện, phía trong là lớp dạy làm bánh của bà nội. Nào bánh bao, bánh bẻ, bánh hoa hồng, bánh quế, bánh cốm, bánh xu xê, bánh tô châu, cà chua, củ đậu... Nào mứt quýt, chanh, mận, hồng bì, khoai, gừng, dừa, dứa, bí... Không thiếu một thứ bánh, mứt khéo léo, tinh khiết nào của Hà Nội. Bà còn nhận đặt hàng cho đám cưới và đủ mọi thứ tiệc.

Phía dưới cầu thang đồ sộ dẫn lên hai tầng trên, là cái bếp rộng lớn lúc nào cũng lửa khói nghi ngút, tấp nập hàng chục kẻ chày, người giã bột, bở củi, cời than. Ngoài ra, bà còn dạy cắt tỉa các loại hoa hồng, hoa cúc, hoa trà bằng đu đủ, tỉa con chó, con mèo bằng bưởi trông giống như thật. Bà nặn đủ loại con giống rằm tháng tám xinh đẹp, trẻ con nào cũng mê thích.

Mọi người đều biết tiếng và kính nể bà nội. Các anh, các chị đi mua sắm xung quanh Phố Chả Cá, Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Đồng, Phúc Kiến... cứ xưng danh cháu cụ Huân, sẽ được ký sổ nợ cho bà nội, không phải trả tiền ngay. Con gái Hà Nội trước khi đi lấy chồng nếu không qua lớp học làm bánh, tỉa hoa của bà nội, không phải là tiểu thư công dung ngôn hạnh trăm bề.

Trái lại, bố không cho mẹ và chị nào học làm bánh. Ông đã nhìn thấy sự vất vả, cực nhọc thức khuya, dậy sớm của bà nội. Khói than, khói củi mờ mắt, ám phổi. Bà nội đã có thím Hai Hương, vợ chú Hai, em ruột bố và cả tá người mướn phụ giúp. Với việc làm công chức, bố đủ lo gia đình sung túc. Vợ của ông chỉ có một việc săn sóc chồng con. Tuy nhiên, bà vợ trước yếu mệnh khi còn rất trẻ đẹp, đã có chị Kim, anh Khánh và chị Nguyệt. Vài năm sau, bố mới cưới mẹ về. Ông vẫn giữ lập trường cũ. Mẹ và các chị thêm, chỉ đành lên bố, học lỏm vài thứ cho biết thôi.

Thím Hai, một thời hoa khôi Hàng Đường đã học và theo nghề làm bánh của bà nội. Sau này chú thím có tiệm bánh

Xuân Ký bên cạnh nhà Mai Đệ góc Hàng Đường, trước cửa nhà Quảng Nghi.

Riêng tôi, thường thức, ném bánh rất tài tình, nhưng không tha thiết học làm một thứ bánh nào. Tuy chẳng được tiếng khéo léo, tôi vẫn có cái may mắn không phải vất vả việc nấu ăn cho người đời.

Từ tầng dưới đất lên qua gác nhì, rồi tới gác ba, giang sơn riêng biệt của bố mẹ. Nếu gác nhì được lát gạch hoa bát ngát với đầy bàn, ghế, sập gu đá, tủ chè khảm xa cừ, gác ba với sàn gỗ mênh mông, trơn bóng, ghế mây, ghế vải. Tôi còn nhớ hình ảnh mẹ ngồi khâu, đan trong chiếc ghế bành mây rộng bên cái máy hát có loa kèn mở lớn. Trong bộ đồ Tây trắng, giày trắng, bố đặt đĩa hát, lên dây máy, lả lướt nhảy một mình theo điệu nhạc. Tôi thường xoi ngó vào máy hỏi bố:

- Bố ơi, ai hát trong ấy vậy?

Bố nhìn mẹ trả lời:

- Mẹ hát đấy.

Tôi nghe mẹ hát theo, nhưng tiếng hát của mẹ khác trong máy nên nghi ngờ nhìn mẹ:

- Không phải mẹ hát.

Mẹ tôi giải thích:

- Có một đứa bé tí tẹo tí teo nằm trong máy hát ra đấy.

Tôi đã tin thật như vậy. Mẹ tôi còn hát hoài hoài mấy bài đó trong thời thơ ấu của tôi. Bà được học chữ Pháp hết bậc tiểu học trường sơ Hà Đông, nên tiếng Pháp không xa lạ với bà. Khi lớn lên, bắt đầu thích nghe nhạc, tôi đã nhận ra một vài bài mẹ vẫn thường hát thuở xưa qua những đĩa nhạc của các ca sĩ Pháp như Tino Rossi, Edith Piaf...

Ngày ấy mẹ tôi cũng điệu lắm, tôi không nhớ mẹ phục sức ra sao, nhưng đã được nhìn thấy những hình ảnh bà chụp chung với chị Kim, chị Nguyệt. Mẹ bới tóc trần, các chị bện

tóc trẻ. Cả ba đều đeo kiềng, mặc áo kiểu Lemur tân thời, vai bông, khuy cổ cài bên, trông ba người như ba chị em.

Mẹ và các anh, chị thường kể lại, bố cũng một thời tài hoa. Ông từng có biệt hiệu Khôi Tennis, chiếm nhiều giải vô địch Hà Nội, vô địch Bắc Phần. Thủ Hiến Trung Phần ham mê Tennis, mỗi lần ra Hà Nội phải mời cho bằng được ông chơi thù tiếp. Bố tôi còn có biệt hiệu “Khôi Thơ Văn” vì ông hay làm thơ, nói chuyện văn chương thao thao bất tuyệt, bạn bè phục lắm. Cô đầu Khâm Thiên tranh nhau đòi ngâm thơ “anh” Phán Khôi.

Một ngày về sau này ở Bruxelles, tôi mời một gia đình đồng hương tới nhà. Vợ chồng người khách già hỏi thân thế tôi. Ngôi nhà ba tầng phố Chả Cá được tôi nhắc tới. Bà khách ngạc nhiên hỏi:

- Xin lỗi, ông cụ thân sinh ra cô tên chi?

Tôi trả lời:

- Dạ thưa Nguyễn Văn Khôi.

Bà sững sốt:

- Có phải ông Phán Khôi không?

- Dạ thưa mọi người thường gọi bố cháu vậy.

Được biết cha tôi đã mất từ mười năm về trước, ông bà khách đòi xem ảnh. Tôi trả lời:

- Cháu có bàn thờ ông trong phòng bên cạnh.

Vừa thấy ảnh bố tôi chụp ở Hà-Nội trước năm 1954 khi ông mới ngoài 50 tuổi, bà già khóc ngất:

- Thôi đúng anh Khôi rồi đây. Ới anh ơi! Anh sống khôn, chết thiêng về phù hộ họ hàng, bạn bè vẫn kính thương anh.

Bà khách sụt sùi thấp hương khăn bố tôi. Thì ra, bà là người trong gia đình chủ tiệm Chả Cá Lã Vọng. Ông chồng bà cũng thành kính lễ bố tôi với hương nhang nghi ngút. Ông ngâm ngùi nói:

- Tôi chỉ là đàn em ông Khôi ở trường Bưởi. Nhưng tôi thường nghe danh và rất khâm phục ông.

Trên bàn thờ hình như bố nhìn chúng tôi mỉm cười. Bà già tiếp tục kể rằng:

- Ngày xưa có một người con gái Hà Nội trước khi nhắm mắt lìa trần đã gọi tên ông Khôi đấy!

“Thưa bố, có phải vì thế, con gái bố đã khóc hoài vì một người không? Song chúng con đều biết rằng, tuy hào hoa, phong độ, bố vẫn rất nghiêm trang, đứng đắn. Bố không có nhiều con mắt để ý tới ai. Bố không có nhiều con tim để thương các bà, các cô khác ngoài mẹ.”

Trên ba tầng của ngôi nhà phố Chả Cá ấy chúng tôi thích nhất cái sân thượng cao chót vót, rộng thênh thang, gió lồng lộng. Nơi đây cũng là sân chơi gia đình. Những đêm trăng thanh gió mát bố mẹ thường lên uống trà hay cà phê. Chúng tôi tranh nhau xay cà phê cho bố. Mùi thơm lòng quyến rũ nhưng chúng tôi chẳng được ông cho uống, dù nếm cũng không. Có lần tôi nhấp thử “sái nhi” của mẹ, ôi thôi, đắng ơi là đắng, ngon lành gì đâu mà ham. Bố không cần cấm tôi cũng chẳng đòi uống nữa, tuy rằng đã nghiền mùi cà phê từ thuở đó.

Cũng trên sân thượng, những đêm không trăng, trời sẫm tối, trong vắt không một vẩn mây, bố thường tìm và chỉ cho chúng tôi những chùm sao trên trời. Nào sao Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh, sao Bắc Đẩu, sao hôm, sao mai... Dù chẳng nhận ra hình thù một vì tinh tú nào, tôi vẫn mãi mê ngược mắt ngắm nhìn hằng hà sa số sao, huyền bí vô cùng tận. Điều thích thú nhất là khi bố mẹ cho giăng màn và chúng tôi được phép ngủ cả đêm trên sân thượng. Bầu trời hình như rất gần, nếu được đứng lên thang cao tôi có thể sờ vào mây, với tới

trắng sao lấp lánh. Những ngày thơ ấu của tôi tràn đầy những giấc mơ lấp lánh trắng sao đó.

Một chỗ cuối sân thượng, dưới mái che, tôi không dám mon men lại gần, đó là chỗ bố tôi để con gấu nhồi bông, thành tích săn bắn của ông. Con vật lông nâu xù xì, đứng sừng sững, nhe răng dữ tợn như vẫn còn sống, còn có linh hồn. Gần đấy, trên tường treo vài cái vợt, một giỏ bóng Tennis cũ, nhiều lần các anh các chị đã lấy ra nghịch chơi ngay trên sân thượng. Bóng rơi loảng xoảng xuống mái nhà các cửa hàng vải Tây đen Ấn Độ, các tiệm bánh và chùa Cầu Đông, Hàng Đường phía sau nhà tôi. Như thế cũng chưa hết, các anh các chị còn lấy xương cao ban long, cao hổ cốt trị bách bệnh của bà nội nấu bán, ném xuống đầu sư, sãi, thiện nam tín nữ tề lễ dưới sân chùa. Khi nhà chùa cho người đến mách bà nội, các cô cậu cháu mới thôi không chơi trò tai quái đó nữa.

Từ trên sân thượng chúng tôi có thể nhìn đi rất xa, thấy những cột khói từ các xưởng máy làm rượu, làm gạch, làm đồ sứ từ làng Đồng Nhân, Thanh Trì, Bát Tràng ngoại ô Hà Nội. Có nhiều lần mọi người trong nhà nhón nháo chạy lên sân thượng xem máy bay Đồng Minh Mỹ thả bom quân Nhật tại phi trường Gia Lâm.

Qua cửa sổ gác nhì, thấp thoáng tôi trông thấy lính Nhật trong quân phục kaki vàng, mũ lưỡi trai, kiếm dài lê thê³ bên cạnh sườn. Việt Nam đã bị đô hộ Pháp gần một trăm năm.

3 Nhà văn Hoàng Hải Thủy (1933-2020) đã cho tôi biết lính Nhật đi tuần trên hè phố chỉ đeo kiếm ngắn. Sĩ quan Nhật mới đeo kiếm dài. Đôi mắt và bộ óc của một cô bé hai, ba tuổi thì nhìn cái gì cũng cao dài to lớn cả... Xin ghi nhận điều này của nhà văn HHT người đã để lại một sự nghiệp văn chương Việt Nam đồ sộ trong thế kỷ 20 và 21 và rất được ngưỡng mộ.

Nước Pháp đang nghiêng ngả vì bị Đức Quốc Xã chiếm đóng. Chính phủ Vichy Pháp theo Đức, yếu cả thể lẫn lực, đành để quân Nhật đang ôm mộng làm bá chủ Á Châu, đem quân vào Việt Nam, chống lại Đồng Minh Mỹ.

Quân Nhật nổi tiếng chém người bằng kiếm không góm tay. Công ngõ nhà tôi được đóng chặt chẽ hơn. Tuy bé, nhưng tôi đã có cảm tưởng sợ hãi mấy tên phát-xít Nhật lùn đi đi, lại lại dưới đường.

Một hôm, khi anh xe vừa mở cổng định cho xe nhà đưa chúng tôi ra phố, một người ăn mày, quần áo tả tơi lão đảo xông vào sân rồi làm một bãi té re tung toé. Bố sai anh xe lấy cơm cho và dắt người này ra đường. Nhưng ông ta vẫn van xin không chịu đi. Một người lính Nhật đi tuần trên hè đường, nghe nhón nháo, tuốt gươm sáng loáng tiến vào và ra oai quát tháo. Người ăn mày run rẩy bỏ lê ra khỏi cổng. Tên lính Nhật bỏ đi. Bố đứng chỉ thị anh xe dội nước thật nhiều, rửa bãi té re thật sạch, rắc vôi bột thật kỹ lưỡng sân, tường, cổng, không bỏ sót một chỗ bẩn nào.

Thuở ấy dịch hạch, dịch tả giết hại cả triệu dân Á Châu. Ruồi nhặng nhiều như người chết. Đi đâu cũng thấy vôi bột rải rắc khắp nơi.

Tôi chưa từng thấy ai trong đời sạch sẽ, vệ sinh hơn bố. Chúng tôi không bao giờ được uống nước lã. Nước được đun sôi, để nguội rồi mới lọc uống. Không như xứ Mỹ văn minh, tân tiến này, nhiều nước Á Đông cho đến ngày nay, nước máy vẫn không được trong sạch, khử trùng để có thể uống ngay từ vòi. Bố trông thấy đứa nào cho cái miệng vào vòi nước mà tu là bị đòn xung đít ngay. Rau ăn sống phải được rửa ngâm bằng thuốc tím.

Có một lần anh xe mở rổ bát, quên không đập lông bàn lại cho ruồi nhặng khỏi đậu lên bát đĩa. Anh xe bị bố la cho một trận “hòn xiêu, phách lạc”. Ông bắt anh thả tất cả chén

bát vào nồi nước sôi, rồi vớt ra bỏ lại vào rổ đựng lồng bàn kín như bất cứ lúc nào.

Nếu anh xe khiếp đảm bỏ một, chúng tôi sợ hãi ông trăm lần. Nhất là khi bị ghê lở, với ba-toong trong tay, bỏ đứng canh cho mẹ lột trần truồng chúng tôi, thả vào chậu nước nóng pha thuốc tím, tím ngòm. Mẹ xát sà-phòng vào bàn chải chà lên những nốt ghê lở của chúng tôi đến tứa máu tươi, lặn điếng người. Nước mắt, nước mũi ràn rụa, song mấy cô bé không dám khóc thành tiếng. Sau đó chúng tôi còn bị bôi thuốc đỏ, thuốc vàng buốt xót tận xương. Tuy mẹ cũng xuýt xoa, rên rỉ theo chúng tôi nhưng vẫn đe nẹt:

- Khổ thân chưa, ai bảo không chịu đi dép vào, cứ hay nghịch đất, nghịch cát để chân tay dơ bẩn ghê lở, mới bị tắm rửa, kỳ cọ đau đớn như thế này!

Thực ra chúng tôi chỉ thỉnh thoảng lơ quên, chạy nhảy chân không trong nhà. Ai dám cưỡng lời bố đi đất để bị đòn, bị phạt?

Tuy nhiên trẻ con ham chơi thường không nhớ lời cha mẹ dặn. Chị Tâm, chị Phương vẫn bốc đất trong những chậu cây trúc đào vĩ đại đặt trên mấy bậc nghỉ chân vuông lớn trên cầu thang. Các chị chơi nặn hỏa lò, nồi niêu, lấy gạo, than củi trong bếp, xì xụp giả nấu nướng. Chơi thì thích thú lắm nhưng bố bắt được, ăn đòn roi mây chẳng ngon chút nào!

Thường thường chúng tôi được bố mẹ cho đi xe điện về thăm quê ngoại ở Hà Đông, cách Hà Nội độ mười một cây số. Nhà bà ngoại nhìn ra dinh Tổng đốc Hà Đông, bên cạnh có vườn thú nào đó. Tôi thấy voi mẹ to như “cái đình”, voi con to như “cái nhà” ăn ngón, nuốt chửng những cây chuối ngổn ngang bên trong hàng rào song sắt. Ngoài sân nhà bà có một vườn trăm cây hoa lan của ông ngoại để lại.

Một chuyện thật khó tin, ông chết hai lần. Lần thứ nhất ông đã được băng bó vải xô và liệm trong quan tài. Buổi tối trước ngày đám táng, mọi người bỗng nghe có tiếng rên trong hòm áo quan còn để mở. Mẹ tôi lúc đó mới 6 tuổi cùng các cô tôi hoảng sợ bỏ chạy hết. Chỉ có bà ngoại ngồi lại nghe ngóng. Xác ông từ từ ngồi dậy như ma hiện hồn về và kêu khát nước. Vì thương chồng nên dù run sợ, bà vẫn đi lấy nước đưa ông uống. Ông đã sống lại thêm hai mươi năm nữa mới chết thật. Khi đó mẹ tôi đã sinh chị Tâm vừa được một tuổi.

Tên ông ngoại là Phạm Đình Trục. Ông có người chị ruột là cụ Thượng bà Bắc Ninh và người em gái là cụ Huyện, thân mẫu của cậu Phạm Hữu Ninh, hiệu trưởng trường Thăng Long, Hà Nội. Người ta thường gọi ông ngoại là cụ Bá Hà Đông. Phải chăng ông có mấy chục nóc nhà trong tỉnh, được coi là giàu như bá hộ? Ông ngoại cũng có nhiều con nuôi, trong số đó có ông thân sinh của Tổng Trưởng Kinh Tế miền Nam sau này. Bà ngoại tên Vũ Thị Hội. Chúng tôi còn gọi bà là bà Hà Đông để phân biệt với bà Huân Hà Nội.

Tối một ngày máy bay Đồng Minh Mỹ đã liệng xà xuống thành phố Hà Nội, ầm ầm ném bom xụp đổ chợ Hàng Da, chết bao nhiêu người. Bố mẹ bắt đầu cho chúng tôi đi xe nhà về thăm bác Cả Vinh ở làng Mộc Thượng Đình, giữa Hà Nội và Hà Đông. Bố mẹ mua một miếng đất của bác để xây biệt thự Văn Khôi mang tên bố, và đưa gia đình về ở. Ngôi nhà ba từng Phố Chả Cá được bán cho anh chị cả Phúc, con cháu bà Trưởng Mềm, chủ tiệm Lã Vọng. Tầng dưới cùng ngôi nhà cũ của chúng tôi sau này trở thành tiệm chả cá Sơn Hải.

Chúng tôi về ngoại ô ở để tránh bom đạn chiến tranh Nhật, Mỹ như theo lời bố mẹ nói. Ông bà cũng thích cảnh làng quê bình dị nên đã bỏ Hà Nội, chọn làng Mộc Thượng Đình, sống cảnh điền viên, chí thú. Hằng ngày bố vẫn đi làm Sở Tài Chánh Hà Nội bằng xe đạp. Anh Khánh ham học tiếng Nhật,

thích phiêu lưu nên đi lính Nhật ở Sài Gòn. Trông anh rất “yêng hùng” trong bộ quân phục Nhật với kiếm dài gần chạm đất. Những lần về thăm nhà, anh thích thú dạy các em nói những tiếng chào hỏi thông thường của người Nhật.

Hai năm sau mẹ sinh em Vân ở nhà thương Thanh Xuân, giữa làng Mọc và Hà Đông. Biệt Thự Văn Khôi cũng được tu bổ thật tiện nghi, trang hoàng đẹp đẽ. Chúng tôi đã có những tháng năm thần tiên nhất trong đời tại làng Mọc nhỏ bé, thơ mộng này. Tuy nhiên, Hà Nội vẫn lôi cuốn mãnh liệt. Nhất là sau khi chị Nguyệt lấy chồng, về làm dâu nhà họ Vũ ở Phố Lãn Ông. Chị Tâm, chị Phương, em Vân và tôi buồn nhớ chị Nguyệt đến ngẩn ngơ, thần thờ. Mỗi lần được ra Hà Nội chơi, chúng tôi vui mừng hơn cả đi chợ Tết.

Thế rồi, Nhật đầu hàng ngày 15 tháng 8, 1945 sau khi hai quả bom nguyên tử của Mỹ nổ tan rụi hai thành phố Hiroshima và Nagasaki. Ngày 19 tháng 8, 1945 Việt Minh cướp chính quyền. Ông Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập.

Hà Nội giăng đèn kết hoa, lồng đèn muôn màu, muôn sắc. Hà Nội tung bùng, náo nhiệt. Bánh nướng, bánh dẻo đầy ắp các tiệm hàng. Các bà, các cô học trò xưa của bà nội được dịp đua nhau trở tài khéo léo, tía cắt những trái đu đủ xanh, nhuộm đủ màu thành những bông hoa trà, hoa hồng, hoa cúc và gắn vào chậu cây trông không khác gì hoa thật. Những múi bưởi được bóc lộn ra, tài tình kết thành những con chó bông trắng muốt hay muốt hồng xinh đẹp.

Xe hoa rầm rộ, cờ đỏ sao vàng ngợp trời, biển người bông bột, hăng say tràn ngập phố phường từ chợ Đồng Xuân qua Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Đào, bờ hồ Hoàn Kiếm. Chị Tâm, chị Phương và tôi đã nắm chặt tay các anh chị lớn cho khỏi lạc để đi theo đoàn biểu tình khổng lồ đó tới Âu Trĩ Viên. Văn, con trai chú thím Hai và anh

Khánh phải thay nhau bế cô bé Dung lên để cô bé được trông thấy người ta ca hát, hô hào khẩu hiệu vang trời vào loa phóng thanh:

- Việt Nam độc lập muôn năm!
- Ngày 19 Tháng Tám muôn năm!
- Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng...

Các anh chị xin phép bố cho chúng tôi nhập đoàn nhi đồng khu Phố Chả Cá nhưng không được. Bố cấm chúng tôi hát những bài ca tụng, *Nhớ Nhung Bác Hồ*. Bố không ưa ông già đó và vẫn thường nhắc lại:

- Ta biết ngay mà, Việt Minh là Cộng Sản trá hình từ đầu. Gương Cộng Sản Nga, Tàu đấy. Chỉ những đứa trẻ người, non dạ mới nghe theo. Không tên Cộng Sản nào bị được ta.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn được phép đi chơi Hà Nội thường hơn và ở lại nhà chú thím Hai, tiệm bánh mứt Xuân Ký. Một trong những thứ mứt thím Hai làm bán là mứt sen. Từng gánh sen được chở tới chất đầy nhà. Nhụy sen để ướp trà. Hạt sen phơi khô làm mứt. Lá sen gói bánh cốm. Chúng tôi ăn hạt sen non thỏa thuê, chơi nhảy chui, nhảy dúi mê man trong đồng cánh sen hồng tươi, thơm ngát, cao ngập đầu người, êm ái như nệm Hồng Kông của bố mẹ. Không thời gian nào Hà Nội vui như vậy. Tôi được anh Khánh, Văn dắt đi chơi, lượn lờ những người đẹp các phố xung quanh... Chị Kim có lối nói thơ mộng văn chương như viết truyện và thường khen tôi:

- Dung xinh xắn, khẩu khỉnh như con chó Nhật Bản, nên ai cũng thích đưa Dung đi rước đèn.

Con chó Nhật Bản đó “tha hồ” được ăn bánh kẹo, ô mai Hàng Đường, Hàng Ngang. Chị Kim, chị Nguyệt cũng thích đưa chúng tôi thả bộ bờ hồ Hoàn Kiếm ngắm những gánh hàng hoa hay ăn kem chanh, kem dừa trên sân nhà Thủy Tạ

thanh lịch. Gió mát hây hây như ở một nơi nghỉ hè nào rất lý tưởng của những kẻ phương Tây thèm muốn thuộc địa.

Những ngày vui đó thật ngắn ngủi, chỉ vài tháng sau khi em Hà ra đời, vào một đêm đông cuối năm 1946, Việt Minh phá nhà máy điện Hà Nội, nổ súng chống lại sự lấn át và mưu toan đô hộ trở lại của quân Pháp. Người dân phải đào hầm, đục vách từ nhà nọ sang nhà kia để di chuyển và trốn tránh những cuộc giao tranh ác liệt hay tìm đường chạy ra khỏi thành phố. Gặp quân Pháp, người Hà Nội có thể bị nghi là Tự Vệ thành và bị bắn bỏ. Gặp Việt Minh, dân lành có thể bị nghi là Việt gian làm chỉ điểm cho quân Pháp và cũng bị bịt mắt đem đi xử tử. Người ta kể trên cầu Long Biên quân Pháp tuần tiểu, lia súng bắn vào tất cả những tiếng động và dấu hiệu khả nghi. Có những bà mẹ phải bóp mũi con đang khóc đến chết ngạt để cứu cả đoàn người chui trốn dưới gầm cầu.

Thật kinh hoàng! Suốt phần đời trên quê hương tan nát vì loạn lạc triền miên, tôi may mắn không bao giờ phải sống “giáp lá cà” với những cảnh khủng khiếp ấy. Tôi luôn luôn biết ơn Thượng Đế đã che chở gia đình chúng tôi đi bên vạt nước nổi trôi.

Trước ngày chiến tranh Việt Minh-Pháp bùng nổ, anh Khánh đòi ra Hà Nội. Bố ngạc nhiên hỏi:

- Tình hình lộn xộn đến nơi, anh ra Hà Nội làm chi?
- Con muốn đi cắt tóc.

Mẹ rên lên:

- Trời đất ơi! Thì anh đi cắt tóc tạm ở Cầu Mới hay Ngã Tư Sở được không? Súng đã lẹt đẹt nổ khắp nơi rồi.

Anh Khánh khôi hài:

- Cắt tóc ở Cầu Mới, Ngã Tư Sở như thằng nhỏ Thương sao? Bố, mẹ yên trí, con sẽ coi chừng chuyện đụng độ.

Đúng thế, anh Khánh không thể mang kiểu tóc hai tầng của nhỏ Thương. Một tầng thẳng băng xà xuống trán. Một tầng ngắn tọc da gáy, trắng hếu đến mang tai. Công tử Khánh bảnh trai, cao 1 thước 77 phân, nhất định ra Hà Nội cắt tóc, chải tэм hai bên tai, bôi dầu bóng nhẫy đến “ruồi cũng phải trượt chân ngã”, “một kếng” thời đó. Sau này, mỗi khi xem phim của tài tử Mỹ Alan Ladd, tôi lại nhớ tới anh Khánh của chúng tôi vì anh có nét mặt và kiểu tóc giống tài tử Mỹ này.

Ngày ấy chẳng may anh Khánh bị Việt Minh bắt trước khi vào tới Hà Nội và bị bịt mắt đưa về làng Khương Thượng. Anh sắp sửa bị xử bắn thì xe tăng, máy bay Pháp ào tới bố ráp, Việt Minh bỏ chạy tán loạn, anh Khánh thoát về làng Mọc Thượng Đình. Nhưng bố đã đưa chúng tôi tản cư qua Hà Đông đến làng So, gần Chùa Thầy cách Hà Nội độ ba chục cây số và tá túc tại nơi đó một thời gian 5, 6 tháng. Chúng tôi có cảm tưởng dài như 5, 6 năm.

Cho đến một đêm trời trong, mây cao, bố leo lên đỉnh núi và trông thấy hướng Hà Nội sáng như trăng sao. Bố vội vàng xuống núi về nhà thì thăm với mẹ:

- Đền Hà Nội đã sáng. Nhà máy điện Hà Nội đã làm việc trở lại. Hà Nội đã hết chiến tranh. Mình nên thu xếp về ngay. Bộ đội đã tới đây làng này rồi. Pháp sẽ tấn công đây nay mai thôi.

Cách vài ngày sau, bố mẹ thuê người gánh đồ đạc cho gia đình, lên trở về làng Mọc. Nhà chúng tôi đã bị càn quét trống trơn không còn một mảnh đồ đạc. Những đồ xưa quý giá chôn vùi trong vườn bị người ta đào lên lấy hết. Nơi đây không còn an ninh nữa. Ban ngày quân Pháp đến bắt bố tra tấn đàn ông, hăm hiếp đàn bà. Ban đêm cán bộ Việt Minh về bắt người dân đi biệt tích. Vì tính mạng gia đình, bố quyết định đưa ngay chúng tôi trở lại Hà Nội không do dự, không

dám lưu luyến ngôi biệt thự xinh đẹp với những năm hạnh phúc êm đềm. Mẹ vẫn thường nói:

- Bố đã đưa dắt gia đình mình chạy Việt Minh như người ta chạy trước con nước lụt.

Về Hà Nội, bố trở lại làm việc tại sở Tài Chánh cũ. Với hai bàn tay trắng, bố mẹ thuê một căn nhà rất khiêm nhường với hai phòng thông thống, trên Phố Hoè Nhai chạy ngang qua Hàng Than, gần đề Yên Phụ.

Thời gian đầu mới hồi cư, 1947, nước uống, thực phẩm còn thật khan hiếm. Chị Tâm, chị Phương phải đi tìm nước còn lại trong vại bể các nhà hàng xóm để đem về dùng. Phố xá, nhà cửa Hà Nội còn bỏ trống rất nhiều. Chợ chưa họp, cửa tiệm chưa mở. Hai chị cũng phải đi lĩnh thực phẩm tại những cơ sở tiếp tế của quân đội Pháp, thịt hộp, cá hộp, trái cây hộp, cá khô mặn như muối, cứng như đá, trước khi ăn phải ngâm nước cả mấy ngày mới nhai nổi. Dầu “olive” nguyên chất thay cho mỡ xào rán món ăn Việt Nam khét lẹt. Ngày nay, cứ mỗi lần dùng thứ dầu đó để chiên hành, tỏi, nấu món ăn Âu Mỹ, mùi vị này lại gợi tôi nhớ cảnh Hà Nội thời 1947, thiếu thốn, tan hoang.

Nhưng rồi Hà Nội trở lại sầm uất rất nhanh chóng. Người tản cư lục tục hồi cư. Gia đình chú thím Hai Hương, anh Khánh, Thịnh, Vượng, bác cả Vinh về ở chung với chúng tôi trong hai căn phòng thuê đó. Chú thím Hai không thuê lại được tiệm bánh Xuân Ký cũ. Vợ con bác Cả Vinh còn ở Việt Bắc. Ngôi nhà của ông tại làng Mọc Thượng Đình, rộng rãi, khang trang nhưng mái tranh, vách rạ đã bị cháy rụi trong chiến dịch tiêu thổ kháng chiến của Việt Minh. Thịnh, Vượng, con cô Mạc, em ruột mẹ, đã lớn không muốn về ở với gia đình mẹ và cha dượng. Nên bố mẹ tôi phải gánh vác

tất cả họ hàng. May mắn, có một gia đình người Hoa ở căn gác bên cạnh dọn đi nên gia đình 14 người lại được cả hai gian gác lớn. Nhà cửa chật chội, ông bà vẫn thường an ủi các con, “ở tạm thôi.” Tuy vậy, chúng tôi đã phải ở chỗ đó tới gần bảy năm.

Tôi được mẹ đưa đi xin học lớp mẫu giáo trường tiểu học Thanh Quan. Trường mang tên nữ sĩ lỗi lạc đầu thế kỷ 19, bà Huyện Thanh Quan, một trong những danh nhân của Hà Nội. Bà có những bài thơ Đường luật tuyệt tác như *Thăng Long Thành Hoài Cổ*, *Chùa Trấn Bắc*, *Chiều Hôm Nhớ Nhà*.

Tôi phải học chung với những cô bé còn đang học ABC “dắt dê đi ị”. Vài tuần sau bà giáo thấy tôi viết và đọc khá hơn các cô bé khác, cho tôi lên lớp Năm. Mới nhập học tôi còn được mẹ cho mặc áo đầm. Năm sau, bố bắt tôi mặc áo dài. Ông nói:

- Con gái Việt, học trường Việt phải mặc quần áo Việt, không mặc đầm đĩa lẫn với mấy đứa con lai.

Anh chị tôi không đồng ý:

- Tiếc quá, con bé Dung mặc váy đầm thật đáng yêu mà ông bố không cho nhỉ!

Thấy những cô bé cùng tuổi khác mặc đầm xinh đẹp, tôi đã phụng phịu buồn một thời gian. Mẹ tôi khuyên nhủ:

- Tây say đây đường. Con gái mặc đầm hở chân, hở cẳng, chúng hay đuổi bắt lăm đấy. Mẹ mình nữa, cũng hay đi bắt mấy đứa bé kháu khỉnh.

Lời nói của mẹ có hiệu lực tức khắc, tôi không còn dám đòi mặc đồ đầm nữa. Thực vậy, cứ chập choạng tối, chúng tôi phải về ngồi kín trong nhà. Then gỗ thật lớn, gài cửa thật chặt. Mỗi khi nghe tiếng Tây xì xồ, người la hét, súng nổ lẹt đẹt từ đầu phố đã phải vội vàng tắt đèn tối thui, lấy bàn ghế chặn thêm vào cửa và giữ tuyệt đối im lặng như nhà bỏ trống không người ở. Chờ cho lính Tây say đi xa chúng tôi mới

dám cử động. Kinh nghiệm sống dưới chế độ thực dân đến với tôi từ những hình ảnh hồi hộp, đầy đe dọa này.

Có lần giữa ban ngày, tôi đưa nhỏ Đắc mẹ mới mượn đi mua cà phê xay Martin cho bố. Lúc về chúng tôi gặp Tây say khi đi ngang qua tiệm nhầy ở đầu Phố Nhà Thương Khách và Quan Thánh. Tôi quỳnh quáng chạy, ngã dúm, ngã dụi, tuột cả dép. Đắc vợ vội chiếc dép và cồng xóc cô chủ nhỏ lên lưng chạy một mạch. Khi tôi hoàn hồn, chợt mắc cỡ thấy mình đang ở trên lưng nhỏ Đắc. Tôi đâm thùm thụp vào lưng nó, đòi tuột xuống trước khi tới ngã năm đông đúc Hàng Than. Từ đó, Đắc đã biết chỗ mua cà phê, tôi không phải đi với nó qua cái “nhà nhầy đầm” đầy Tây say rượu đó nữa.

Năm học lớp tư, tôi bắt đầu biết làm quen bạn bè trong lớp, ngoài phố. Cô bạn đầu tiên tôi thân là Vũ Ngọc Diệp nhà ở góc Hàng Than và Phố Nhà Thương Khách. Con phố mang tên Hàng Than nhưng tôi không thấy nhà nào bán than ngoài nhà Diệp và nhà hàng xóm bên cạnh xay than, trộn than, nắm than chất đầy một sân. Chị em chúng tôi cứ tưởng là xưởng bán than, sau này được biết họ làm than cho tiệm phở mà gia đình họ làm chủ.

Cửa hàng tạp hóa của bà Cả Lan, mẹ Diệp còn có củi, mắm muối, gạo đường, dầu mỡ, kẹo bánh, kim chỉ, lược gương, cao dán, dầu cù là... Có một điều khôi hài, bà Cả Lan béo mập bao nhiêu thì ông Cả Lan gầy ốm bấy nhiêu.

Tôi thường hớn hờ được mẹ sai đi mua mấy thứ lật vặt ở tiệm bà Cả Lan, và chỉ mong Diệp bán hàng và rủ tôi lên gác thượng chơi. Nhà Diệp cũng có ba tầng, tuy không lớn bằng ngôi nhà ngày xưa của chúng tôi ở Phố Chả Cá, nhưng tôi vẫn thích được lên sân thượng nhìn ra ba phía. Giá đằng trước không có hai ngôi nhà đồ sộ Phạm Bá Quát và tòa báo Thời Sự, chúng tôi có thể nhìn qua đê Yên Phụ sang Gia

Lâm bên kia sông Hồng. Những lần không gặp Diệp ở cửa hàng, tôi muốn hỏi bà Cả Lan hay chị Chi của Diệp. Nhưng mua xong thực phẩm cho mẹ, tôi chỉ lúi rúi, buồn thiu đi về, mất dịp lên gác cao chơi với cô bạn nhỏ.

Tuy chăm học, nhiều khi tôi vẫn không thuộc bài, bị điểm không hoàn, đã khiến tôi có tật rất run sợ phải đọc bài trước bà giáo từ thuở bé loắt choắt đó. Cho đến gần hết niên học tôi mới khám phá rằng tôi không biết đọc thời khóa biểu. Bài nào vừa được chép tại lớp tôi cũng về nhà học thuộc ngay. Nhưng ngày hôm sau bài đó không được hỏi tới. Bà giáo hỏi bài khác mà tôi đã học từ tuần trước và quên biến hết hoặc chỉ còn nhớ loáng thoáng.

Qua nghỉ hè rồi đến khai trường tôi vẫn được lên lớp. Tôi ngạc nhiên Diệp không được học cùng lớp với tôi. Ngay thơ, tôi xin bà giáo cho sang học lớp Diệp. Bà giáo bằng lòng ngay. Một cô học trò lớn tòng ngồng đang khóc thút thít vì bị “đúp” được thay tôi học lớp kia. Vài ngày sau tôi mới hiểu đã xin học lại lớp cũ. Tôi giấu nhem chuyện này, chỉ nói với bố mẹ, tôi bị ở lại. Cậu út Khoa vừa mới sinh nên bố mẹ vui mừng, bận rộn, không trách mắng tôi dốt bị học “đúp”.

Từ năm ở lại lớp tư đó, tôi học giỏi hẳn lên, xuất sắc vượt bậc, luôn luôn nhất nhì trong lớp. Những bài đức dục dạy chúng tôi phải biết ơn thầy giáo, vâng lời, lễ phép với ông bà cha mẹ, yêu mến anh chị em, “thương người như thể thương thân”... Những bài công dân giáo dục dạy chúng tôi chăm chỉ học hành, mai sau thành tài giúp nhà, giúp nước... Những bài địa dư cho chúng tôi thấy đất nước Việt Nam phì nhiêu, nhiều nguồn lợi và đẹp như gấm vóc. Những bài sử ký cho chúng tôi biết những trang sử vẻ vang hay nhục nhằn của tổ quốc, gọi chúng tôi lòng kính phục những vị anh hùng dân tộc... Những biểu ngữ treo trên tường, *Chăm học là yêu nước, Nước Nam*

của người Việt Nam, Đoàn Kết là sống, chia rẽ là chết, đã làm chúng tôi phấn khởi hăng say học hành.

Bỗng nhiên một ngày, những biểu ngữ đó biến hết, tường lớp trống trơn. Nha Học Chính đưa lệnh xuống cấm chỉ không được treo. Tôi đã nghĩ, thật vô lý. Nhưng chính phủ bảo hộ không vô lý chút nào. Người ta sợ lòng yêu nước của giới thanh niên, tương lai Việt Nam theo nhau chống lại chế độ thực dân Pháp.

Mùa hè đến, chúng tôi được nghỉ ba tháng rong chơi như chim non chạy nhảy ríu rít trong vườn. Mặc bố mẹ lo âu việc nhà, vận nước. Tôi được chị Tâm thuê xe đạp con nít và tập cho đi. Ngã xấp, ngã ngửa, ngã chày cả mặt mũi chân tay, tôi vẫn mê man tập cho bằng được. Tiền mẹ cho ăn quà, tôi trả tiệm cho thuê xe đạp hết. Diệp cũng nhập cuộc.

Ngày nào sau bữa cơm chiều, khi trời vừa tắt nắng, dịu mát hơn, hai đứa cũng rủ nhau đi thuê xe đạp chạy lượn vòng các phố quanh nhà. Chúng tôi có thể đạp xe như bay qua nhà Ngô Thúy Ái, Trịnh Thị Diễm đối diện chùa Hòe Nhại và dễ dàng leo dốc Hàng Than thoải thoải qua tiệm bánh cốm Nguyên Ninh, nhà Ngọc Phụng, lên đồi Yên Phụ. Trước cửa ngôi đền âm u nơi đây có mấy cây hoàng lan xum xê, ma quái. Chúng tôi hay ngừng xe nhặt hoa rụng bỏ túi áo, giả nước hoa thơm ngát đến mấy ngày.

Nhưng, dốc Hòe Nhại đầy ổ gà và thẳng ngược, chúng tôi không thể lên nổi. Những người đi xích-lô phải xuống xe leo bộ. Phu xích lô phải gò lưng đẩy xe lên mặt đồi. Từ ban-công, tôi đã từng thấy nhiều xe liều mạng xuống dốc “không phanh”. Khi họ còn ở đầu dốc tôi đã bắt đầu lo ngại, cầu nguyện: “Lạy trời cho xe dừng đỗ, cho họ dừng ngã.” Song, lời nguyện cầu của tôi thường không được đáp ứng. Đến giữa dốc, người với xe vẫn ngã chổng kèn. Hàng hóa lăn lông

lốc. Chân tay gãy gập. Tôi vừa thương hại họ vừa không nhìn được cười. Cười ra nước mắt, tội nghiệp đám người vất vả lao động, buôn bán tần tảo ngược xuôi vẫn gặp tai nạn.

Anh chị em chúng tôi thích ra ban-công những buổi sáng sớm hay chiều xuống, hóng gió mát từ sông Hồng đưa về. Những ngày rằm, mùng một, những ngày lễ tết càng thích thú hơn được xem thiện nam tín nữ, sư sãi tề lễ, chiêm trống linh đình trong sân chùa Hòe Nhai bên kia đường.

Chùa rất cổ, được xây cất từ thời Lý Thái Tông (1023-1072), ông vua hay nằm mơ thấy Phật. Sau mỗi giấc mơ, một ngôi chùa lại được xây lên, trong số đó có chùa Hòe Nhai. Sở dĩ chùa có tên đó vì được xây trên con đường mang cùng tên. Tương truyền rằng thời nhà Lý, vua đã bắt triều thần mỗi người phải trồng một cây hòe trước cửa nhà từ hoàng thành ra đến Đông Bộ Đầu tức bến Đông. Vì thế, con đường mang tên Hòe Nhai. Hòe là một loại cây lớn, tán lá rộng, hoa màu vàng, quả đẹp và dài, hạt làm vị thuốc. Trong chùa còn nhiều bia đá. Một bia cổ nhất đã ghi rõ vị trí chùa ở phường Hòe Nhai tại Đông Bộ Đầu, nơi quân nhà Trần lần thứ nhất đã chiến thắng đánh đuổi quân Mông Cổ về Tàu, giải phóng kinh thành Thăng Long, 21 tháng Giêng, năm 1258.

Thực ra, khi còn cư ngụ trên Phố Hòe Nhai (có thời được gọi là Hòa Giai), gần gần chẳng có một bóng cây hòe, chỉ thấy vĩa hè, cột đèn xi măng, đường nhựa trơn trượt, tôi không để ý về lịch sử của chùa và tên phố. Khi viết tới đây, tôi biết rằng cái tên cổ kính Hòe Nhai này mang một điển tích gì. Tôi đã tra khảo được cội gốc cây hòe và biết được thời niên xây dựng của ngôi chùa. Song, không biết chùa mang tên đường hay đường mang tên chùa. Sau gần 40 năm xa cách, tôi đã liên lạc được với Ngọc Diệp, người bạn cũ ở Hàng Than ngày xưa và được biết thêm những chi tiết quý báu trên. Cám ơn bạn thân mến!

Trở lại chùa Hòe Nhai thuở tôi mới lớn. Một ngày chị Tâm nhận ra có ông sư thường nhìn chị chăm chăm khiến chị xấu hổ phải lùi vào trong nhà, khép cửa lại. Thậm chí có nhiều lần ông sư đặt xôi, oản, chuối, đu đủ... trên bờ tường nhà chùa và vẩy tay ra hiệu cho chị Tâm sang lấy. Sư chỉ làm vậy khi có một mình chị ngoài ban-công. Thấy một lũ chúng tôi uà ra, sư đỏ mặt tía tai, lẩn nhanh sau dãy nhà trai. Anh Khánh xui chị Tâm:

- Tâm sang lấy lộc nhà chùa đi cho anh em ăn ké với. Được ăn lộc, phúc đức lắm đấy.

Văn, ông em họ con chú Hai cũng nói khích:

- Oản trông có vẻ còn dẻo, chuối hình như còn tươi, đu đủ vàng ương thế kia chắc thơm ngon lắm!

Chị Tâm đã đến tuổi dậy thì, lắc đầu quầy quậy:

- Chịu thôi, Tâm chẳng sang lấy đâu. Ăn làm gì.

Nếu tường chùa Hòe Nhai thấp một chút nữa tôi đã hăng hái chạy qua con đường nhỏ hẹp và nhảy lên ôm lộc về. Anh Khánh tuy đã có vợ rồi, vẫn chưa hết nghịch ngợm và chúa đầu tiên trong nhà. Anh bàn rằng:

- Các em canh chừng nhé, khi nào thấy sư đi vào thì gọi anh. Anh sẽ sang lấy lộc. Lúc đó đừng ai xin ăn nhe!

Chỉ một cái với anh Khánh có một ôm xôi oản, trái cây đem về. Đúng vậy, chúng tôi để anh và Văn “tha hồ” ăn, không cô con gái nào dám đụng tới lễ vật của nhà chùa vì xấu hổ, nghi sư có tình ý gì. Tuy nhiên, chỉ được vài lần, ông sư không để lộc cho hai ông cháu cụ Huân “sơi” hoài nữa.

Ngày khai trường năm sau, may mắn tôi và Diệp cùng được lên lớp ba của cô giáo Trịnh Thị Tiến. Cô bạn nhỏ Ngọc Diệp được bà Cả Lan thưởng cho mấy món nữ trang

đeo lỏng lẻo. Chị Tâm, chị Phương và tôi cũng vừa được bà nội khâu lỗ tai bằng cái kim khâu đốt qua lửa với sợi chỉ. Hồi xưa không có máy bấm lỗ tai dễ dàng, vệ sinh như bây giờ. Và dù rằng bố không thích phương pháp thô sơ, dễ gây độc cho vết thương kia, bà nội vẫn tiếp tục bào chữa ý kiến của bà: “Con gái thì phải có lỗ tai. Đeo hoa tai mới rõ ra con gái đẹp đẽ, duyên dáng được.” Nên một hôm bố vắng nhà, bà nội lén khâu lỗ tai cho cả ba chị em chúng tôi.

Sau vài tuần chảy máu, sưng mủ, lỗ tai đã lành tôi năn nỉ mẹ cho mượn đôi hoa tai vàng, mặt ngọc và hí hửng đeo đi học. Song, tôi bị cụt hứng ngay. Cô giáo Tiến gọi tôi lên bàn nói nhỏ:

- Em còn bé, không nên đeo nữ trang thật, người ta cướp giật thì đứt tai đấy. Nếu em thích thì nói với mẹ mua đồ giả cho đeo cũng đẹp vậy.

Tôi lí nhí vâng dạ. Ảnh hưởng những bài giáo dục, luân lý của nhà trường, học trò kính sợ, vâng lời thầy hơn cha mẹ. Từ đó, tôi chẳng đòi đeo nữ trang thật, hay giả. Tôi chỉ giữ lỗ tai bằng một đốt cỏi chiếu nhỏ.

Những học sinh tôi mới quen biết có Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Thảo và tôi trở nên thân nhau mau chóng. Tôi vui mừng, Thảo cao hơn tôi, học rất giỏi. Nhiều cô to con lại học dốt, thấy tôi gầy còm, nhỏ bé lại học giỏi nên thường nghênh ngang, khiêu khích. Từ khi tôi thân với Thảo, các cô không dám đến gần trêu chọc. Tôi được xếp ngồi đầu bàn nhất. Thảo ngồi đầu bàn nhì. Tôi xin cô giáo cho tôi được đổi xuống ngồi bên trong, cạnh Thảo cho có vẻ thân hơn với bạn để các cô khác ngán thêm.

Thay phiên Thảo luôn luôn xếp hạng nhất, hạng nhì trong lớp nên tôi được bố mẹ mua cho cái xe đạp mới, nhỏ, màu đỏ xinh xắn. Tuy nhiên, tôi vẫn đi bộ đến trường trên đường

Hàng Cót, cách nhà Thảo hai phố ngắn. Xe đạp mới chỉ để đi chơi.

Có những buổi sáng sớm cuối tuần, trời còn mát hơi sương, bố mẹ đưa chị em chúng tôi đi Hồ Tây ăn phở. Bố và tôi đi xe đạp. Mẹ, em Vân, em Hà ngồi xích-lô. Chúng tôi đi theo Phố Nguyễn Trường Tộ, rẽ qua Phố Quan Thánh, rồi ngừng lại gánh hàng phở bên bờ Hồ Tây, đầu đường Cổ Ngự, trước đền Quan Thánh. Chúng tôi được ăn những bát phở thơm nóng toát mồ hôi trong gió hồ lồng lộng mát. Bố chỉ tay qua mặt hồ nói:

- Con có thấy dải mây xanh trên hàng cây xa xa kia không?

- Vâng, con có thấy.

- Trông giống như mây, nhưng không phải mây đâu. Rặng núi Ba Vì đấy. Núi non trông xa như mây xanh. Bố đã vài lần đi săn nơi ấy, phong cảnh đẹp lắm. Thời buổi này còn lâu mới đi chơi được như xưa. Việt Minh và Pháp đang đánh nhau lớn ở vùng ấy.

Bố kết thúc câu nói với một tiếng thở dài lo âu. Đúng vậy, phong cảnh đẹp, xa gần còn nhiều lắm. Nhưng chiến tranh vây quanh thành phố. Tôi không có dịp biết nơi nào hơn ngoài Hà Nội, Hà Đông.

Người phu xe xích lô đợi cho chúng tôi ăn xong chờ mẹ và em Vân, Hà về. Bố dẫn chúng tôi đi đường Cổ Ngự, dê Yên Phụ. Cầu Long Biên in trên nền trời nắng chói. Những nhịp cầu sắt như con rồng uốn khúc uyển chuyển bò qua sông Hồng. Tôi cũng chưa bao giờ có dịp đi trên cây cầu lịch sử này, chỉ nghe biết bên kia sông có trường bay Gia Lâm to nhất Bắc Phần. Làng Thanh Trì nổi tiếng bánh cuốn. Làng Bát Tràng được nghe nhiều qua câu phong dao thật tình tứ:

Trên trời có đám mây xanh,

Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.

*Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.*

Nếu còn ở làng Mộc Thượng Đình, chúng tôi đã có rất nhiều cầu ao thơ mộng, bậc gạch bát tràng đỏ như son để rửa chân. Nhưng trong hai căn gác vừa chật chội vừa thiếu vệ sinh này, chúng tôi không ai hài lòng.

Cái sân dưới nhà cống rãnh đen ngòm. Những lúc sân vắng, dù thanh thiên bạch nhật, từng tiểu đội chuột cống, chuột trù đi diễn binh trên sân tìm thức ăn. Hai con mèo mướp nhà tôi cũng phải sợ không dám mon men tới gần mấy anh chuột già to xù lông dữ dằn như cáo kia.

Mỗi lần phải đi cầu tiêu là cả một cực hình. Tôi thường nhắm mắt không dám nhìn xuống cái thùng phân khủng khiếp phía dưới. Nếu phải dùng cầu tiêu trước bữa ăn là một bất hạnh vô cùng. Tuần đôi lần, mấy bà nhà quê đến lấy “hàng” và kịu kịt gánh qua nhà tầng dưới của chú thím Hai. Chúng tôi ở trên lầu, may mắn không bị ngửi cái mùi khó thở kia. Tuy nhiên nếu không có thứ phân bón “nhân tạo” này, làm sao ruộng đồng miền Bắc phì nhiêu, xanh tốt được. Vì thế, gia đình chúng tôi quanh năm rửa ngâm rau sống bằng thuốc tím thật kỹ trước khi ăn.

Chúng tôi ước ao và bố mẹ cũng nghĩ tới việc sửa chữa biệt thự Văn Khôi tại làng Mộc để dọn về ở. Hàng ngày bố có thể đi làm, chúng tôi đi học bằng tàu điện rất thuận tiện nhanh chóng. Nhưng ngoại ô vẫn không an ninh, nhà đó cũng không bán được, bố mẹ làm sao mua nổi căn nhà khác ở Hà Nội. Bố làm công chức chỉ đủ chi tiêu cho gia đình, không thể dư tiền thuê hay mua nhà rộng rãi, tiện nghi hơn.

Bố có rất nhiều dịp để làm giàu. Nhiều người đã mang đến biếu bố cả bao bạc, cả gói vàng. Ông từ chối quyết liệt, không lấy của ai một đồng. Bố rất thanh liêm, thương người, không muốn ăn bớt tiền bồi thường của những cô nhi, quả phụ đã mất cha, mất chồng, mất nhà cửa, tài sản trong chiến tranh mỗi ngày thêm tàn khốc.

Có một lần, bố mẹ đi vắng, trước sự năn nỉ của người đem biếu quà, chúng tôi không biết từ chối thế nào, đã nhận. Vả chăng đó chỉ là đôi lọ chè mạn sen chẳng đáng kể. Khi về, ông bà mở ra, một lọ là chè thực, lọ kia được nhét đầy vàng lá, chúng tôi bị bố la mắng oan:

- Bố đã nói không được nhận cái gì của ai, tại sao có mấy thứ này ở đây. Những người lạ, không phải họ hàng hay bạn bè thân thuộc, đem đồ biếu tới là những người muốn trả ơn bố giúp ở sở. Nhận đồ biếu của họ là ăn hối lộ. Phải đem trả ngay.

Mẹ vội vàng gói đầy mấy bao chè và tổn tiền thêm cho chị Tâm, chị Phương đi xích-lô trả lại quà biếu. Chúng tôi không còn được sống giàu sang, nhưng luôn luôn khâm phục, kính trọng sự hy sinh, dạy bảo của bố. Ông ghét sự tham lam, ăn gian nói dối, lừa đảo, lường gạt. Bố chính trực, ngay thẳng như một cây thông cao ngạo đứng giữa trời. Người như một vị thần hộ mệnh, che chở cho chúng tôi suốt cuộc đời.

Tuy nhiên bố tôi vẫn sống rất ung dung, phong độ, vẫn tổ tôm, tài bàn, thuốc lá, cà phê khê khà, quần vợt một đôi khi. Có điều ông bỏ cái thú đi chơi Khâm Thiên nghe cô đầu hát, tuy rằng vẫn lai rai làm thơ, ngâm vịnh một mình. Đôi khi nhớ xóm mấy cô, ông buồn tình lấy đĩa tom chát vào bàn cho đỡ nguyền.

Bà nội kể chuyện, ngày xưa đã từng kêu anh xe đưa bà lên Khâm Thiên nửa đêm để gọi bố về. Bà đường đường, bệ vệ đi

thăng vào cửa nhà cô đầu. Các bà, các cô chạy ra khúm núm cúi chào. Chẳng cần hỏi ai, bà đồng dặc gọi ông con trai:

- Anh Phán Khôi đầu, khuya rồi còn ở chơi đến bao giờ? Tôi đợi anh về một thể đây!

Bố phải ngoan ngoãn lấy xe đạp, đi theo sau xe nhà của bà nội ngay. Từ đấy ông có thêm biệt hiệu “Khôi 12 giờ”. Vì cứ chơi ở nhà hát đến mười hai giờ đêm, ông ngán bà nội lò dò tới, nên về trước là hơn.

Bà Huấn vẫn còn cái vẻ uy quyền của bà vợ ông cử, được vua vời ra làm quan. Nhưng ông Huấn mất đi rất sớm khi bà nội mới 23 tuổi, bố 3 tuổi, chú Hai 2 tuổi. Bà nội một mình, tần tảo buôn bán, ở giá nuôi hai con và đã được vua ban cho bốn chữ “Tiết Hạnh Khả Phong”. Bố rất thương nể bà nội. Nên khi vừa tốt nghiệp Trường Bưởi, ông thi đi làm ngay, mong trả ơn và để bà đỡ vất vả.

Bà Huấn đã về hưu không mở lớp dạy làm bánh, bỏ làm hoa từ lâu. Người làng Xuân Canh thường gánh gạo, nếp, đậu đến chia phần ruộng nương hương hỏa quê nội. Bà vẫn nghiêm khắc như bao giờ để con cháu phải kính sợ. Ngồi ăn cơm, chúng tôi phải cẩn thận. Một sợi rau muống lòng thông trên miệng, một hạt cơm, một giọt canh rớt ra bàn, được bà cho cái cốc đến sung trán, biếu đầu. Bà luôn luôn cho chúng tôi nghe giáo huấn ca:

- Con cái phải ăn trông nồi ngồi trông hướng. Không ăn trước người lớn. Phải mời người lớn trước khi ăn. Ăn uống cho khoan thai, nền nã. Không được vừa ăn, vừa nói chuyện ồn ào. Con gái không dịu dàng, từ tốn, lớn lên ế chồng đây!

Nếu bà nội tôi còn sống đến ngày nay và sang ở xứ Hoa Kỳ, bà sẽ rất hài lòng vì người Tây phương cũng tin rằng vừa nói, vừa nhai không lịch sự. Phải nuốt hết thức ăn rồi hãy nói. Người nghe đôi khi phải chờ đợi mấy phút mới được câu trả lời.

Một cực hình tôi vẫn phải tuân lệnh, đưa bà Huấn đi đánh tổ tôm, tài bàn với mấy bà bạn già bên Phố Bùi Viện. Bà nội ở đấy chơi đến chiều và một cô cháu nào khác sẽ phải đón bà về. Vào ngày nghỉ học, đôi khi tôi phải ở lại chia bài cho “hội cao niên” của các cụ. Tuy được thưởng vài đồng, tôi nào có ham, không dám cưỡng lời đó thôi. Bà Huấn còn rất khỏe mạnh, không đau chân, đau cổ, đau ốm bao giờ, nhưng bà đi rất chậm như đếm từng nửa viên gạch. Lần nào đưa bà đi đánh bài tôi cũng bị bà mắng, véo tay hay giật vạt áo lôi lại vì cái tội lơ đãng dám đi trước bà một hai bước:

- Con gái, con đũa, cháu đi trước bà là vô lễ, không biết kính trọng người già cả. Ai muốn đi hỏi về làm dâu?

Cho đến nay tôi vẫn nghĩ bà nội nói đúng. Tôi muốn vâng lời tuy bà đã về chầu trời từ lâu lắm rồi. Nhưng cái tật nôn nóng muốn đi “hĩa bầy dậm” cho kịp con thoi thời gian, muốn đi trước xã hội, đi nhanh hơn cuộc đời, tôi cứ quên lời bà hoài hoài, mặc lời thị phi.

Từ nhà chúng tôi qua chỗ bà nội thường chơi bài có hai đoạn phố ngắn. Tôi phải đi với bà gần nửa giờ. Có điều an ủi, được dịp qua Trường Tiểu Học Hàng Than và phải đi chậm theo bà nên tôi rất thú vị nhìn thấy những cảnh khôi hài. Con trai học trò quần soọc xanh, áo sơ-mi trắng, tay ngắn khăng khiu, lấm nhem mực xanh, mực tím, Đám đánh đáo, đánh đinh, chơi bi rất thần tình, rất gay cấn, đôi khi đến độ ứnh nhau toi bời, “văng tục lên tận ngọn cây”. Đám cặp sách kẹp giữa hai căng cây sậy, nhòm nhòm tham ăn bên những hàng bánh tôm, mỡ rán sèo sèo. Đám xì xụp húp dấm chua bên hàng thịt bò khô, tiếng kéo tanh tách không ngừng. Thật thích mắt, vui tai.

Những hàng quà ấy không bán trước cửa trường Thanh Quan của tôi. Có lẽ vì con gái thường e lệ không dám đứng

đường ăn, có chăng chỉ vài miếng ô mai, vài quả táo dầm hay vài cái kẹo bánh nhỏ có thể vừa ăn vừa giấu trong cặp sách. Quả thật, tôi đã ứa nước miếng khi đi ngang qua hàng đu đủ thịt bò khô. Lần đầu tiên bắt gặp chị em chúng tôi đang ăn món này của người bán dạo qua nhà, bố la mắng:

- Các con biết không, người ta phơi thịt bò ở ngoài nắng kia kia, không che đậy gì cả. Ruồi muỗi đậu từ mấy đồng phân bay qua đậu lên thịt bò. Ăn vào đau bụng dịch tả, chết sớm đấy. Mau đồ hết đi. Lần sau đũa nào ăn cái thứ mất vệ sinh này, đừng trách bố ác nhé!

Chúng tôi hiểu rằng nếu bị bắt quả tang lần nữa, bố sẽ cho chúng tôi ăn cả roi mây lần đấy. Nhưng một hôm, vợ chồng chị Kim, anh Phúc, vợ chồng chị Nguyệt, anh Uẩn về chơi. Anh chị cũng thèm và gọi hàng thịt bò khô lại cửa mua ăn. Các chị xui:

- Các em cứ ăn đi, anh chị thết. Còn sớm, ông bố đi tô tôm chưa về đâu.

Mấy ông anh cũng khuyến khích thêm:

- Để các anh canh chừng bố. Đừng lo.

Mùi vị thịt bò khô quyến rũ quá. Thôi thì một liều ba bảy cũng liều. Tuy nhiên chúng tôi vừa ăn vội vàng vừa thay nhau nhìn ra phố, canh chừng bố về bất ngờ. Quả nhiên ông về sớm thật. Chúng tôi vội lia đĩa, lia đũa vào gậm bàn, lau miệng, lau mép cho nhanh thì bố bước vào nhà. Hai ông con rể Phúc, Uẩn đơn đả ra chào hỏi, mong bố không để ý tới mùi vị dấm ớt tôi còn xực nức trong nhà. Người bán thịt bò khô còn đứng trước cửa nhìn xôn xối trước cảnh lạ lùng. Chắc bố cũng đoán lũ con lớn, con bé đang vụng trộm gì đây. Nhưng vì hai ông con rể đã đồng lõa, bố đành làm lơ, đi lên lầu. Chúng tôi thoát nạn bị quở mắng.

Tất cả anh chị em, dù sau khi lập gia đình riêng, vẫn tiếp tục tình trạng lén ăn bò khô cho tới khi cha chúng tôi qua đời.

Nếu còn sống đến ngày nay chắc ông không phải lo chúng tôi bị dịch tả vì ăn món đó. Ở bên Mỹ người ta có lò nướng, có máy điện sấy thịt, trước khi ăn, cho thịt bò khô vào *microwave oven*, mấy chục giây nóng sốt. Vi trùng nào còn sống được để truyền bệnh? Đu đủ bò khô thường xuyên đã trở thành món đãi khách được chiếu cố nhiều nhất trong những bữa tiệc họp mặt đông đảo của Việt kiều xa quê hương.

Trước cửa nhà sách Đông Phương gần trường Hàng Than có một hàng quà hấp dẫn hơn món bò khô, ăn rất gọn gàng cho con gái. Đó là món táo dầm ngọt lừ, ngọt lịm, dòn tan, dòn biến trong những cái miệng còn răng sữa. Các cô mê món này cũng như mê ăn ô mai vậy. Tiền thưởng chia bài bà nội cho, tôi chỉ mua được một gói táo dầm là tiêu tan hết.

Nếu mùa xuân chúng tôi thích món táo dầm, mùa hè chúng tôi mê món khế dầm, xấu xanh dầm hay xấu chín dòn dốt ngọt được các cô bán hàng dùng dao sắc như nước, gọt vỏ thật mỏng, gọt cùi thành dây dài không đứt. Xong, các cô lại cuộn cùi xấu xung quanh hột như một quả còn nguyên chưa hề cắt gọt. Cô bé lên mười không có tiền mua hoài, vẫn thích thú nhìn các cô bán hàng khéo léo gọt xấu và ngắm các cô cười để lộ hàm răng hạt huyền duyên dáng.

Mùa thu tới, cốm màu ngọc bích, cốm thơm, cốm dẻo, cốm nằm từng lớp trên lá sen xanh, cốm cũng được gói bằng lá sen tươi, buộc bằng lạt lúa dài. Hương cốm, hương sen thơm ngát phố phường. Cốm đem vào Hà Nội hương đồng, cỏ nội ngọt ngào từ làng Vòng và các vùng quê mộc mạc lân cận. Trên miền đất Hiệp Chúng Quốc này, người xa Hà Nội chỉ có thể tìm mua cốm khô làm bánh cốm như hiệu Nguyên Ninh trên dốc Hàng Than; hiệu An Ninh giữa phố và góc đường đi lên Bến Nứa trên đê Yên Phụ; hiệu Ngọc Chân đầu

phố gần Nhà Máy Nước Tròn, vườn hoa Hàng Đậu. Nhưng tôi không thích món bánh cốm vô duyên này.

Tôi mong ngày nào đó về thăm Hà Nội vào mùa Thu, hội ngộ cùng cốm nguyên trình, nguyên thủy. Hay, cốm làng Vòng sẽ theo Federal Express, UPS, những hãng gửi thư từ, hàng hóa cấp tốc, cốm sẽ bay sang đây thăm tôi bên trời Hoa Thịnh Đốn nhĩ? Và, đến bao giờ Ngọc Diệp của Hà Nội có thể “Fax” cốm thẳng đến nhà tôi ở tiểu bang *Virginia is For Lovers*?

Nói về các hàng quà, Hàng Than và Phố Hòe Nhai chiếm kỷ lục nhiều nhất so với các đường phố lân cận. Quanh năm, suốt tháng, từ sáng sớm tinh mơ, trước cửa nhà ba tầng Phạm Bá Quát đã la liệt hàng xôi lúa, xôi xéo, xôi đậu xanh, đậu đen... Mấy bà bán xôi rất hà tiện, dù được trả thêm năm hào cũng không cho thêm một muống hành mỡ hay vừng. Nên u già lúc nào cũng có hũ vừng rang, hũ hành phi mỡ béo trong bếp cho chúng tôi lấy ăn thêm thỏa thuê. Tuy nhiên, vẫn chưa đủ vị cho xôi lúa. Cũng như bố, chúng tôi thích ăn xôi còn nóng trộn đường và hành mỡ thật nhiều. Đường tan, đậu bùi, xôi béo, ăn hoài cũng béo luôn. Nhưng thuở con nít chưa sỡ béo tròn như hạt mít đó đã qua lâu rồi.

Nếu chúng tôi chán ăn xôi thì đã có bánh cuốn Thanh Trì của các cô gái quê khăn vuông đen mỏ quạ, áo tứ thân nâu, thắt lưng xanh, đỏ. Trông thấy các cô cũng đủ biết bánh cuốn vừa mỏng, vừa dẻo, vừa dai và đặc biệt lắm. Các cô đội bánh, rong rạo đi bán từ phố này qua phố khác chứ không cố thủ một chỗ như mấy gánh hàng xôi. Nếu xót ruột vì ăn nước mắm chanh, ớt khô, cà cuống của bánh cuốn quá nhiều, đã có gánh cháo huyết nóng hổi, dầu cháo quẩy dòn tan, đang đậu trước cửa hiệu tạp hóa của bà Cả Lan.

Giờ đi học, đi làm, ai qua tòa báo Thời Sự đầu phố Hòe Nhại mà không hít hà mùi thơm ngào ngạt của cà-phê ô-lê, ba-tê bánh tây nướng giòn từ gánh hàng như hai cái tủ nhỏ có lò than hồng? Hương vị đặc biệt ấy bay vào khứu giác người Hà Nội và ở lại, từ những buổi sáng sớm mùa thu lành lạnh, hay mùa đông rét mướt đó.

Ở giữa Hàng Than, trước cửa nhà cậu giáo Ngô Sĩ Vân, có hàng bánh đúc, bún riêu cua, mắm tôm, chanh, ớt, rau muống chẻ, bẹ chuối non thái mỏng, không bao giờ thiếu tí tở, kinh giới. Bà Thành bán bún riêu này có người con gái cầm trắng trẻo, dễ thương. Nồi riêu lớn như cái vại, độc nhất vô nhị, óng đỏ cà chua, gạch cua vàng ngậy, già ăn trẻ lại, gái ăn đất chồng. Bún riêu của mẹ con bà Thành chỉ đến 9 hay 10 giờ sáng đã bán cạn nồi.

Nhà cậu giáo Vân hai tầng rộng lớn. Tầng đất, gian ngoài cho tiệm may thuê, gian trong cho mẹ con cô gái cầm ở nhờ giúp việc ngoài giờ bán bún riêu buổi sáng. Trên tầng gác, gian ngoài là lớp dạy học của cậu giáo, nơi tôi đã học những bài chữ Pháp đầu tiên với đám con lai đen, trắng đông đảo. Các em Vân, Hà học vần ABC vỡ lòng ở đây. Gian gác trong là tổ uyên ương của vợ chồng cậu giáo trẻ.

Thu-Cúc, vợ cậu giáo Vân, đẹp như lai và là con gái chú thím Hai. Đôi vợ chồng son vừa có con trai đầu lòng, cậu bé Ngô Sĩ Tuấn đẹp như hình bê-bê quảng cáo sà-phòng. Chúng tôi thích sang bế ẵm Tuấn và cả cậu bé Nguyễn Đức Long con Thu, Tiêu chị ruột và anh rể của Cúc ở nhà bên cạnh.

Đến mùa thi chín lại càng mê man qua chơi nhà cậu giáo Vân hơn để được ra sân sau hái thị trên cành cây xòa sang từ ngôi đền bên cạnh. Mẹ móc cho tôi những giỏ thị thật đẹp. Mất giỏ thật xít mau để những quả thị nhỏ xinh, thơm mùi mẫn không lọt mất.

*Thị ơi thị rụng giỏ nàng,
Nưng niu nàng người chứ nàng không ăn.*

Nếu câu này có phép lạ chắc chắn cô bé nào ở quanh Hàng Than cũng có mấy giỏ thị, chẳng sợ vào ngôi đền “có ma” ấy và sẽ đọc câu thần chú kia để chờ thị rơi vào giỏ.

Ở tuổi lớp tư, lớp năm ấy, chúng tôi còn có thú chơi bán hàng. Hàng của tôi là những lá mít rụng trước cửa đền Bà Đốc Thái. Tôi nhặt những chiếc lá dày màu vàng, màu đỏ thật đẹp, chùi vào quần áo cho sạch bóng và đem về nhà bày sập gụ chơi bán bánh đa. Lá đỏ là bánh đa đường. Lá vàng có chấm đen làm bánh đa vùng mặn. Một hộp diêm không, đựng mấy viên đá vụn ngoài đường làm hộp than. Một lá mít lớn nhất làm quạt.

Khách hàng của tôi là hai cô em gái Vân, Hà và em bé Khoa. Chúng tôi phồng má xì xụp làm như thổi lửa, quạt than. Tiền là giấy vở học trò được chà xát bằng bút chì xanh đỏ và cắt theo hình những đồng xu, đồng hào. Em Vân, Hà phải tập nói nghiêm trang, rành rẽ với “bà” bán bánh đa:

- Bà bán cho tôi một hào bánh đa đường.
- Bà bán cho tôi năm xu bánh đa vùng.

Hai em cũng giả bộ gặm nhai ngon lành, hí hửng. Có điều chúng tôi phải vất vả cản ngăn cậu em út ngật ngưỡng ngồi chưa vững ở bên cạnh. Cu cậu cứ đòi chộp lá mít bỏ vào miệng ăn thật sự.

Trong đền bà Đốc Thái còn có những mục lên đồng rất ngoạn mục với các bà, các ông mặc áo gấm, áo lụa đủ màu sắc sỡ. Ông đồng, bà bóng nhảy múa theo chiêng trống, châu văn tung bùng. Thoạt đầu tôi rủ cô bạn láng giềng Ngọc Diệp vào đền xem để chờ lộc. Nhưng đồng cô, bóng cậu chỉ phát lộc lớn cho ông già, bà cả đang tung hô khẩn vái và ném cho chúng tôi những đồng một xu chẳng mua được gì. Thêm

vào đó bố tôi ghét thậm tệ cái trò đồng bóng mê tín, di đoan. Ông đe cấm, nên chúng tôi cũng nản, hết hứng thú vào đền xem múa may quay cuồng.

Trước cửa hiệu hớt tóc bên cạnh nhà cậu giáo Vân có gánh phở Đính. Một gánh phở khác trước cửa tòa báo Thời Sự bên cạnh chùa Hòe Nhại. Hai hàng phở này đều rất đông khách. Đối với tôi phở của họ thơm ngon, không còn chê ở điểm nào. Nhưng bố vẫn không chịu. Ông nói rằng: “Nước dùng của phở Tráng ở góc phố Nguyễn Trường Tộ-Bùi Viện đậm đà xương thịt, đúng vị thuần túy và ngon nhất.”

Gần như sáng nào mẹ cũng tự tay bỏ một lòng đỏ trứng gà vào bát có vung đậy, có đĩa bung khói nóng và ngón tay khò nhúng vào phở. Trước khi nhỏ Đắc cầm bát đi mua phở, mẹ thường căn dặn: “Đi đến nơi về đến chốn cho mau chóng nghe chưa, để ông có phở nóng ăn đi làm không muộn!”

Tội nghiệp, Đắc cũng còn ham nghênh ngó bọn con trai cùng tuổi vui vẻ cấp sách đi học, ăn uống chơi đùa trước cửa trường Nguyễn Công Trứ. Miền quê loạn lạc, cha mẹ Đắc sợ con trai bị bắt đi lính bộ đội Việt Minh nên đã gửi nó ra Hà Nội đi ở đợ. Bố mẹ tôi khuyến khích Đắc học chữ. Những lúc rảnh rỗi, Đắc chăm chỉ lấy sách ra tập đọc, tập viết với chị em chúng tôi. Trong thời tản cư ngoài hậu phương trước đây, cũng như dân quê nhiều nơi, chúng tôi không có lớp học. Song, chúng tôi chỉ mất một, hai năm học chậm.

Nói tới phở tôi phải nhắc tới món bánh phở cuốn. Bố tôi thường sai nhỏ Đắc ra gánh hàng phở mua mấy xấp bánh tươi để nguyên miếng, mấy đồng thịt nạc chín thái mỏng, mấy ngọn húng Láng, rau mùi, vài lát chanh, vài lát ớt tươi đỏ. Vật liệu mang về giao cho mẹ. Bà cắt bánh phở ra thành miếng nhỏ bằng bàn tay, rải năm, sáu miếng thịt, vài cọng rau lên bánh phở và cuộn lại to như chiếc nem rán Hà Nội. Mẹ lấy nước mắm ngon, nguyên chất, (tuyệt đối không pha

nước lã, dấm và đường), vắt vài giọt chanh, bỏ vài lát ớt làm nước chấm. Đây là món bánh phở cuốn thịt bò nạc chín, ngon, lành, tươi, bổ, nếu Thạch Lam⁴ còn sống sẽ phải viết thêm vào tập *Hà Nội 36 Phố Phường* của ông.

Những hàng phở mà tôi biết thuở còn kẹp tóc đuôi gà đều ở quanh quần trong khu phố gần nhà. Sau khi *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* ra mắt bà con, nhiều độc giả viết thư hoặc gọi điện thoại cho Ngọc Dung và nhắc tới nhiều hàng phở nổi tiếng khác của Hà Thành trước năm 1954 trong số đó có tiệm Phở Cầu Gỗ. Chủ tiệm chẳng ai khác là gia đình cậu học trò láng giềng của chúng tôi, Nguyễn Văn Đĩnh. Hiệu phở này ở Phố Cầu Gỗ, gần Hồ Hoàn Kiếm, trung tâm thành phố, nên du khách và giới ăn chơi đêm nhất là giới nghệ sĩ thủ đô, thường lui tới.

Hình như con đường nhà tôi không lúc nào vắng hàng quà. Sáng có hàng quà sáng. Trưa lại có hàng quà trưa như bún chả, bún ốc, bún bung, món sứa tươi đỏ, cắt bằng que nứa, ăn với bún, đậu nướng vàng, rau kinh giới, mắm tôm chanh ớt. Từ ngày rời Hà Nội đã mấy chục năm nay tôi chưa thấy đâu bán món sứa rất đặc biệt này. Lại còn cái món nộm chay, chỉ có rau muống chẻ, giá trần, bánh đúc thái thành miếng nhỏ như ngón tay và trộn với nước vùng trắng. Vậy mà cũng ngon đáo để.

Chiều lại có hàng quà chiều như chả chó nướng trên hộp than hồng, thơm lừng thơm nức mùi riêng, nghệ, mẻ để chào mời người mua ăn cơm tối. Tôi có vài lần phải ăn thịt chó vì bữa cơm chẳng có món gì khác hơn. Tuy phải công nhận

4 - Thạch Lam Nguyễn Tường Lân (1910-1942): Nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, tác giả tập truyện "*Gió Đầu Mùa*" (1937), truyện dài "*Ngày Mới*" (1939), bình luận văn học "*Theo Dòng*" (1941), tùy bút "*Hà Nội 36 Phố Phường*" (1942),

món thịt chó thơm như chả cá, thịt giả cầy mẹ vẫn nấu, tôi không còn chấp nhận được món ăn đó sau mấy chục năm sinh sống ở Âu, Mỹ. Trong những tiệm bán thịt “cầy” ở Việt Nam, chó thường bị đập chết, làm thịt nấu bầy món trước mắt kinh hoàng, tuyệt vọng của những con chó khác đang bị nhốt trong cũi và chờ đến lượt bị phanh da, xẻ thịt. Vâng, chó cũng thông minh, trung thành, biết đau buồn, lo sợ như con người vậy.

Rồi đêm có hàng quà đêm như lục tào xá, chí mà phù, xực tắc... Trong đêm khuya khoắt, vắng lặng, từ phố này qua ngõ nọ vang lên âm thanh cái dùi nhỏ làm bằng cật tre khô gõ vào miếng cật tre khác lớn hơn để thay thế tiếng rao bán món mì nước và hoành thánh của người Hoa.

Vào những đêm đông giá lạnh, bố mẹ tôi thường có hứng ăn khuya, nhất là món bánh lóc bều nóng, thứ bánh cuốn nhân lạp xưởng, tôm khô với vài ngọn mùi thơm bầy mặt đĩa. Vì không muốn đánh thức và sai u già hay thằng nhỏ xuống thang qua nhà chú Hai để ra đường mua, nên bố tôi có cách rất nhanh chóng, thuận tiện. Ông buộc sợi giây gai vào quai một cái giỏ thả từ ban-công xuống hè đường với tiền. Người bán lấy tiền, để bánh vào giỏ cho bố từ từ kéo lên. Ông có vẻ thích thú cái trò chơi “kéo lưới bắt lóc bều” này hay những món khác như bánh chưng, bánh giò, lạc rang... Đôi khi thức khuya học bài, chị em chúng tôi cùng hơn hờ được ăn với bố mẹ những món quà đêm đông rét mướt, rất ấm lòng của Hà Nội ngày xa xưa ấy.

Con gái đêm khuya không được ra khỏi nhà, nên đó là những sinh hoạt qua cửa mà chúng tôi trông thấy. Tôi còn được nghe vài giai thoại lý thú xảy ra trong bóng tối xung quanh khu vực Hàng Than. Có một ông sư trong chùa Hòe Nhai thường hay kiễng chân sau bờ tường, gọi mua xực tắc. Người ta còn thấy ông mặc bộ đồ Tây, đội mũ phớt đi ra phố

những lúc trời tối. Có thể, ông là một nhân vật đảng phái bí mật hay kháng chiến đội lốt cà sa chăng?

Nếu nhà tu ăn chay còn thích xực tắc, người trần mắt thịt mê đến độ nào? Có hai chàng thiếu niên khôn lanh kia đã rủ nhau đến ngồi trước những căn nhà vắng vẻ và cởi áo, tuốt dép để bên cạnh làm như đang hóng mát trước cửa nhà mình thật. Khi đưa bé bán hàng gõ miếng tre đi qua, người anh em đồng dạng gọi mua hai bát và được no nê toại nguyện. Ăn xong, hai chàng chùi mép, đi một đường êm nhẹ, biến nhanh vào đêm tối, để lại hai cái bát nhẵn nhụi với món nợ không bao giờ trả. Đôi bạn đã thay đổi vài địa điểm khác và mấy lần được ăn xực tắc không mất tiền.

Tuy nhiên, hai chàng ấy lại có lần bị kẻ khác khôn lanh hơn vét cho một mẻ sạch túi. Số là, tại chân cột đèn trước cửa hàng tạp hóa của bà Cả Lan, 16ter Hàng Than ấy, mỗi tối thường có một bàn bầu cua cá cộp ăn thua ồn ào lắm. Vài lần, các tay chơi, trong đó có đôi bạn ham ăn xực tắc kia, đang cay cú đặt tiền cao, một chàng to lớn, đi xe đạp nhào tới đặt ngay xuống một quả lựu đạn và phun nước miếng hô: “Lựu đạn đã mở chốt!” Đàn em lòi tì hoảng vía bỏ cả tiền mà chạy. Thế là “đàn anh sùi bọt mép” vỡ hết và đông một đường hiên ngang! Nhưng các tay máu me vẫn không chừa, vài đêm sau, thấy tình hình êm êm, lại hội họp tại cột đèn, vừa bóc lột nhau vừa canh chừng đàn anh vác lựu đạn đột kích bất cứ lúc nào!

Đôi bạn cổ tri kia đã gọi và kể lại với tác giả “thành tích vẻ vang” trên và nhiều kỷ niệm nghịch ngợm thuở thiếu thời Hàng Than với những kỷ niệm vô tội vạ. Tất cả giờ đây đã trở thành những hình ảnh ngộ nghĩnh, dễ thương tạo nên những nụ cười cảm khái, thú vị...

Bây giờ trở lại chuyện cô bé Nguyễn Thị Ngọc Dung. Cuối năm lớp ba, Thảo xếp hạng nhất, tôi hạng nhì. Thảo được lên lớp nhì “A” bà giáo Thường, buổi sáng. Tôi lên lớp nhì “B” bà Quý, buổi chiều. Vì học sinh nhiều, không đủ lớp nên học trò chỉ học nửa buổi. Tôi buồn nhớ cô bạn thân lắm. Nhưng biết làm sao được! Bỗng một hôm tôi vào lớp thấy Thảo đang ngồi chỗ của tôi, đầu bàn thứ nhất. Khi thấy tôi, Thảo đứng dậy ra khỏi bàn giả bộ khuyu gối chào và đưa tay ra hiệu cho tôi ngồi vào bên trong:

- Hê cô bé, ngồi vào trong đi. Cho ta ngồi đầu bàn.

Tôi vừa làm theo lời Thảo vừa tròn mắt ngạc nhiên hỏi:

- Sao vậy?

- Ta nhớ cô mình, muốn về ngồi cạnh được không?

- Được chứ sao không được. Nhưng bà giáo...???

Thảo điềm nhiên ngồi xuống cạnh tôi:

- Xong rồi, ta đã năn nỉ bà giáo Quý, bà giáo Thường hết nước miếng. Ta đã van xin một con bé lớp này đổi sang lớp bà giáo Thường buổi sáng. Ta đã phải lạy và đút lót con bé ngồi cạnh Dung để nó sang ngồi bàn phía sau. Bây giờ ta ngồi cạnh nhà người, chịu không?

- Chịu quá đi chứ!

Tôi sung sướng, cảm động đến gần chảy nước mắt, nghe cái giọng “ba gai” đầy thân mến mà Thảo dành cho tôi. Thảo đã từ chối cái danh dự học lớp xuất sắc nhất của trường để xuống học lớp hạng nhì với tôi. Tình bạn trong sáng, không vụ lợi này có tìm được ngoài trường đời chăng?

Tuy học cùng lớp, Thảo khôn lanh, tháo vát bằng mười tôi. Hai cô bé tiếp tục chơi thân, thay phiên nhau chiếm hạng nhất, hạng nhì. Nhưng xem ra Thảo học hành rất ung dung, nhàn hạ. Còn tôi phải vất vả từ bài tập vẽ, nắn nót từ bài tập viết, chắt vớt từ miếng vải tập khâu, tập thêu. Những môn này Thảo chỉ khua bút, ngoáy kim trong nháy mắt là xong để

còn nghiền truyện Võ Lâm, Kiếm Hiệp trong ngăn bàn. Đôi khi tôi tò mò liếc sang bên xem cô bạn đọc gì. Thảo đá mạnh vào chân tôi, nói không mở miệng, để bà giáo không biết hai đứa nói chuyện:

- Khi con, đừng có ngó vào truyện của ta nhe. Bại lộ bây giờ! Viết tập cho xong đi.

Nhiều lần tôi thất kinh tưởng Thảo đã bị bắt quả tang xem truyện trong lớp. Nhưng Thảo nhanh nhẹn che đậy, khóa nắp tài tình nên tai qua, nạn khỏi. Tôi rên rỉ khuyên Thảo:

- Thảo ơi, đừng có xem truyện trong lớp nữa. Bà Giáo “bắt” được thì nguy lắm.

- Đừng lo. Ta đâu có lơ ngơ như cô mình mà “bị bắt”. Ta làm bài xong xuôi mới ngó truyện một tí, bà giáo không để ý đâu. “Yên trí lớn” đi mà!

Đã có lần tôi mượn một cuốn truyện của Thảo xem thử. Toàn những truyện bìa “thần thông biến hóa”, tôi chẳng hiểu gì cả, đành trở về với mấy tập tuổi hoa, tuổi thơ Thảo không thèm xem. Tôi vẫn thường nghĩ rằng những người mê đọc truyện kiếm hiệp phải thông minh, mưu lược lắm.

Thế rồi đến một ngày, đã mấy hôm liền Thảo không đến lớp. Bà giáo cho chúng tôi hay mẹ Thảo mất. Hốt hoảng, lo âu, trong giờ chơi hôm đó, tôi liều lĩnh bỏ trường chạy ra Hàng Đồng thăm bạn. Thảo nức nở dưới mũ mấn, áo trắng sô gai. Mẹ Thảo sinh em bé, bị băng huyết chết. Còn quá nhỏ để thổ lộ những câu an ủi, tôi lặng người nắm tay Thảo sụt sùi khóc theo, không biết nói gì. Từ đó, Thảo nghỉ học, ở nhà săn sóc đàn em thơ dại và em bé mới sanh. Trước cái mất mát lớn lao của người bạn đáng thương, tôi bắt đầu hiểu rằng chị em chúng tôi may mắn được đầy đủ cả vật chất lẫn tinh thần dưới mái ấm gia đình, cha mẹ gần bên.

Tôi thường đi bộ đến trường. Con đường Hàng Than với đa số cửa hàng buôn bán, không một bóng rợp. Hàng Cót râm

mát với những cây me, cây sấu um tùm cao vời vời. Nào có bao giờ thấy một quả rụng trên đường như tôi vẫn hằng mong. Thình thoảng tôi lấy xe đạp đi học, để sau khi tan trường đến thăm cô bạn có nước da ngăm ngăm, đôi mắt lá dăm, lông mày lá liễu, sống mũi dọc dừa. Mái tóc đen huyền, dài mượt, thướt tha. Giọng cô nàng trong thanh, chuyện trò liến láu phát xuất từ cái miệng xinh nhỏ, cặp môi cong duyên dáng. Đó là Tạ Thị Thảo Hằng Đồng, Hà Nội tôi không bao giờ quên.

Rằm tháng tám năm nay cậu út Khoa được một tuổi, mẹ bày cỗ trung thu thật linh đình. Ông Tiến sĩ giấy đề cao ngất ngưỡng gần chạm trần nhà. Đèn kéo quân sáng trưng, chạy không ngừng như trò múa rối. Những hộp bánh nướng, bánh dẻo chồng chất lên nhau mấy tầng. Một mâm ngũ quả đồ sộ với trái Phật thủ trông như bàn tay mười mấy ngón, bưởi trắng, bưởi hồng, đu đủ, chuối mẫn, cam sành, cam Bồ Hạ. Những gói cốm Vòng được ủ lót trong lá sen còn xanh tươi, thơm dịu. Những đĩa hồng đỏ, hồng vàng, na dai, na bở, ổi xanh, ổi đỏ chất cao như cái nón. Những giỏ hồng bì, dâu da. Những bó mía tím nhỏ buộc lạt đỏ, những chùm vải Thiều mọng nước, nhãn lồng Hưng Yên đầy cùi. Mấy chục con giống và hoa quả nặn bằng bột đủ màu sắc sỡ. Trên sàn la liệt những con thỏ, con chim, tàu hỏa, xe tăng đồ chơi bằng thiếc. Đèn xếp, đèn ông sao, con bướm, con tôm, con cá, con rồng la liệt treo trên tường.

Chị Kim đưa cháu Khanh, Bảo tới. Chị Nguyệt đem cháu Minh, Ánh lên phá cỗ với cậu Khoa, cô Hà, cô Vân. Ngay cả các cô lớn hơn như hai chị Tâm, Phương và tôi vẫn còn thích chơi con giống. Chúng đã ăn bánh, trái ròn rã cả tháng trời. Trẻ con xóm bên cạnh nhà cũng được chia phần. Đây là cỗ trung thu lớn nhất, tôi không bao giờ thấy trước và sau đó trong gia đình.

Một chuyện tôi không ngờ, xóm bên cạnh ấy đã là nơi cư ngụ của cậu học trò Nguyễn Văn Đĩnh sau này trở thành anh hùng Xuân Lộc trong *Mùa Hè Đỏ Lửa* 1972 và nhiều chiến trận miền Nam khác. Nhà chúng tôi mang số 13. Nhà Đĩnh số 17.

Sau khi *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* xuất bản lần thứ nhất, tôi được anh Nguyễn Long, thuê đó cư ngụ tại hiệu sách Yên Sơn, Hàng Than, điện thoại cho biết, đôi bạn cố tri Long và Đĩnh thường nhắc tới chị em chúng tôi. Người hùng Xuân Lộc tiết lộ rằng, ngày xưa, qua cửa sổ trên căn gác phố Hòe Nhại ấy, cậu bé Nguyễn Văn Đĩnh đã lắng nghe tiếng cô bé Nguyễn Thị Ngọc Dung ngêu ngao học bài như cuộc kêu mùa hè.

Theo thời gian thêm thông minh, khôn lớn tôi bắt đầu chú ý nghe thời sự qua máy phát thanh bố vặn, nghe người lớn nói chuyện hay ngó xem những trang báo bố đọc hàng ngày. Tôi hiểu rằng chiến tranh Việt Minh và Pháp ngày thêm ác liệt. Nghe tin Việt Minh thua tôi cũng buồn, căm phẫn kẻ đi chinh phục. Thấy Việt Minh thừa thắng xông lên tôi cũng sợ họ tràn vào Hà Nội, sẽ loạn lạc như hồi nào tản cư trốn chạy lên núi. Máy bay quần săn trên trời, bom rơi đạn nổ toí bời dưới đất. Xe tăng cây bẫy đường xá, ruộng vườn, nhà cửa. Lửa phun ngàn ngút đốt cháy xóm làng. Tôi cũng buồn ngủi khi nghe tin con trai Thống Tướng Pháp ở Đông Dương, De Lattre de Tassigny là Bernard De Lattre, một sĩ quan trẻ 23 tuổi tử trận. Tâm hồn thơ dại không phân biệt bạn hay thù trong chiến tranh khốc liệt.

Sau hè 1951 tôi lên lớp Nhất B cô giáo Chí. Cô ở trong căn gác trước cửa trường Hàng Than, đầu ngõ Bùi Viện. Gánh phở Tráng ngoài hè đường phía dưới cửa. Nhỏ Đắc đã nghỉ làm về quê lấy vợ. Mẹ mới mướn nhỏ Luyện. Chẳng cần mẹ sai, tôi cũng hăng hái đòi đưa và chỉ chỗ Luyện đi

mua phở cho bố. Tôi cảm thấy hứng khởi hơn đưa bà nội Huân đi đánh bài để mong được trông thấy cô giáo Chí đứng trên cửa sổ. Cô là thần tượng của tôi sau cô Trịnh Thị Tiến, cô giáo dạy tôi năm lớp Ba. Tôi vẫn học buổi chiều. Cô giáo Chí nổi tiếng nghiêm khắc. Tôi kính trọng nhưng không ngán sợ cô, vì tôi siêng năng, chăm chỉ học hành.

Sang năm thi tiểu học, chúng tôi phải thực tập rất nhiều bài toán đố. Tôi hăng say làm hết sách 250 bài, rồi sách 350 bài tôi cũng làm hết rất nhanh. Sang quyển 550, tôi chỉ chọn những bài thật khó, thật hắc búa và phải làm cho ra đáp số mới chịu. Sau quyển toán đố ấy, tôi không còn tìm thấy quyển nào khó hơn trong chương trình học.

Tôi ham mê địa dư, sử ký. Những bài cô giáo cho chép để học không đủ cho trí tò mò, tìm hiểu, tôi về nhà lấy sách dày cộm của bố đọc thêm. Tôi bắt đầu ngưỡng vọng những mẫu người hùng. Tôi thêm học kiếm võ, có khí thế oai phong như chị em Bà Trưng Trắc, Bà Trưng Nhị hay Bà Triệu⁵. Tôi tiếc rằng bố mẹ không đặt tên tôi Ngọc Hân⁶ như tên nàng công chúa của Quang Trung Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ⁷,

5 - Trưng Trắc, Trưng Nhị (14-45), hai chị em cân nhắc anh thư, ngày 6 tháng Giêng năm 41 khởi binh đánh đuổi quân xâm lăng Tô Định về Tàu và xưng vương đóng đô tại Mê Linh. Ba năm sau bị quân Tàu Mã Viện đánh thua, Hai Bà gieo mình xuống sông Hát tuấn tiết.

- Bà Triệu (226-248), bậc anh thư đầy binh chống quân Nhà Ngô bên Tàu sang xâm lăng nước Nam ta.

6 - Ngọc Hân Công chúa (1770-1803) con Vua Lê Hiển Tông (1740-1786) và là vợ Vua Quang Trung.

7 - Nguyễn Huệ (1753-1792): Vị anh hùng áo vải đất Tây Sơn. Năm 1791 khởi binh đánh đuổi giặc Xiêm và giặc Mãn Thanh. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế lấy hiệu là Quang Trung năm 1788, Bắc tiến đánh đuổi quan Thanh và chiếm lại Thành Thăng Long ngày 5 Tết Kỷ Dậu 1789, phong hoàng hậu cho bà Công Chúa Ngọc Hân.

vị anh hùng nước Nam đuổi tên giặc Tàu cuối cùng về bên kia biên giới Việt Bắc. Tôi muốn được ở địa vị của cô Giang⁸, dù có phải tự hủy hoại cuộc đời theo người yêu, Nguyễn Thái Học⁹. Ông là chủ não cuộc tổng khởi nghĩa chống thực dân Pháp tại Yên Bái năm 1930 bị bắt và lên đoạn đầu đài cùng 12 liệt sĩ khác. Học trò tiểu học nào mà không thuộc lòng bài *Ngày Tang Yên Bái* của Đặng Phương Nguyễn Ngọc Huy trong đó có bốn câu:

*“Việt Nam muôn năm!” Một đầu rơi rụng
 “Việt Nam muôn năm!” Người kẻ tiến lên
 Và tử thần kính cẩn đứng ghi tên
 Những liệt sĩ vào bia người tuần quốc...*

Song song với thời cuộc, thời trang, theo “mốt” như chị Tâm, chị Phương, tôi đòi xin mẹ cho cắt bộ tóc thề mềm mại như tơ, để có bộ tóc phi-dê dợn sóng. Nhưng không may mắn, tóc quăn tít như lò xo. Chẳng biết cuộn chải làm sao cho tóc duỗi thành lọn lớn, tôi càng cảm thấy ân hận, khổ sở hơn nữa khi thấy cô giáo Chí tỏ sự phật ý rõ rệt. Nhìn cái đầu như tổ ong của tôi, cô cau mặt, nói như mắng: “Em đang có tóc đẹp sao lại cắt đi, uốn quăn như Tây đen thề này, trông mất cả vẻ xinh xắn của con gái!”

8 - Cô Giang, em ruột cô Bắc, nữ chiến sĩ cách mạng chống Pháp, đã tự sát khi việc lớn không thành, khi người yêu là Nguyễn Thái Học, đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị quân Pháp giết trên đoạn đầu đài.

9 - Nguyễn Thái Học (1904-1930) người làng Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt. Năm 1927 ông được bầu làm đảng trưởng VNQDD, chống chính phủ thuộc địa Pháp để giành chủ quyền cho nước Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1930 ông bị bắt. Ngày 17-6-1930 ông bị quân Pháp giết trên đoạn đầu đài cùng 12 chiến sĩ cách mạng khác.

Cô Chí đã lạnh lùng, không hỏi han, không ban cho tôi một nụ cười suốt mấy tuần lễ. Cả niên học ấy tôi không dám đi cắt, uốn tóc lại. Tôi gội đầu bằng bồ kết và chanh cho tóc trơn bóng, xong chạy sang nhà Ngọc Diệp nhờ cô bạn cuộn tóc lộn thật lớn, mong cho tóc chóng duỗi. Tôi muốn làm hài lòng cô giáo, trở lại kiểu tóc thề như lời cô đã khen tặng.

Cho tới một ngày tôi có bài luận văn thuật tả cuộc đi chơi Gò Đống Đa, được nhiều điểm nhất trong lớp. Khi tôi lên bàn cô giáo Chí nhận bài, cô cười hóm hỉnh, nói nhỏ đủ để tôi nghe: “ Bài của em hay lắm. Nhưng có một điểm không đúng. Không ai chạy thi sau bữa ăn cả, tức bụng, đau xóc đấy! Lần sau em chạy trước khi ăn nhé.” Tôi toe miệng cười cảm ơn cô và nghĩ thầm: “Thưa cô, đoạn đó em đặt thêm ra đấy. Sau khi đạp 4, 5 cây số và leo mấy chục bậc lên Gò Đống Đa, chúng em mệt đừ rồi, còn sức đâu thi chạy nữa!” Sau nụ cười khoan dung của cô giáo Chí, tôi vui mừng biết cô đã bỏ qua mái tóc phi-dê xấu xí của tôi.

Cô Chí còn có phương pháp dạy học khác hẳn với các bà giáo khác. Cô cho các học trò xếp hạng nhất, nhì, ba, tư... lần lượt ngồi từ đầu bàn trên cùng. Học trò xếp hạng chót phải ngồi chỗ cuối cùng trong góc lớp. Tôi không thích cách xếp đặt “phân chia giai cấp” rõ rệt này. Học trò giỏi ngồi trên được thầy giáo để ý càng chăm chỉ. Học trò kém ngồi dưới có cảm tưởng bị bỏ quên, chán nản học hành. Học trò lười càng thích thú được ngồi xa có thể nghịch ngợm hơn.

Tôi luôn luôn phải ngồi bàn thứ nhất, nếu may mắn được ngồi đầu bàn còn thoải mái, phải ngồi giữa bàn là một cực hình. Đa số các cô học giỏi ngồi bàn nhất lớn hơn tôi đến ba bốn tuổi, to cao như chị Tâm, chị Phương. Họ học hành chậm trễ vì phải tản cư lâu và trở về Hà Nội muộn. Có cô chưa học hết niên học đã bỏ đi lấy chồng trước con mắt ngỡ ngàng của mấy cô bé học trò con nít. Tay chân, vai vế của mấy

cô gái dậy thì huých phải, huých trái thật chặt chội, “nóng nực”. Ô, xin lỗi, nói bậy rồi! Có lần nghe tôi nói hai tiếng sau, mẹ đã chỉnh tôi liền:

- Con gái phải có ý tứ. Hai chữ đó mà nói ngược lại thì tục lắm đấy!

Tôi ngạc nhiên:

- Ngược thế nào hả mẹ?

Mẹ lườm tôi một cái “nghiêng nước, nghiêng thành”, lúng túng không biết giải thích ra sao. Cuối cùng bà đánh vần hai chữ kia ngược lại. Tôi nhú mày suy nghĩ một giây mới vỡ lẽ cái tục của nó. Tôi nhún vai:

- Khiếp, các cụ lắm chuyện quá! Vậy con phải dùng chữ nào thay thế nhỉ?

Mẹ tôi cười thông cảm cô con gái ngây thơ còn kém chữ nghĩa:

- Có thể nói là nóng bức, nóng hầm. Đàn bà, con gái phải ăn nói cho thanh lịch mới là con nhà tử tế.

“Thưa mẹ, con vẫn luôn nhớ lời mẹ dạy. Đã có lần con nhắc nhở một cô bạn về điều ấy. Cô này đã thành thật cảm ơn con. Con xin gửi lời cảm ơn đó đến mẹ nơi vĩnh viễn cõi trời”.

Cũng trong năm học này, tôi đã “lọt mắt xanh” một cô học trò cùng lứa tuổi, chưa bao giờ học chung ở các lớp dưới. Tôi cũng để ý tới cô nàng có tên Bích Vân ấy. Chúng tôi trở nên thân nhau. Bích Vân rất giỏi luận văn nhưng các môn khác không xuất sắc lắm. Vân ngồi cách xa tôi vài bàn nên tôi càng không thích phương pháp xếp đặt chỗ học trò ngồi của cô giáo Chí. Bích Vân xinh xắn, làn da trắng hồng, đôi mắt to, đen như hạt nhãn, thân hình nhỏ nhắn. Vân ít nói, phảng phất nét giận hờn nào đó ở đôi môi đỏ, trễ cong. Cô bạn thường viết truyện thần tiên, thần thoại, làm thơ tặng tôi và đăng báo mục thiếu nhi. Nhà Bích Vân ở phố Sinh Từ.

Khi các trường tiểu học Hà Nội tổ chức cắm trại ở Quốc Tử Giám, chúng tôi không tham dự với trường. Tôi đi xe đạp tới nhà Vân và để xe ở đó. Chúng tôi đi bộ qua Văn Miếu ở cuối phố.

Trước khi khuyến khích học trò đi dự buổi cắm trại, cô giáo đã nói sơ lược về lịch sử địa danh cổ kính này cho chúng tôi biết qua. Đây là Viện Thái Học giảng dạy các thái tử con vua, con quan ngày xưa theo cấp Đại Học, được xây cất từ thế kỷ thứ 11, đời nhà Lý. Bên trong có điện thờ Đức Khổng Tử.

Hôm ấy, lều trại giảng kín sân cỏ, học sinh các trường đông đảo trong khuôn viên Văn Miếu. Hai cô bé bỏ đám trại sinh tha thẩn đi tìm vết tích vua chúa ngày xưa. Đây kia Khuê Văn Các soi bóng trên hồ Thiên Quang Tỉnh. Đây đây những con rùa đá hiền lành đã phải đội trên lưng những tấm bia nặng nề ghi khắc tên khoa bảng tiến sĩ từ mấy trăm năm. Chúng tôi soi dò từng dấu nét và ngỡ ngàng không tìm được tên một danh nhân, quốc sĩ “quen biết” nào trên bia đá, chỉ thấy những hàng chữ Nho đã mờ nhạt. Hai cô bé ngạc nhiên hỏi nhau:

- Bia ông Ngô Sĩ Liên của Bộ Đại Việt Sử Ký đâu nhỉ?

- Tên ông Trạng Nguyên, Bảng Nhãn Lê Quý Đôn cũng không thấy kia?

Chúng tôi có cảm tưởng như kẻ mù chữ bức bối muốn đọc một trang thư thách đố. Bất chợt tôi reo vang:

- A ha, chúng mình đã quên biến mất rằng ngày xưa dân ta chỉ dùng chữ Hán, đâu dùng chữ Việt như bây giờ?

Bích Vân cũng cười họa theo:

-Ừ, đúng vậy. Chữ Hán chỉ còn được học và thi cử tới đời ông nội, ông ngoại tụi mình thôi.

- Ông bà, bà ông đã bắt đầu phải học và thi chữ Pháp hay chữ quốc ngữ rồi. Nhưng còn rất nhiều chữ Việt

nghĩa theo chữ Hán. Ông bà Dung có vài quyển tự điển Hán Việt dùng để tra cứu chữ nghĩa, thơ văn điển tích cũ rất tốt.

Thực vậy, có biết bao nhiêu chữ khó hiểu trong những bài chính tả, tập đọc hay học thuộc lòng tôi phải hỏi bố. Cho đến khi thấy rằng tôi hỏi quá nhiều, ông cũng bận phải dạy cả một đàn con bầy đứa nên đã chỉ cho tôi cách tìm chữ trong những quyển tự điển Hán Việt to nặng bằng cái cặp sách học trò lớp nhất. Tôi vui mừng kiếm được những chữ tôi cần tìm hiểu và sung sướng như khám phá ra một điều rất mới lạ, rất quan trọng. Từ đây, tôi đã nảy sinh ý định sau này học ban Hán Văn, chắc có thể bập bôm đọc được đám ba chữ ở những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đất ngàn năm văn vật chẳng?

Học hết lớp nhất, Ngọc Diệp và tôi thi đậu tiểu học. Bích Vân không được may mắn. Tôi đã từng giận hờn những kỳ thi vô lý của mấy bằng cấp lật vật làm chậm trễ sự học, nhụt trí tuổi trẻ măng non. Đám học trò thơ dại, mười một, mười hai đã phải lo lắng đến ốm đau với thi cử. Để rồi cô, cậu buồn như tiếng ve sầu rền rĩ vì thi trượt. Cô, cậu vui như hoa phượng mùa hè Hà Nội vì đậu được cái mảnh bằng còn con.

Nhưng chưa hết, hoa phượng càng nở đỏ, tiếng ve sầu càng nỉ non, tôi càng lo lắng cho kỳ thi vào Đệ Thất. Tôi ôn đi, ôn lại không biết bao nhiêu lần bài vở đã học trong năm lớp Nhất để thi vào Trung Vương, trường nữ trung học công lập độc nhất ở Hà Nội. Nhà trường chỉ chọn nhận một số thí sinh có điểm cao. Nhà con đông, chị Tâm đang học trường tư thực Nguyễn Huệ. Nếu tôi thi trượt, phải đi học tư, chắc tốn kém cho bố mẹ lắm. Tôi còn một đàn em bốn đứa nữa. Bố

mẹ không thể lo tiền học cho tất cả chị em chúng tôi. Con nào được học trường công, ông bà đỡ lo phần con nấy. Tôi bắt buộc phải thi đậu. Và, đậu vào trường Trung Vương là một niềm hãnh diện cho bố mẹ, cho chính bản thân tôi. Ai cũng biết rằng cô nào xuất sắc lắm mới thi vào được trường danh tiếng đệ nhất Bắc Phần này. Bố đã hứa:

- Con cố gắng thi đậu, bố sẽ mua xe đạp mới cho.

Tôi hớn hờ:

- Thật không bố? Con không phải đi xe đạp cũ nữa ư?

Ông vui vẻ cười một cách rất hứa hẹn:

- Nhưng con phải đậu đã. Trượt thì phải tốn tiền học tư, làm sao mua xe mới?

Tôi thăm nhủ, “học hết tiểu học rồi mà còn đi cái xe nhỏ kia thì xấu hổ quá. Mình nhất định phải đậu để lấy xe mới. Mình sẽ lại chọn xe đạp màu đỏ như hoa phượng”.

Ngày thi tới, tôi còn nhớ đề thi Việt sử, “Thuật lại cuộc bắc tiến của Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh”. Thần tượng của tôi hồi đó là những anh hùng, liệt nữ của lịch sử trong đó có chàng dũng sĩ Qui Nhơn Nguyễn Huệ.

Đúng là bài tử. Tôi múa bút viết thao thao bất tuyệt. Nào Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, xưng Hoàng Đế Quang Trung, từ Phú Xuân bắc tiến. Nào quân lính thay phiên nhau kẻ khiêng, người ngủ vồng, đi ngày, đi đêm không nghỉ để kịp đánh úp quân Thanh đang say sưa ăn Tết. Nào đại quân vua Quang Trung ba bốn mặt tiến chiếm lại thành Thăng Long ngày mồng năm Tết, mùa Xuân Kỷ Dậu 1789. Trong trận cuối cùng, thân giặc chết thành Gò Đống Đa.

Những đề thi khác tôi đều làm xong một cách dễ dàng. Tuy hy vọng tràn trề, tôi vẫn hồi hộp trông đợi kết quả. Thực ra, chẳng cần phải lo lắng quá độ, tôi thi đậu Đề Thất ban Hán Văn. Tôi vui mừng được bố mẹ thưởng xe đạp người lớn, mới toanh, màu đỏ chói. Tôi háo hức sẽ được học Pháp

văn, Anh văn dễ dàng hiểu hơn khi xem phim ảnh, đọc sách báo ngoại quốc. Tôi nôn nóng chờ đợi những bài học Hán văn để sau này có thể đọc được những chữ Nho trên Gò Đống Đa, ngoài đền Ngọc Sơn, chùa Trấn Quốc, trong Quốc Tử Giám... của Hà Nội.

Vừa chập chững bước vào ngưỡng cửa thời niên thiếu, tuổi mười ba ngây thơ, nhỏ bé, đây là lần đầu tiên, độc nhất trong cuộc đời, tôi cảm thấy hài lòng, sung sướng với thành công vẻ vang nhất trên đường học vấn của mình.

Thế rồi, tuổi trẻ thật chóng quên, lo âu thi cử vừa qua đã lùi xa như chưa bao giờ đến. Dưới mái gia đình thương yêu che chở, bên tình bạn trong sáng mến thân, tôi chỉ nhìn thấy một tương lai hăng say, hào hứng với nhà trường, với lớp học đang rộng mở.

Con đường tôi đi, trời xanh cao vút, mây trắng bồng bềnh trôi, nắng vàng lóng lánh chạy theo vành xe đạp. Ve sầu ca vang rộn rã hơn, hoa phượng vĩ rộ nở, thấm thiết hơn suốt mùa hè rực rỡ của *Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn*.



(Bưu ảnh Văn Miếu – Hà Nội, cô bạn Bích Vân ở lại Hà Nội, gửi tặng Ngọc Dung di cư vào Sài Gòn sau tháng 8, 1954)



Bố đi săn, 1939.



Mẹ vắn tóc trần, mắt bồ câu đen lánh,
môi trái tim son đỏ đậm thắm, 1939.



Chị Kim thuở 17, hoa khôi Hà Nội, 1939.



Anh Khánh, 1945.



Chị Nguyệt, 1944



Cầu Thê Húc Đền Ngọc Sơn trước 1954.
Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi.

2

NGÀY XƯA QUÊ TÔI

Thưa ấy, chúng tôi đang cư ngụ tại Hà Nội năm Cửa Ô xưa, ba mươi sáu phố phường nhộn nhịp. Quê nội làng Xuân Canh, bên con nước phù sa Sông Hồng. Quê ngoại tỉnh Hà Đông, bên dòng Sông Nhuệ. Vì lo ngại bom đạn chiến tranh Nhật-Mỹ, yêu thích cảnh thôn quê bình dị, bố mẹ đã bán ngôi nhà ba tầng Phố Chả Cá. Ông bà chọn làng Mọc Thượng Đình mua đất xây biệt thự đưa chúng tôi về ở. Và, những chuyện thần tiên *Ngày Xưa Quê Tôi* bắt đầu...

Làng Mọc (Nhân Mục, huyện thanh Trì, tỉnh Hà Đông, Bắc Việt) là sinh quán của ông Đặng Trần Côn¹⁰, tác giả khúc *Chinh Phụ Ngâm* chữ Hán được bà Đoàn Thị Điểm¹¹ dịch ra quốc âm, thời tiền bán thế kỷ thứ 18. Làng cách Hà Nội gần sáu cây số về phía Nam. Dân làng có ruộng mênh mông, vườn bát ngát, ao thả cá, hồ trồng sen. Mọi nhà đều khá giả, khang trang. Nhiều người Hà Nội xây biệt thự, nhà nghỉ cuối tuần trong làng.

10 - Đặng Trần Côn (1705-1745), đỗ Hương Cống, tri huyện Hà Đông 1740, danh sĩ thời Chúa Trịnh Giang (1729-1740).

11 - Đoàn Thị Điểm (1705-1746), người huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, làm giáo thụ dạy học cho một bà cung tần được vua Lê sủng ái. Bà đã dịch tác phẩm chữ Hán "Chinh Phụ Ngâm" của Ông Đặng Trần Côn sang quốc âm với 412 câu thơ song thất lục bát.

Từ Hà Nội vào Hà Đông, tàu điện có trạm ngừng tại đầu làng, trước ngôi nhà gạch mới quét vôi hồng của gia đình anh Cả Đào. Đường gạch son đỏ bắt đầu đi vào làng từ đây. Bên mặt là hàng rào dày đặc cây duối, cây găng của nhà ông Tây Les Saules rồi đến nhà bác Cả Vinh và ông Xếp Lại. Bên trái là ao rau muống, đồng ruộng chạy ra tới đường tàu điện.

Sau cổng sắt nhà Les Saules, đường xe hơi trải sỏi lạo xạo, vườn cây um tùm, la đà liễu rủ. Thỉnh thoảng tôi trông thấy cái xe Citroen đen có tài xế đội mũ kê-pi lái cho gia đình ông tây, bà đầm. Thấp thoáng bên trong, một biệt thự mái đỏ đồ xô, tây con, đầm con nhi nhô chơi đùa. Cổng nhà bác Vinh quét vôi trắng có bậc thềm, chòi gác như trong truyện sử xưa. Chị Tâm, chị Phương và tôi thường leo lên đây vẫy nhìn tàu điện hay hóng mát gió chiều thơm hương đồng cỏ nội.

Đi hết hàng rào nhà ông Xếp Lại tới bãi chơi rộng của trai gái, trẻ con trong làng. Một cây gạo già sừng sững ngất trời cao. Hoa đỏ, to bằng cái bát canh và nhiều hơn lá. Cành cây vươn xa tới giếng làng sâu thăm thẳm đầu bãi. Một miếu thờ ông Địa dưới bóng cây muôm cổ thụ cuối bãi. Chị em chúng tôi thường mê man chơi đu trên hai sợi dây thừng vững chắc được thả xuống từ một cành cây gạo to lớn như cánh tay lực lưỡng của người khổng lồ. Nghe đâu cây gạo bên làng Phú Thượng được ông Hồ Chí Minh và các cán bộ Đảng làm nơi ghi dấu hiệu liên lạc mật vì hình thù rất đặc biệt, dễ nhận.

Đường làng rẽ trái qua biệt thự Chấn Long ngôi đỏ, tường rào gạch đỏ nổi bật giữa cánh đồng lúa mênh mông. Tàu điện từ Hà Đông ra có trạm ngừng cách một mẫu ruộng tới biệt thự ông Đốc Bách. Đường làng rẽ phải qua ao cá nghiêng bóng tre xanh, hoa súng tím lung linh bên những cánh bèo trôi bồng bênh. Chúng tôi vui thích tập chơi liệng

những viên gạch mỏng đẹp cho nhảy cóc mấy lần trên mặt nước ao này. Tuy nhiên, chỉ có chị Tâm, chị Phương ném tài tình được như vậy. Gạch của tôi rơi tồm xuống ao và chìm không tăm bọt.

Tiếp tục đi trên đường vào trong làng, biệt thự Tân An ẩn hiện sau hàng rào hoa ngâu bên trái. Đối diện là giậu dâm bụt, hoa đỏ thắm, lá xanh bóng sậm của nhà ông Cai Tỉnh và ông Đô Phùng. Tới ngã ba đường làng rẽ phải qua nhà bà Hai Sách, hàng rào xương rồng gai đâm sắc nhọn, cổng tre đơn sơ bên mặt. Cạnh đó là biệt thự có bảng đồng chữ đen mang tên bố, *Villa Văn-Khôi* gắn ngoài cổng.

Nhà chúng tôi không đồ sộ nhưng xinh đẹp, rộng rãi. Mái ngói đỏ tươi, tường gạch quét vôi vàng sáng rỡ. Mặt trước hướng tây, ở chính giữa là cổng tiền kiểu Nhật sơn son đậm uy nghi. Cổng hậu bên phải sơn nâu kín đáo. Chung quanh nhà, tường gạch cao quá đầu người, mảnh sành, mảnh chai đủ màu, đâm lên tua tủa.

Từ cổng chính qua sân gạch đỏ, bước lên thềm giữa hai cột đá xanh tới cửa gỗ chân song sắt, kính vân mờ và đi vào phòng khách thênh thang chiếm cả chiều dài ngôi nhà. Sau phòng khách, phòng bố mẹ bên trái, phòng chị Nguyệt bên phải. Một ảnh chân dung lớn của mẹ treo trên cửa phòng bố mẹ. Trong ảnh, mẹ vắn tóc trần, mắt bồ câu đen lánh, môi trái tim son sậm đậm thắm. Một ảnh chân dung chị Nguyệt treo trên cửa phòng chị. Chị búi tóc trễ, duyên dáng, e lệ. Ở giữa hai phòng trên là điện thờ tổ tiên với hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng, đỉnh trầm, chân nến, lư hương đồng sáng bóng. Nơi đây cũng là phòng bà nội với sập gụ trạm trổ, trái chiếu hoa cạp điều. Cây đàn tranh của bà nội chơi từ thuở con gái còn treo trên tường.

Từ cửa hậu đi thẳng vào nhà ngang, chỗ để chiếc xe tay và cỗ áo quan vàng tâm của bà nội. Thuở đó, các cụ thường

lo sợ chôn cất cho mình rất sớm. Bà sắm đủ cả quần áo nhiều đồ, khăn sa-tanh vàng mặc khi chết. Mấy chục năm sau bộ áo này đã mục nhưng vẫn được để vào áo quan khác không phải gỗ vàng tâm và chôn theo với bà.

Qua sân trước nhà ngang tới nhà tắm. Cạnh đó là bể nước giếng rửa giặt. Tuy nước máy không được bắt vào trong làng, nhà vệ sinh riêng biệt ở góc cuối sân rất sạch sẽ. Ban đêm, phòng nào của chúng tôi cũng có bộ sắt đầy nắp để khỏi phải ra ngoài trời tối đen, mưa lạnh và ghê sợ. Từ cửa hậu phòng chị Nguyệt qua sân nhỏ sang nhà bếp rộng, gọn gàng, ngăn nắp, một bên có bàn ăn, một bên có bàn để chân kiềng sắt đun nấu. Cả hai bàn đều cao và xây bằng gạch. Kê gần sát tường phía giữa là cái trạn lớn, bằng gỗ và lưới sắt, đựng thức ăn, một hình thức tủ lạnh ngày nay. Bốn chân trạn được đặt trong bốn bát nước để ngăn kiến bò lên trạn.

Qua sân sau tới một bể khác chứa nước mưa để uống và nấu ăn. Bể này đối diện với cửa sổ hướng đông của phòng bố mẹ. Tôi thích cúi đầu vào bể để soi bóng hay la to, nghe tiếng vang. Có lần chị Tâm đùa nghịch, nâng hai chân tôi lên, tưởng chừng sắp lộn cổ. Tiếng hét hoảng sợ của tôi vang lên như muốn vỡ cái bể lớn và sâu.

Phía bắc biệt thự giáp nhà nghỉ cuối tuần của bác Hai Oánh, bạn đồng nghiệp bố ở Hà Nội. Từ khi ông xin mắc điện cho nhà chúng tôi, làng Mọc Thượng Đình mới bắt đầu có điện. Một cột đèn đêm được dựng phía ngoài khóm tre um tùm góc vườn giữa hai nhà.

Từ cửa sổ hướng bắc, phòng bố mẹ nhìn qua vườn sang chuồng gạch đầy gà, vịt, ngan, ngỗng. Chúng sống bên nhau rất hoà bình, thong dong đi chơi kiếm giun sâu khắp vườn. Chúng tôi có trứng mới ăn mỗi ngày. Bố thích ăn trứng gà tươi nhúng nước sôi, còn lòng. Gà gáy sáng, trưa, chiều, tối thật rộn ràng, vui tai. Cuối vườn có hai cổng nhỏ để qua

hàng xóm phía sau, ông Xếp Lại và bác cả Vinh, cháu ruột bà Nội và cũng là người bán miếng đất cho bố xây Biệt Thự Văn Khôi.

Bố vẫn đi làm ở Sở Tài Chánh, Hà-Nội. Hằng ngày mẹ sắp cơm trưa vào cặp da sau xe đạp cho bố: nào cơm nắm, thịt kho hay muối vừng. Nào khoai lang mật nướng hay ngô nếp luộc nóng hổi và bình thủy cà phê nhỏ...

Buổi sáng hai con chó Kì, Lu thông minh, ngoan ngoãn tiễn ông chủ ra tận cổng biệt thự Les Saules. Chúng sửa lên vài tiếng nhìn theo bố khuất trên đường cái rồi mới trở lại nhà. Kì, con chó đực lông đen mượt, mình cao dài thon thả, khôn lanh như một thợ săn Đức. Lu, con chó cái lông nâu xù, đầy đà, mộc mạc như cô gái quê thuần hậu Việt Nam. Vậy mà cặp uyên ương có vẻ rất hạnh phúc, tâm đầu ý hợp và không rời nhau nửa bước.

Buổi chiều, nghe tiếng chuông xe đạp của bố reng reng ngoài ngõ, Kì, Lu tíu tít vẫy đuôi cạy cửa, đòi ra đón chủ. Khi xuống xe đạp, ông không quên vuốt ve, xoa đầu Kì, Lu để thưởng hai đứa đón mừng. Chúng tôi rất thương Kì, Lu. Nhưng hai con chó trung thành quấn quít bố nhiều nhất.

Từ ngày chúng tôi về ở làng Mọc, nhà có nhiều khách hơn. Cách một, hai tuần, nhóm bạn bè thân thiết của bố, bác Thông, bác Hân, bác Hanh, bác Xước, bác Khoát, bác Bửu An... về chơi đông lắm. Các ông học với nhau từ trường Bưởi đến khi đỗ ra đi làm cũng cùng một sở. Đôi khi, các bác và gia đình ở lại nhà chúng tôi từ chiều thứ Sáu tới sáng thứ Hai mới trở ra Hà Nội. Bốn sập gụ bốn góc phòng ngoài nhường cho gia đình khách. Chị em chúng tôi rời vào phòng bố mẹ, bà nội và chị Nguyệt. Bố đặt làm một bàn tổ tôm, tài bàn rộng hình ngũ giác. Mỗi cạnh một ngăn kéo, một ghế ngồi. Bàn đá tròn ở giữa phòng khách được đẩy sang bên.

Thay vào đó, một bàn tiệc lớn với ván gỗ dài rộng đặt trên hai chân ghế ngựa thợ mộc, có thể ngồi tới hai chục người. Một khăn trắng to bằng khăn trải giường Hồng Kông của bố mẹ được trải lên bàn. Khi không có khách, bàn được xếp lại, cất vào nhà xe. Bàn đá tròn vẫn là bàn ăn gia đình hằng ngày.

Mẹ không chơi bài, bận rộn huy động cả một đạo quân trong bếp, u già, anh xe, thằng nhỏ... Kê bắt gà, người giết vịt. Ngan ngỗng kêu quang quác ngoài vườn. Mẹ đích thân đi xe nhà ra chợ Ngã Tư Sở với u già và anh xe kéo. Một món đặc biệt mẹ thường được bạn bè bố yêu cầu nấu, đó là món bí tròn nhồi tôm, thịt băm hấp nấm, miến. Chỉ có chị Tâm, chị Phương được ngồi vào bàn tiệc vì khách của bố mẹ có con bằng tuổi hai chị. Tôi còn bé nên bị loại vào phòng trong ngồi ăn một mình. Tôi thường phụng phịu với mẹ:

- Mẹ cho con ngồi ăn cơm với khách nhé? Con sẽ ăn ngon không làm đổ vãi đâu.

Mẹ tôi dỗ dành:

- Khách khứa đông quá con ạ, bàn không đủ chỗ ngồi. Mấy món mẹ làm cho khách cay lắm, cay chảy nước mắt ra. Con đói rồi phải không? Mẹ cho con ăn trước nhé. Con thích ăn món gì nào?

Nói tới ớt tôi “nhụt chí” liền. Và, nghe được ăn trước không phải chờ khách đến đói meo bụng, tôi mừng rỡ:

- Con thích ăn miến gà này, giò này, ruốc này!

Mẹ bằng lòng ngay:

- Được rồi, mẹ cho con ăn cả ba thứ. Nhưng ăn nửa bát cơm với ruốc trước. Ăn ruốc với canh không ngon. Nửa bát sau ăn với giò và miến gà nhé?

Hình như trẻ con chỉ biết có mấy món ăn rất lành như để cho mẹ khi sinh em bé. Tôi gặt đầu lia lịa, nhẩy lên tung tung, chấp nhận bữa cơm giản dị một cách dễ dàng, quên cả mấy món cầu kỳ mẹ làm đãi khách. Tuy nhiên

khi khách ngồi vào bàn tiệc tôi vẫn leo lên sập gụ của bà nội. Kiễng chân sau tủ chè kê giữa điện thờ và phòng khách, tôi ngấp nghé sau rèm lụa đỏ nhìn ra. Mọi người vui vẻ ngồi xung quanh bàn ăn dài với các món thịnh soạn. Tôi âm ức nghĩ thầm, “chị Quỳnh, con bác Thông, thì lớn thật, nhưng cái anh chàng Thiệu kia hơn mình bao nhiêu tuổi mà được ngồi vào bàn ăn nhỉ! Sang năm mình sẽ đòi ngồi cạnh mẹ, cạnh đĩa gà rán vàng ngậy kia!”

Bổ khai tiệc mời khách. Ông từ từ cầm núm và mở nắp quả bí tròn. Khói nóng bốc lên nghi ngút. Hương bí, thịt, nắm ngào ngạt bay vào tận điện thờ. Tôi lại cảm thấy đói và buồn bực. Có lẽ vì thế tôi không quên những hình ảnh kỷ niệm về bố mẹ yêu dấu vô vàn. Trong những ngày xa quê hương, tuy không tìm mua được loại bí tròn xanh ấy, tôi dùng bộ chén nấu súp hành của Pháp để mời thực khách món bí nhồi của mẹ. Tôi thường thuật lại chuyện xưa gia đình với khách và tưởng nhớ bố mẹ không nguôi.

Có những ngày nhộn nhịp của bố mẹ, cũng có những ngày tung bừng của các con. Hình như cứ đợi ông bà ra Hà Nội chơi, chị Nguyệt, anh Khánh lại rủ anh chị em ở Hà Nội về chơi: chị Kim, Văn, Thu, Cúc, Liên, con chú thím Hai, anh Jean, anh Pascal, chị Minh con bác Hai Ứng, anh Mạo con bác Cả Vinh. Chỉ riêng người trong gia đình cũng đầy một nhà. Anh Jean, anh Pascal có tên Tây và đẹp như Tây lai, tuy rằng cả hai bác Ứng đều hoàn toàn Việt Nam. Thực ra cháu cụ Huân, con ông Phán Khôi đều có vẻ sáng sủa, dễ coi và trẻ trung, vui nhộn cả. Tôi còn nhớ một lần đã nhảy lên lưng, ôm cổ anh Pascal:

- Ngày sau em sẽ lấy chồng đẹp trai như anh!

Các anh, các chị đã ngưng बात nói chuyện, nhìn tôi vài giây rồi cùng cười rộ. Con bé Dung mới bốn, năm tuổi đã có

mất tinh đòi đến thế! Lời nói rất ngây thơ vô tội đó như một định mệnh sau này. Người yêu đầu tiên và người chồng hiện tại của tôi cũng đã từng rất “bô”. Nhưng không may, anh Pascal bị bệnh chết bất ngờ tại Sài Gòn khi mới gần ba mươi, để bao người thương tiếc.

“Vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm”, các cô các cậu ăn uống thả giàn mặc sức, chuyện trò không bị giới hạn! Bọn người trẻ tuổi chẳng cần ăn những món cầu kỳ như khách của bố mẹ. U già chạy ra chợ Cầu Mới, một lúc sau về đã có canh riêu cua, cà muối, rau muống xào, đậu hũ rán làm cơm. Buổi trưa, mua nửa cân chả bò bì thìa là, nửa cân chả cốm nóng hôi của anh hàng giò đi qua, chúng tôi đủ ăn uống no thừa, vui vẻ. Thêm vào đó, nhờ Thường được lệnh sang ao bác Cả Vinh bắt ốc. Chúng tôi ra vườn hái lá bưởi để luộc ốc cho thơm, bẻ gai bưởi để nhể ốc cho ngon. Đó là món quê hương ăn chơi lúc hai, ba giờ chiều và không thể thiếu khi anh chị em chúng tôi gặp nhau tại Biệt Thự Văn Khôi *Ngày Xưa Quê Tôi*.

Một ngày kia, các anh, các chị với mấy người bạn lạ đang ngồi trong nhà ngang thì Ki, Lu sửa vang. Bố mẹ đi Hà Nội về tới! Chị Nguyệt, anh Khánh vội vàng chạy ra khỏi nhà xe, khóa trái lại. Chị Kim và mấy anh khác vẫn còn ngồi im lặng bên trong. Chị Nguyệt ghé tai tôi khẽ nói:

- Dung không được nói với bố mẹ có chị Kim và bạn chị về chơi nghe! Bố mẹ biết, tụi mình bị đòn cả lũ đấy.

Không hiểu chuyện gì, nhưng nghe nói tới “bị đòn” tôi sợ lắm nên nín thinh với bao thắc mắc. Khi trời vừa tối, trong nhà lên đèn, các cánh cửa chớp được đóng lại, chị Phương không khờ như tôi, không lớn như chị Tâm, không sợ bố để ý, nên được chị Nguyệt chọn ra mở cửa nhà xe rất khê khao cho nhóm chị Kim lên ra cổng, bí mật rời khỏi làng. Thì ra, các anh, các chị về họp “hội kín” của ông Nguyễn Thái Học,

người đã bị lên đoạn đầu đài tại Yên Bái, năm 1930 vì chống Pháp, như tôi được học lịch sử sau này. Chị Kim luôn luôn có khẩu súng lục nhỏ để trong ví xách tay như nữ điệp viên. Bố không ưa một hội nào, đảng nào dính dáng tới mấy cô con gái đẹp. Ông vẫn thường nói:

- Đảng phái gì! Chỉ bí mật, rình rập, âm mưu ám sát, bắn giết lẫn nhau. Chuyện nhà, chuyện nước không đi đến đâu chỉ thấy chuyện trai gái nhõn nhơ!

Hồi này chị Kim hay về làng chơi với anh Quỳnh người thanh lịch, dong dỏng cao. Tôi được nghe kể rằng, cuộc hôn nhân của chị với người chồng “môn đăng hộ đối” mà bà nội và bố gả ép đã tan vỡ. Chị Kim, anh Quỳnh thương yêu nhau từ trước khi chị phải lấy chồng. Đêm trước ngày cưới, chị toan tính mấy lần leo ban-công gác nhì, nhà ba tầng cũ của chúng tôi ở Phố Chả Cá Hà Nội và mấy lần định nhảy xuống đường trốn theo người yêu. Anh Quỳnh đang đứng đau khổ, bồn chồn trông đợi chị ở cột đèn đầu phố. Mẹ và em gái là cô Nhâm phải ôm giữ, van xin chị đừng liều lĩnh. Ngày cưới hôm sau, chị Kim khóc ngất, chẳng chịu trang điểm phấn son. Tóc được búi lên lại xổ xuống, xõa dài thảm thương. Chị Tâm còn nhớ rõ ràng chuyện này và ngậm ngùi cho thân phận “hồng nhan đa truân” của chị Kim.

Tưởng rằng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó,” chị Kim rồi sẽ vui duyên mới, quên chuyện tình bông bột. Nhưng không, chỉ vài tháng sau ngày cưới, chị đã bỏ chồng và trốn đi với anh Quỳnh. Trách làm sao được một cô gái hoa khôi Hà Nội, quen ăn trắng mặc trơn, có người yêu tha thiết trước khi bị ép hôn và đưa về một tỉnh xa xôi, hẻo lánh. Chồng lại là sinh viên, bỏ vợ ở nhà làm dâu bố mẹ và trở lại Hà Nội học. Thêm vào đó anh Quỳnh về tận Ninh Bình liên lạc với chị. Sự đau khổ, cô đơn và tình yêu tuyệt vọng đã đưa chị Kim tới quyết định cách mạng kia.

Thuở đó, câu chuyện tình lãng mạn này được bàn tán xôn xao trong Hà Nội. Bố và bà nội buồn giận, từ bỏ chị Kim, nên mỗi khi về thăm chúng tôi, chị phải lén lút, trốn tránh. Chị thường nhờ người làng bí mật vào báo cho chúng tôi biết trước. Nếu bố và bà nội vắng nhà, chúng tôi reo nhảy vui mừng và ủa chạy ra ngoài đồng đón tìm chị. Chúng tôi không lo ngại mẹ, vì người vẫn thường che chở các con trước những nghiêm khắc của bố và bà. Tôi còn nhớ hình ảnh đôi tình nhân tiền chiến, đã vượt không gian, thời gian, bất chấp gia đình, xã hội. Chị Kim và anh Quỳnh dắt tay nhau, hai mái đầu xanh nhấp nhô trong sóng lúa vàng mênh mông hạnh phúc tới tận chân trời xa tắp. Mỗi tình bất diệt của chị còn được truyền tụng đến đời nay.

Những ngày nhộn nhịp cuối tuần qua đi, những ngày trong tuần êm đềm tới. Chị Tâm, chị Phương đi học ở làng Mọc Chính Kinh bên cạnh. Chưa tới tuổi đến trường, thơ thẩn một mình hoài cũng chán, tôi lân la sang chơi với hai chị em con bà Hai Sách, cái Xuân, cái Cách. Vài cây hoa xoan lưa thưa tím nhạt, nhẹ nhàng tỏa thơm ngoài đầu ngõ.

Nhà hàng xóm mái tranh, vách rạ, nền đất nhẵn bóng mát rượi. Sân đất rộng chạy dài tới hàng cau cao thẳng tắp. Ngọn cây sáng chói ánh mặt trời. Ở một góc vườn, mấy cây mít mang nặng trái tròn trĩnh, thấp gần mặt đất như bụng mẹ sắp đến ngày sinh em bé. Tôi không quên chạy tới vỗ về, vòng tay ôm ghì, ôm chặt “búp-bê” thân quen của tôi. Tôi nhớ mấy trái mít mụ mẫm trong sân nhà bà ngoại ở Hà Đông. Ngày còn ở Hà Nội mỗi lần được về thăm bà, việc trước tiên, tôi phải chạy ra vườn sau “ôm thơm” rất say sưa mấy trái mít chín mọng sát gốc cây, như ôm một món đồ chơi yêu dấu nhất.

Và, mít dễ thương kia cũng được đi tàu điện về Hà Nội với chúng tôi.

Đôi ba lần chị Tâm, chị Phương và tôi đã thích thú đi chơi theo Xuân, Cách, mót lúa, hái rau muống, rau khúc, rau sam, rau rền hoang cho họ. Sau mùa gặt, đồng ruộng còn sót nhiều lúa chín rơi rụng và các thứ rau hoang được tự do mọc. Xuân, Cách không để phí của giờ và tích tiểu thành đại, có khi họ mót được cả thúng thóc đem về phơi, giã lấy gạo ăn. Đó cũng là một cách trẻ con nhà quê bắt đầu làm việc đỡ đàn gia đình không được sung túc.

Hôm đó, Xuân, Cách cũng rủ tôi ra đồng. Đã quen rồi, nên tôi theo đi ngay. Chúng tôi đi từ sáng đến trưa, không biết đã bao xa. Tôi đói và đòi về nhiều lần:

- Đi xa quá rồi, về đi Xuân, Cách ơi.

Xuân vẫn mãi miết mót lúa và nói:

- Mới đi một quãng đã xa gì?

Cách cũng không ngừng tay:

- Ở đây còn nhiều lúa. Nhặt hộ một tay đi, được nhiều thì về sớm.

Tôi phụ Xuân, Cách mót trụi cả một khoảng đồng. Nhưng họ lại tiếp tục quang gánh tới một ao rau muống. Hai cô bé quê vén ống quần lên đến háng và lội xuống ao. Hai cô không chỉ hái những ngọn non như u già nhặt rau ở nhà, mà kéo cả đám rau muống già, lẫn hoa tím và vớt luôn bèo. Thỉnh thoảng hai đứa ngừng hái, nhổ nước bọt vào tay để bứt mấy con đĩa mềm nhũn hút máu, bám trên đùi. Cái trò hái rau muống này ớn quá, không có tôi. Giá biết đường, tôi đã bỏ về từ lâu. Xung quanh, đồng ruộng bao la, làng xóm xa lạ, tôi không còn biết nhà mình ở phương hướng nào. Tôi ước ao có chị Tâm, chị Phương ở đây để đưa tôi về. Vừa đói, vừa khát lại vừa lo sợ bố mẹ đang trông mong ở nhà, tôi nói như khóc:

- Xuân, Cách ơi, sao hái nhiều thế, muộn rồi, thôi về đi.

Cách càu nhàu:

- Nặng còn cao, đã muộn gì. Phải hái rau về nhà luộc ăn cơm tối nay và nấu cho lợn nữa.

Xuân bức bối, gắt gỏng:

- Tưởng đi ra đồng như đi chơi, cứ chán là đòi về hả? Lần sau không cho con bé này đi theo nữa!

Nghĩ tới lời mẹ và bà nội đe dọa: “Đi chơi xa lạc đường, mẹ mìn bắt không cho về nhà,” tôi đành ngồi xồm bên bờ ao chờ đợi. Xuân và Cách vẫn cầm cúi bút rau muống cho tới khi ánh nắng đã tắt. Trời chập choạng tối, hai cô gái quê mới quảy gánh nặng trên vai, tắt tưới ra về. Tôi liú ríu chạy theo, lòng dạ thấp thỏm, “chắc giờ này bố đã đi làm về? Nhà đã ăn cơm chưa hay còn đợi? Chắc mẹ lo mình lắm? Chắc bố giận mình lắm? Thế nào cũng bị đòn thôi!” Mới nghĩ vậy, tôi đã cảm thấy cái móng đau quẩn roi mây và mót tè rồi. Tôi đã nhìn thấy chị Tâm, chị Phương bị đòn của bố vì cái tội đi chơi lâu không xin phép, quên giờ về ăn cơm, hoặc sang vườn người ta trong làng hái ổi xanh, cà chua xanh, bưởi xanh đem về nhà chơi chuyen, chơi đá bóng. Có lần hai chị rủ nhau đi bắt một đôi lợn con trong xóm, tắm rửa kỳ cọ sạch sẽ, rồi ôm chúng vào nhà xe, ủ chăn chơi em bé. Nhiều khi tôi cũng đi theo, nhưng hai chị lớn hơn tôi ba, bốn tuổi nên đã bị đòn đau lắm thay tôi. “Chắc bố đang chờ với cái roi mây ấy,” tôi lo lắng nghĩ thầm.

“Yêu cho vọt ghét cho chơi,” điều này còn được áp dụng bên trời Âu, Á. Ở đất Mỹ vẫn minh, tân tiến này, đánh con cái là phạm pháp. Bố mẹ còn bị con ly dị!

Tối cổng nhà bà Hai Sách, hai chân tôi bủn rủn muốn khuỵu ngã. Cửa hậu nhà tôi hé mở, tôi định lén vào. Nhưng cả nhà, bố, mẹ, bà nội, các chị... đang đứng lo lắng trên thềm ngoài hiên. Thấy tôi, mẹ chạy vội ra ôm và meo máo khóc:

- Trời ơi con tôi, mẹ tưởng con lạc đi đâu mất rồi!

Bố cũng vui mừng cười ra nước mắt. Tôi không thấy bố cầm cây roi mây. Thế là thoát không bị đòn. Gia đình tôi bị một phen lo sợ hoảng hồn. Anh xe, u già, thằng nhỏ phải chia nhau khắp ngõ, trong xóm, ngoài làng đi tìm tôi cả nửa ngày.

Từ đó tôi bị canh chừng rất kỹ. Kề ra, người vào qua cổng phải khóa cẩn thận. Tôi không còn được đi đâu nếu không có bố mẹ, anh chị hay người nhà cho đi theo. Cái cảm tưởng hãi hùng bị lạc giữa cánh đồng xa tít tắp, không biết đường về nhà với bố mẹ, khiến tôi cũng không thích đi với hai chị em cô gái lảng giềng hay tìm cách lén đi đâu một mình nữa.

Thôi thì ngồi ngoài thềm chơi với Ki, Lu vậy. Mấy cậu vẹt trông thấy tôi, bì bạch chạy dài. Mấy anh ngan, ngỗng quang quác xông lại muốn làm dữ. Các chị gà nhảy loạn xạ mỗi khi tôi ngó vào chuồng xem có trứng hay gà vịt con mới nở không? Khó chơi quá! Chị em chúng tôi mê thích bắt đầy một rổ gà con, vịt con xinh xắn, lông vàng mượt, mịn màng như nhung để vuốt ve, nựng nịu. Chúng đáng yêu hơn cả những đồ chơi súc vật nhồi bông mẹ mua. Tội nghiệp gà mẹ, vịt mẹ cuống cuống chạy theo chúng tôi như sợ mất con.

Tuy nhiên, qua khe tường hoa, cổng chính, đôi khi tôi cũng được thấy những cảnh quê ngộ nghĩnh bên ngoài. Trâu bò ghé ngó ra đồng buổi sáng, ghé ngó về làng buổi chiều. Những trâu con, bê con dễ thương, vừa lẻo đẻo theo mẹ vừa ngó ngoáy cái mõm tìm ti mẹ.

Một ngày trời nắng đẹp, có tiếng lao xao ngoài ngõ. Tôi đánh đu lên cổng. Ông già, bà cả, người lớn, trẻ con từ xóm trong đi ra đông quá. Anh hàng giò chả trong khăn xếp đen, áo the đen, quần vải trắng, mặt đỏ gay như say rượu. Chị hàng xôi, tóc vấn đuôi gà, yếm đỏ, áo nâu tứ thân, quần đen

bóng lảng, quạt hoa che nửa khuôn mặt bên lên. Trẻ con chạy theo la om xòm:

- Cô dâu, chú rể đội rế lên đầu. Cô dâu ...

Thì ra đó là đám cưới anh bán giò và chị bán xôi. Tôi ước gì biệt thự chúng tôi là nhà ba tầng cũ Phố Chả Cá, sân thượng cao chót vót nhìn ra bốn bề, để tôi có thể trông thấy hết người ta đi lại trong làng, ngoài ngõ.

Trong vườn, bố trồng đủ các loại hoa cảnh, cây ăn trái. Mùa Xuân hoa đào đỏ duyên dáng, hoa mai trắng hiền hòa, rung rinh cười trong nắng ấm. Chị Tâm, chị Phương thường ra cạy nhựa đào cho chị Nguyệt dán thư, dán ảnh. Nhựa đào tiết ra trên cành cây, màu mật ong trong vắt, dính như keo. Hoa bưởi, hoa dạ lan, hoa mộc lan thơm ngào ngạt. Vì tên mẹ, bố quý nhất cây Ngọc Lan hương thơm huyền diệu, lá xanh như ngọc, hoa trắng như những ngón tay ngà, như làn da mẹ. Sau này bố đã thích bài hát “Ngọc Lan” của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước với cùng một lý do. Hoa hồng quế đỏ như nhung. Hoa huệ trắng tinh như tuyết. Hoa mẫu đơn từng chùm không những lôi cuốn đàn ong lượn, đàn bướm vờn quanh, chúng tôi cũng thích nhậm hút thứ nhụy hoa mật ngọt ấy. Mẹ có đủ hoa quanh năm cúng ông bà, tổ tiên. Mỗi lần đi đâu, mẹ để vài bông Ngọc Lan tươi trong ví làm nước hoa thiên nhiên. Bà nội cũng thường hái hoa nhài, hoa sồi, cài trên độn tóc cho thơm.

Giữa trăm hoa đua nở xinh đẹp, dịu dàng ấy, xuất hiện những quả tạ sắt nặng nề mấy chục cân, một trăm cân trên sân đất cạnh lối đi vào nhà xe. Bố tập tạ mỗi buổi chiều hay những buổi sáng cuối tuần. Ông có thể nhấc bổng cây tạ 100kg bằng hai tay dễ dàng. Nhưng dù cố gắng tập dượt, gồng hết sức lực ông vẫn không thể nhấc quả tạ này bằng một tay và nâng thẳng trên đầu. Tạ chỉ lên tới ngực, tới vai lại rớt đập xuống đất. Đôi khi cả

người và tạ ngã lẫn kênh. Mẹ và chúng tôi không nín được cười khúc khích, thú vị. Trong vườn chỉ có chỗ đất đỏ nhẵn thín, cỏ không thể mọc nổi.

Khi lớn, mỗi lần nghe người ta nói tới “sao quả tạ,” tôi lại nhớ tới những quả tạ của bố và có thể mừng tượng những tai ách đến với con người khi bị ngôi sao bất hạnh đó chiếu tới.

Mùa hè, hoa giấy tím, hoa anh vàng đua nhau leo vượt cổng tiền ngạo nghễ. Hoa tường vi trắng, hồng, đỏ, tím rực rỡ đông đưa, mơn trớn những cột đá xanh trên thềm. Giàn hoa ớt từng chùm đỏ ối cũng muốn tô điểm cho gian nhà ngang khiêm tốn thêm phần thơ mộng. Chị Nguyệt thương nhất giàn ti-gôn um tùm trên cổng hậu, dây hoa lò xo tới bằng đồng *Villa Văn-Khôi* gần bên ngoài. Hoa ti-gôn màu xác pháo hình trái tim xinh nhỏ. Không biết giai nhân thương hoa vì thơ tình tan vỡ, bị thảm đầy nước mắt của T.T.Kh. hay trong tim ẩn giấu một mối tình đang dở? Các chị tôi thường lấy tăm gắn vào hạt ti-gôn già, chấm mực tím viết thư, hay chép thơ... Có phải đó là những lãng mạn tiền chiến, thời các chị không?

Như ở nhà cũ Hà Nội, bố lại trồng một giàn nho xanh cho đẹp ở góc vườn, cạnh khóm tre nhà hàng xóm, để lấy lá non nấu bò kho rượu vang đỏ bố vẫn thích như bao giờ. Vài luống ngô nếp trắng, hạt đều như hàm răng chị Kim, chị Nguyệt một thời hoa khôi Hà Nội. Không sáng thì chiều, ngày nào bố cũng ra thăm vườn, xem xét mấy luống ngô có bị sâu, có thiếu nước? Anh xe ngoài nhiệm vụ kéo xe, còn giữ việc xới đất, tưới cây, làm vườn.

Giàn mướp hương xinh đẹp của mẹ, hoa vàng mơn mớn, trái xanh lửng lơ, bướm trắng nhón nhơ bay lượn. Mướp hương tươi xào đậu rán thái lát, hành xanh, giá trắng, bỏ nhất

trần gian. Mướp hương nấu canh cua đồng, rau đay hay rau rền ăn với dưa gang, cà pháo muối, ngon tuyệt trần đời. Món ăn đậm bạc nhưng đã đi theo những đứa con xa đất mẹ tới tận góc biển, chân trời xa lạ, hoài vọng quê hương.

Có những đêm trời thanh, gió mát, bố ngồi ngoài thêm với đĩa lạc rang hay ngô rang và ly rượu trắng. Bố ngâm thơ với chú Hai ở Hà Nội về chơi hay bác cả Vinh bên hàng xóm sang. Các ông chờ trăng lên, say sưa xem hoa quỳnh nở. Chúng tôi ngồi bên bố, im lặng nín hơi như sợ làm động cánh hoa mong manh. Bông quỳnh rụt rè hé mở chỉ đủ nghe vài câu thơ bố ngâm nga tán tụng, để rồi từ từ khép cánh lại như e ngại sương đêm hay ngọn gió thô bạo, vô tình.

Mùa thu, mùa cốm cổ truyền, xanh thơm, mềm dẻo. Hình như cốm mẹ mua cho ăn, ngon lành, sạch sẽ vẫn không đủ với chúng tôi. Chị Tâm rủ chị Phương ra ruộng của ông bác hái lúa nếp còn ương xanh. Hai chị đem lúa về tuốt khỏi cọng, bỏ lúa vào nồi đất của u già. U rên dầy nói:

- Các cô ơi, vỡ nồi bà mắng u bây giờ.

Chị Tâm năn nỉ:

- Em cẩn thận mà, không làm vỡ đâu. U già nhóm bếp hộ em đi.

Có lẽ nghĩ rằng không thể ngăn cản mấy cô bé tinh nghịch này và nếu không giúp chúng một tay, nồi sẽ bể, bếp sẽ cháy, tất cả sẽ bị rầy la. Nên u già đành phải đồng lõa vậy. U chỉ cho các chị rang lúa chín thơm, mềm dẻo rồi đổ vào cối, lấy chày giã vừa tay, kéo cốm nát, dính luôn với chấu. Cuối cùng, cốm được đổ qua rá và vò xát, sàng đi, sấy lại nhiều lần cho đến khi chỉ còn lại cốm. Nếu các chị mang ra chợ bán chắc chẳng ai mua thứ cốm lẫn chấu ấy, nhưng chúng tôi đã ăn một cách thú vị hơn cả cốm làng Vòng gần Ô Cầu Giấy, Hà Nội, chỉ cách làng Mọc vài cây số.

Rằm tháng tám tới, vườn nhà có đủ trái cây bày cỗ. Nào cam xanh, quýt vàng, na dai, na bờ, ổi mềm, ổi dòn. Nào bưởi trắng, bưởi đào. Một cây bưởi lùn vừa cao ngang trán bố đã chi chít quả. Nào chuối tây, chuối ta, đào mận như da em bé. Nào doi xanh, doi hồng. Những quả táo nhỏ xiu ngọt lịm. Những quả đu đủ thơm ngon ruột vàng, hạt đen lách, bố thích nhất để ăn sáng. Những quả khế chín mọng nước, ngọt như đường phèn. U già thường kể công:

- U chôn xương cá, vỏ tôm dưới gốc cây nên khế ngọt như vậy đấy!

Một con mèo mướp trong nhà chết, chúng tôi cũng đòi u già chôn dưới gốc khế để mèo “phù hộ” cho khế sai quả và ngọt mãi. U còn làm món khế xanh thái mỏng dầm đường, gừng với một chút nước mắm, đậm ngon chảy nước miếng. Chúng tôi không có hồng dòn, vải ngọt, nhãn lồng, dứa thơm trong vườn, đã có bác Cả Vinh biểu, không phải đi mua một thứ trái cây nào bày cỗ Trung Thu.

Vườn nhà rộng rãi đủ để chạy nhảy leo trèo, nhưng cảnh vật làng xóm bên ngoài bức tường cao vẫn còn nhiều thú hấp dẫn. Chúng tôi thích sang chơi bên vườn ông bác, nhà tranh vách đất khang trang. Sân sau nhà bác phơi đầy thóc lúa, rom rạ. Người ta thường nói, con giống cha giàu ba đụn. Bác có cả chục đụn rom cao bằng mái nhà. Không biết bác giàu cỡ nào. Chỉ biết bác có rất nhiều ruộng nương trong làng. Vườn trước nhà bác có ao thả cá mè, cá chép, có hồ trồng sen. Bác Hai Ứng, chị ruột bác cả Vinh thường nhìn tôi nói:

- Con bé Dung giống ông Khôi như hệt, sau này nó phải giàu ba đụn.

Điều đó có thể đúng với quê hương tôi cũ đang khôn khó, kiệt quệ hay những người đã bị bóc lột tất cả tài sản, tay

trắng vừa mới rời xa nơi ấy. Nhưng ở xứ đại tư bản của chú Sam đây, định nghĩa chữ giàu thật vô chừng. Kẻ tưởng mình giàu, lại nghèo với kẻ khác. Người tưởng mình nghèo, lại giàu với người kia. Kẻ nghèo nhất, khổ nhất là kẻ hám hố không biết ngừng bon chen ở mức độ nào. Người giàu nhất, sung sướng nhất là người biết hài lòng với những gì mình đang có, thông dong nhân hạ đi bên ngoài cuộc tranh đua bất tận của thể nhân tâm thường.

Mon men bên hồ sen nhà ông bác một lúc, thế nào chúng tôi cũng kiếm được vài hương sen, chia nhau nhâm nhi thú vị. Hạt sen tươi dòn tan trong miệng sữa. Chạy một vòng ao cá chúng tôi có đầy túi nhãn, vải dầy cùi, mọng nước và ngọt lịm. Những con chim tu hú thật khôn ngoan. Mùa nhãn, mùa vải tới, chúng về chiếm đóng đầy trên các ngọn cây, bay lên, xà xuống rào rào, không ngừng rú hú như đe dọa, nạt nộ mấy cô bé không được ăn tranh vải, nhãn. Chúng tôi cũng nghênh ngang hát trêu lại, “Tu hú là chú bồ các, Bồ các là bác chim ri, Chim ri là dì sáo sậu, Sáo sậu là cậu sáo đen, Sáo đen là em tu hú, Tu hú là chú bồ các...” Tôi hát đến mỗi miệng vẫn không biết bài hát hết ở chỗ nào.

Các chị còn thích leo trèo như vượn lên mấy cây sung, cây vả, cành la đà che mặt ao, lá to hơn cái quạt cầm tay của bà nội. Những quả sung, quả vả sinh đôi, sinh ba, sinh bảy dính chùm, nảy nở từ thân cành lực lưỡng. Chúng tôi không từ khước, ăn no nê căng bụng những trái chất sin sít ấy. Bác cả Vinh gái đôi khi đem sang biếu gia đình chúng tôi hũ sung xanh muối, chẳng ngon và thay thế được cà pháo trắng nuốt của u già.

Chị Tâm, chị Phương cũng không tha mấy khóm dứa. Dù được nghe nói rắn thích ăn và hay quanh quần gần đấy, hai chị vẫn rủ nhau rón rén bẻ dứa. Ngọn được bút khỏi quả, rồi đặt lại khóm cũ. Làm sao không bị đòn cho được! Nào dứa

ngon lành gì, vừa xanh, vừa chua, vừa ngứa lưỡi. Chúng tôi chỉ nhấm nháp vài miếng rồi vứt đi, có bao giờ ăn hết quả đâu. Cái thích thú là muốn chọc giận và chơi ú tim với ông bác già. Bác gái, chị Khuê, chị Tị, anh Phú dễ dãi thường làm lơ cho chúng tôi nghịch ngợm. Nhưng bác trai khó lắm, bắt cứ mát mát gì trong vườn bác cũng mách bà nội và bố để chị Tâm, chị Phương bị đòn chày mông đít.

Một cầu gạch cong cong ngăn giữa hồ sen, ao cá và dẫn vào một điện thờ giáp hàng rào biệt thự Les Saules. Các chị không chịu đi trên sàn cầu bằng gỗ. Những bước chân son nhỏ bé chỉ thích nhấp nhón chênh vênh, nghiêng ngả trên thành cầu nhỏ hẹp bằng bề ngang một viên gạch. Mấy cái miệng liến thoắng không ngừng nghêu ngao bài học thuộc lòng ở trường:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Đôi khi tưởng chừng mấy cô bé sắp nhào xuống hồ sen, nhuộm bùn lầy hay rơi tõm xuống ao cá nước trong veo. Tuy nhiên có điều phải cẩn thận. Chị Tâm thường nhắc chúng tôi:

- Khi ơi, đừng cười nữa, bác Cả Vinh ở nhà đấy!
- Khẽ cái miệng chứ, bác ấy ra bây giờ!

Đúng vậy, nếu ông bác già trông thấy, chúng tôi sẽ bị gọi vào học chữ Nho còn vương lại từ thuở sinh thời của Ông Đặng Trần Côn ở làng này hơn 200 năm về trước. Bác muốn biểu dương oai quyền của ông đồ không còn đất dụng bút nghiên để tiêu khiển thời giờ nhàn hạ. Với lợi tức vườn ao, ruộng đồng, bác không cần đi làm như bố để mưu sinh. Suốt ngày bác chỉ ngồi tràng kỷ rung đùi, độc ẩm tửu trà, canh chừng lũ cháu tinh nghịch sang vườn bác phá phách.

Bác Vinh nói với bố, bắt chị Tâm, chị Phương học với bác những ngày cuối tuần hay nghỉ hè. Bố thấy rằng không cần thiết nên không ép các con. Vì thế các chị trốn học hoài, trừ khi bác bắt được đành chịu trận. Cô cháu gái ông Xếp Lại ở Hà Nội về chơi, đi theo chúng tôi cũng bị học chữ Nho luôn. Bác bắt chúng tôi học thuộc lòng và tập viết bài về Tam Thiên Tự theo chữ Hán và quốc ngữ, “thiên giới, địa đất, cử cật, tồn còn, tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba, gia nhà, quốc nước...” Phải ngồi im lặng hằng giờ không được nhúc nhích, không được nói chuyện để học đi, học lại những chữ nhàm chán là một sự trừng phạt nặng nề cho mấy cô bé chỉ thích tung tăng chạy nhảy, chơi đùa trong vườn, ngoài ruộng.

Sợ nhất là thấy bác dùng cây tăm kinh niên, to bằng que đan bao tay hay bút tắt của mẹ để xia răng. Xia xong, bác búng vẩy tía lia rồi gài tăm lại cột nhà để dùng lại. Ghê khiếp quá! Tuy nhiên, lớn lên khi bắt đầu có những bài tập đọc, chính tả, ngữ vựng, luận văn... tôi dùng được rất nhiều chữ Hán đã học với ông bác làng Mọc Thượng Đình, *Ngày Xưa Quê Tôi*.

Những đêm đông giá lạnh bên ngoài, chúng tôi thích nhất ngồi cạnh lò than hồng, ăn ngô, lạc được rang với cát nóng trong nồi đất ngay trên lò, rồi được sàng sảy qua rỗ thưa. Chúng tôi say mê nghe cổ tích bà nội kể. Giặc Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng giết người tàn bạo, xiên nướng, ăn thịt trẻ con. Chuyện đường rừng, hùm beo, hổ báo ăn thịt người rừng rợn.

Bà nội thường hồi tưởng và nuôi tiếc về thuở còn con gái, tay búp măng nõn nà gây đàn tranh thánh thót, gia đình nghiêm giáo, Nho học ở tỉnh Thanh Hóa xa xôi. Bà vẫn còn giữ cây đàn làm kỷ niệm. Ông nội sinh quán làng Xuân Canh, Hà Nội, đã mất sớm từ khi bố tôi mới ba tuổi. Người

làng vẫn đều đều mùa nào thức nấy quẩy gánh hương hoá quê nhà chia cho bà Huân. Nào gạo tẻ, gạo nếp, nào đậu xanh, đậu đen, ngô, lạc luôn luôn đầy ắp những chum, vại trong nhà.

Làng Xuân Canh có nghề làm rượu trắng. Thấp thoáng tôi còn nhớ những đồng bã rượu đầy ú ụ trong những nhà tôi được đưa về thăm và ăn rượu nếp say sưa. Hình như về làng Xuân Canh phải đi đò qua sông, đi bộ trên một quãng đê cao. Con đường đất vào làng qua vài miếu đền cổ kính như chuyện đời xưa của bà nội. Ngoài kia ngọn đèn điện vàng vọt soi ngõ tối vào làng đang yên giấc. Gió vi vu qua khóm tre già ngoài góc vườn như khẽ ru tuổi thơ vào mộng đẹp.

Những ngày trước Tết rộn ràng, mẹ đi Hà Nội mua sắm áo quần, giày dép mới cho chúng tôi. Ngày ba mươi cả nhà tắm gội bằng nước nóng đun lá thơm để tiễn năm cũ, đón năm mới, “tống cựu nghinh tân.”

Ngày Tết, chị Tâm, chị Phương thường mặc áo dài nhung hay gấm màu vàng, màu hồng, quần sa-tanh trắng, bít tất trắng, săng-đan đỏ. Có Tết tôi được mặc bộ đồ soọc nhung lam như con trai. Quần áo viền sa-tanh vàng, mũ tua vàng, giày đen bóng. Bố mẹ hiếm con trai nên tôi đã bị thay thế vài năm khi còn nhỏ. Có Tết tôi được mặc bộ váy đầm nhung tím, nơ vàng gắn trên tóc.

Sau khi được bà nội và bố mẹ mừng tuổi, chúng tôi hớn hở chạy ra đường làng chơi, khoe quần áo mới. Làng Mộc Thượng Đình chỉ cách Hà Nội vài cây số, nhưng dân làng sinh trưởng ở đây ăn mặc khác hẳn chúng tôi. Đàn ông, con trai lớn bé đều mặc áo the thâm quần vải trắng hồ bột cứng. Đàn ông đội khăn xếp, con trai để đầu trần. Đàn bà, con gái quần lĩnh, áo tứ thân, khăn mỏ quạ. Trẻ con đi theo chúng tôi nhòm ngó, trầm trồ. Trái lại, chúng tôi cũng ngẩn ngơ nhìn

các cô gái quê nhí nhanh, duyên dáng, môi giầu cắn chỉ, đỏ như son. Yếm đào, yếm thắm, khăn lung hoa lý, hoa sen, vàng, xanh, đỏ, tía phát phới bay. Các cô ríu rít đi chày hội làng Mộc Hạ Đình với những thúng xôi nếp trắng tinh, xôi gấc tươi đỏ, xôi hoa cau trắng lấm chấm đậu vàng còn nóng hổi. Các cô đem xôi đi tranh tài đấy. Và, cô thôn nữ nào sẽ được giải xinh đẹp nhất hay khéo léo nhất đây?

Thú quê như không bao giờ hết. Mỗi lần được u già nhờ ra đồng hái rau khúc hay đi mua đậu phụ nóng bên làng Mộc Chính Kinh, cũng vui như Tết. Mấy cô bé chạy nhảy như chim sâu trên con đường làng gạch đỏ. Chị em chạy ủa tới cây đu trên bãi đất chơi đầu làng. Đu cao, đu bông, đu tít lên không. Đu đến ù tai, chóng mặt, nhắm nghiền mắt vẫn cứ đu không ngừng. Những bàn tay nhỏ bé nắm chặt dây đu, cười vang trong gió lộng. Ước gì thời gian ngừng lại. Cuộc đời cứ bay bổng, thần tiên như thế mãi!

Chơi đu không mệt, không chán nhưng vẫn phải nghĩ tới sức mạng đi hái rau khúc, đi mua đậu phụ. Chúng tôi tung tăng băng xuống cánh đồng mênh mông, bứt nhấm những bông lúa sữa non thơm mùi cốm. Trong buổi sớm mai tươi mát, nông phu kẻ cày, người cuốc, quăng lưới vớt tôm, vớt tép. Trai tráng khoẻ mạnh đẩy đưa gầu sông, tát nước từ nương cao vào ruộng. Gái quê từng cặp đôi, cặp bốn kéo lên, thả xuống nhịp nhàng những chiếc gầu dai, tát nước từ ao thấp lên ruộng. Họ vén quần cao trên đầu gối, thản nhiên, không e thẹn. Đàn bà, con gái thôn quê đã văn minh trước dân thành thị. Họ mặc “váy đầm dài” đen, “quần soọc” ngắn, yếm trắng hở tay, hở lưng quyen rũ trước thiên nhiên, công cộng. Trong khi phụ nữ Hà thành hoa lệ vẫn áo quần lớp lớp, kín bưng.

Khi lên tiểu học, được dịp học những bài về canh nông, tôi kiêu hãnh hình dung và cắt nghĩa được thế nào là gầu sòng, thế nào là gầu dai ở đồng quê.

Chị Tâm, chị Phương vừa chạy nhảy lò cò trên con đường ruộng xanh rờn, thả cánh cò bay, vừa “đổi cảnh sinh tình,” thì nhau đọc vang những bài ca dao học trong lớp. Trông thấy trâu các chị hát:

*Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Trông thấy cò bay lên đậu xuống, mổ tôm, mổ tép trên cánh đồng ruộng nước, các chị “ưng khẩu” ngay:

*Cái cò cái vạc cái nông,
Sao mày dẫm lúa nhà ông hời cò?
Không không tôi đứng trên bờ,
Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin thì xin đi đôi,
Mẹ con cái vạc còn ngồi nơi kia...*

Thiên thần tuổi thơ hình như cũng muốn bay theo chúng tôi ca hát, tấu nhạc tung bừng trên cánh đồng ban mai chan hòa ánh nắng trong vắt thủy tinh. Chỉ đi dọc bờ ruộng từ biệt thự Chấn Long sang cổng làng Mọc Chính Kinh cổ kính, chúng tôi cũng hái được đầy rổ rau khúc xanh non, mận mành như nhung, để u già làm bánh khúc nhân đậu xanh, hành mỡ ngon béo không đâu bằng. Nhà làm đậu thơm nồng hương

đậu nành. Những miếng đậu trắng phau còn ầm tay, chỉ muốn cắn ăn ngay. Trên đường về, có rô đậu rồi, chạy nhẹ thôi kéo rô roi, đậu nát, không được ăn món đậu rán nóng tẩm trứng gà tươi và hành lá xanh của mẹ. Hay, đậu nóng đem về cắt ra miếng, ăn với mắt tôm chanh ớt cũng ngon thật là ngon!

Sau này, được học thuộc lòng bài thơ của La Fontaine¹², do Nguyễn Văn Vĩnh¹³ dịch, tôi không khỏi mỉm cười, bởi hồi nhớ lại hình ảnh ngộ nghĩnh của ba cô bé ngày xưa cầm rô đi mua đậu phụ trên cánh đồng quê dễ thương ấy. Ngược lại, mỗi khi nhớ đến kỷ niệm này, tôi liên tưởng tới cô bé bán sữa kia.

Cô Bê-rét đi mang liễn sữa,

Kê đệm bông ở giữa đỉnh đầu.

Chắc rằng kẻ chợ xa đầu,

Nhẹ nhàng thoăn thoắt chẳng âu ngại gì...

(Trích từ bài thơ của Dịch giả Nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh dịch từ bài thơ ngụ ngôn "La Laitière et le Pot au Lait" của Jean de la Fontaine)

Tuy vậy, cô Bê-rét vụng về làm đổ bình sữa. Chị em chúng tôi khéo léo hơn, những miếng đậu thơm nóng không bị rơi rớt bao giờ, chỉ bị bầu véo, xút mẻ quanh rìa đôi chút, để u già phải cắt xén lại ngon lành hơn, trước khi rán cho chúng tôi ăn cơm.

12 - Jean de La Fontaine (1621-1695) Paris, France

13 - Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), người tỉnh Hà Đông. Nhà văn đi tiên phong trong công cuộc xây dựng nền quốc văn và bậc thầy trong cách dịch thuật, chủ bút, chủ nhiệm nhiều tờ báo. Ông dịch "Kim Vân Kiều" sang tiếng Pháp; dịch sang Việt ngữ nhiều thơ ngụ ngôn của La Fontaine, nhiều kịch bản và tiểu thuyết nổi tiếng của Pháp, Hy Lạp...

Mùa xuân 1944 mẹ sinh em Vân ở nhà thương Thanh-Xuân giữa làng Mọc và Hà Đông. Em là con duy nhất trong gia đình sinh ở ngoại ô, vì hồi đó bố mẹ lo sợ máy bay Đồng Minh Mỹ dội bom Hà Nội. Tuy nhiên, nhà thương sanh rất rộng rãi, sạch sẽ của ông đốc-tờ Việt Nam, nổi tiếng giỏi, trông coi. Bố nói vậy với bạn bè, họ hàng đến thăm mẹ và em bé. Bố đặt tên em Tường-Vân, mây trong lành của bầu trời *Ngày Xưa Quê Tôi*. Lo lắng sức khỏe cho mẹ, bố mua máy và tự tay ép thịt bò tươi còn nóng hồi u già mua về để lấy máu bò cho mẹ uống. Thời buổi đó ít có những ông chồng yêu thương, săn sóc vợ con như bố.

Chúng tôi thay nhau đẩy xe em Vân trên đường làng gạch đỏ. Em bé nằm trong xe với những bộ mũ áo, bít tất rất đẹp mẹ tự khâu đan. Trước khi trở thành bà phán Khôi, mẹ là cô giáo dạy nữ công, gia chánh trường Thăng Long, Ngõ Trăm, Hà Nội, cùng thời với Võ Nguyên Giáp là giáo sư sử địa tại đây. Ông Hiệu Trưởng Phạm Hữu Ninh là em con cô, con bác với mẹ.

Đường đi vào xóm trong qua nhà bà Hai Lịch, sân gạch phơi lúa rộng bát ngát. Hàng cau gầy thẳng tắp. Chỉ có mấy chú mèo mới leo nổi những cây cau cao chót vót kia. Được nghe các chị véo von hát hoài tôi cũng thuộc câu chuyện ấy:

Con mèo mà trèo cây cau,

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.

Chú chuột đi chợ đường xa,

Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo.

Đường qua nhà ông Lý Trưởng kín cổng, cao tường. Nhà bà Hai Chi làm yếm, độn khăn cuối ngõ. Trước cửa nhà ông Lý Trưởng, tấp nập các bà, các cô rửa bát, bì bõm tắm giặt cầu ao. Những cánh tay hờ nồn nà. Những đôi chân trơn

tròn trĩnh. Những mảnh lưng trần dài thon. Những cõn ngực căng đầy sau khăn yếm mỏng. Hình ảnh gợi cảm ấy, tôi đã nhờ họa sĩ Nguyễn Thị Hợp ghi vào tranh lụa treo trên tường nhà hiện tại. Đường nét vẽ của tranh thanh thoát, màu sắc nhẹ nhàng để quê hương gần gũi bên tôi, vào ra hằng ngày như bóng với hình.

Có lần tôi vừa chạy, vừa đẩy xe em Vân ra gần tới cổng biệt thự Les Saules thì đụng độ một công tử bánh bao trên lưng ngựa cao lớn từ xóm bên kia đường cái đi sang. Người ngựa xăm xăm tiến tới, định lách qua tôi và xe em bé để vào làng. Tôi sợ quá hét như còi tàu hỏa. Ngựa cũng hoảng sợ hí vang, chồm lên gần đụng hai chị em. Ghìm ngựa lại kịp thời, anh chàng nhìn chúng tôi cười có vẻ thú vị và quay trở ra. Ngựa chạy lóc cóc, ị phân đầy đường cái. Tôi đã hết sợ, cười thắm: “A, tiếng hét của mình cũng ích lợi lắm. Nếu không con ngựa bất lịch sự kia đã làm bẩn con đường làng gạch đỏ sạch sẽ.” Tôi còn trông thấy “đối phương” vài lần nữa. Nhưng có lẽ ngán cô bé gùm gùm, búống bình đứng chặn giữa lối đi, không tiến được, nên người ngựa đành chịu thua không dám vào đường làng nhỏ hẹp.

Kỷ niệm trên chợt trở về, khi vợ chồng tôi du lịch qua một vùng quê Anh Cát Lợi bao la, xanh mướt. Hai bên đường ngựa ăn cỏ trong trang trại rất gần tầm tay với. Nếu ngựa thò đầu ra ngoài hàng rào và xe đi nhanh có thể đụng mõm ngựa. Tôi yêu cầu ông chồng:

- Anh làm ơn đi chậm lại một chút.

Chàng nhún thẳng, quay sang hỏi:

- Em muốn ngừng xuống “pi” hả?

Tôi xuống kính xe:

- Không. Em muốn xem cái này.

Thế rồi, tôi lấy hết sức lực hét lên một tiếng đinh tai, nhức óc. Ông chồng tôi hốt hoảng thắng dừng xe. Ngựa

trong hàng rào giật mình kinh sợ cũng hí vang, chạy tán loạn. Tôi cười lên như ngựa hí, kể chuyện xưa và nói ý định muốn thử lại kinh nghiệm *Ngày Xưa Quê Tôi*. Chàng thích thú nghe, vui lây với kỷ niệm của vợ và không phiền hà giây phút giật gân vừa qua.

Trở về làng Mọc Thượng Đình ngày cũ, đường đi ra biệt thự Chấn Long và nhà ông Đốc Bách nghe leng keng tàu điện Hà Nội-Hà Đông, Hà Đông-Hà Nội. Mẹ thường kể rằng, mỗi lần được đi chơi bằng tàu điện, con bé Dung chỉ chỏ liên miên, bi bô luôn miệng, tàu ngừng mới chịu ngưng. Từ khi quân Nhật tới xâm chiếm rồi đến quân thổ phỉ Tàu đói khát tràn qua Việt Nam cướp bóc, bà ngoại, cô Sứ em gái của mẹ, không ở Hà Đông nữa. Hai người dọn ra ở căn phố gạch mới xây bên kia đường cái và mở cửa hàng tạp hóa. Tuy bà không còn ở Hà Đông, chúng tôi vẫn gọi bà là bà Hà Đông. Chúng tôi mong bà ngoại như mong mẹ về chợ. Vì mỗi lần bà vào làng thăm, thế nào chúng tôi cũng được ăn bánh gai, bánh nếp, bánh đa đường thơm ngọt. Tôi thường căn dặn bà:

- Bà ơi, bà mua cho cháu bắp ngô vàng thật vàng, có nhiều hạt đỏ, hạt tím, hạt xanh bà nhé.

Bà ngoại ngạc nhiên nhìn tôi:

- Ngô có hạt đỏ, hạt đen là ngô già và cứng không ngon đâu con ơi!

Tôi cố gắng cắt nghĩa:

- Ngô cứng dễ tách từng hạt. Con thích ăn từng hạt, nhai mới được kỹ, không nghẹn và chóng tiêu. Mẹ cũng nói vậy.

Chẳng biết bà ngoại có tin tôi nói không, nhưng bà thường để dành cho tôi những bắp ngô mà mẹ thường nói già “cốc đế đại vương,” không ai muốn ăn. Thực ra tôi thích tách ngô, xâu vào que tăm chơi bán hàng... một mình, chơi chán chê bỏ túi ăn suốt mấy ngày mới hết.

Lẽ dĩ nhiên tôi đã bỏ, không còn chơi bán ngô từ thuở nào, nhưng vẫn còn có cái tật ăn ngô già đến môi răng, rất lâu la, kỹ lưỡng từng hàng hạt để gặm nhấm cái thú bẩm sinh. Trong khi đó nơi quê hương mới của tôi người ta chỉ thích ăn ngô rất non, còn bằm ra sữa. Ngô già chỉ để cho gà, ngựa, bò ăn. May mắn thay, cái thân bé nhỏ, yếu đuối này đã không phải làm thân trâu ngựa, vất vả, điêu linh như những người dân nghèo khổ, tù đầy, bên trời quê cũ.

Mùa gặt về trong làng Mọc, đồng lúa nặng trĩu, chín vàng. Ôi hương lúa thơm vẫn còn nghiêng say lòng người và đi theo tôi mấy chục năm, qua bao đại dương, lục địa.

Một ngày, trên con đường đến thăm tòa lâu đài cổ bên dòng sông Rhine uốn khúc êm đềm, trời nắng ấm, đồng ruộng hai bên đường rập rờn vàng óng, tôi kéo cửa xe hơi xuống để hít thở không khí trong lành. Bỗng đâu một thoáng hương quen thuộc nào theo gió đưa vào xe. Suốt một quãng đường dài, tôi cố gắng moi tìm trong trí óc, nhưng vẫn không nhớ mùi thơm gì.

Cho tới khi xe ngừng xuống bãi đậu ngay bên cánh đồng, tôi mới nhận ra những nhánh lúa mì chín mẩy. Tôi đoán đó là lúa mì, vì dân Tây phương ít ăn gạo tẻ, gạo nếp như dân Á Đông, và chợt hiểu rằng, mùi hương quen thuộc tôi đang thờ hít cũng là hương lúa chín làng Mọc Thượng Đình thuở nào. Tôi nâng niu, hít ngửi những nhánh lúa dễ thương đưa tư tưởng trở về *Ngày Xưa Quê Tôi*...

Trong ruộng lúa nhà bác Cả Vinh, thợ gặt vừa thoăn thoắt đưa liềm cắt lúa, vừa chuyện trò, ví von. Mấy cô bé Hà Nội nhớn miệng cười làm quen. Thỉnh thoảng họ ngừng tay làm việc, bện những nhánh lúa vàng thành những hình bọ ngựa, châu chấu, cào cào và hỏi chúng tôi:

- Các cô có thích mấy con này không?

Tôi nhanh miệng nói ngay:

- Có thích, cho em đi.

Người thợ gặt tươi cười đưa cho tôi con châu chấu kết bằng những cọng lúa thơm. Tôi vui mừng như được món đồ chơi ngộ nghĩnh, hiếm có. Mấy chị em chỉ thông dong đi một vòng dọc đường làng đã được một ôm lúa với những hình cào cào, châu chấu, bộ ngựa đem về nhà. Mẹ bảo chúng tôi:

- Các con chơi chán thì đem cho chị em Xuân, Cách nghe chưa, đừng vứt đi, phí của giờ. Chúng nó phơi khô giã lấy gạo.

Chúng tôi vâng dạ để yên lòng mẹ, nhưng chị Tâm, chị Phương lại có trò chơi khác. Chúng tôi tuốt những hạt lúa mập mạp cho vào nồi đất và với sự thông đồng của u già, các chị rang lúa cho đến khi nở tung thành bông trắng thơm ngát ngào. Nhiều hạt bông còn dính chấu nên chúng tôi phải nhón từng hạt nhâm nhi ăn, bông lại càng thơm ngon, ngọt bùi... như cuộc đời luôn luôn âm no, đầy đủ bố mẹ đã hy sinh cho chúng tôi.

Cảnh đồng quê yên vui, mộc mạc. Sáng đàn trâu nhà ông Lý Trưởng được dắt ra đồng, tôi lùa về chuồng. Tiếng sáo tre tuyệt vời của anh Phú vi vu trong quê trưa êm ả. Trương Chi cũng chỉ có tiếng sáo đề mê đến thế. Những buổi chiều mát, anh Phú buộc sáo vào diều và thả cho căng gió bay lên không. Diều cao vút, sáo trầm bổng. Thiên nhiên chơi vui, diễm tuyệt!

Đêm về nghe tiếng chày giã gạo nhịp nhàng văng ra từ nhà bà hai Lịch cách mấy giậu gang. Dưới ánh trăng vằng vặc, mấy cô gái thanh xuân mười chín, đôi mươi, chị Nguyệt, chị Khuê, chị Tị rủ rỉ trên thềm ngoài cổng nhà bác Cả Vinh. Các chị thì thầm nói chuyện Hà Nội đang sáng rực ánh đèn đêm. Gió khuya rì rầm ru ngủ đồng lúa thanh bình.



Tranh lụa "Rửa Bát Cầu Ao",
Họa sĩ Nguyễn Thị Hợp



Tranh "Bếp Hồng", Họa sĩ Nguyễn Đồng

Rồi một ngày mùa thu, mùa cau xanh tới, mùa của đám cưới, đám hỏi chị Nguyệt cho anh Uẩn con cụ Tú Chi Phó Lãn Ông, Hà Nội, được cử hành thật tưng bừng. Đoàn ông con trai trong những bộ đồ tây trình trọng. Các cụ, các bà, các cô trong áo nhung, áo gấm lượt là, nữ trang vàng ngọc diêm dúa. Chị Nguyệt đẹp dịu dàng trong áo lụa hồng như đôi má chị. Mấy cô em nhỏ, nơ hoa cài tóc, áo mới lãng xăng chạy ra, chạy vào. Sắp đến giờ nhà trai tới. Chúng tôi được lệnh chạy lên cổng nhà ông bác ngóng trông ra tận ngoài đường cái. Một đoàn người áo the thâm, thắt lưng đỏ khênh đội đồ sính lễ cũng được phủ lụa đỏ đã đi tới cổng biệt thự Les Saules. Chúng tôi cuống quýt chạy về, reo hò như vỡ làng:

- Nhà trai tới. Nhà trai tới rồi!

Hai cánh cửa cổng chính thường ngày khóa chặt, hôm nay được mở rộng. Những bậc lão niên đi trước. Theo sau là những mâm trầu cau, chè tàu, rượu tây, mứt sen, bánh cốm, xu xê, xôi gấc, lợn quay được mang vào nhà, bày la liệt khắp điện thờ, phòng khách. Nhà trai ở lại thưa gửi, bàn bạc chuyện đám cưới cho đến chiều. Nhà gái hội họp nhận nhip đến tối. Chưa bao giờ nhà tập nập, đông vui đến thế.

Từ đó, theo phong tục cổ truyền mẹ phải giữ lễ bộ với thông gia. Trước ngày ông Công, ông Táo lên châu trời cuối năm đó, mẹ chọn mấy cặp mía cúng ông vải, đốt dài, mập thẳng nhất trong vườn, một cặp gà trống thiên to đẹp nhất chuồng, một đôi cá chép lớn tươi nhất vừa được lưới từ trong ao. Anh xe chở mẹ và tôi đi biếu nhà chồng tương lai của chị Nguyệt. Thông gia hai họ đăng trai, đăng gái trước đám cưới tỏ thiện chí làm thân cho đôi trẻ. Sau đám cưới hai gia đình cố gắng coi nhau như họ hàng, bà con thân thiện để đôi uyên ương thêm phần keo sơn, gắn bó nghĩa vợ chồng.

Chẳng bao lâu sau, phong trào bài trừ xe tay lan rộng. Xe được kéo bằng sức người chạy bộ vất vả, cực nhọc cho kẻ

nhàn hạ, ăn trên, ngồi trốc, một hình thức nô lệ Á Đông đầu thế kỷ. Bố hưởng ứng ngay, cho anh xe nghỉ và bán xe nhà. Từ đó mỗi lần ra Hà Nội, chúng tôi đón tàu điện ở đầu nhà ông Đốc Bách hay trước cửa biệt thự Les Saules. Chúng tôi chấp nhận sự thay đổi một cách vui vẻ, dễ dàng.

Tàu điện cũng là một trong những thích thú *Ngày Xưa Quê Tôi* như trong vườn chơi địa đàng vĩ đại Disney World, Disneyland của kỷ nguyên phi thuyền, hỏa tiễn. Ngày nay, xe tay lại xuất hiện và được dùng cho du khách ngoạn cảnh tại những thành phố có nhiều dân gốc Á Đông như San Francisco, Toronto... với những cô cậu kéo xe, da trắng, mũi lõ, mắt xanh, khỏe đẹp như thiên thần, không một chút mặc cảm nô lệ, thấp hèn như “cu-li” dưới thời thực dân bên ta. Vừa chạy bộ tập cho dai sức, thon người, vừa được trả tiền. Một việc làm thể thao!

Từ ngày anh xe nghỉ, trong nhà chỉ còn u già và nhỏ Thường giúp việc. Tuy hơi ngây ngô, Thường rất hiền lành, chịu khó và có nhiều trò chơi thú vị cho chúng tôi. Vì không được ra khỏi nhà một mình, nên tôi thường năn nỉ xin mẹ cho theo Thường trong những việc lật vật bên ngoài. Tuy được mẹ luôn luôn căn dặn, đi ba chân bốn cẳng về ngay nhé, chúng tôi vẫn ngừng lại bất cứ chỗ nào Thường trông thấy có quả găng, quả chuối, tóc tiên chín và ăn được.

Ra đến ngoài đường cái, Thường ngồi xuống áp tai trên đường sắt, xem chắc chắn không có tàu điện đi tới mới cho tôi nhón gót, dang hai tay giữ thẳng bằng đi trên đường rầy nhỏ cũng chỉ bằng bàn chân tôi. Thường cũng đặt một hàng nắp chai bằng thiếc trên đường sắt rồi chạy đi nhặt quả bàng, quả nhệ, me, sấu chín rụng. Tôi bỏ vào miệng tất cả những quả gì Thường ăn và đưa cho tôi. Khi thấy tàu điện từ đằng xa, Thường hô hoán gọi réo và kéo tôi chạy ngay ra khỏi đường rầy. Âm thanh của bánh xe nghiêng rít lên những nắp

chai làm tôi ôm tai, nhắm mắt rung mình. Nếu lâu tàu điện chưa tới, Thường giục giã tôi chạy theo cho nhanh ra cầu Mới mua rau, mua giá... hay qua bà ngoại mua nước mắm, dấm, đường... Lúc trở về tàu điện đã qua, Thường nhặt những nắp chai đã bị cán mỏng dẹp trên đường sắt để làm đồng xèng đánh đáo.

Thường còn chỉ cho tôi trò chơi đồng xèng sắc như dao với hai sợi dây khâu qua hai lỗ nhỏ đục ở giữa. Hai đầu dây được quàng qua hai ngón tay giữa và co giãn nhịp nhàng cho đến khi quay tít như cánh quạt điện. Thường để đồng xèng của tôi cắt dây của Thường, tôi thắng và được ăn thêm mấy quả đại hái nhặt trên đường đi. Lần đầu tiên chơi, bị dây thắt chặt, tím cả ngón tay, tôi la ré lên. Thường dùng hai ngón tay, ngon ơ giữ đồng xèng đang quay tít. Thường còn biểu diễn công dụng của trò chơi ấy để cắt xén những cành lá lòa xòa hai bên đường. Về gần đến nhà, Thường lấy lại đồ chơi, giấu túi áo và chúng tôi chạy không kịp thở để tranh thủ thời gian lang thang, không bị mẹ mắng.

Nhỏ Thường còn có tài bắt chim sẻ cho chúng tôi chơi. Một hôm Thường đem khoe mấy cô chủ nhỏ một đĩa chim rán vàng ngậy, thơm phức. Chúng tôi nhận ngay ra món gì và la chói lói ầm nhà. Trái lại anh Khánh rất thú vị được chén một bữa ngon lành. Để không làm phật ý chúng tôi, Thường không lấy sào khều tổ chim non dưới mái hiên nữa.

Nhưng cũng chưa hết chuyện Thường. Một hôm bố chống ba-toong bách bộ chung quanh nhà. Kì, Lu lững thững theo sau. Bỗng dừng hai con chó nhìn vào một cái vại để góc sân, sủa oăng oăng. Bố ngừng lại. Cả trăm con ốc đang đội nắp vại lồm ngồm bò ra. Bố khua gậy lên và la:

- Đã cấm không cho ăn ốc, sao đây một vại ốc đây. Đưa nào bắt ốc đem về nhà, thằng Thường hả? Dịch hạch, dịch tả

đầy rẫy ngoài kia, muốn chết hay sao mà ăn ốc? Nhỏ đâu đem đồ ốc xuống ao mau!

Ba chị em cô bé đồng lứa, trốn biệt trong phòng. Nhỏ Thường cũng nín im thín thít, dù bị mắng oan cũng không dám cãi và lật đật vớt ốc trong vại ra rổ. Nghĩ thế nào bỏ lại hết:

- Thường, đem ốc đồ xuống giếng. Ta nói là đồ xuống giếng nghe chưa!

Có lẽ bố nghĩ rằng, ốc đồ xuống ao sẽ lại được lũ con và thằng nhỏ vớt lên dễ dàng. Muốn cho chắc chắn, ông chống ba-toong đi theo Thường ra tận giếng nước đầu làng, canh chừng Thường đồ ốc. Chao ôi! Trọng Thủy còn tìm được dấu vết lông ngỗng của Mỵ Châu. Ai tìm được ốc của chúng tôi dưới đáy giếng sâu kia?

Đúng vậy, chị Tâm, lúc nào cũng đầu tiêu. Chị đã nhờ nhỏ Thường đi kiếm cành tre, đào giun làm mồi, xâu chỉ với kim cài khăn của bà nội làm cần cho chúng tôi đi câu cá các ao trong làng. Nhưng việc này không thành công. Chỉ dăm ba con sắn sất, mấy con cá rô, cá diếc bé tí teo cần câu của chị Tâm. Cá nhỏ đem về thả chậu nước chỉ một lát sau cá chết, nổi lênh bênh, không thích thú! Chị Tâm nghĩ ra một trò chơi khác. Chị bảo nhỏ Thường đi kiếm cành tre lớn hơn cần câu, buộc vào một cái rổ và rủ chúng tôi đi vớt ốc. Theo lời chỉ dẫn của nhỏ Thường, chị Tâm nói:

- Buổi sáng khi trời có nắng, ốc nổi lên mặt nước, mình tha hồ vớt.

Chị Tâm giữ độc quyền bắt ốc. Với cái rổ có cán tre ấy, chị đủ lớn để lom khom đi theo bờ ao vớt ốc, không phải lội xuống bùn. Chị Phương và tôi chỉ xách giỏ theo đưng ốc đem về. Việc vớt ốc thật hào hứng, thành quả mỹ mãn với vại ốc đầy. Chị Tâm hí hửng nói:

- Các anh chị ở Hà Nội về chơi sẽ có ốc ăn thả cửa!

Chị đây nấp vai cẩn thận để giấu bố. Nhưng cả trăm con ốc bị nóng, bị ngạt cùng hò nhau đội nắp bò ra, đòi tìm tự do, hít thở sinh khí, làm Ki, Lu bực mình sửa vang, nên chuyện ốc bại lộ.

Bố kỹ lưỡng, vệ sinh lắm! Ông rất thích ăn món ốc nhồi hấp thịt, nấm hương, cà cuống, lá gừng. Nhưng từ ngày dịch tả hoành hành, người chết không kịp chôn, bố không cho mẹ làm món đó nữa. Mẹ phải thân chinh pha thuốc tím cho u già rửa rau, ngâm rau đến vàng ra mới được ăn. Mẹ phải canh chừng u dội nước sôi tráng bát trước khi đẩy lồng bàn che ruồi, tay sai đắc lực của bệnh dịch tả.

Cùng lúc bố sai mua thuốc giết chuột, bẫy chuột, đốt chuột để ngăn ngừa dịch hạch truyền bệnh, anh Khánh lại thích chơi với chuột. Chắc bố cũng không bao giờ biết chuyện đó. Ba cô em bé che đây rất nhiều chuyện tình nghịch với các anh chị. Một hôm đứng trong bếp anh Khánh gọi chúng tôi:

- Tâm, Phương, Dung đâu, vào đây anh cho xem cái này hay lắm cơ... Nhanh lên không nó chạy mất bây giờ.

Chúng tôi ào ào chạy tới. Anh đang đứng che lấp mấy cái chân kiềng bằng sắt trên bếp. Tay anh chỉ cầm cái gấp than. Chị Tâm hỏi:

- Anh Khánh có cái gì hay đâu?
- Các em thích chơi lợn con không?

Nghĩ tới đám lợn ủn ỉn trong chuồng nhà chị em cái Xuân, cái Cách bên hàng xóm, tôi nói:

- Lợn to quá không chơi được.

Chị Phương cũng lắc đầu:

- Lợn bẩn lắm.

Anh Khánh cười bí mật:

- Lợn của anh bé tí teo, xinh lắm, sạch lắm cơ!

Có lẽ vì sinh năm lợn, cầm tinh con lợn, chị Tâm thích chơi lợn. Chị đã từng đi ôm lợn con hàng xóm về chơi nên háo hức nói:

- Lợn con của anh đâu, cho tụi em xem đi?

Anh Khánh vẫn thông thả kéo dài sự tò mò của chúng tôi:

- Các em phải nhắm mắt lại. Anh đếm đến mười mới được mở ra, không lợn biến đi mất đấy!

Chúng tôi làm theo lời anh ngay cho mau chóng được xem lợn con. Khi anh đếm đến mười, chúng tôi vội vàng mở mắt. Anh đã đứng sang một bên, tay vẫn chỉ có cái gắp than. Chúng tôi ngơ ngác như muốn hỏi. Anh chỏ cái gắp than lên bếp. Chúng tôi cùng rú lên một lượt như còi tàu hỏa, lấy tay che mắt, hé nhìn. Một lũ chuột con nhỏ bằng ngón tay, đỏ hồng, mắt còn kín màng chưa mở, lúc nhúc bò trong đồng tro. Chúng tôi không sợ mấy con lợn to và bẩn. Nhưng không hiểu sao chúng tôi đã rùng mình lùi ra xa, không dám lại gần mấy con chuột yếu đuối, đáng thương này.

Sau những trò chơi rừng rợn ấy, anh Khánh thường đền các em bằng quà bánh hay những chiếc thuyền, chiếc tàu bay, mũ giấy mà anh gắp rất đẹp. Chiều đó, anh Khánh sai nhỏ Thuởng ra xưởng làm kẹo ở Cầu Mới mua kẹo vùng, kẹo bột để khao mấy nạn nhân còn run sợ không dám đặt chân vào bếp. Lẽ dĩ nhiên tôi lại đòi đi theo Thuởng.

Tại xưởng kẹo, tôi đứng ngẩn ra nhìn người ta nhào và kéo dài những khúc kẹo kéo trắng bóng như cây lùa sa-tanh. Đôi khi, tôi hí hửng được người làm kẹo bẻ cho một miếng nhỏ bằng nửa cái dũa, bên trong có những hạt lạc rang thơm phức. Thuởng vui mừng được tôi chia cho nhắm nháp.

Ngoài ra, xưởng còn làm nhiều thứ kẹo Tây khác và kem que, kem cốc. Bố thường sai nhỏ Thuởng đem bình thủy đi mua kem. Với món dễ chảy này và bố sai thì phải vừa đi vừa

chạy nhanh hơn cả xe đạp, không dám la cà, ngênh ngang đầu cả.

Kẹo đem về được anh Khánh tự tay nướng lại cho gần cháy, ngay trên bếp kiềng than anh đã điều khiển trò chơi lợn con buổi sáng. Kẹo bột Việt Nam nướng thơm ngon hơn Marshmallows Hoa Kỳ ngày nay. Thứ kẹo dẻo xốp này được đun chảy ra với bơ và trộn bông gạo Mỹ, gọi kẻ tha hương nhớ bông gạo trộn mật quê nhà.

Tôi không nhớ anh Khánh đã làm gì với lũ chuột con. Nhưng tôi còn nhớ nhiều chuyện dưng tóc gáy khác của anh. Một buổi tối chúng tôi còn ở trong ngôi nhà ba tầng Phố Chả Cá, Hà Nội anh Khánh gọi các em:

- Tâm, Phương ơi, lên đây anh cho “confetti” đẹp lắm cơ!

Những hoa giấy tròn nhỏ xinh xắn đủ màu ấy thường được tung ném trong những dịp lễ tết vui chơi. Người làm không ưa vì rác nhà phải quét dọn khó khăn. Nhưng trẻ con mê thích lắm. Không được gọi tới tên, tôi cũng cầm cúi chạy theo hai chị lên cầu thang. Một tiếng chu rú dài ma quái nghe như từ gác ba. Chúng tôi ngừng lên nhìn, một bóng trắng toát hiện ra giữa cửa phòng bố mẹ. Chúng tôi thét lên khiếp đảm, xô nhau chạy ngược trở lại, lẩn ngã lộp độp trên cầu thang. Bóng trắng biến mất. Đèn phòng bố mẹ lại sáng trưng. Anh Khánh lững thững đi xuống thang, giả vờ thản nhiên:

- Cái gì mà la khóc vậy? Ma hả, anh có thấy gì đâu?

Ông anh đã cười khi khi chia cho chúng tôi mỗi đứa một nắm “confetti” và cả đời phủ nhận, không trông thấy bóng ma nào đêm hôm ấy.

“Ra đường hỏi bà già, về nhà hỏi trẻ con.” Có chuyện gì tôi cũng bi bô nói hết với bố mẹ, nếu không được đe nẹt giữ kín. Một hôm tôi đã thỏ thẻ:

- Bố ơi, trong phòng bố có ma, ma áo trắng.

Ông ngạc nhiên nhìn tôi rồi chột như đoán ra chuyện gì, làm mặt nghiêm:

- Anh chị nào lại trêu dọa các em đấy hả? Không có ma mãnh gì hết. Bố cấm không ai được dọa ma, kể chuyện ma cho các em nghe chưa!

Ông ghét nhất chuyện ma quỷ. Nhưng bố mẹ dạy bảo là một việc, con cái có vâng lời hay không là việc khác. Anh Khánh là người kể chuyện ma hấp dẫn nhất thế giới. Sợ, nhưng chúng tôi vẫn thích ngồi sát vào nhau, ngẩn mặt, chìm đắm vào chuyện ma của anh. Và, cũng lại một buổi tối, khi giun dế bắt đầu nỉ non ngoài vườn, anh thấp giọng thì thầm:

- Các em có biết không, đêm nào tối trời ma cũng chập chờn hiện lên từ ngôi mộ trong ruộng nhà bác Cả Vinh? Ma tinh chỉ có một mắt sáng. Các em có muốn đi xem ma không?

Tôi rùng mình ngồi nín thính. Chị Phương kéo mền lên đắp chân. Chị Tâm gan lì hỏi:

- Thật không anh Khánh. Anh đưa tụi em đi xem đi?

Chị Phương sợ rụt cổ lại:

- Chịu thôi, Phương không đi đâu.

Anh Khánh cam kết:

- Đừng lo, anh khỏe lắm. Anh không sợ ma. Ma không dám làm gì anh em mình đâu.

Trong đêm tối, ếch ương, cóc nhái kêu ồm ộp dưới ao như dọa nạt. Chúng tôi co ro, cúm rúm đi theo anh trên con đường làng xanh ánh trăng non. Ra đến ruộng đã được gặt trơ trụi của nhà ông bác, anh Khánh xăm xăm đi trước. Một vài đốm sáng chập chờn phía ngôi mộ. Chúng tôi bắt đầu run rẩy. Tốt hơn hết là nắm chặt tay nhau, núp sau ông anh làm mộc che chở. Bỗng dưng, anh lập cập ngồi thụp xuống, ú ớ như bị bóp cổ. Chúng tôi sợ xanh xám, khóc như rì. Một lúc sau, anh tỉnh táo nói:

- A, không phải ma. Ma chỉ ra chơi những đêm trời âm u tối thôi. Hôm nay trăng sáng, ma nằm dưới mộ nghỉ ngơi lấy sức khỏe. Những đóm sáng kia là mấy con đom đóm đấy. Để anh bắt cho xem nhé!

Anh Khánh xòe hai bàn tay bắt mấy đóm lờ lờ bay lượn xung quanh và soi lên cho chúng tôi coi. Mấy má đầu chụm lại. Ánh sáng đom đóm xanh biếc trong lòng bàn tay, anh thần nhiên nói như không bao giờ nhắc chuyện ma với chúng tôi:

- Mình bắt thêm mấy con nữa bỏ lọ đem về nhà để trong phòng cho sáng, khỏi cần dùng đèn đêm. Lấy cho anh cái lọ trong túi quần này.

Thì ra anh đã dự bị, toan tính tất cả. Lọ đom đóm đã thấp sáng con đường về biệt thự và đêm ấy chúng tôi ngủ trong giấc mơ chập chờn sương mù, ma quái.

Tuy nhiên, vẫn còn một chuyện đáng kể nữa về anh Khánh của chúng tôi. Nhà có phòng vệ sinh, tuy là chồm hồm, cũng sạch sẽ, tân tiến đối với làng quê thuở đó, nhưng anh thích đi ra ruộng cơ! Anh nói rằng, ngoài đồng hương lúa thơm ngát, gió mát hiu hiu, thú vị hơn. Mỗi lần “làm việc ấy”, anh lại kéo cả đám em lóc nhóc, hí hửng đi theo với một nắm giấy bản trong tay. Mỗi đứa đi tìm một chỗ lúa, ngô cao, um tùm, kín đáo nhất...

Những kỷ niệm kinh dị, ngộ nghĩnh do anh Khánh bày đặt ra đã theo thời gian lên khung tranh thần thoại, vô giá, không mua, không bán, chỉ để triển lãm trong tình thương nhớ của chúng tôi về người anh khôn nguôi bên kia trời quê hương. Có lẽ vì những chuyện ma anh kể và đạo diễn nên khi lớn lên tôi không tin có ma hoặc ma dám trêu người kẻ không sợ ma. Nhưng thực ra trong đêm tối hay giữa ban ngày tôi chỉ sợ con người mà lòng ma quỷ. Nhà tôi luôn luôn cửa đóng then cài chặt chẽ, tránh né kẻ khủng điên, dữ dằn. Và,

hình như có thần linh hai vai phù hộ, ma quỷ, ma người đã tránh xa vòng kiềm tỏa quanh tôi.

Rồi cụ Tú ông mất. Đám cưới anh Uẩn, chị Nguyệt được cử hành gấp rút trước đám tang. Chưa kịp vui, chị Nguyệt đã về nhà chồng. Mấy đứa em nhỏ buồn bã, biếng ăn, biếng cười. Em Vân nhớ chị Nguyệt nhiều nhất vì chị là người săn sóc em hằng ngày. Tội nghiệp, Vân khóc đến sưng mắt, suốt ngày rên rỉ:

- Nguyệt ơi, em mù rồi! Nguyệt ơi, về với em!

Chúng tôi càng buồn phiền nhớ chị nhiều thêm, nhớ cả tiếng chị thường ru em:

*Em ơi em ở lại nhà,
Vườn dâu em đón mẹ già em thương,
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót xa...*

Tôi thuộc bài thơ này từ thuở chưa biết đọc, chưa biết viết. Lớn lên tôi mới biết đó là bài *Lỡ Bước Sang Ngang* của Nguyễn Bính¹⁴ và đã yêu những vần thơ rất bình dị, trữ tình của nhà thơ cấp ô, mặc quần vải trắng, áo the thâm.

Thảm thoát đã năm năm từ ngày mới sinh ra đời. Tôi vừa đi trường Cầu Mới, học được vài chữ ABC thì một buổi sáng còi báo động kinh hoàng. Bom nổ, đạn réo bên tai. Máy bay Mỹ Đồng Minh Mỹ thả bom đánh Nhật ở Ngã Tư Sở và Cầu Mới. Chị Tâm, chị Phương dắt díu tôi bỏ lớp, chạy ra

14 - Nguyễn Bính (1918-1966): Sinh quán Nam Định, Bắc Việt. Ông bước vào làng thơ năm 17 tuổi. và được giải thưởng khuyến khích của Tự Lực Văn Đoàn năm 1937. Thi phẩm "Lỡ Bước Sang Ngang" mộc mạc, trữ tình được phổ biến rộng rãi như ca dao.

đường cái trong khi máy bay lượn vòng bắn phá ngay trên đầu. Có tiếng ai la thất thanh. Ba chị em vẫn quần áo trắng toát chạy như bay trên đường nắng chang chang. Một bàn tay nắm chặt chúng tôi lại:

- Tội nghiệp các cháu tôi! Chạy theo cô mau!

Chúng tôi bừng tỉnh, chạy theo cô Nhâm, em gái út của mẹ, và vào ẩn trong lùm cây. Chuyến tàu điện đưa cô từ Hà Nội vào làng Mộc thăm bà ngoại phải ngừng lại ở trạm Cầu Mới trong lúc máy bay đang tung hoành trên không và phải đợi còi báo động giả lại mới được tiếp tục cuộc hành trình. Chúng tôi đã đại dốt không biết rằng màu trắng của quần áo có thể là chỉ điểm cho máy bay.

Từ đó, tôi sợ hãi khóc ngất, nhất định không chịu đi đến trường. Bố mẹ đành để tôi nghỉ học. Thích quá! Ở nhà, bố mẹ dạy tập đọc, tập viết với thơ bố. Tôi thuộc thơ ông lâu lâu. Thơ rằng:

*Nhà ta ở Mộc Thượng Đình,
Trung tâm xóm Tó, xung quanh có vườn.
Hoa hồng, hoa sói bên tường,
Mẫu đơn, thược dược, cúc vàng chen nhau.
Cây quả có bưởi có dâu,
Mận đào, cam, quýt một màu xanh tươi.
Vàng đồng hén nụ hoa cười,
Chim ríu rít, bướm lả lơi trên cành.
Nhà ta rộng rãi, vệ sinh,
Chúng ta mạnh khỏe, học hành, vui chơi.*

Thời buổi thóc cao, gạo kém, chết đói, lụt lội. Có lần nghe lụt về đến Thanh Xuân, nhưng may mắn lụt không tới nhà chúng tôi. Trong thời gian chiếm đóng Việt Nam từ năm 1940 đến 1945 quân Nhật bắt ép điền chủ, nông dân ta trồng cây đay, cây bông thay vào cây lúa. Mặt khác quân Nhật vơ

vét thóc gạo trên mảnh đất này để nuôi quân lính họ. Rồi quân Pháp đốt các kho lúa gạo miền Nam và cấm tàu chở gạo ra Bắc, khiến hai triệu người Việt đã chết đói trong năm 1945. *Mấy đời bánh đúc có xương, Mấy đời giặc cướp có thương dân mình*, thật là đúng!

Người ta phải ăn cả châu chấu, cào cào, rắn rết, cóc nhái, chuột... tất cả những côn trùng, sâu bọ có thể bắt được. Hai con chó Ki, Lu bị nhốt kỹ trong nhà, không được ra đường tiền bố đi làm và đón bố về. Chúng tôi không muốn chúng sẽ biến thành món chả chó hay dựa mận của người ta. Thậm chí còn có chuyện thịt người. Nên chúng tôi không dám mua ăn bánh giò, bánh chưng bán ngoài chợ.

Dù được bố mẹ căn dặn, ngăn cấm, chúng tôi vẫn lần mò đi theo những tiếng khóc ai oán trong làng để rồi hoảng sợ trông thấy người chết đói đã mấy ngày, gia đình không có tiền chôn. Chảy rận lôm ngổm đùn lên đỉnh đầu đã cạo trọc của xác chết gầy trơ xương. Bố mẹ vài lần sai chúng tôi đem ngô gạo cho hai gia đình nghèo nhất có người chết đói, nhưng vẫn không thể cứu được họ.

Tới giai đoạn này, chính phủ bảo hộ Nhật cũng không còn tiền trả lương công chức. Bố thường xuyên không được lĩnh lương đủ hay không có lương. Mẹ phải cho nhỏ Thường nghỉ, chỉ giữ lại u già. Mẹ đem hết tài sản thuê làm hàng gửi ra Hà Nội bán để phụ giúp thêm sự chi tiêu trong gia đình.

Không lâu sau, ác giả ác báo, Nhật phải đầu hàng Mỹ ngày 15 tháng 8, 1945 sau khi hai quả bom nguyên tử đã thả xuống phá tan rụi hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, tàn sát gần nửa triệu người, kết thúc trận chiến tham lam, hiếu thắng của Phát Xít Nhật định làm bá chủ Á châu.

Ngày 19 tháng 8, 1945 Việt Minh cướp chính quyền. Vài ngày sau ông Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập. Hà Nội tung

bừng, náo nhiệt. Cờ đỏ sao vàng phất phới khắp phố phường. Chúng tôi được đi chơi hằng tuần. Chị Tâm mới mười tuổi nhưng lớn con, khôn lanh, tháo vát. Chị thường dắt chúng tôi ra trạm tàu điện trước biệt thự Les Saules để đi Hà Nội. Gia đình ông Tây chắc chắn đã phải xa chạy, cao bay về Pháp, nếu không, Việt Minh cũng bỏ tù hay bắn giết.

Chúng tôi học được bài hát *Ai Yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng...* và nghêu ngao cả ngày làm bổ bực mình, gắt gỏng:

- Họ chỉ hùng hồ, quá khích, hay ho gì mà chú với bác hoài.

Biết bố không ưa ông già ấy, nên chúng tôi không dám hát mấy bài Bác Hồ nữa. Một hôm bố đi làm về, hầm hầm giận:

- Chúng nó dựng cổng tre ngoài ngõ, đòi kiểm soát dân làng. Một con mẹ xem thẻ căn cước ngược. Một thằng cha xoay tờ báo đọc ngược. Một lũ dân ngu cu đen, làm ăn gì được. Loạn đến nơi rồi!

Tháng sáu 1946, mẹ sinh em Song Hà cùng nhà thương Hàng Cót, Hà Nội và cùng một tuần lễ chị Nguyệt sinh con trai đầu lòng. Đôi khi cháu Minh được bế về Mọc Thượng Đình chơi và được ti bà ngoại như mèo cháu ti mèo bà dưới gầm sập gu trong phòng bà nội. Tên em Song Hà có nghĩa là Hà Nội và Hà Đông. Làng Mọc Thượng Đình ở giữa hai tỉnh này. Em Hà to mập như quả mít, nặng oi là nặng. Tôi muốn bế em nhưng không nổi. Mẹ cho tôi nằm vào võng trước, bảo tôi dang một cánh tay ra và đặt Hà nằm bên cạnh, đầu em gối trên cánh tay

tôi. Mẹ đưa võng cho hai con. Tôi ngủ thiếp theo em bé trong tiếng ru *Kiều*¹⁵ êm ái của mẹ:

*Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân...*

Tôi thuộc nhiều đoạn *Kiều*, mười mấy năm trước khi thi được vào trường Trung Học sau này.

Em Vân bây giờ đã hơn hai tuổi, đi lại cứng cáp, bớt khóc nhớ chị Nguyệt. Chị Tâm thích dắt Vân ra ao nhà bác cả Vinh, lột trần truồng em và thả cho em tập bơi. Tội nghiệp em biết bơi gì đâu, bị sặc sụa hoài mà vẫn cười khanh khách, thích chí lắm. Tôi cũng mon men xuống rửa chân trên những bậc cầu ao gạch son tươi đỏ. Những bàn chân non mịn mượt, nước mát trong veo in bóng mây xanh, mây trắng, mây vàng... Trong khi đó chị Phương và cô cháu gái ông bà Xếp Lại ở Hà Nội về chơi, vẫn có trò đi trên thành cầu chênh vênh, nghiêng ngả, chẳng hề sợ ngã ao cá, hồ sen. Những cánh môi hồng cong uốn, nhắc dạy nhau bài ru em học được của mẹ:

*Hôm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ đợi ai.
Buồn trông chênh chéch sao mai,
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao buồn...*

15 - "*Kiều*" hay "*Đoạn Trường Tân Thanh*" đại thi phẩm dài 3254 câu lục bát của Thi hào Nguyễn Du (1765-1820), người làng Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh. Ông bị triệu ra làm quan đến chức Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, được thăng hàm Lại Bộ Hữu Tham Tri rồi Chánh sứ sang Tàu thời vua Gia Long và Minh Mạng từ năm 1809 đến năm ông qua đời 1820.

Ôi, những ngày thơ ấu trong sáng, vô tư ấy có bao giờ quên! Cả một kho tàng thơ dân gian cũng không tả hết được những cảnh quê man mác, êm đềm *Ngày Xưa Quê Tôi*.

Thế rồi,

*Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây...*

Tiếng ru em Hà của mẹ qua *Chinh Phụ Ngâm khúc*, tiếng thơ bà Đoàn Thị Điểm như vương mắc trên ngàn cây, nội cỏ. Cảnh truyện bên Tàu của ông Đặng Trần Côn đã đến với làng Mọc của ông ngày xưa và của chúng tôi 200 năm sau khi Đoàn nữ sĩ qua đời.

Một đêm đông cuối năm 1946, chiến tranh Việt Minh và Pháp bùng nổ ở Hà Nội. Khói lửa sáng rực vùng trời phía bắc Mọc Thượng Đình. Tiếng bom, tiếng súng ì ầm. Bộ đội với lựu đạn, dao găm, mã tấu, súng ống, ba lô, nằm ngời ngồn ngang bãi chơi đầu làng, dưới tàn cây gạo, cây muỗm. Nhà tôi đầy chật dân Hà Nội chạy loạn. Vài ngày sau những đồ vật quý giá được chôn giấu, cửa đóng then cài. Bố mẹ thuê người gồng gánh những thứ cần dùng, bỏ nhà tản cư.

Ki, Lu buồn thiu, buồn thiu đi theo một quãng đồng. Hai đứa nhìn chúng tôi như lo sợ, van xin, nước mắt rờn rờn. Ai nói rằng chó không biết khóc? Chó chỉ không biết nói tiếng người. Chúng còn có cảm giác bén nhạy hơn người. Làm sao đem theo Ki, Lu được? Chạy loạn có nghĩa là không ở một nơi nào nhất định, phải lang thang từ nơi này tới nơi khác, phải ở trọ nhà kia qua nhà nọ tìm chỗ an lành. Ai cho chứa súc vật làm cảnh? Chúng tôi khóc suốt mướt nhìn cặp chó thân yêu. Bố ngừng lại sau cùng, vuốt ve Ki, Lu và dặn dò:

- Ta thương Ki, Lu lắm nhưng không thể đem theo hai đứa được. Hãy tìm đường chạy trốn cho khôn lanh. Đừng để cho chúng nó bắt nhé. Ki, Lu! Hãy chạy đi! Chạy đi mau!

Tuy vâng lời, hai con chó trung thành chạy một quãng ngắn lại ngừng quay nhìn chủ và tru sủa thảm thiết. Chúng tôi vừa đi vừa ngoảnh lại, nước mắt ngấn dài nhìn theo Ki, Lu cho đến khi người, vật không còn trông thấy nhau.

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu...
(Chinh Phụ Ngâm)*

Chúng tôi tản cư về một miền núi cách Hà Nội độ ba chục cây số về phía tây nam. Nhưng chỉ năm, sáu tháng sau bố đã đưa chúng tôi trở lại Mọc Thượng Đình. Làng mạc vắng hoe. Vườn không, nhà trống. Trong nhà đồ đạc chỉ còn cái khung giường Hồng Kông của bố mẹ, cổ áo quan vàng tâm của bà nội. Đồ vật chôn giấu trong vườn mất hết. Việt Minh định đốt Biệt Thự Văn Khôi theo chiến dịch tiêu thổ kháng chiến. May mắn, trên đường tháo lui vội vàng, họ không kịp châm lửa đốt kỹ ngôi nhà gạch kiên cố. Nên chỉ có mấy cánh cửa chớp bằng gỗ bị cháy. Cửa tiền, cửa hậu, cửa nhà xe còn nguyên vẹn. Ki, Lu không bao giờ trở lại.

Chúng tôi trốn im lặng trong nhà, không dám lang thang ra chơi ngoài đường làng. Ban ngày sợ lính Tây đến khuấy phá, hành hung. Ban đêm lo mấy ông Vẹm về bịt mắt bắt đi. U già nhà bác Cả Vinh tản cư lạc gia đình bác, trở về làng một mình. U đi hái rau, đào khoai, săn hoang, bắt cua cá trong ao vắng đem về nấu cho chúng tôi ăn.

Tàu điện, xe tay chưa có. Bố đi bộ ra Hà Nội, tìm tới Sở Tài Chánh cũ, lúc này đã thuộc về chính phủ Pháp, và có việc làm ngay. Ông mua một cái xe đạp. Chỉ hai, ba ngày sau, chị Kim, anh Phúc lái xe về, đưa chúng tôi ra Hà Nội.

Bố buồn lặng lẽ, đi xe đạp theo sau xe bò thuê chở đồ đạc lật vật, để lại Biệt Thự Văn Khôi, làng Mọc Thượng Đình hoang vắng, buồn tênh.

Trong những ngày tháng chạy loạn cơ cực, mắt liên lạc với anh Quỳnh và tưởng anh đã bỏ mình trên biên giới Việt-Hoa như nhiều chiến sĩ cách mạng khác, chị Kim bơ vơ trở về Hà Nội và đã kết hôn với anh Phúc. Chiến tranh với bao chết chóc, tan nát, khổ đau, tình phụ tử đã trở lại. Bố bỏ qua chuyện xưa, công nhận chị Kim, anh Phúc. Con cũng không quên công ơn sinh thành của cha mẹ. Chị Kim vẫn là con gái hiếu thảo, một mực thương kính bố. Chị em chúng tôi lại được đoàn tụ, sống vui vẻ, tiếp nối những ngày êm đẹp trong đời.

Vài năm sau, khi bác cả Vinh đau nặng, bà nội đưa bác về ở gian nhà ngang biệt thự cũ. Nhà chính đã cho người làng trông coi. Căn nhà lá rộng rãi khang trang ngày xưa của ông bác đã bị đốt rụi. Bác gái theo chị Tị, anh Phú đi Việt Bắc không về. Chị Khuê bận gia đình nhà chồng. Bà nội ở lại săn sóc người cháu họ ốm đau, bệnh hoạn cho đến khi bác qua đời. Bác được chôn cạnh mộ ông Giáo, thân sinh ra bác, trong thửa ruộng đằng trước cổng nhà. Một năm vài ba lần chúng tôi về thăm nhà cũ. Thú quê mót lúa, trèo cây, hái sen, câu cá, bắt ốc đã đi vào dĩ vãng xa vời. Một bà bán bún chả, bún ốc, chè đậu đen thường gánh hàng qua, mỗi khi nghe chúng tôi về làng. Tấm bảng đồng khắc chữ *Villa Văn-Khôi* vẫn còn bên ngoài cổng hậu cô đơn, luyến tiếc một thuở vàng son đã trôi qua.

*Thuở đắp đồ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông,
Nay đào đã quyến gió đông,
Phù dung lại nở bên sông bơ xờ.
(Chinh Phụ Ngâm)*

Mùa thu 1954, trước khi theo bố mẹ, bà nội, bà ngoại rời Hà Nội di cư vào Sài Gòn, tất cả anh chị em chúng tôi rủ nhau về thăm làng Mọc một lần cuối cùng để từ giã Biệt Thự Văn Khôi. Hoa quả trong vườn khô héo, lúa thừa, chim bay xao xác, bướm lượn hoang mang. Ngày rời miền Bắc, chúng tôi chỉ đem theo một hành trang nhỏ bé, nhưng tâm tư nặng đầy những kỷ niệm tuyệt vời *Ngày Xưa Quê Tôi*.

Mấy chục năm vật đổi, sao dời trôi qua. Tôi vẫn hằng mong ước ngày về thăm chốn cũ để tưởng nhớ bố mẹ kính yêu đã cho chúng tôi một thời thơ ấu yên vui, êm đềm, để xót xa thương tiếc bố mẹ đã mất đi cái thú điền viên tuổi già, không bao giờ tìm lại trước khi lìa đời.

Cho dù vạn vật chẳng thể đứng vững mãi với thời gian, hoàn cảnh xoay vần, con đường gạch đỏ của làng Mọc Thượng Đình không còn nữa, Biệt Thự VĂN KHÔI không còn tấm bảng đồng mang tên bố, hoa giấy tím, hoa hoàng anh vàng không còn leo cao cổng tiền ngạo nghễ, hoa ti-gôn hồng không còn leo trên cổng hậu hiền hòa, hoa NGỌC LAN trắng thơm mang tên mẹ không còn trong vườn cũ, hình ảnh xưa vẫn được chôn giữ trong tâm thức chúng tôi như kho tàng quý báu và được ghi chép lại đây như truyện thần tiên để kính tặng bố mẹ đã về cõi trời.



Gieo Mạ - Photo Nguyễn Huy Linh



Biệt thự Văn-Khôi, Mộc Thượng Đình, 1943.
Hàng trước: Ngọc-Dung đan tay đứng giữa chị Tâm bên trái,
chị Phương bên phải; hàng sau: mẹ bé em Vân đứng giữa,
chị Nguyệt bên trái, Thu-Cúc bên phải.



Bên ao nhà bác Cả Vinh, 1942.
Bố ngồi giữa bác Hanh bên trái, bác Bữu An bên phải.



Bố ngồi cầu gạch giữa ao cá và hồ sen
nhà bác Cả Vinh, Mộc Thượng Đình, 1942.



Trên sân nhà Bác Cả Vinh, 1942.
Bố ngồi giữa bác Hanh bên trái, bác Bửu An bên phải.



Mẹ và chị Nguyệt bên chậu hoa mai
Biệt thự Văn Khôi, 1943.



Thu Cúc bên thềm biệt thự Văn Khôi 1943



Chị Nguyệt trên cầu ao nhà Bác Cả Vinh,
Mộc Thượng Đình, 1945

3

NÚI TÍM SƯƠNG LAM

Một buổi sáng tinh mơ vào cuối năm 1946, vàng đông chưa ló rạng phía chân trời. Sương mù mờ mịt trên cánh đồng trơ gốc rạ. Gia đình chúng tôi dắt díu nhau rời Biệt Thự Văn Khôi lên đường tản cư vào Hà Đông, cách làng Mọc Thượng Đình độ sáu cây số. Thời tiết mùa Đông miền Bắc giá lạnh, buồn thảm. Sương đêm thấm ướt những bước chân son mềm nhỏ. Riềm mi thơ dại còn đầm nước mắt giã từ hai con chó thân yêu và ngôi nhà xinh đẹp để không biết bao giờ trở lại. Những nơi đi tới sẽ bao xa và có yên vui như những ngày ở làng quê chúng tôi không?

Ba-lô trên vai, bố lăm lũi chống ba-toong dẫn đầu. Chúng tôi khi thì bước thấp bước cao trên đường ruộng mấp mô, khi thì e ngại, ngập ngừng trong thôn xóm xa lạ. Chúng tôi phải đi xa đường cái tàu điện để tránh những đụng độ nguy hiểm giữa bên Ta, bên Tây. Chiến tranh Việt Minh-Pháp vừa bộc phát và đang diễn ra ác liệt trong thành phố Hà Nội chỉ cách chúng tôi vài cây số. Ở đây vẫn còn nghe tiếng súng ì ầm từ đằng sau vọng lại.

Đến Hà Đông chúng tôi tá túc ở nhà người quen bà ngoại. Vài ngày sau, nghe tình hình không yên, bố nhờ chú

Hậu, em rể mẹ, đưa chúng tôi lánh chạy xa hơn nữa. Bố ở lại chờ tin tức Sở Tài Chánh của ông di chuyển đi đâu rồi sẽ liên lạc với gia đình.

Trẻ con được đưa lên thuyền thúng có người đẩy qua con sông cạn, có lẽ Sông Nhuệ (?) đang mùa nước xuống. Người lớn vén quần quá đầu gối lội qua sông, hàng hóa, đồ vật, tay nải ôm cao hay đội trên đầu. Vừa lên bờ, bọn người gánh thuê bắt đầu phăng phăng chạy như bay. Chú Hậu phải luôn miệng la hét họ đi chậm lại. Mẹ bé em Hà mới sinh ra được mấy tháng và chúng tôi tất tưởi chạy theo. Nhưng sau chạng ngời trưa, gia đình tôi bị chia hai. Nhóm mẹ, em Hà, bà ngoại, cô Sữa và chị Tâm đi về hướng khác. Bà nội hốt hoảng:

- Họ đi lạc đường rồi, phải gọi họ quay trở lại!

Chúng tôi cố vờn cổ gọi, nhưng tất cả nhóm mẹ mất hút sau rừng cây. Một mặt chú Hậu bảo nửa nhóm gánh thuê theo bà nội, chị Phương, em Vân và tôi dừng lại chờ. Một mặt chú chạy vượt lên xem nhóm mẹ đi hướng nào. Những người gánh thuê cần nhân:

- Đi chậm như thế này là mất thêm nửa ngày đường rồi!

Bà nội biết rằng chúng tôi không thể đi nhanh hơn và đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Bà mở hầu bao trả công thêm cho họ:

- Đây, tiền trả thêm cho mấy người phải đi chậm lại. Đến làng So tôi sẽ trả tiền cho một ngày đường nữa.

Một lát sau, chú Hậu trở lại thất vọng không trông thấy nhóm mẹ đâu. Tôi và em Vân bắt đầu khóc, lo sợ lạc mẹ. Chú Hậu dỗ dành chúng tôi và bàn với bà nội:

- Hay là mình cứ đi theo họ về hướng ấy rồi tính sau.

Bà nội không đồng ý:

- Đi về hướng ấy là làng Thầy, mình định đi làng So phải đi hướng này. Bây giờ ta cứ đi tới So đã, rồi sáng mai sang Thầy kiếm họ. Từ giờ đến tối họ chỉ đi tới đó thôi. Nếu không

thấy mình theo, họ không dám đi xa hơn và sẽ ở lại chờ. Bà ngoại chúng nó cũng có người quen bên làng Thầy.

Nước mắt chảy dài trên đôi má lạnh gió đồng không mông quạnh, tôi nắm tay chị Phương, chạy theo đoàn người tiếp tục cuộc hành trình. Từ đây họ đã chịu đi chậm lại. Tôi còn nhớ, em Vân với áo dài nhung hạt gạo màu hồng, ngủ gà ngủ gật trong thùng của người gánh thuê. Chúng tôi đi trên đường ruộng nhỏ khô cằn, nứt nẻ về hướng những dải mây xanh trùng trùng, điệp điệp phía chân trời. Càng đi tới gần những dải mây đó càng to lớn và xanh sậm hơn rồi biến thành rừng núi cây cối âm u. Nghĩ tới chuyện đường rừng, bà nội vẫn thường kể, vừa mệt mỏi, vừa sợ hãi, tôi bắt đầu chùn bước và hỏi chú Hậu:

- Chú ơi, trong kia có hổ báo, hùm beo không? Cháu sợ lắm!

Chú trấn tĩnh tinh thần tôi:

- Chỗ kia là làng mạc mình sắp đi tới, không có hổ báo nào hết. Có chú đây, đừng sợ.

Rồi quay sang bà nội, chú hỏi:

- Còn bao lâu nữa thì mình tới làng So, thưa cụ?

- Đi nhanh cũng phải hai tiếng đồng hồ nữa.

- Trời sắp tối rồi, mình phải đi mau kẻo không trông thấy đường.

Nhưng tôi không thể đi nhanh hơn được, đôi bàn chân tê dại, sắp khuyu ngã. Thấy vậy chú Hậu cũng xốc tôi lên lưng. Hình như tôi đã ngủ thiếp một giấc dài. Khi chú đặt tôi xuống đất, chúng tôi đã vào tới làng trong núi. Nhà tranh, nhà ngói san sát. Đường đất rộng thênh thang. Người gồng, kẻ gánh về chợ tấp nập, chen lấn với những đàn trâu bò nghé ngo nhộn nhịp. Đây không phải là rừng núi rậm rạp có thú dữ ăn thịt người. Tôi bớt sợ nhưng vẫn lo âu về mẹ, em Hà, chị Tâm đang ở nơi nào. Nếu có bố đi cùng chúng tôi đã không

trong cảnh lạc lõng này. Bà nội hỏi thăm đường tới nhà người quen. Đó là ba gian nhà gạch đồ sộ và một chuồng trâu bò bao bọc chung quanh một sân gạch rộng lớn.

Đoàn người gánh thuê đem đồ đạc chúng tôi vào nhà rồi hấp tấp bỏ đi ngay. Họ không ngủ lại và sẽ đi suốt đêm trở về Hà Đông để còn kịp gánh mỗi khác. Người Hà Nội tản cư ừ ừ qua tỉnh gần nhất phía Nam ấy. Ngày đó, tôi không thể hiểu, làm thế nào người ta đi ngày, đi đêm không sợ ma, thú dữ? Thực ra họ đã quen đường lối như đi chợ. Đi đêm tránh được những nguy hiểm chiến tranh trên trời, dưới đất. Vài chục cây số với những người quen gánh thuê không nặng nhọc, vất vả gì. Nếu để họ đi một mình, lúc đó họ đã trở về tới Hà Đông rồi. Vì phải đi theo một đoàn bà già, con trẻ nên đã chậm nửa ngày đường của họ.

Chủ nhân ân cần niềm nở tiếp đón gia đình Hà Nội tản cư. Tuy ở làng quê, ông chủ nhà có xe hơi Citroen màu đen. Những năm trước, ông là khách hàng quen thường đến mua và đặt bánh của bà Huân ở Hà Nội. Chúng tôi được dành cả một gian nhà khách có sập gụ, tủ chè, bàn ăn tràng kỷ. Một mâm cơm ngon lành được bày dọn. Trời đã tối sập, ánh sáng tù mù tỏa ra từ vài ngọn đèn dầu lạc khét lẹt. Từ khi rời làng Mọc Thượng Đình, chúng tôi không còn nhìn thấy đèn điện. Sau cơm chiều, khi bóng tối đã dày đặc ngoài sân, mọi người lên giường ngủ rất sớm.

Sáng hôm sau bà nội dặn dò chủ nhà gửi gắm ba đứa cháu gái nhỏ. Bà với chú Hậu sửa soạn lên đường đi tìm mẹ. Thấy chúng tôi lo sợ bà trấn an:

- Bà biết chắc mẹ ở làng Thầy bên cạnh. Đi sớm, đến trưa tới nơi. Bà sẽ dẫn mẹ về ngay tối nay. Cứ ở yên trong nhà

này nghe chưa! Mọi người đều tử tế lo cho các cháu. Đừng sợ gì cả.

Tuy nhiên, sau khi người lớn đi rồi, chỉ còn ba chị em nhỏ ngơ ngác ở nơi hoàn toàn xa lạ, tôi lo sợ đến đau cả bụng. Không muốn làm em Vân mới ba tuổi khóc thêm mà nước mắt cứ chảy hoài, tôi cúi đến ướt cả cánh tay áo len. Chị Phương, em Vân và tôi hết ngồi tràng kỷ lại ra ngoài thêm nhìn cái sân phơi thóc rộng mênh mông, rơm mấy đụn. Chuồng trâu bò trống rỗng, hôi mùi phân. Được mời cơm trưa, chúng tôi chỉ ăn vài thìa qua loa rồi úp lòng bàn để lại. Mấy cô bé ra sập gụ nằm co ro ôm nhau không ngủ được. Chiều xuống, gia nhân đã dọn cơm bữa tối trên bàn, nhưng chúng tôi không cảm thấy đói, muốn chờ mẹ và mọi người về ăn.



Chùa Thầy - Tranh Họa sĩ Lê Văn Lai

Ba chị em lại ra ngoài thêm, ngồi chụm dựa nhau trông ngóng. Trời đã chập choạng tối hỡi hừng. Đàn trâu bò cả chục con được lừa vào chuồng. Ba gian nhà ngang đã lên đèn le lói. Ánh sáng bập bùng với nhịp tim đang lo lắng, không biết những người thân yêu đang ở đâu và ra sao? Bỗng dừng ngoài ngõ lao xao tiếng bà nội, bà ngoại, chú Hậu... Vui mừng đến phát khóc, chúng tôi chạy vội ra cổng. Mẹ, em Hà, chị Tâm và cả nhóm đi lạc đường đã về tới. Chúng tôi mừng mừng, tủi tủi ôm nhau khóc, cười. Đúng như bà nội dự đoán, nhóm của mẹ đi lạc sang làng Thầy và không dám đi đâu xa hơn nữa. Nếu lạc cùng với mẹ, ngày nay tôi đã có vài dòng cảm tưởng viết về nơi có chùa Thầy cổ kính, cách Hà-Nội khoảng 30 cây số về hướng Tây-Nam và nổi tiếng thắng cảnh non nước hữu tình.

Ngày hôm sau, chú Hậu phải trở lại làng Cự Đà, Hà Đông gặp cô Tị, vợ chú và Hải, đưa con trai kém tôi vài tuổi. Mấy ngày sau bố về tới. Thế là cả nhà đoàn tụ. Chúng tôi cảm thấy vững tâm hơn khi có bố ở bên. Nhưng bố chỉ ở với chúng tôi hai ngày cuối tuần. Những ngày khác bố phải đi làm việc ở Sở Tài Chánh Việt Minh tản cư tới một nơi cách làng So gần một ngày đường. Bố thường phải ra đi từ sáng sớm tinh mơ, về khi chiều tối để tránh máy bay thám thính hay săn bắn của Pháp.

Trong thời buổi loạn lạc, bố không được trả lương đầy đủ. Số tiền mang theo cũng chẳng còn là bao. Bố mẹ và cô Sửu bán dần những quần áo đẹp, mũ dạ, khăn len, những bộ đồ lớn, áo khoác ấm và dài mùa đông... Mỗi thứ chỉ còn được giữ lại một bộ đủ dùng, chẳng còn nghĩ đến se sua. Nếu còn chạy loạn xa hơn nữa, khỏi phải thuê người gánh nhiều. Một hôm bố mẹ ở chợ về, khúc khích cười từ ngoài ngõ, có vẻ thú vị lắm. Bố kể rằng:

- Có một ông mua mũ dạ của bố và hí hửng đội nghênh lên khăn xếp và lấy làm xênh xang oai vệ lắm.

Chúng tôi đã cười và lại cười đến đau bụng hơn khi nghe mẹ nói:

- Một anh chàng chít khăn tầy vớ mua cái măng-tô màu xanh dương của mẹ và mặc diện ngay lập tức. Chỉ có mình mới thấy họ khôi hài, chứ vùng núi này còn ai khác nhìn ra đâu.

Bà nội cũng trở tài mọn. Bà có cao hổ cốt, cao ban long, bú đủ, quế non, quế già, quế dây, quế mỏng gia truyền, trị bách bệnh, được đem ra hành nghề. Mỗi thứ trị một bệnh khác nhau, từ kiết lỵ, sốt rét, hậu sản đến lên kinh, điên dại. Thuốc của bà giản dị lắm, những miếng cao thái mỏng cho nhai sái quai hàm. Quế được mài ra trong bát sành pha với nước uống. Có lẽ mát tay, bà chữa khỏi bệnh cho một cô gái con nhà giàu, ba mươi năm tuổi còn lên sỏi và nhiều người khác đã thoát chết. Bà được người ta nhớ ơn, trả công hoài hoài bằng gạo, nếp, đậu, gà, vịt, rau, quả... Chúng tôi nhờ vậy vẫn được ăn uống đầy đủ, vật chất thoải mái phần nào.

Tết đến, trong làng tập nập, ồn ào với cuộc thi lợn giống. Con lợn mấy trăm cân trúng giải nhất, to như con trâu lùn không có sừng, úng ính những mỡ thịt. Lợn béo được khênh rước khắp làng, theo sau chiêng trống tung bừng. Bố có thơ chế giễu rằng:

Có “ông lợn” kéch Ba Đông,

Trống rong cờ mở rước “ông lợn” về.

Lợn kêu eng éc văng tai suốt mấy ngày như biết rằng sắp sửa bị thọc huyết làm tiết canh, nhồi dồi... Hình như người làng So chỉ ăn có một thứ thịt lợn. Từ ngày chúng tôi tới ở đây không hề được ăn một miếng thịt bò. Thậm chí phở cũng nấu bằng xương lợn, bỏ thịt lợn không mùi vị. Dân làng có

về trù phú, nhưng chợ rất hiếm cá, gà, vịt. Nước mắm ngon không kiếm ra. Mẹ than hoài:

- Đã phải mua nước mắm ngon nhất chợ mà vẫn vô vị như nước lá chuối khô bỏ muối vậy.

Chúng tôi thường xuyên được ăn thịt lợn luộc, thịt kho tàu, chân giò nấu giả cày, cháo lòng có đủ tim, gan, ruột non, dạ dày, tai, phổi, huyết. Món lười lợn được mẹ ướp nước mắm, tiêu, tỏi, nước đường đen, rán thơm vàng rồi thái mỏng. Nước sốt trộn dấm, nước mắm với rau muống chẻ, ngon tuyệt hảo. Nhưng, mẹ không làm và cho chúng tôi ăn món tiết canh lợn bao giờ. Bố vẫn nói, ăn thịt lợn, huyết lợn không nấu chín là ăn cả sán. Sán sinh sôi nảy nở trong bụng, ăn hết chất bổ trong người, làm cho xanh xao vàng vọt không lớn được có khi ăn thủng ruột, làm chết người.

Về món rau thì quanh đi quẩn lại bắp cải xào cà chua, đậu kho cà chua, rau muống xào cà chua, canh dưa nấu lạc cà chua. Chúng tôi ăn thịt lợn và cà chua bấy ngày đến hồng da, đồ thịt để rồi thường ngồi ôn chuyện với nhau và tưởng nhớ những mâm cỗ linh đình của mẹ ở làng Mộc Thượng Đình trước ngày chạy loạn.

Tuy thế, làng So có nghề làm tương rất ngon, có lẽ vì không xa làng Cự Đà chăng? Món rau diếp xanh tươi chấm cà chua chung với tương, hành, mỡ béo ngậy, ăn hoài không chán. Nhưng phải cẩn thận, tránh đừng mua rau xanh, cà chua đỏ, đậu phụ trắng để trong rổ cùng một lúc. Mấy cán bộ ta sẽ gán cho cái tội Việt gian mang cờ Pháp. Dù màu xanh rau là xanh lá cây, xanh cờ Pháp là xanh dương. Những “người bạn dân” đó sẽ cho mấy mắng, mấy bạt tai. Mất công lắm!

Vậy cũng còn nhẹ. Một buổi, chúng tôi theo mẹ đi chợ trời họp dưới chân đê đầu làng, bất thành linh máy bay Pháp tới quần bắn tứ tung. Mọi người kéo nhau chạy tán loạn vào

ấn núp trong bãi rậm cây vải. Khi máy bay bỏ đi, êm ắng trở lại, các cán bộ răng đen, mã tấu hung hăng xông tới bắt các thanh niên nam nữ Hà Nội tản cư mặc quần áo trắng. Họ bị vu tội làm chỉ điểm cho máy bay Pháp tới bắn phá và bị đánh đập tàn nhẫn đến vỡ đầu, bể mặt, máu chảy ròng ròng.

Hôm đó chúng tôi cũng mặc quần áo trắng nhưng còn nhỏ và mẹ lạnh trí kéo chúng tôi nhanh chân chạy tuốt luốt một đường không kịp thở nên thoát. Từ đó, chúng tôi không dám đi chợ dưới đê ấy nữa. Bao nhiêu quần áo trắng của chúng tôi mẹ đem ruộm nâu, ruộm đen hết. Mẹ tự an ủi rằng càng đỡ phải giặt sà-phòng, một món đồ cũng hiếm quý như thuốc men thời buổi chiến tranh.

Làng So có một thổ sản là mía re, thứ mía thân ngắn nhỏ, rất ngọt. Ruộng mía ở khắp mọi nơi. Bánh tro ăn với mật mía, chè nếp nấu đường mía, bánh nếp nhân đường thẻ đỏ làm từ mía là mấy món quà vật của chúng tôi trong những tháng dài chờ đợi ngày trở về nhà cũ, chỉ cách vài chục cây số nhưng vẫn phải một hai núi trèo, ba bốn sông lội xa xôi cách trở đối với những bước chân non dại.

Tháng ngày tản cư thật buồn nản với tất cả mọi người. Bỏ làm thơ cho vui, giết thời giờ. Tôi còn nhớ ông có bài thơ về một chuyện đặc biệt nơi chúng tôi tá túc này:

Ai về xóm Núi, làng So,

Nhấn ông bảy vợ nằm co một mình.

Thực vậy, một ông nhà giàu trong làng có bảy vợ. Mỗi bà có một nhà riêng, sống đề huề trong sự thăm viếng của ông. Giữa các bà không hề có “chiến tranh” như trên non sông đất nước. Gia tộc ông có dinh cơ rộng lớn. Ông một mình thường về ở đấy, không cho bà nào lai vãng tới. Những lúc ấy, ông nằm co một mình để xả hơi chăng?

Thế rồi, loạn lạc lan tràn tới làng ông bấy vợ. Một buổi trưa nắng chói, bất ngờ máy bay ầm ầm kéo tới là sát mái nhà, lia đạn, thả bom rung chuyển đất trời. Chúng tôi núp dưới gầm giường, gầm bàn nhìn ra ngoài, vỏ đạn rơi loảng xoảng. Máy bay quần săn, vòng tới, vòng lui trên đầu. Cái bóng của chúng chớp nhoáng lượn qua, lượn lại trên sân. Bỗng dung bố hốt hoảng la:

- Thôi đứng rồi, máy bay đã nhắm mấy cái cột rơm kia.

Mặc lời la hét cản ngăn của mẹ và chúng tôi, bố chạy bay ra sân, leo lên mấy đụn rơm kéo những cây sào cắm ở giữa xuống. Nhưng vì sân rộng, bố chưa kịp chạy vào nhà, máy bay ào ào trở lại. Hình như phi công nhìn thấy bố, xả bắn như mưa rào. Bố chỉ còn kịp lách chạy vòng quanh đồng rơm. Trong nhà bà nội, bà ngoại cầu khẩn lầm rầm. Mẹ và chúng tôi khóc như ri, bất lực trước cái sống chết gần như tơ tóc của bố.

Cuối cùng, chắc máy bay hết đạn bỏ đi? Chúng tôi vẫn nằm im chờ đợi cho đến khi bố hốt hải chạy vào nhà ôm chúng tôi, mừng rỡ không ai hề hấn. Sau một lúc yên lặng như tờ, trong làng bỗng ồn ào tiếng la, tiếng gọi, tiếng khóc. Chúng tôi chạy ra ngoài ngõ xem, người bị thương, bị chết được khiêng qua nhà, cảnh loạn lạc thê thảm.

Sau trận máy bay Pháp tấn công, buổi sáng chúng tôi chạy lên núi Đoài trú ẩn, chiều xuống làng ngủ. Người Hà Nội tản cư rất đông về quả núi có loại đất, đá mềm, đỏ như son đỏ. Quần áo trắng của chúng tôi dính đất là không thể giặt sạch cho hết màu đỏ được. Nhưng đá son mềm dễ tập viết tốt lắm. Dân tỉnh thành chẳng biết làm gì, ngày ngày tản bộ trong núi thăm hỏi nhau cho qua thời giờ. Bố mẹ tôi gặp rất nhiều người quen biết. Nhưng sau một hai tuần, *rạng đông lên núi, thu không xuống đồng* như thơ bố viết, chúng tôi đều mệt mỏi. Bố cũng không yên tâm đi làm xa và để chúng tôi ở lại trong hoàn cảnh vất vả và nguy hiểm đó. Ông

tìm được một nơi tạm nương náu, may ra yên ổn hơn cho gia đình. Bà ngoại và cô Sửu ở lại núi Đoài gần đường đê hướng bắc. Hai người lớn khỏe mạnh có thể chạy trốn dễ dàng nếu giặc tới.

Chỗ thứ hai chúng tôi ở lánh nạn là căn nhà lá ba gian dưới chân một quả núi hoang dã phía Nam làng So, xa khuất đường lớn, tiện đường bố tôi đi đi, về về sở xa. Nhà mái tranh nhỏ bé, vách đất, sàn đất đơn sơ. Vợ chồng ông bà Năm, chủ nhà làm nghề đan đồ tre. Gia đình ông nhường cho chúng tôi gian chính giữa, bàn ghế, giường trông đều làm bằng tre. Quá đông đúc, trẻ con chúng tôi phải nằm trên những cái nong, cái nia lớn để dưới đất. Nếu không có chiếu trải lên, những nan nứa đã cứa đứt da thịt. Ông bà Năm và con gái, con trai dọn sang gian bên, trần vách treo đầy rổ, rá, thúng, làn... Trong khi ấy gian dành cho chúng tôi gọn gàng, quang đãng. Bên mặt cửa ngôi nhà là cái bếp rộng, than trấu lúc nào cũng cháy đỏ. Đây là nơi hong treo đồ tre mới đan cho đến khi nào khô đi, đổi thành màu vàng, màu nâu tùy theo non, già ẩm khô.

Mỗi buổi sáng, bà Năm và cô con gái đem hàng ra chợ bán. Thằng cu con ông bà Năm, lăm lè dắt mấy con trâu hiền lành ra đồng. Ông Năm ở nhà chẻ nan lát, đan đồ tre... Ông không phải đi đâu xa dẫn tre, đốn nứa. Căn nhà giáp chân núi của ông được vây quanh bởi rừng tre, rừng nứa um tùm, cao ngất ngur.

Bà Năm có món khoai lùi ngon tuyệt vời. Chiều nào cũng vậy, sau khi thổi cơm xong, bà lên khoai đầy cái nồi đất khô và ủ vào đống tro chậu còn đỏ lửa. Sáng hôm sau, tro tàn, chúng tôi có nồi khoai nóng hổi, chảy mật, mềm nhóp, ngọt lừ, ngọt lừ. Đó là món ăn sáng chúng tôi ưa thích nhất ngoài mấy thứ xôi sắn hành mỡ, xôi lạc, đậu xanh, đậu đen

muối vùng mẹ nấu. Trên núi không có hàng quà rong. Nhà ai nấy lo lấy bữa ăn...

Quả núi chúng tôi ở thật vắng vẻ. Gần như chẳng bao giờ chúng tôi gặp người Hà Nội di cư. Căn nhà của ông bà Năm rất biệt lập, không nhìn thấy và cũng ít khi nghe thấy hàng xóm. Bà Nội mất cái thú tổ tôm, tài bàn. Chẳng còn việc gì khác, bà phụ mẹ nhặt rau, nhặt đậu, thóc, trấu trong gạo, một việc bà không bao giờ làm. Tôi không thấy bà ăn trầu trước đây, nhưng bây giờ bà cũng tèm và bồm bẻm nhai trầu suốt ngày để tiêu khiển thời giờ nhàn rỗi, dài vô tận.

Vì chợ xa nên mẹ đi chợ một lần cho ba, bốn ngày. Ngoài tôm khô, cá khô, thịt cá tươi mua về cứ kho mặn để ăn cả tuần không thiu. Những ngày đầu mẹ đi chợ về có rau muống, rau cải, rau diếp. Những ngày sau chúng tôi thích thú có công việc hái rau dền, rau sam mọc hoang ngay trên những thửa ruộng phía ngoài rặng tre đằng trước nhà ông bà Năm. Chủ nhà cho chúng tôi bẻ những củ măng tre tươi sào với trứng vịt hay tí xíu thịt lợn, thái thật nhỏ, thật mỏng, được coi như món ăn thịnh soạn. Mẹ giỏi biến chế thực đơn nên chúng tôi vẫn có những bữa cơm thanh đạm và ngon lành. Món gà rán, bí-tết rất đắt, rất hiếm và giò chả chẳng bao giờ có để mua. Đó là những món chúng tôi thèm nhất trong thời gian tản cư.

Không biết trước chiến tranh, làng có trường học, lớp học không, nhưng lúc đó chị Tâm, chị Phương thì không. Thăng Cu con ông Năm chẳng đi học bao giờ. Hai chị không có việc gì khác ngoài việc trông coi hai em Vân, Hà còn nhỏ. Thịnh thoảng nhớ lớp học hai chị lấy đá son nhặt được bên núi Đoài và tìm những bậc thềm đá xanh, nhẵn trong sân ngồi vẽ, viết. Như một trò chơi, hai chị chỉ cho tôi viết và

đọc lại nhiều chữ, số, tôi đã học ở lớp mẫu giáo hay bố mẹ dạy trước đây.

Hằng tuần bố vẫn đi làm ở sở “tản cư” năm ngày. Thú giải trí của bố khi ở nhà là chống ba-toong bách bộ đi từ núi này, qua núi nọ, ngao sơn, vịnh cảnh, làm thơ hay tìm người quen thăm dò tình hình Hà Nội. Những lúc trời mưa, ông đành ngồi nhà nghe tiếng sét ở xa và lẩm nhẩm đếm cho đến lúc có tiếng sấm nổ tiếp theo ngay trên đầu chúng tôi. Thật tài tình, ông cho chúng tôi biết tiếng sét đánh ấy phát xuất cách đây bao xa. Chúng tôi được ông dạy nhiều điều thường thức trước khi được học ở trường. Những đêm đẹp trời, ông lại đưa chúng tôi ra giữa cánh đồng phía trước nhà tìm các chòm sao như ngày xưa trên sân thượng nhà ba tầng Phố Cả Cá Hà Nội. Tôi nhìn lên đến mỗi cổ cũng không nhận ra chòm sao Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh như thế nào.

Gần năm chục năm sau, tôi mới tìm thấy sao của bố sáng tỏ trên bầu trời đêm trong xanh thăm thẳm Grand Canyon, Công viên Quốc gia thuộc tiểu bang Arizona, của Nước Mỹ, một trong mười kỳ quan thiên nhiên thế giới.

Thời giờ buồn chán vẫn triền miên. Nhiều lần tôi định làm quen với thằng Cu con ông bà Năm để theo nó đi chăn trâu, cưỡi trâu ngoài đồng. Nhưng Cu, lớn hơn tôi độ vài tuổi, nhút nhát như thỏ, không nói, không rằng, im lặng như những gốc rạ trơ khô ngoài ruộng. Chẳng biết làm gì hơn, tôi thường ngồi bó gối dưới cổng tre nhìn trời mây, cây cỏ, vạn vật xung quanh. Rạng đông lên soi sáng ngọn non Đoài nổi lênh bênh trên biển sương mù bốc phủ đồng bằng. Tháp thoảng kẻ gồng người gánh, từng đoàn trâu bò nối đuôi nhau khi mờ, khi tỏ. Bỗng chốc sương tan, ánh nắng chan hòa. Người và vật chỉ còn lại những điểm nhỏ di động trên cánh

đồng. Hoàng hôn xuống, trong nắng chiều vàng vọt, đoàn người và vật ra đi buổi sáng lại tấp nập trở về làng, về núi.



Tranh - Họa sĩ Lê Văn Lai

Ngày qua ngày, tôi thụ động trước những sinh hoạt lập đi, lập lại, xoay tròn như đèn kéo quân. Bên ngoài cổng nhà ông bà Năm có cái giếng đầy nước trong veo. Dân trên núi ra đây tắm rửa, giặt rũ mỗi buổi chiều và cũng là nhà tắm lộ thiên của chúng tôi. Nhưng may mắn, ban ngày dân làng đi làm việc ngoài ruộng hoặc buôn bán ngoài chợ, chúng tôi có riêng cả cái giếng. Người lớn và chị Tâm, chị Phương tắm gội với cả quần áo trên người. Các em Vân, Hà thích thú tòng ngồng bên giếng. Tôi đã biết xấu hổ nên chỉ chịu cời trần. Nước giếng lạnh buốt như đá, không rửa hết chất nhờn của sà-phòng. Bố nói:

- Nước giếng ở núi độc lắm. Uống vào bị sốt rét rừng đây, chỉ để tắm giặt thôi.

Nước thổi nấu là nước mưa hứng qua ống máng tre từ mái rạ xuống các chum vại mỗi góc nhà. Nước uống được đun sôi, lọc qua mấy lần vải xô và đựng trong bình đất sành lớn. Bố vẫn kỹ lưỡng vệ sinh như bao giờ. Trong ba-lô chạy loạn của ông trước nhất có cuốn sách thuốc Tây đây, bông băng, thuốc ký ninh vàng, trụ sinh, thuốc nhức đầu, đau bụng, thuốc tím để rửa rau, rửa mụn, thuốc vàng, thuốc đỏ để bôi những vết cắt, thuốc bôi ghê lở, rượu 90 độ để rửa kim châm nhọt, nặn mụn, rửa kìm nhổ răng lung lay cho chúng tôi. Trong lúc tản cư này, bố mẹ phải làm “bác sĩ, y tá” cho gia đình. Một ngày, chị Phương bị lên cơn sốt rất cao, mê man, la sảng. Bố lau ống thủy bằng rượu 90 độ rồi cho chị ngâm. Ông khám lưỡi trắng xóa, người đỏ rần của chị. Qua sách thuốc, bố nghi chị Phương bị sốt thương hàn. Chị phải nhịn ăn tất cả những đồ ăn đặc như cơm, thịt, chuối, khoai... Dù chị khóc vì đói, bố vẫn nhất định căn dặn mẹ và mọi người không được cho chị ăn thứ gì khác ngoài nước cháo đã lọc với vài hạt muối, hay đường cho tới tuần lễ sau khi chị hết cơn sốt. Ông nói rằng:

- Ăn nước cháo không sợ chết đói. Nhưng ăn cơm sẽ bị thủng ruột chết ngay.

Khi chị Phương qua cơn sốt hiểm nghèo, trên núi, dưới làng ai nghe tin cũng kính nể bố như ông lang Tây vậy. Với vài thứ thuốc tối thiểu đó và với những lời khuyên rất giản dị của bố, nhiều người đã qua khỏi những cơn sốt rét, kiết lỵ nặng... Thời bình, dân làng ốm đau chỉ chạy chữa bằng thuốc thiên nhiên gia truyền. Đợi đến khi ốm nặng được đem đi nhà thương gần nhất ở Hà Đông hay Hà Nội có lẽ chết dọc đường. Thời loạn, đau ốm nặng chỉ còn chờ chết. Nhà thương cho bộ đội cũng chẳng có hướng chỉ cho dân.

Tôi còn nghe nói người dân tản cư hồi đó hay bị bệnh kiết lỵ, họ bắt buộc dân quê tự chữa bệnh bằng cách nhai lá ổi non. Chuyện này tôi được biết từ hồi còn ở làng Mộc Thượng Đình. Thấy u già hái lá ổi ăn, tôi hỏi:

- Lá ổi ngon hay sao mà u ăn?

U già trả lời:

- Lá ổi non chữa bệnh kiết lỵ tốt lắm. U đang đau bụng đây.

Tôi bắt buộc u già ăn thử, lá ổi non chua chua, chát chát, không đến nỗi khó ăn, khó uống như thuốc bắc đắng ngắt đắng ngư của bà nội. Lá ổi để lại tay một mùi thơm rất đặc biệt, dễ thương. Những năm còn sống nơi thành thị bên quê nhà, khi mua ổi có lá tươi, thế nào tôi cũng phải vò một hai lá trong tay để nhớ hương vị ngôi Biệt Thự xưa.

Sau những ngày đau ốm bị giữ cách biệt với chị em trong nhà, chị Phương đã khỏe và lại cất tiếng ru em Hà lạnh lạnh. Tiếng ru của cô bé mười tuổi vang vọng trong núi ngoài đồng hòa cùng tiếng gió vi vu qua rặng tre, khóm nứa nghe như tiếng sáo buổi trưa êm đềm làng cũ. Chị vẫn ru em bằng thơ của bố:

Nhà ta ở Mộc Thượng Đình

Trung tâm Xóm Tó, xung quanh có vườn...

Chúng tôi bồi hồi, xao xuyến nhớ ngôi nhà thân yêu tràn đầy hạnh phúc. Nơi đây làng So núi non nên thơ xanh rì nhưng vẫn xa lạ, thiếu thốn rất nhiều tiện nghi cho những người quen sống ở tỉnh thành. Tôi sợ nhất phải đi cầu tiêu trong những ngày mưa rơi rả rích. Đó là cái hồ rộng lớn với một miếng ván to bản bắc ngang, trên có mái rơm thưa sơ sài, bốn bề trống trênh. Bên ngoài có vại nước mưa được hứng qua ống máng tre từ mái xuống. Một gáo tre đặt ngang vại để múc nước rửa tay. Muốn đi cầu tiêu phải xuống gần

tới công, rẽ phải qua chuồng trâu, đi về cuối vườn, sau những khóm tre, chuối um tùm. Trời mưa, đường đi vào rét lạnh, trượt trơn. Thời buổi chiến tranh làm gì có giấy bản, giấy báo. Mẹ dạy chúng tôi:

- Trước khi “đi” phải kiếm lá chuối hay lá tre khô mềm, sạch sẽ và đem theo chùi trước khi rửa. Đừng dùng lá tre, lá nứa còn xanh, rách dít ra! Rồi lên sân rửa tay lại bằng sà-phòng nghe chưa?

Sà-phòng màu hổ phách và trong như miếng sáp, trà xát hoài không ra bọt, nhưng có được là may mắn lắm. Tuy vậy, những điều trên cũng không ớn sợ bằng đôi bàn chân phải run rẩy bước trên tấm ván ẩm ướt nước mưa, rập rình qua hố phân, ruồi nhặng, rồi bọ lúc nhúc phía dưới. Nếu trượt chân ngã xuống, sẽ sặc sụa mà chết. Hoặc có thoát chết, ôi thôi cả đời sẽ không gột rửa sạch! Nếu nhà ông bà Năm còn tồn tại đến bây giờ, tình trạng vệ sinh có lẽ vẫn vậy. Không biết đến bao giờ làng quê Việt Nam mới được cải cách. Từ ngày đó đến nay đã gần 50 năm rồi!

Sau này về Hà Nội, mỗi khi tôi trông thấy người ta quẩy thúng rươi bán trên hè phố, tôi lại liên tưởng tới cái hố phân khủng khiếp kia. Dù mẹ có làm trứng rươi với vỏ cam, vỏ quýt thơm tho cách mấy tôi cũng không thấy ngon lành, chỉ cố nhắm mắt ăn nếu không còn món nào khác hơn.

Thời gian vẫn chậm chạp trôi. Ngày lại ngày cô bé bảy tuổi vẫn trầm ngâm một mình bên cổng tre với những suy nghĩ rất ngây thơ, khờ dại. Tôi tự hỏi và rồi tự trả lời:

“Tại sao lại có những củ măng tre kia nhỉ?

“Tre cao sinh ra tre lùn dễ hiểu quá như bò mẹ sinh ra bò con, bò bà sinh ra bò mẹ. Bố mẹ sinh ra con cái, ông bà sinh ra cha mẹ, cụ kỵ sinh ra ông bà, cụ kỵ sinh ra cụ kỵ, ...”

Tôi cố moi trí óc tìm những tiếng tận cùng đặt tên cho những người, những vật được sinh ra trước hết. Nhưng từ thắc mắc này qua thắc mắc khác:

“Ai đã sinh ra những người, những vật trước hết ấy?”

“Ai đã sinh ra trời mây, sông núi, đồng ruộng cho người vật sinh sống, cử động và đi lại trước mắt kia?”

“Ai đã có trước tất cả để sinh mọi người, mọi vật?”

Những câu hỏi này cứ luân quần trong đầu óc nhỏ bé không nguôi. Cho tới một ngày tôi khép mắt lại để theo dòng tư tưởng đi vào một cõi không gian mông lung, mờ ảo, không vật thể nào rõ ràng như từ lúc khởi nguyên vũ trụ. Một câu trả lời đột nhiên đã đến với tôi:

“Có một người, một vị lớn lắm, oai quyền lắm đã sinh ra trời đất, mọi vật, mọi người từ lúc không gian địa hình còn tối om không cùng ấy. Những ông bà, cụ kỵ, củ kỷ của người, của trâu bò và cây cỏ đã do một vị cao cả đặt để, hoá phép ra từ lâu, lâu lắm. Vị đó ở trên tất cả, trên hết. Vị đó ở mọi nơi, mọi chỗ, rất gần với mọi người, mọi vật và có thể thông hiểu những điều tôi đang suy nghĩ. Tôi có thể nói chuyện với vị đó và cầu xin phù hộ mọi điều được. Tôi đã kính trọng ông bà, cha mẹ, tôi phải kính trọng vị đó thật nhiều, nhiều lắm. Sự kính trọng vị đó cũng phải lớn như bầu trời trên đầu.”

“A, Ông Trời! Đúng rồi, vị cao cả đó có tên là Ông Trời.”

Tôi đã hiểu tại sao mọi người vẫn kêu gọi, cầu khẩn tới Ông Trời. Bắt đầu từ đó, như tìm được một chân lý, một người bạn thân, tôi thường miên man âm thầm trao đổi những suy tư, những mong ước và cả trăm điều cầu xin với vị tối cao ấy. Tôi cầu xin được chóng về làng Mộc Thượng Đình để gặp lại Ki, Lu, hai con chó thương yêu, để tha hồ hái hoa, ăn quả trong vườn, để đi câu cá, vớt ốc, đu dây bên gốc cây gạo đầu làng với chị em, để được đi tàu điện ra Hà Nội

ăn kẹo bánh Hàng Đường, ăn kem bờ Hồ... Tôi cầu xin Ông Trời đừng để tôi ngã tòm xuống cái hố phân khủng khiếp kia, đừng để bố biết tôi có cái mụn đã mưng mủ xanh lè trên tay mà tôi vẫn che đậy bằng cánh tay áo. Nếu bố biết, mụn sẽ bị khâu nhể bằng kim, rồi rửa bằng thuốc tím, bôi thuốc đỏ, thuốc vàng, xót lắm, đau lắm! Thế rồi một sáng ngủ dậy, mụn đó đã tự nhiên vỡ và biến mất lúc nào tôi không hay. Tôi cầu xin bố đừng gập máy bay, xe tăng Pháp sẵn sẵn. Trời đừng mưa, để đường ruộng không trơn, bố không bị ướt ngã, “vồ ếch” trên đường xa về thăm nhà như ông kể...

Sau này khi khôn lớn hơn, tôi biết thêm một danh từ khác để gọi vị tối thượng của tôi, Thượng Đế. Không cần phải qua lớp học đạo nào, không cần nghe ai nói, tôi tin rằng tất cả những điều không thể giải thích trong vạn vật, vũ trụ và cuộc đời đều sinh ra bởi quyền năng của vị tối thượng đó.

Một buổi hoàng hôn, như thông thường tôi vẫn ngồi ôm gối nhìn ra bao la cảnh vật. Mặt trời vừa khuất sau ngọn núi Đoài in bóng tím sậm trên một khoảng đồng không thẳng tắp. Những tia nắng cuối cùng rực đỏ như lửa và bùng sáng nơi chân trời. Chưa bao giờ cảnh chiều tà huy hoàng như thế. Xa xa trên con đê bỗng dưng có những vật nhỏ như những đồ chơi bằng sắt của Tết Trung Thu rầm tháng tám, từ từ nổi đuôi nhau chuyển động. Những vật này đi đến đâu những bóng cây lóe sáng rồi biến mất. Con đê phẳng lì hình như dài thêm ra. Bỗng tôi giật mình, có tiếng la hét hoảng đàng sau:

- Tây tới! Xe tăng tới. Lửa cháy làng trên!

Mọi người đổ xô ra công coi. Lúc bấy giờ tôi mới biết xe tăng Pháp đang tấn công đốt phá ngôi làng trước mặt chỉ cách xa chúng tôi vài cây số đường cò bay. Buổi tối hôm đó bố chống ba-toong đi bộ lên đỉnh núi cao nhất nhìn về phía Hà Nội. Thế rồi ông lật đật xuống núi và trở về nhà thì thăm với mẹ:

- Nguy quá, bộ đội đã về đầy làng. Quân Pháp sẽ tấn công đây nay mai. Đèn Hà-Nội đã thấp sáng. Hà Nội đã sinh hoạt trở lại. Mình phải thu xếp về ngay, không chết đến nơi.

Mẹ lo lắng:

- Người ta biết mình về Hà Nội thì nguy lắm.

Bố bàn:

- Mình thuê người gánh đồ và nói dối đi lên Tuyên Quang theo sở của tôi, rồi một quãng sau vòng trở lại Hà Nội, mình cho họ thêm tí tiền là êm hết...

Bố tôi vẫn tin rằng không bao giờ ông có thể sống chung với mấy anh bộ đội ngu dốt, kiêu binh. Được dịp canh phòng làng mạc, kiểm soát dân chúng, họ nghênh ngang, hống hách ngay, nhất là đối với dân thành thị trí thức. Bằng chứng cụ thể là vụ họ đánh đập những thanh niên tân cư vô tội ở bãi vải cách đây không lâu. Nên họ tới là ông đi.

Trưa ngày hôm sau, bỗng dưng trông làng đánh thùng thùng. Chỉ mấy phút sau, máy bay tới thả bom bắn phá ầm ầm. Dắt díu nhau theo đường núi um tùm rậm rạp ra phía sau nhà, chúng tôi đi lên cao hơn. Những người tân cư tưởng rằng sẽ tới một chỗ kín đáo để ẩn núp, xa tầm tấn công và tránh bom đạn. Nhưng chính phía đó là mặt trước của quả núi, quân Pháp đang tấn công vào.

Qua kẽ lá lùm cây, chúng tôi nhìn thấy những chiếc xe tăng dờ dẩn nhả đạn, cây đất trên đường ruộng và hừng hờ xông vào làng dưới chân núi. Máy bay xà sát ngọn cây, thả bom rung chuyển quả núi lớn. Chúng tôi chạy vào một căn nhà tranh nhỏ hẹp trú ẩn. Tiếng đạn réo chiu chiu trên đầu. Ông già bà cả làm rầm khấn khứa. Tôi cũng cầu nguyện Ông Trời phù hộ che chở cho gia đình chúng tôi không ai bị nạn. Bố lắng tai nghe tiếng súng và nói:

- Tiếng này là tiếng súng từ ngoài vào... Tiếng này, tiếng này cũng vậy. Có tiếng súng nào từ đây bắn đi không?

Chị Tâm thắc mắc hỏi bố:

- Làm sao bố nhận được súng từ ngoài bắn vào và từ trong bắn ra?

Bố giải thích:

- Khi nghe tiếng đùng nhỏ hơn như từ dưới kia rồi tiếp đó là tiếng nổ đoàng lớn hơn làm rung chuyển núi đây là súng bắn từ ngoài vào. Nếu nghe tiếng đùng nổ lớn ở gần đây rồi tiếng đoàng xa hơn tiếp theo là súng bắn từ trong núi đi. Nhưng bố không nghe tiếng đùng chỉ nghe tiếng lạch tạch của súng nhỏ từ đây bắn đi. Bộ đội chưa có súng lớn.

Chúng tôi cố gắng lắng nghe nhưng chẳng biết phân biệt ra sao. Bố bèn chồm chạy ra, chạy vào nghe ngóng. Mẹ lo sợ, gắt um:

- Cái ông này, đạn bay vèo vèo, sao không nằm xuống núp, cứ nhấp nhòm ra vào mãi vậy!

Khi tiếng bom đạn ngừng, những tiếng khóc bắt đầu vang từ dưới làng lên núi, từ trên núi xuống làng. Người chạy ngược, kẻ chạy xuôi hốt hoảng hỏi tin tức người nhà, người quen. Chúng tôi lục tục trở xuống chân núi. Bố nói với mẹ:

- Mẹ nó biết không, tôi chạy ra, chạy vào khi này để xem mình có ở gần thằng bộ đội nào bằng nhắng bắn trả lại xe tăng và máy bay thì tôi sẽ kéo cả nhà mình chạy cho xa cái thằng đó. Nhưng may quá, chúng nó cũng không đến nỗi ngu như vậy. Nên mình mới thoát. Nếu có một phát súng bắn trả lại thì cả ngọn núi này đã tan nát rồi.

Ngày ngày hôm sau mẹ đi thuê người gánh đồ đạc cho gia đình hồi cư. Bố mẹ để bà nội, bà ngoại và chị Phương đi trước với một người gánh thuê để thăm dò đường lối. Bà già, trẻ con không sợ quân Pháp hăm hiếp, không lo đồng chí Việt Minh bắt bớ, gán ghép tội Việt gian. Khi người gánh thuê trở lại cho biết hai bà và chị Phương đã đến nơi an toàn, bố mẹ từ già ông bà Năm chủ nhà hảo tâm, tốt bụng đã cho

chúng tôi ở đồn mấy tháng trời, không lấy một đồng, một vật trả ơn.

Rời làng So chúng tôi lách thếch đi như chạy theo đoàn người gánh thuê. Nhưng lần này chúng tôi có bố bên cạnh. Tôi đã tìm thấy Ông Trời để cầu xin phù hộ nên yên tâm hơn lúc đi tản cư. Tôi luôn luôn cầu cho gia đình tôi không bị lạc nhau. Bố mẹ đã mặc cả trả công những người gánh thuê nhiều tiền hơn để họ đi chậm và đi theo sự dẫn đường của bố.

Tuy nhiên với đôi chân nhỏ bé, tôi phải chạy không ngừng mới theo kịp mọi người. Chúng tôi leo lên con đê rất cao, rồi lại đi xuống đê, lội qua con sông cạn đi vào rừng mía rậm rạp, cao vượt đầu người. Có lúc không thấy bố mẹ đâu, tôi thất thanh la gọi. Trống ngực đập như tiếng trống làng báo động quân giặc tới. Khi nghe tiếng bố mẹ trả lời, tôi mới hoàn hồn. Mặc những cành lá mía sắc như dao cứa cắt da thịt, mắt tôi không rời bóng bố mẹ và luôn chân chạy cho tới khi ra khỏi ruộng mía. Mặt mày, chân tay sưng xát như cái thớt băm thịt. Trời mùa hè nắng chang chang, chúng tôi ngừng lại quán bên đường mua thêm thức ăn, nước uống và ăn hết cơm nắm muối vừng đem theo rồi vội vàng lên đường ngay.

Khi đi tới một đồn Pháp, bố bảo chúng tôi dừng lại ngoài xa. Một mình ông tiến lên. Bố nói tiếng Tây liền thoắt thẳng với mấy người lính Pháp, chẳng cần đợi thông ngôn. Ông theo học trường Tây từ cái thuở chưa có trường dạy chữ quốc ngữ và tốt nghiệp trường Bưởi. Từ đó ông đã làm việc với chính phủ bảo hộ Pháp vì lý do sinh sống. Chúng tôi hỏi hợp đến nín thở theo dõi từng cử chỉ của bố. Nhưng rồi ông quay lại gật đầu lộ vẻ vui mừng và vẫy chúng tôi đi tới. Cả nhà thở phào trút nỗi lo âu, căng thẳng đè nặng trong lòng

như đồ đạc trên vai những người phải gánh thuê. Tuy vậy, bố vẫn cẩn thận, dặn dò chúng tôi:

- Qua đồn canh không nguy hiểm bằng gặp bọn lính tuần tiểu lẻ tẻ nơi đồng ruộng hẻo lánh, hay trong làng vắng vẻ. Tất cả vẫn phải giữ thật im lặng. Nếu nghe tiếng động khả nghi phải ngừng lại, nằm rạp xuống, không được nhón nháo.

Đến một ngôi làng bỏ hoang, chúng tôi ngồi xuống nghỉ dưới tàn cây lớn bên cái ao bèo. Vừa đói, vừa khát, chẳng còn gì để ăn, để uống. Chúng tôi vào một căn nhà đổ nát bên đường xem xét các chum vại và thất vọng không tìm thấy giọt nước nào. Một gia đình hồi cư khác cũng vừa đi tới. Hai ông bố hỏi thăm nhau thì được biết gia đình đó cũng đi về Mọc Chính Kinh bên cạnh làng chúng tôi. Trẻ con hai gia đình đều đòi uống nước ao váng bèo xanh. Bố nghiêm giọng khuyến khích:

- Nhiều lắm là hơn một giờ nữa sẽ tới nhà. Nhịn khát hai giờ nữa cũng không chết. Nhưng uống nước đó vào chết ngay đấy! Thôi, chúng mình tiếp tục đi cho nhanh, về nhà sẽ có nước mưa ngon lành trong bể uống.

Nghĩ đến bể nước mưa lớn đang chờ đợi và một tiếng đồng hồ nữa sẽ về tới nhà ai cũng phấn khởi, quên cả đói khát. Một ngày phơi nắng, những khuôn mặt trẻ thơ ửng hồng như trái doi đỏ. Nhưng không cô, cậu nào có nón, mũ. Mẹ cởi áo tôi và nói:

- Con giữ áo trên đầu, che vai cho mát, không say nắng chết mất thôi!

Trẻ con đều làm theo ý kiến của mẹ. Bố bảo hai gia đình không nên đi cùng một lúc với nhau. Sợ rằng đông người làm nhiều tiếng động, thêm nguy hiểm nếu gặp cả đôi bên Tây, Ta. Gia đình kia đến sau thì đi sau. Hai ông trưởng đoàn chúc nhau may mắn. Rồi bố dắt chúng tôi đi trước. Chưa biết xấu hổ nên tôi cứ cời trần đi theo mọi người và cảm thấy dễ chịu

hơn, tránh được cái nắng gay gắt mùa hè. Đúng vậy, chúng tôi mới rời Biệt thự Văn Khôi tản cư vào mùa đông vài tháng trước đây. Nhưng sao thấy lâu dài như đã mấy năm!

Khi nhận ra cổng làng Chính Kinh, con đường ruộng quen thuộc dẫn về nhà, chúng tôi quên cả lời bố dặn phải đi từng bước thận trọng. Chúng tôi ủa nhau chạy như bay trên cánh đồng cỏ cao hơn đầu người mà mấy tháng trước vẫn tha thân đi hái rau khúc và mua đậu trắng tươi cho u già.

Từ xa chúng tôi hớn hờ nhận ra đầu hồi, mái nhà ngói đỏ của Biệt thự Văn Khôi trong ánh nắng cuối chiều vàng vọt. Vào đến nhà, chúng tôi vui mừng gặp lại bà nội, bà ngoại, chị Phương an toàn, nhưng oà khóc vì ngôi biệt thự đã trống trơn, mất hết đồ đạc. Làng Mọc Thượng Đình cũng không còn an ninh để ở lại. Vài ngày sau, bố vội vàng đưa gia đình trở ra Hà Nội định cư, lập nghiệp.

Chúng tôi nhiều lần tự nhủ lòng sẽ trở lại làng So núi non hùng vĩ, mây trời bao la; nơi tôi đã được sống gần gũi nhất với người dân quê cần cù, chất phác; nơi tôi vừa chớm biết thế nào là chiến tranh chết chóc, ly tan; nơi tôi đã nghe tiếng gọi đầu tiên của Thượng Đế che chở và dõi theo mỗi bước tôi đi trên đường đời sau này. Chúng tôi hẹn nhau sẽ về nơi ấy thăm ông bà Năm để cảm tạ cái ơn nhường khoai, xẻ chiếu trong thời gian chạy loạn long đong, thiếu thốn cũ.

Thế rồi đất nước chia đôi, chúng tôi di cư vào Nam cùng một triệu dân miền Bắc khác. Chiến tranh tiếp tục kéo dài và kết thúc bằng cuộc di cư bỏ xứ vĩ đại năm 1975 của một triệu đồng bào. Đến nay, con số người Việt lưu vong lên tới hai triệu. Ông bà Năm chắc đã già lắm hay đã nằm xuống với núi rừng làng So? Người con gái đã có con cháu đầy đàn?

Thằng Cu chẵn trâu đã thành bộ đội Cộng Sản kỳ cựu hoặc chết yểu trên đường mòn Hồ Chí Minh hay trong hầm hố Củ Chi từ hồi nào? Và, đất nước Việt Nam vẫn chưa thực sự được cởi mở, tự do. Cuộc đời còn bao nhiêu nữa để hẹn hò?

Trong tôi hình như vẫn còn một bức tranh hy vọng dở dang đang đợi nét cọ trau vuốt cuối cùng để linh động một miền *Núi Tím Sương Lam* mơ màng, diễm ảo. Nắng chiều cam đỏ ngát ngậy, mực đồng an vui cười trâu rong ruổi về làng trên con đê cao vút bóng tre thanh bình, an lạc...



Tranh Họa Sĩ Lê Văn Lai



Bà Ngoại Hà Đông



Bà Nội Huấn Hà Nội



Minh Tâm, Minh Phương thuở
học trường Saint Paul



Ngọc Dung thuở lớp ba và chị Phương



Mấy chị em nhỏ với bố mẹ, 1950. Ngọc Dung đứng giữa hàng sau, thuê lớp nhì Tiểu Học Thanh Quan.

4

HÀ NỘI NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Ngày khai trường lớp Đệ Thất Trung Học Trung Vương Hà Nội năm ấy, với tâm trạng hân hoan của cô học trò mới, với niềm kiêu hãnh lớn nhất đầu đời, học giỏi, thi đậu và làm vừa lòng cha mẹ, tôi đi xe đạp mới toanh tới trường. Như đã hứa, bố mua cho tôi một cái xe đạp Peugeot đỏ màu hoa phượng tôi thương. Vành xe, tay lái bóng loáng, yên xe được hạ thật thấp. Xe cũ để lại cho đàn em nhỏ trong nhà. Tôi cảm thấy lớn bổng như bong bóng bay cao trong ngày lễ Tết. Tâm hồn phơi phới cánh diều căng gió Yên Phụ, con đê đã mấy trăm năm chạy đua với Sông Hồng.

Con đường tôi đi học riu rít tiếng chim vườn hoa Hàng Đậu, tươi mát sương mai còn đọng trên cỏ non xanh mướt bờ Hồ Hoàn Kiếm¹⁶, chan hòa ánh nắng sưởi ấm Tháp Rùa¹⁷.

16 - Hồ Hoàn Kiếm: Truyền thuyết rằng sau 10 năm kháng chiến chống giặc Minh, người anh hùng áo vải đất Lam Sơn, Bình Định Vương Lê Lợi lên ngôi vua là Lê Thái Tổ, đóng đô đất Đông Kinh, Hà Nội sau này. Nhà Vua câu cá trên hồ và để lại thanh kiếm thần mà Vua đã dùng để dẹp giặc Minh. Rùa thần đớp gươm và lặn xuống đáy hồ.

Con đường tôi về học duyên dáng Cầu Thê Húc¹⁸, đỏ, leng keng tiếng tàu điện Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường. Ước vọng tôi không rộng lớn hơn những môn học hấp dẫn, mới lạ. Tương lai tôi không xa hơn con đường đến trường cổ kính danh lam, thắng cảnh Hà Nội bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Trong số bạn thân từ Tiểu Học, chỉ có Ngọc-Diệp đậu vào trường Trung Vương với tôi. Hằng ngày, tôi từ nhà Phố Hòe Nhai lái xe đạp sang Hàng Than rủ Diệp cùng đi học. Con trai, con gái đông lắm, hình như có nhiều ánh mắt trông theo.

Ở giữa Hàng Than, cùng dãy với nhà Diệp, có hiệu sách Yên Sơn số 42, mà tôi vẫn thường tới mua đồ dùng học trò. Số 46 là nhà của anh em Lê Quỳnh, phi công và tài tử màn ảnh miền Nam sau này. Số 48 là nhà trọ của Phan Lạc Tiếp tác giả *Quê Nhà 40 Trở Lại*, xuất bản năm 1995.

Trước năm 1946, thi sĩ Xuân Diệu và Huy Cận đã từng ở trên gác căn số 40 Hàng Than, gia đình thi sĩ Lưu Trọng Lư ở dưới nhà trước khi các ông đi kháng chiến.

Tôi được biết những chi tiết trên và vài giai thoại khác về Hàng Than qua anh Nguyễn Long (tiểu bang Washington), người đã ở trong nhà sách Yên Sơn thuê tôi học Trung Vương Hà Nội ấy. Xin cảm ơn và đồng ý với anh Nguyễn Long, khu phố hàng Than của chúng tôi không đen như than, trái lại sáng láng lắm.

17 - Tháp Rùa: Ngọn tháp được xây trên một gò đất nhỏ giữa hồ cho nhà vua câu cá. Một loại rùa rất lớn, sống rất lâu được nuôi trong hồ. Những ngày trời âm áp rùa thường bò lên gò đất phơi nắng.

18 - Cầu Thê Húc: được xây dựng vào năm 1865. Thê Húc có nghĩa là "Nơi đậu ánh sáng mặt trời buổi sớm mai". Năm 1952 cầu bị gãy vì quá nhiều người đi lễ trên cầu, sau đó cầu đã được xây lại.

Đi hết Hàng Than rẽ tay mặt, qua nhà Máy Nước Tròn bên trái, vườn hoa Hàng Đậu bên phải. Nhà bảo sanh ông đốc-tờ Cao Xuân Cầm ở đầu phố Quan Thánh, nơi em út Khoa đã cất tiếng khóc chào đời. Trước cửa Quận Cảnh Binh Hàng Đậu là phòng chữa bệnh, phát thuốc công cộng ngay đầu Hàng Cót.

Em Hà hai lần được đưa tới đây. Một lần chị Phương, mới mười một, mười hai tuổi gì đó, đại dột chơi nghịch nhét hạt hồng bì nhón vào hai lỗ mũi Hà. Em hít hạt vào sâu, chị Phương muốn khều ra không được. Hà còn bé không biết xỉ mũi. Em ngạt thở trợn mắt. Bố mẹ đi vắng, chị Tâm nhanh trí, đã gọi xích-lô đưa em tới phòng cấp cứu kia.

Lần khác, Hà leo lên bàn tràng kỷ định ăn vụng kẹo hồng bì mẹ làm. Nhưng em không may mắn với loại quả có hạt nhón, cùi rôn rôt chua này. Hà trượt chân, ngã đập mũi vào góc bàn, máu chảy lênh láng. Mẹ hốt hải bế em tới phòng thuốc gần nhất ấy. Tội nghiệp em Hà vẫn còn vết sẹo sâu đậm trên sống mũi.

Qua gầm cầu Hàng Cót đi vào Hàng Lược, thỉnh thoảng chúng tôi còn nghe tiếng trống đánh thùng thùng từ trường Thanh Quan vọng lại. Gầm cầu kiên cố, đồ sộ đã từng là nơi trú ẩn cho dân các khu phố lân cận trong thời kỳ Mỹ thả bom đánh Nhật.

Những năm tôi còn học trường Thanh Quan, nếu đi tới đây đã nghe thấy tiếng trống trường, trống ngực cũng đập liên hồi. Phải ôm cặp sách mà chạy cho kịp giờ vào lớp, không sẽ bị bà giáo lớp Năm, lớp Tư phạt đứng quay mặt vào tường cả giờ đồng hồ. Từ lớp ba trở lên, nếu đi muộn, không những bị bà giáo, cô giáo quở mắng còn bị điểm hạnh kiểm thấp. Ngọc Diệp và tôi đã qua 5 năm trường Tiểu Học con gái này.

Trong những ngày mùa đông trước Tết, via hè Hàng Lược là vườn hoa đào và đủ loại hoa xuân rực rỡ. Chị em chúng tôi đã từng thích thú theo mẹ đi mua hoa. Bà đi một vòng ngắm lựa qua các hàng hoa tràn lan sang tận Hàng Khoai bên cạnh chợ Đồng Xuân. Sau đó mấy mẹ con hớn hờ lên xích-lô về nhà với hai chậu cúc vàng, một đôi quất trái sai trĩu trĩu, một cặp thược dược tím, mấy bó lay-on hoa còn khấp đỏ, vài cành đào xác pháo mới hé nụ. Hình như không nhà ai thiếu hoa quả trong những ngày xuân, ngày Tết. Hoa biểu hiệu yên vui, hạnh phúc. Quả tượng trưng thịnh vượng, thành công. Trong suốt cuộc đời, dù đã ra khỏi mái ấm mẹ cha, dù tha hương trời Âu hay Mỹ, dù đôi khi chẳng có bạn bè, gia đình thân thuộc đến xông đất hay chúc Tết, tôi vẫn có hoa như tục lệ của mẹ cho đủ ấm lòng, cho thêm thương nhớ quê hương.

Tôi và Ngọc Diệp thỉnh thoảng ghé qua Hàng Đường rủ Thu Hòa đi học. Nhà Hòa là cửa hàng xuất nhập cảng Mai Độ. Nếu sớm, chúng tôi la cà mấy gánh ô mai me, mơ, trám, chanh, quất, hồng bì..., kể ra không hết. Ăn ô mai đến đau bụng chứ không bao giờ chán. Đôi khi Thu Hòa đem theo ô mai nhà làm để cho các bạn. Tình bằng hữu là chia sẻ từng quả táo, trái mận, từng quả ô mai, cái bánh bít-qui, kẹo bột, kẹo vừng.

Từ nhà Hòa không thể đi thẳng tới Hàng Ngang, Hàng Đào được vì đường một chiều, phải rẽ qua phố Chả Cá. Ngôi nhà ba tầng của gia đình chúng tôi ngày xưa và nay là hiệu ăn Chả Cá Sơn Hải của anh chị Cả Phúc. Hiệu ăn Lã Vọng của ông bà Trường Mềm vẫn ở xế cửa.

Tôi nghe người ta nói dân Phố Chả Cá du côn. Nhưng suốt thời gian ở Hà Nội tôi không hề trông thấy một vụ cãi lộn, đánh nhau trong phố này. Các anh các chị chỉ đùa giỡn, tinh nghịch với nhau trong nhà, quá lắm trêu ghẹo các cô cậu

thanh niên qua lại ngoài đường đến nỗi họ phải tránh đi phố khác. Nếu bắt buộc phải qua nhà chúng tôi, bước chân họ hình như quỳnh quáng đến tội nghiệp. Đôi khi, dắt tôi đi qua một người nào hay nhà nào đó, anh chị xúi tôi đọc một câu vè mà tôi đã được truyền miệng học thuộc lòng. Tôi không hiểu gì, vừa nắm tay anh chị vừa tí tởn nhảy lò cò và ngheu ngao: *Ở Hàng Cá có cô Yến già, có cô Nga cao căng, có bà già Lợi ve*. Lớn lên, tôi mới hình dung được các nhân vật trong câu vè, nhưng không ai thật sự giống như vậy. Đó chỉ là một sự trêu chọc vô tội vạ.

Tôi cũng thường được nghe nói về “Ngọc Toét”, cháu ông bà Trường Mềm. Chàng trai có biệt hiệu đó vì khi còn nhỏ, bị đau mắt và nhỏ lộn thuốc sát trùng. Nên đôi mắt kèm nhèm một thời gian và đã mang nhãn hiệu đó cả đời.

“Ngọc Toét” từng là liên lạc viên chuyển thư tình cho chị Kim, chị Nguyệt khi chúng tôi còn ở ngôi nhà ba tầng kia. Trong gia đình, không ai khôn lanh có thể lọt qua mắt bố. “Ngọc Toét” là con nhà hàng xóm ra vào ông không để ý. Các chị tôi thường nhờ cậu nhóc này trao đổi “thư tình tiền chiến.”

Tới tuổi thanh niên, Ngọc Toét có tật giữa đường thấy sự bất bình chẳng tha, bênh vực kẻ yếu, đánh kẻ mạnh cậy thế ức hiếp người. Anh lập đảng lớn lắm, trong số đó có mấy nhân vật trở thành các ông tướng, ông tá tai mắt trong lịch sử Miền Nam sau này. Nhiều phen đảng “Ngọc Toét” có những cuộc giao tranh, đụng độ dữ dội với các tay băng nhắng mấy khu phố khác. Anh được coi như một nhân vật anh hùng nhất Phố Chả Cá. Anh chị tôi và nhiều người ngày nay còn nhắc đến tên “Ngọc Toét”.

Thuở tôi bé tí teo ấy, trong gia đình chúng tôi không ai tránh được những cái tên xấu xí. Tôi có tên “Dung Cún” vì một lẽ oan gia. Tôi hay đòi đi xem rước sư tử mà Cún, người

giữ việc trông coi ngôi đền góc Phố Chả Cá kiêm cả việc múa lân. Khi lớn hơn một chút, tôi đã biết lý sự, đòi khai tử cái tên có vẻ “anh chị” kia, lấy lại tên trên giấy khai sinh. Chúng tôi, kể cả bố mẹ, ai cũng có tên với ý nghĩa văn hoa rất đẹp. Nhưng hình như “Ngọc Toét” vẫn yêu thích và muốn giữ biệt danh kia.

Qua phố của “Ngọc Toét”, Phố Lãn Ông băng ngang. Phố này mang tên ông lang mát tay đã bốc thuốc chữa bệnh rất hiệu nghiệm cho các ông con, bà cháu vua Lê, chúa Trịnh ngày xưa. Gia đình nào trên phố này cũng có nghề, có cửa tiệm thuốc bắc kể cả nhà gia đình anh Uẩn chị Nguyệt, anh rể chị ruột tôi tại ngã tư Lãn Ông.

Hàng Cân tiếp sau Phố Chả Cá, mang đúng danh hiệu với những cái cân tay, cân bàn, cân để dưới đất. Cân gang, sắt, đồng, chỉ đủ kiểu, đủ cỡ. Qua đầu Hàng Gai, Hàng Bông bên phải, bán đồ thêu, chăn, gối, đệm, màn, tới hồ Hoàn Kiếm. Nhà Thủy Tạ lúc nào cũng mới mẻ, trẻ trung như cô gái tân thời bên bờ hồ tha thướt liễu rủ. Ban ngày, sân thượng nhà Thủy Tạ là hiệu kem, giải khát. Ban đêm, tầng bên dưới là nơi dân ăn chơi Hà Thành tới lả lướt theo tiếng ca, điệu nhạc trong ánh đèn màu.

Quán Mụ Béo đối diện bên kia đường, nổi tiếng bánh tôm, bún ốc, thịt bò khô... Nhà bà ngoại, cô Sửu có cửa tiệm tạp hóa nhỏ, ngõ Bảo Khánh phía sau. Tôi thường được mẹ sai nhằn nghe chuyện này, chuyện nọ cho hai người. Mỗi lần làm công tác, tôi lại được ăn kẹo, bánh hay ô mai...

Đường Lê Thái Tổ cây cao bóng rợp. Tháp Rùa chơ vơ như trắng sứ cô đơn trăm năm vẫn đứng trông chờ con rùa lịch sử trao gươm thiêng cứu quốc. Tục truyền rằng, sau khi Lê Lợi xưng Vương Lê Thái Tổ, năm 1428, rời đô về Đông Kinh (Hà Nội). Một hôm đi chơi thuyền trên hồ, nhà vua dùng thanh kiếm báu, đã tìm được ở đất Lam Sơn để đánh

đuổi quân Minh và chỉ lên mình một con rùa lớn đang nổi trên mặt nước. Rùa đớp kiếm rồi lặn mất. Vua Lê Thái Tổ cho rằng trời đã cho thanh kiếm diệt xâm lăng. Nay giặc tan, nước vững, trời đòi lại kiếm thiêng. Nhà vua đặt tên hồ Hoàn Kiếm từ đó.

Nghe nói khi trời nắng ấm, rùa nổi lên mặt nước, phơi mình trên đảo Tháp Rùa. Nhưng suốt hai năm đi học qua đây, những con “rùa non” thường nhấp nhòem trên yên xe đạp và ngóng tìm vẫn không thấy bóng rùa nào rong chơi trong hồ. Có lẽ rùa thiêng chỉ hiện ra với người anh hùng có kiếm báu. Bọn học trò chúng tôi chỉ có thước kẻ gỗ, rùa không xuất hiện để đớp vật tầm thường?

Ngang qua Hàng Trống, Hàng Khay cửa hàng thanh lịch, rẽ phải vào Đại Lộ Gia Long thênh thang, sầm uất. Tiệm bánh Tây Gia Long ở một góc đường. Rẽ trái sang Đại Lộ Hai Bà Trưng, biệt thự rộng lớn, cây cối um tùm. Trường Nữ Trung Học Trưng Vương uy nghiêm, đồ sộ cuối đường bên phải, gần nhà Bác Cổ và Nhà Hát Lớn. Sân trường xanh ươm cây sấu, cây me, cây phượng. Trước cửa trường chúng tôi, Petit Lycée Pháp êm ắng không một ai ra vào. Họ đi cửa sau. Từ nhà tôi đến trường độ ba cây số đường xe đạp thênh thang, rong ruổi.

Trường Trưng Vương được thành lập từ năm 1925, dưới cái tên giản dị, Collège des Jeunes Filles. Đến năm 1948, trường mới mang tên vĩnh viễn Trưng Vương, lịch sử bất diệt. Năm 40 sau Tây lịch, bà Trưng Trắc đã cùng em là Trưng Nhị kết hợp toàn dân ta nổi dậy, đánh đuổi quân Tàu tàn ác đô hộ. Bà Trưng Trắc xưng làm vua, trị nước được ba năm thì giặc trở lại đánh phá. Yếu thế, hai chị em bà Trưng nhảy xuống Sông Hát tự trầm, lưu danh nữ anh hùng đầu tiên, vẻ vang dân tộc Việt.

Nữ sinh Trưng Vương bắt đầu mặc đồng phục áo lam vào năm 1948. Hiệu Trưởng trường là bà Tăng Xuân An. Giám học là bà Phú. Tổng giám thị là cô Nguyệt Minh.

Đôi khi lớp không có giáo sư, chúng tôi rủ nhau qua Nhà Bác Cổ để xem những đồ vật cũ kỹ của Việt Nam ta ngày xưa. Nào là hoàng bào, vương mào, quan hia, chúa hải đã mốc meo. Nào gương bạc, trống đồng đã han rỉ. Nào đồ sứ trắng xanh đã rạn vỡ, đồ sành nâu xám sứt mẻ. Nào đồ nữ trang xấu xí, đen xỉ... Phòng trưng bày ảm thấp, thiếu ánh sáng, ám khí người xưa như quanh quất đâu đây.

Tất cả những thứ đó không hấp dẫn mấy cô học trò vừa mới vào học lớp Đệ Thất bằng chuyện tíu tit đi chơi với nhau. Đôi khi chúng tôi bàng hoàng bật tiếng nói cười, cùng ngừng xe đạp để thưởng thức tiếng dương cầm thánh thót văng ra từ một biệt thự trên con đường thanh tịnh gần trường.

Một thích thú nữa, đi theo rình rập để “bắt quả tang” các chị lớp trên sóng đôi xe đạp với các anh trường khác trên những phố nhỏ hẹp vắng vẻ xung quanh trường nữ trung học nổi tiếng có nhiều giai nhân yêu kiều nhất thủ đô. Các cô bé nhấp nháy nhau, khúc khích cười những cuộc hẹn hò của các bậc đàn chị như chuyện đó sẽ không bao giờ xảy đến trong đời mình.

Lần thứ nhất ban nhạc *Gió Nam* tới Hà Nội, nhóm bạn học cùng lớp, Ngọc Diệp, Thu Hòa, Tuyết Anh, Tú Anh và tôi hẹn gặp nhau tại nhà Kim Dung, biệt thự đẹp mới xây, Phố Hàng Chuối. Chúng tôi mua được vé học sinh đồng hạng để cùng đi xem Thái Thanh, Thái Hằng, Khánh Ngọc, Hoài Trung, Hoài Bắc trình diễn tại Nhà Hát Lớn. Tới nơi, chúng tôi vội vàng khóa xe đạp với nhau và khi chạy vào được bên trong, khán giả đã đầy kín mấy tầng lầu. Tưởng rằng chạy lên tầng chót may còn chỗ, chúng tôi vẫn phải đứng xem từ đầu tới cuối chương trình. Sân khấu sâu thẳm phía dưới.

Không nhìn thấy bàn tay búp măng đẹp tuyệt trần như trong ảnh của Thái Thanh, vẫn nghe được tiếng hát trong thanh, cao vút của cô qua bản *Giòng Sông Xanh*, lời Việt của Phạm Duy, (nguyên tác *An der Schoen Danau*, 1866, Johann Strauss II) . Không nhìn rõ Hoài Trung “mặt dài như mặt ngựa,” vẫn nghe tiếng hí *Nhạc Đường Xa* của nghệ sĩ này vang lên tận óc, muốn vỡ ngôi nhà Hát Lớn Hà Nội.

Những buổi chiều về, chúng tôi đi ngang qua nhà Godard, một thương xá tân tiến, sang trọng, lớn nhất Hà Thành. Và, tiếp tục chúng tôi đi nốt nửa vòng còn lại của Hồ Hoàn Kiếm, phía bên nhà Bưu Điện, vườn hoa Chí Linh, nơi các ban nhạc thành phố trình tấu những ngày cuối tuần.

Sau Bộ Quốc Gia Giáo Dục tới Tòa Thị Chính. Ấu Trĩ Viên, vườn chơi trẻ con phía sau. Đền Bà Kiệu bên cây si cổ thụ, rễ dây ma quái rũ rượi từ trên cành lá rườm rà xuống đất. Chúng tôi không bao giờ có ý định ngừng lại thăm thú ngôi đền bí mật, luôn luôn cửa đóng im lìm ấy.

Bên kia, cầu Thê Húc đỏ duyên dáng soi gương nước hồ xanh trong, lẫn lẫn gợn sóng. Qua nhịp cầu cong cong, đền Ngọc Sơn linh nghiêm hương khói, ẩn núp kín đáo dưới tàn cây xum xuê. Phía ngoài cổng đền có vài cây đa già to lớn. Khi mùa búp đa rụng đầy lối cỏ, Ngọc Diệp và tôi thường ghé lại, dựng xe đạp gốc cây, mê mãi nhặt búp đa bỏ đầy cặp sách. Hai đứa nhẹ nhàng, khéo léo tách và thổi, sợ búp đa rách. Nhưng chỉ năm sau, hai cô bé đã ý tứ hơn, không dám thổi búp đa nơi công cộng.

Qua đền Ngọc Sơn tới bến tàu điện Bờ Hồ. Đường rày chằng chịt từ Hà Đông, Ô Chợ Dừa ra, từ Ô Cầu Giấy, Cửa Nam tới, từ Bạch Mai, chợ Hôm lên. Hàng quà, hàng bánh mời rao náo nhiệt. Bên kia đường, rạp chiếu bóng Philharmonic với những tấm quảng cáo các phim đệ nhất, đệ

nhị thế giới chiến tranh, phim khôi hài Pháp với Fernandel, phim giễu Mỹ với vua hề Charlot rất hấp dẫn chúng tôi.

Rời bờ hồ, rẽ phải vào Hàng Đào của tơ lụa lượt là, gấm nhung óng chuốt. Những hàng quần áo may mặc Tết của chúng tôi phải được chọn mua trên phố trung tâm Hà Nội này. Các nàng hoa khôi mọng mị, kiều kỳ sau quầy hàng. Qua nhà cô Trịnh Thị Tiến, giáo sư sử địa, thế nào tôi cũng phải ngó vào. Tôi thương cô nhất trong các giáo sư. Lý do, tôi là một trong những học trò cưng của cô từ lớp ba trường Tiểu học Thanh Quan. Một vài lần đi bát phở với Diệp, chúng tôi gặp cô Tiến ở cửa tiệm tơ lụa nhà cô. Được cô thăm hỏi, chúng tôi mừng vui và kiêu hãnh như được lãnh phần thưởng danh dự, phần thưởng hạng nhất trong đời học sinh nhỏ bé!

Cuối Hàng Đào, Hàng Bạc đi về bên phải, sáng loáng đồ vàng, đồ bạc đắt tiền, Hàng Bò đi về bên trái, đơn sơ làn gió, thúng bò, nong nia, rổ rá khiêm nhường. Qua hai phố đó, chúng tôi bắt đầu đạp xe thi với tàu điện xuống Hàng Ngang hấp dẫn những cửa tiệm lộng lẫy đồ xa xỉ phẩm ngoại quốc nhập cảng, nước hoa, son phấn, đồ chơi... Tôi thường mê man dí mũi tủ kính hoài trên con đường này mà không chán.

Khi chúng tôi gặp lại Phố Lãn Ông bên trái, Hàng Buồm bên phải thơm ngon cơm tám, giò chả: xanh ngắt canh rau cải nấu thịt nạc; đồ ổi, bóng ngậy xá xíu, thịt quay treo trong tủ kính. Hiệu Đông Hưng Viên với bánh nướng, bánh dẻo hạng nhất. Thương xá Porte d'Or có cầu thang máy đầu tiên và độc nhất tại Hà Nội. Nhà bác Trưởng Quế ở cuối phố Hàng Buồm. Bác là anh ruột người vợ yếu mệnh của bố trước khi ông cưới mẹ chúng tôi. Nhưng sau đó hai gia đình vẫn coi nhau như họ hàng. Chị Huyền, con gái bác Trưởng nổi tiếng hoa khôi. Chị Phong, em gái chị Huyền học cùng lớp ba với tôi dưới Tiểu Học Thanh Quan. Anh Lượng em

trai chị Huyền, bánh bô vui tính. Anh là hướng dẫn viên đưa chúng tôi đi thăm viếng gần hết thắng cảnh xung quanh thành phố.

Từ Hàng Ngang đi thẳng sang Hàng Đường ngọt lự bánh mứt. Đây là một trong những con đường tung bùng, nhộn nhịp nhất của Hà Nội ba mươi sáu phố phường những ngày trước Tết Trung Thu, trước Tết Nguyên Đán. Những hộp kẹo, bánh mứt in phong cảnh, hoa lá, hình người, hình vật bọc giấy bóng xanh, đỏ, vàng, hồng rực rỡ. Ôi thôi người ta đi mua sắm đông như cối, như nê!

Những năm còn bé được theo mẹ đi chợ Tết, sợ bị lạc, tôi thường nắm vạt áo bà. Tuy nhiên mãi nghênh ngó nhiều thứ lạ lùng, tôi bị lạc hoài. Nhưng có lẽ *thông minh vốn sẵn tính trời*, khi nhìn quanh quần không thấy mẹ, trong lòng tuy lo sợ lắm, tôi vẫn làm bộ thân nhiên. Nếu tỏ ra hoảng hốt, mẹ mìn biết được, bỏ bùa mê bắt đi mất! Tôi đứng yên ở một chỗ thừa người để dễ được trông thấy và quay nhìn bốn phía tìm mẹ. Tôi biết thể nào bà cũng đi trở lại, quả nhiên vậy. Không lần nào mẹ phải kiếm tôi lâu.

Sau Hàng Đường, tới Hàng Mã chạy ngang bên trái, Hàng Chiếu bên phải. Nếu người ta loạn sắc với những đồ cúng lễ bằng giấy đủ màu lòe loẹt, mỏng mảnh, dễ bẹp, dễ cháy trên Hàng Mã, thì cũng hoa mắt trên Hàng Chiếu. Hàng ngàn mảnh chiếu dẹt bằng cối, in chữ hỉ, vạn, phúc, lộc, thọ, những hình con công, con phượng, hoa lá cành đỏ thắm, xanh rêu, vàng rờ. Mua chiếu để nằm cho sạch, mẹ chỉ chọn màu trắng, mờ hôi không làm phai màu ra quần áo. Nhưng ngày Tết phải có chiếu hoa mới để trải sập gụ cho khách ngồi. Mẹ đi chọn mua chiếu rất kỹ. Chiếu phải dày cối, xít mau, hình in gọn, không nhòe nhoẹt. Mảnh chiếu quý, màu đỏ tươi đẹp làm tăng thêm phần hoan hỉ, Khang trang ngày

Tết. Chiều mưa về, mẹ may viên bằng gấm đỏ cùng loại với nệm của bộ ghế gu phòng khách.

Đề đỡ mất công và thời giờ chọn lựa, mẹ thường đến cửa hàng cô Nhâm trước. Cô là em ruột mẹ. Nếu cô Nhâm không có thứ chiều như ý, mẹ mới đi hàng khác. Cửa hàng chiều và cũng là nhà ở của cô Nhâm, đối diện với Ô Quan Chưởng, mang chức tước của vị Chưởng Cơ đã cùng quân lính tử chiến chống Pháp giữ thành. Ô Quan Chưởng là một trong những di tích của năm Cửa Ô Thăng Long ngày xưa còn sừng sững trơ gan cùng tuế nguyệt.

Đôi khi rùng rình vài đồng trong túi, tôi rủ Ngọc Diệp, Thu Hòa đi tàu điện để được dịp ngắm người, ngắm cảnh và nhàn đôi chân. Xe điện từ Bờ Hồ tới ngừng lại chợ Đồng Xuân lúc nào cũng đông đúc, ồn ào. Khi mùa mận chín chúng tôi hay ghé vào chợ mua mỗi đứa một quả mận thật to, sậm đỏ, tím ngắt, tím ngơ. Trên đường về nhà, ba đứa lấy khăn tay xoa chùi mận cho thật bóng, hít hà mận thơm vài ngày rồi mới ngậm mút từng miếng mận ngọt đã nhũn mềm. Mấy cô bạn khác lại thích xoa nhót đỏ vào áo dạ, áo len, ăn nhót chua chấm muối ớt. Vâng, con gái học trò có những thú ăn lạ lùng lắm. Nếu bây giờ được về Hà Nội gặp nhau mấy bà bạn cũ sẽ lại rủ nhau đi ăn những thứ tẩm mẫn này.

Qua Hàng Khoai, một trong mấy cái chợ trời tập nập xung quanh khu Đồng Xuân, tới Hàng Giấy nổi tiếng với tiệm giò chả Việt Hương, họ hàng của gia đình Ngọc Diệp. Đôi khi cô bạn rủ tôi vào tiệm mua giò chả còn nóng hổi. Bên kia đường là hiệu chụp hình Vinh Quang. Mẹ còn giữ được một tấm ảnh cả gia đình chụp chung tại hiệu này. Trong hình, bố trông còn phong độ lắm. Mẹ hồi đó mới ngoài bốn mươi, ôm em Khoa vừa được một tuổi. Cậu út mặc quần

thùng đất, ngồi phơi cả “chim” ra. Chị Tâm chải tóc búp ăng-lê. Chị Phương, tóc dọn sóng. Em Vân, tóc ngắn che tai, được các chị cuộn búp trên đầu. Em Hà, tóc bê-bê Nhật. Hồi đó tôi đang học lớp nhì trường Thanh Quan, tóc chải thẳng sang bên, kẹp lại đằng sau. Bức hình đối với tôi như một bảo vật, quý giá hơn tất cả vàng bạc nữ trang tôi có thể mua được.

Hết Hàng Giấy, trở lại Hàng Than hai chiều. Đường tàu điện từ Kim Liên sang, đi theo phố này lên Đê Yên Phụ tới trạm cuối cùng, đầu dốc Cổ Ngư. Thỉnh thoảng bố mẹ đưa các em Vân, Hà, Khoa lên tàu điện ngừng bên tòa báo Thời Sự để làm một chuyến khứ hồi Yên Phụ-Kim Liên và Kim Liên-Yên Phụ, thanh thoi, nhàn hạ. Các em hơn hờ, tíu tít như ngày xưa mỗi lần tôi được đi từ Hà Nội về thăm bà ngoại ở Hà Đông.

Từ nhà Phạm Bá Quát ngã năm Hàng Than, rẽ phải vào Phố Hòe Nhai, đôi khi tôi chạm mắt cậu học trò Nguyễn Văn Đình lúng túng đứng ngoài ngõ. Chàng trai hàng xóm tuần tú đó chính là người hùng miền Nam sau này, Đại Tá Nhảy Dù, Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn 1 với những chiến trận kinh hoàng của năm 1972 và được nhà văn Phan Nhật Nam nhắc nhở trong tác phẩm *Mùa Hè Đỏ Lửa* và *Dựa Lưng Nổi Chết*.

Phố Hồng Phúc, bên cạnh Phố Hòe Nhai, còn có gia đình bác Xước, người bạn đồng môn, đồng nghiệp của bố tôi. Một người hùng miền Nam nữa, Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Thế Nhã đã từng cư ngụ trên con phố đó.

Nhà tôi ở chân dốc dưới Đê Yên Phụ, bên con Sông Hồng. Có năm nước sông lên cao lắm. Mọi người xôn xao lo sợ lụt. Đứng trên đê có thể nhìn thấy nước sông đỏ ngầu, cuộn cuộn chảy và cao mấp mé mặt đê đã được xây đắp không ngừng từ đời nhà Lý qua các đời kế tiếp để ngăn chặn

nạn lụt. Nhất Linh¹⁹ và Khái Hưng²⁰ đã tả cảnh lụt thê thảm của Sông Hồng trong truyện *Anh Phái Sống*. Nhưng may mắn, tôi không thấy lụt lội bao giờ.

Nhìn Cầu Long Biên, tôi mong ước có những dịp du ngoạn trại hè Đồ Sơn, Vịnh Hạ Long... như chị Tâm, chị Phương để được đi trên những nhịp cầu sắt lưng chừng trời cao bắc ngang sông. Những dịp ấy đã không đến với tôi suốt mười mấy năm lớn lên ở Hà Nội.

Có những buổi sáng mặt trời đỏ rực, to bằng cái mâm son, như mọc từ dưới sông và nhô lên khỏi mặt con đê chạy dài từ bắc xuống nam thành phố. Qua Hà Nội, Sông Hồng tiếp tục chảy xuống Hưng Yên nổi tiếng nhãn lồng, qua Nam Định, quê nhà thơ Nguyễn Bính, cuối cùng đi vào biển cả Vịnh Bắc Việt...

Gia đình tôi đông đúc mười mấy người, bà nội, bố, mẹ, vợ chồng anh Khánh, hai cô em họ Thịnh, Vượng và bảy chị em, năm gái, hai trai. Tất cả vẫn cư ngụ trên hai căn gác khiêm nhường. Bố vẫn là công chức Sở Tài Chánh từ trước khi cưới mẹ. Chuông chùa Hòe Nhai đánh thức ông dậy đi bách bộ với cây ba-toong cổ hữu mỗi buổi sáng trước khi đi

19 - Nhà văn Nhất Linh (1905-1963): Tên thật Nguyễn Tường Tam, sinh tại huyện Cẩm Giàng, Hải Dương. 1933 thành lập Tự Lực Văn Đoàn. 1935 xuất bản Tuần báo Ngày Nay. Ông là nhà cách mạng văn học, xã hội, chính trị. Ông có gần 20 tác phẩm nổi tiếng trong đó có *Gánh hàng Hoa*, *Đoạn Tuyệt*, *Đôi Bạn*, *Anh Phái Sống*, *Giòng Sông Thanh Thủy*...

20 - Khái Hưng (1896-1947); Nhà văn, nhà báo, nhà cách mạng, tên thật Trần Khánh Dư, trong Nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Ông có nhiều tác phẩm danh tiếng trong đó có *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân*, *Trống Mái*, *Thoát Ly*, *Tục Lụy*... Các tác phẩm viết chung với nhà văn Nhất Linh: *Gánh Hàng Hoa*, *Đời Mưa Gió*, *Anh Phái Sống*.

làm. Tiếng chuông thu không kêu gọi chúng tôi về nhà học nếu còn lang thang nhà ai ngoài phố. Âm vang chuông chùa Hòe Nhai còn như vắng vắng trong tiềm thức.

Từ ngày bị áp suất huyết cao, bố không chơi Tennis, không cử tạ nặng nữa. Ông chăm chỉ đi bộ, làm những cử động thể dục và thường nói rằng: “Tập thể dục buổi sáng hít thở không khí trong lành, máu huyết lưu thông, trí tuệ minh mẫn, học hành giỏi dang.” Như một cây non dễ uốn nắn, tôi bắt chước bố và nhà trường tập thể dục từ thuở mới lớn và giữ thói quen đó mãi tới nay. Có lẽ vì thế tôi không bị “bệnh phì nộn” tuy rằng vẫn ăn uống “thùng bát chi thỉnh,” no nê hơn cả người mập.

Tuy nhà thuê đơn sơ, bố mua lại rất nhiều đồ đạc đẹp quý chúng tôi đã bị mất trong thời gian tản cư, bỏ trống Biệt Thự Văn Khôi, làng Mộc Thượng Đình. Cái bàn ăn tràng kỷ kê trước tủ chè gỗ gụ trạm trổ cầu kỳ đã để lại một vết tích trên sống mũi em Hà. Ngày nay vết sẹo đã mờ, nhiều lần Hà muốn đi sửa mũi, nhưng không có can đảm như các bà, các cô thích sửa sang sắc đẹp, dù mũi có tẹt xấu gì đâu. Mũi thanh nhưng tâm hồn có trong? Miệng xinh nhưng lời có đẹp? Trong cuộc đời, tìm những người đẹp mặt, đẹp mũi thì dễ, chọn được những người đẹp tâm hồn, đẹp tấm lòng, ôi thôi sao khó quá!

Một sập gụ mặt đá rộng thênh thang, kê trước một tủ chè khảm xa cừ khác của bố đựng sách quý, bát đĩa cổ, giấy tờ quan trọng của gia đình. Mùa hè tôi thích ngủ trên sập với hai em Vân, Hà cho mát. Mùa đông tôi thích chui rúc một giường ba cánh phản gỗ lim đen bóng, với chị Tâm, chị Phương và hai cô em họ. Dưới chiếu cói, trên chăn bông trần mẹ may dày dặn, giữ hơi người ấm nóng như lò sưởi cho năm chị em. Trước khi chìm đắm vào đêm mộng, các cô dạy nhau đủ các bài hát chiến khu, kháng chiến, tiền chiến. Mấy

cô gái dậy thì hú hí nhiều chuyện bằng tiếng lóng liên thoảng hơn cả tiếng Tây đen bán vải Hàng Đường, tôi không thể hiểu và cũng không bao giờ học được. Thí dụ như, “Ung da ó na ông kha iều ha ịi ta ình ma ói na ì gia âu đa.” (Dung nó không hiểu tại mình nói gì đâu).

Tôi không nhớ có ai đập ai xuống đất không, nhưng vẫn còn nhớ những đêm đông lạnh cóng bên ngoài, chị em chong đèn điện vào giường, trùm chăn lên đầu, thay phiên nhau đọc *Số Đỏ*, *Giông Tố* Vũ Trọng Phụng²¹, tiểu thuyết gia quá cổ khi tuổi chưa tới ba mươi, khi tôi vừa sinh ra đời. Tuy nhiên, mấy cô gái lớn chê tôi trẻ con không biết gì, không cho tôi đọc. Tôi chỉ được nghe ké. Thỉnh thoảng các cô rúc rích cười như chuột chí đùa giỡn trong đêm. Mỗi khi nghe tiếng động khả nghi, chúng tôi “xuyết” nhau tắt ngúm đèn, nằm im thín thít. Nếu ông bố biết mấy đứa đọc lên thứ tiểu thuyết “dâm” này, cuốn sách sẽ được làm vật hy sinh cho ông vua bếp ngay! Tha hồ nhin ăn quà, trả tiền đèn hiệu sách cho thuê truyện.

Nói về mùa đông rét mướt của Hà Nội, không gì buồn hơn tiếng đàn, tiếng hát dạo qua nhà trong đêm giá lạnh. Chúng tôi không khỏi buồn ngủ, tội nghiệp cho người ca sĩ cô đơn và nghèo ấy. Một buổi tối anh chị em con chú, con bác hội họp đông đủ dưới nhà chú thím Hai. Các bậc cha mẹ không biết đi đâu vắng. Chúng tôi gọi người ca sĩ dạo đó vào. Ông ta chặc độ bốn mươi, gầy gò co ro trong cái áo lạnh đã sờn cũ. Ông rụt rè hỏi chúng tôi:

- Ông bà, cô cậu muốn tôi hát bài gì?

24 - Vũ Trọng Phụng (1911-1939): Nhà văn tiền chiến, sinh quán tại Hà Nội. Ông để lại gần 20 tác phẩm tiểu thuyết và phóng sự. Nhiều tác phẩm của ông được dựng thành kịch và phim ảnh sau này.

Chàng rể Nguyễn Đức Tiêu nói:

- Những bài ông thích nhất. Bài gì cũng được.

Anh Khánh thêm:

- Ông hát cho tôi bản *Thiên Thai*, nhưng đôi như thế này nhé, *Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng, nhớ ông Khánh ngày xưa lạc tới Đào Nguyên*.

Chúng tôi và cả người ca sĩ buồn cùng cười rộ. Ông em họ Văn lên tiếng đòi:

- Ông hát cho tôi bài *Hà Nội 49*²².

Người ca sĩ ngập ngừng:

- Bài đó còn mới quá, tôi chưa thuộc.

Đợi chúng tôi bàn chọn một số bài xong, ông ta dang hắng lấy giọng cất tiếng hát đau khổ ca bài *Thiên Thai*²³ đầu tiên như lời anh Khánh yêu cầu, sau đó *Đêm Đông*²⁴, *Con Thuyền Không Bến*²⁵ ... Tuy tiếng hát không hay lắm, chúng tôi vẫn hào hứng vỗ tay tán thưởng. Anh chị chỉ muốn cho ca sĩ có thính giả, trả thù lao giúp đỡ người một chút. Những ngày sau đó, bước chân âm thầm trong đêm kia hình như chậm lại mỗi khi qua nhà chúng tôi. Nhưng bố mẹ không đi vắng hoài, anh chị em không có nhiều dịp gặp nhau đông đủ

22 - *Hà Nội 49*: Nhạc phẩm của Nhạc sĩ Trần Văn Nhon (1912-1972), sinh trưởng tại Sài Gòn. Tác giả của những bản nhạc khác; *Áo Ảnh Một Chiều Thu*, *Bên Hồ Gươm*, *Chiều Đông Phương Bắc*, *Sài Gòn Xa Hoa*...

23 - *Thiên Thai*: Nhạc phẩm của Nhạc sĩ Văn Cao. Ông sinh tại Hải Phòng 1923, qua đời tại Hà Nội 1995. Nhạc sĩ Văn Cao còn có nhiều bản nhạc nổi tiếng như *Bến Xuân*, *Suối Mơ*, *Trương Chi*...

24 - *Đêm Đông*: Nhạc phẩm của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương (1919-2002).

25 - *Con Thuyền Không Bến*: Nhạc phẩm của Nhạc sĩ Đặng Thế Phong (1918-1942). Ông để lại đời hai nhạc phẩm nữa là *Đêm Thu*, *Giọt Mưa Thu*.

những đêm khuya, để giúp người nghệ sĩ đáng thương. Thuở ấy, “con nhà lành” ai dám thuê ca sĩ dạo vào nhà để nghe hát như chúng tôi đã liều lĩnh khi bố mẹ vắng mặt vậy?

Lại nhắc tới những đồ đạc trong nhà tôi. Một bộ bàn tròn mặt đá, bốn ghế bành gỗ mun đen khắc chạm vỏ trai óng ánh rất tinh vi là bàn tiếp khách của bố. Nhớ thời vàng son, ông thường ngồi gõ chiếc đũa cả vào bàn và buồn tình hát trống quân, ả đào vờ riêng mình. Nếu tôi ngẩn ngơ ngồi bên làm khán thính giả, ông có vẻ hứng khởi hơn, ngâm say sưa những bài thơ của ông hay của các nhà thơ nổi tiếng như Dương Khuê²⁶, sau này tôi được học trên ban văn chương:

*Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
Mới ngày nào còn chứa biết chi chi.
Mười lăm năm thấm thoát có xa gì,
Ngoảnh mặt lại đã đến kỳ tơ liễu...*

Nhìn cách bố gõ đũa tôi thắc mắc hỏi:

- Tại sao bố gõ lên mặt bàn rồi lại cạnh bàn?

Ông giải thích:

- Trong nhịp hát cô đầu có tiếng tom gõ vào mặt trống, tiếng chát gõ vào cạnh trống. Khi cô đầu hát, người giỏi biết gõ tom chát theo cho đúng nhịp.

- A, bố thay cái bàn cho cái trống? Thế bố có “tom chát” giỏi cho các cô không?

Được hỏi trùng ý, ông thích thú cười:

- Cũng không tệ lắm. Các cô thường đòi ngâm thơ của bố và yêu cầu bố gõ nhịp cho hát!

26 - Dương Khuê (1829-1902) người Hà Nội, đậu tiến sĩ năm 1868. Ông có những bài hát nói nổi tiếng: *Gặp Cô Đầu Cũ, Gặp Lại Người Quen...*

Ngày xưa các cụ cũng có ca hát âm nhạc “cổ điển” như ngày nay người ta có trống Tây, trống Mỹ đánh theo nhịp “xình chách” cho ca sĩ hát và mọi người nhảy đầm vậy thôi! Giản dị, dễ hiểu quá! Có điều luyến tiếc vô vàn! Khi mẹ và các em tôi rời Sài Gòn, sợ mấy ông Cộng Sản khám xét, làm khó dễ, đã để thất lạc tập thơ của bố. Nếu không, thơ ông đã được chép ra thay thế thơ Dương Khuê ở trên. Tim tôi nhức nhối mỗi khi nghĩ tới điều này.

Ngày ấy, chị Phương đang học trường Saint Paul. Chúng tôi đã tưởng chị Phương mê các bà sơ, sẽ đòi đi tu. Ngoài những lớp học Bồn Đạo, Pháp văn, các sơ dạy chị khâu, thêu, rua, làm hoa voan và nhiều đồ nữ công rất tỉ mỉ, khéo léo. Trong những chợ phiên, chị Phương có nhiều hàng bày bán gây quỹ nhà trường.

Chị Tâm đã rời trường Saint Paul qua trung học Nguyễn Huệ. Ôi thôi, chị Tâm nổi tiếng ăn diện, mùa nào, mặc đó. Chị cao to, eo o, thể thao bơi lội và để tóc dài giống Esther Williams, cô đào chiếu bóng Hollywood. Tiền bố mẹ cho, chị đem tới mấy tiệm sách báo đường Đinh Tiên Hoàng nhìn sang Tháp Rùa, Hồ Hoàn Kiếm, tiêu hết vào các báo *Ciné Monde*, *Ciné Revue* và hàng trăm ảnh tài tử, minh tinh màn bạc như Ava Garner, Rita Hayworth, Erol Flynn, Robert Taylor... Chị Tâm mua màu, tô son điểm phấn những tấm hình này. Chị còn có cái thú tích trữ hàng xấp những tờ giấy chương trình quảng cáo và tóm tắt truyện phim với đủ màu đẹp mắt và hấp dẫn.

Lý do tôi ham học Pháp văn, Anh văn chỉ vì thích xem sách báo, phim ảnh ngoại quốc. Ai đâu nghĩ tới chuyện người Việt có ngày phải di cư sang Pháp, Bỉ, Anh, Úc, Mỹ... khắp năm châu, bốn bể như ngày nay để phải học cả tiếng ma-ní, chà-và.

Bố chỉ là công chức thanh liêm, chính trực, gia đình đông con nên sống thanh đạm. Nhiều lần người Pháp muốn đưa bố lên làm phó giám đốc sở, chủ sự... Nhưng càng làm lớn, càng gần các quan Tây, càng phải nể sợ, nịnh bợ, khúm núm. Bố từ chối hết, cũng như những lý do ngày xưa ông nội, cụ nội chúng tôi đồ Tú Tài, Cử Nhân đã từ chối làm quan về làng ở ẩn và dạy học cho qua thời.

Có lần “người ta” mời bố ra làm Tỉnh Trưởng Hành Chánh. Bố mẹ còn đang suy nghĩ thì nghe có ông tỉnh trưởng tử nạn, xe bị nổ mìn Việt Minh, ông khác bị giết chết khi đồn thành bị tấn công. Một gia đình con mất cha, vợ mất chồng vì chiến trận ngay trong phố Hàng Than. Nên sau đó bố không bàn bạc tới chuyện theo ngành quân chính nữa. Ông chỉ muốn yên thân nuôi đàn con bấy đứa nhỏ dại.

Còn mẹ, như phần đông phụ nữ Việt Nam không đi làm, nhưng rất tần tiện, thu vén khéo việc tề gia nội trợ trong nhà, đã hy sinh nhiều cho chúng tôi. Chị Tâm và tôi vẫn được đi học tư Toán anh Bình trước cửa Văn Miếu, học Anh văn ông Cát bên hồ Trúc Bạch, với Lê Dung, Kim Dung, Ngọc Diệp, Tú Anh...

Mùa đông chị Tâm, chị Phương vẫn có áo len màu xanh cổ vịt, màu tím nhung đỏ, áo khoác sọc ngang, sọc dọc, kiểu thẳng, kiểu loe. Mùa xuân áo gấm mềm, mình khô hoa ướm màu sáng tươi. Mùa hè áo lụa Bombay nhẹ mỏng như mây. Các chị được ăn diện như tiểu thư con nhà giàu. Các em Vân, Hà, Khoa mặc những bộ áo mẹ và chị Phương thuê đan rất xinh đẹp. Còn tôi tứ thời bát tiết áo lam đồng phục năm ngày, một ngày mặc tự do. Tôi thích mặc áo vàng hoa cúc ngày Tết và cũng là màu sắc tượng trưng vương bào của chị em hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị mà trường học của tôi được vinh dự mang tên.

Hai chị lớn, Kim, Nguyệt tuy có gia đình, bận rộn chồng con, vẫn rủ và đưa chúng tôi đi xem chiếu bóng như phim *Limelight* với Charlie Chaplin, *Gone with the Wind* với Clark Gable, Vivien Leigh... Được đi xem những phim hoạt họa *Cô Bé Lộ Lem*, *Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn* ... cũng là cả một đại hội tung bừng. Cho đến nay nửa đời người, đã xem những phim trên không biết bao nhiêu lần, tôi vẫn say mê. Còn gì may mắn hơn có những giây phút quên hết cuộc đời phiền toái, để hồn đắm chìm trong truyện thần tiên tuyệt vời.

Tôi nhớ một ngày, các chị đưa tôi đi xem phim thời sự dài đặc biệt về nữ hoàng Elizabeth II đăng quang được chiếu tại rạp Majestic Phố Huế. Tôi đã mười ba tuổi nhưng vì nhỏ con nên các chị nói dối tôi mười hai để khỏi phải mua thêm một vé. Thuở đó, bà Hoàng Anh Quốc trẻ đẹp, quyền quý, oai phong trên lưng ngựa. Triều đình, hoàng gia, hoàng cung bất khả xâm phạm. Bốn mươi năm sau, tóc bạc, da nhăn, bà Hoàng đã ghen ngào trước Nghị Viện, tâm sự những bất hạnh do hai cô con dâu cách mạng, ly dị, ly thân hai Hoàng Tử yêu quý của bà. Truyện thần tiên của tôi chỉ còn trong phim hoạt họa!

Rời rạp Majestic, chị Kim, chị Nguyệt đưa chúng tôi đi ăn mì, ăn chè long nhãn, bạch quả, táo tàu ở tiệm Đồng Khánh gần rạp chiếu bóng, sau đó lấy taxi đến Phố Tràng Tiền, mua bánh tây nóng Michaud đem về nhà. Từ chỗ đó, chúng tôi thả bộ qua Godard, sang Hồ Hoàn Kiếm. Dãy hàng hoa bên hồ, góc Hàng Khay và Đại Lộ Đinh Tiên Hoàng một thời tấp nập, trăm hoa đua nở bày bán cho giới thuộc địa sang trọng Pháp. Nếu thuở sinh thời, Claude Monet, họa sĩ phái ấn tượng Pháp, đi ngang qua đây cũng phải ngả sơn màu, giá vẽ lấy cảnh những hàng hoa này đem vào tranh của ông.

Như thường lệ, mỗi lần qua đây, các chị ghé mua một bó hoa *pensées* nhỏ, một chùm *violettes*. Chị Kim gài vài cánh

hoa tím lên tóc. Chị Nguyệt cài vài cánh *pensées* lên ngực áo. Hình như thời gian không làm mất được những lãng mạn trong tâm hồn các chị.

Chúng tôi đi dọc theo bờ hồ phía trước nhà Bưu Điện. Trời nắng ấm mùa Xuân. Kẻ qua người lại thong thả ngắm cảnh, chụp hình, thả hồn vào chốn thơ mộng. Vài họa sĩ mãi mê vẽ cảnh Tháp Rùa rêu phong cổ độ giữa Hồ Gươm mờ màng ánh nước. Không biết có văn thi sĩ nào đang đi tìm cảm hứng chăng? Nhưng ông già gù bán lạc rang đeo thùng phá sa húng liu, vẫn đứng lom khom bên cái tháp gạch, di tích chùa Báo Ân cổ của Thành Thăng Long²⁷ xưa còn sót lại. Chị Nguyệt ngừng bước:

- Chúng mình mua lạc ăn nhé?

Cứ tưởng tượng tới cái vị ngọt bùi của phá sa húng liu đã muốn chảy nước miếng. Chúng tôi sáng mắt, vui mừng được hỏi trúng ý. Chị Kim khôi hài:

- Ông già hấp dẫn thật. Không bao giờ qua đây mà quên ông ấy được.

Chị Nguyệt mua cho mỗi người một gói lạc. Những miếng giấy nhật trình nhỏ bằng bàn tay được cuộn lại thành hình cái phễu, có đóng đầy cũng chỉ được hai chục hạt là nhiều. Nhưng ăn thứ lạc rang này để thưởng thức cái vị húng liu. Ăn lấy hương, lấy hoa, cho đỡ thèm, không ăn lấy no. Chị Kim cầm gói lạc đi về phía hồ:

- Chúng mình ra xem có rùa nổi lên không?

Chị Nguyệt đồng ý:

27- Thăng Long Thành: Kinh đô Đại Việt thời Lý, Trần, Lê, Mạc, Lê Trung Hưng (1010-1788). Tục truyền rằng khi Vua Lý Công Uẩn rời kinh đô Hoa Lư đến đất Đại La thì thấy rồng bay lên nên gọi kinh đô là Thăng Long. Thời Vua Minh Mạng thứ 12 (1831), Thăng Long được đổi tên Hà Nội.

- Phải đấy. Hôm nay trời nắng, có thể rùa sẽ bò lên đảo sưởi ấm.

Chị Tâm ngạc nhiên:

- Có rùa thật hả chị?

- Thật chứ!

Tôi hăm hở đi trước. Bốn chị em dạo theo ven bờ nước. Bỗng chị Kim reo lên:

- Kìa, kìa! Rùa đang nổi lên kìa!

Chúng tôi rối rít hỏi:

- Đâu, đâu? Rùa chỗ nào đâu!

Chị Kim làm như thật:

- Chị vừa trông thấy cái lưng rùa to như cái thúng. Nhưng mọi người la ó ồn ào quá, rùa sợ chạy mất rồi!

Mặc dầu không rời mắt nhìn mặt hồ, ăn hết gói lạc rang, chúng tôi vẫn không thấy “rùa của chị Kim” nổi lên ở đâu. Đối với tôi, rùa Hồ Hoàn Kiếm vẫn chỉ là huyền thoại.

(Một độc giả, sau khi đọc *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, gọi tới ôn chuyện Hà Nội với tác giả và cả quyết rằng đã trông thấy một con rùa rất lớn nổi trên mặt nước Hồ Hoàn Kiếm sau năm 1975.)

Mùi thơm, vị ngọt húng lìu theo chúng tôi tới cửa đền Ngọc Sơn. Một chiếc xe hơi chạy ngược chiều bỗng dừng gấp. Một người đàn ông, dáng dấp thanh cao, lịch sự, giống như ca sĩ Anh Ngọc, bước ra khỏi xe và đi lại phía chúng tôi. Sau khi chào hỏi anh Quỳnh, tên ông ta, chị Nguyệt và chị Tâm kéo tôi đi về phía bến tàu điện để chị Kim đứng lại nói chuyện với người yêu tiền chiến.

Tôi nhớ lại, nhiều lần anh Quỳnh và chị Kim về thăm chúng tôi khi còn ở biệt thự Văn Khôi làng Mọc Thượng Đình, trước năm 1946. Tình sử lãng mạn của hai người đã gây giông tố, sóng gió một thời cho chị. Con sóng ngầm ấy đã ở lại suốt đời chị. Có lẽ vì thế tôi được nghe thơ của các

Nhà thơ Nguyễn Bính, Thâm Tâm, T.T.Kh. qua các chị từ khi chưa được biết tên mấy nhà thơ này. Hình như tâm hồn các em của chị cũng ảnh hưởng mơ mộng tự bao giờ?

Hôm ấy chị Nguyệt chia tay chúng tôi ở bờ hồ và lấy tàu điện đi chợ Đồng Xuân. Nhưng chị xuống ở Hàng Đường, đi bộ về nhà ở Phố Lãn Ông. Ba chị em còn lại cũng lên tàu điện theo Hàng Gai, Hàng Bông về nhà chị Kim trước Vườn Hoa Cửa Nam. Lấy xe đạp đã để tại đó, chị Tâm và tôi theo cầu tàu hỏa Đại Lộ Phùng Hưng, Hàng Cót rồi Vườn Hoa Hàng Đậu, Hàng Than về nhà Phố Hòe Nhai...

Sinh trưởng ở Hà Nội, tôi may mắn đủ lớn để được biết sơ qua và có nhiều kỷ niệm về Hà Nội. Thực vậy, nếu đã ở đất ngàn năm văn vật mà không được đi thăm cảnh đẹp của thành phố và vùng lân cận là một thiếu sót lớn lao trong đời. Cũng như người Pháp, không được uống rượu, ăn phở-mát, người Mỹ lấy vợ Việt, không biết thưởng thức món ăn Việt.

Một ngày kia chị Kim, anh Phúc rủ chúng tôi đi chơi chùa Trầm, lần này có cả bố mẹ. Xe anh chị có cháu Khanh, Bảo, Minh, anh Lượng, chị Phong, chị Tâm và tôi. Xe anh Huê chở bố mẹ, em Khoa, cô Tham Hạc, Hồng Hảo, chị Nguyệt, anh Uẩn và cháu Ánh. Cô Tham là em ruột người vợ yếu mệnh của bố trước khi ông cưới mẹ tôi.

Gần hai chục người trên hai xe ào ào đi xuống vườn hoa cửa Nam. Qua ga Hàng Cỏ trước cửa ngôi nhà kín cổng cao tường của Lê Dung, cô bạn cùng lớp tôi, xe rẽ phải vào Khâm Thiên, xóm cô đầu tom chát một thuở vàng son của “anh Phán Khôi bố.” Xe rẽ trái theo đường tàu điện Hà Đông, chúng tôi đi qua Giòng Chúa Cứu Thế. Một mùa lễ Phục Sinh tôi đã thích thú theo chị Phương và bạn bè trường Sơ Saint Paul của chị đi săn trứng luộc nhuộm nhiều màu, những con gà, con thỏ làm bằng len xinh nhỏ ở nhà thờ Nam

Đồng. Không xa đây, Gò Đống Đa²⁸ với mấy chục bậc thang, cổng đền cổ kính, người lên kẻ xuống tấp nập.

Sau đó, xe qua Ngã Tư Sở, nơi nhà thơ núi Tản, sông Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã dừng lại và sống nốt những ngày cuối cùng của cuộc đời bạc bẽo, nghèo nàn. Làng Mọc Thượng Đình hiện ra với cổng sắt nhà Les Saules, cổng gạch cao nhà bác cả Vinh. Nhà ông Đốc Bách và Chấn Long vẫn nhìn thấy từ ngoài đường cái. Bà nội đang ở biệt thự Văn Khôi của chúng tôi trong làng để nuôi bác Vinh ốm nặng. Chúng tôi vẫn thường xuyên về chơi thăm bà. Nếu nơi đây có an ninh, chúng tôi đã sung sướng trở về nếp sống ngoại ô thành phố, làng quê bình dị như những ngày thơ ấu. Nhưng đối với một bà già và một bệnh nhân sắp chết, mấy ông Vẹm chẳng thèm ngó tới. Với những người như bố mẹ và anh chị em chúng tôi, chắc chắn các đồng chí không tha. Các ông sẽ bắt đi theo kháng chiến Việt Bắc làm vật hy sinh cho chiến tranh tàn khốc. Chúng tôi không dám ở lại đêm, hay chiều muộn tại biệt thự trong làng cũ. Kỷ niệm xưa vẫn thường xao xuyến trở về.

Đường rộng giữa hai bên cánh đồng bao la của làng Thanh Xuân dẫn vào tỉnh Hà Đông nổi tiếng nghề dệt lụa khéo léo, khảm xa cừ tinh vi. Một thoáng sau, đồi núi chập chùng hiện ra. Xe lên núi, xe vòng núi, xe đổ bộ chùa Trăm. Mau quá!

Mọi người đói meo, ngả lương thực ra ăn trước tiên. Nào cơm nắm muối vừng, bánh chưng, bánh dày, giò chả. Nào bánh mì thịt nguội. Con nít tranh nhau ăn, chạy loăng quăng

28 - Gò Đống Đa: di tích lịch sử, Hà Nội. Nơi đây ngày 5 Tết Kỷ Dậu, 1789 Quân Tây Sơn Nguyễn Huệ đánh bại quân Thanh, trong Trận Ngọc Hồi, Đống Đa và thẳng tiến chiếm lại đất Thăng Long, đuổi quân ngoại xâm ra khỏi nước Nam.

vườn trên, vườn dưới. Người lớn vui cười hề hả, chụp hình chùa trong, chùa ngoài. Vợ chồng trẻ có những bức hình thật âu yếm, du dương. Bố mẹ cũng nghiêm trang vài kiểu trông còn đẹp đôi lắm. Đây đó, vài nhóm người khác cũng như chúng tôi, đang dạo cảnh chùa cổ nên thơ. Núi rừng huyền ảo như trong tranh Tàu, mây nước bỗng lại tiên cảnh.

Đường về có vẻ ngắn hơn. Con nít ngủ chui, ngủ vùi. Chỉ chốc lát chúng tôi đã trở lại Hà Nội, bình yên vô sự. Xe bám đầy đất đỏ của rừng núi và bụi đường trường. Anh Phúc vui mừng nói:

- Kể ra mình liều thiệt. Xe chở đầy nhóc người. Suốt hành trình chỉ lo xe gãy trục, đòi nằm vạ dọc đường.

Trong chuyến đi chơi này tôi cố gắng ghi nhớ đường đi lối về. Nhiều toán thanh niên con trai, con gái có vẻ từ Hà Nội đi xe đạp du ngoạn. Chùa Trầm không xa lắm. Tôi sẽ dẫn các bạn phiêu du một ngày gần đây.

Cuộc đời niên thiếu vô tư, êm đềm vẫn trôi qua. Trong lớp tôi vẫn chăm chỉ, học hành khá. Tôi nhớ rằng không bao giờ bị xếp dưới hạng năm. Nhưng chỉ có thể ganh đua được với Lệ Dung, Huy Lễ, Kim Dung, Ngọc Diệp, Thu Hòa... Với Hà Dương Thị Quyên thì bất khả kháng. Cô nàng quá ư xuất sắc. Quyên còn dám lên mặt tự xưng là “chồng” cả một nhóm bạn bấy, tám đứa, Ngọc Diệp, Kim Dung, Thu Hòa, Tuyết Anh, Việt Bảo, Thái Lan và cái tôi Ngọc Dung... Tôi không nhớ đã là “vợ” thứ mấy của “chàng” Quyên.

Thời buổi này, bên Âu Mỹ, nếu không muốn bị nghi ngờ đồng tính luyến ái, thừa các bạn thương mến của tôi, hãy giữ những kỷ niệm đẹp kia ở trong lòng hay ôn lại những ôm vai, khoác tay, nắm tay nhau trong các dịp họp mặt riêng tư, chớ nơi công cộng!

Nhưng, có một môn học tôi có thể “chèn” được Quyên đó là môn nhạc. Thầy Thẩm Oánh cho tôi nhất hai lần. Tôi không giỏi, rất lơ mơ về nốt nhạc. Nhưng nhờ Kim Dung trong ban thánh ca nhà thờ Hàm Long và Tuyết Minh, một cây dương cầm, hai cô chỉ cho tôi ghi đô, rê, mi xuống bản nhạc, tôi cứ thế học thuộc lòng. Lúc thi, phải đứng giữa lớp, cạnh bàn thầy, tôi run lẩy, chỉ muốn hát cho xong để đi xuống. Tôi không ngờ được nhất. Tuy vui mừng, tôi vẫn ngạc nhiên nói với Kim Phượng, người đẹp yếu điệu thực nữ, đôi môi mọng đỏ, ướt át trong lớp tôi:

- Thái Lan cũng hát hay lắm, sao không được nhất nhỉ?

Kim Phượng đã trả lời:

- Ngọc Dung có giọng hát trong như tiếng chuông!

Nếu ngày nay nghe lại giọng tôi, người bạn giàu tưởng tượng đó có thể ví tiếng hát của tôi đục như tiếng cồng!

Giáo sư Thẩm Oánh là tác giả hiệu đoàn ca của trường tôi, bài *Trung Nữ Vương*. Mỗi buổi sáng thứ hai chúng tôi kiêu hãnh mặc đồng phục áo lam, xếp hàng trong sân trường hát Quốc Ca chào cờ rồi đến Hiệu Đoàn Ca.

Hằng năm vào lễ kỷ niệm bà Trưng Trắc lên ngôi, ngày 6 tháng hai âm lịch, khi mưa xuân lất phất bay trong bầu trời Hà Nội, tất cả nữ sinh Trưng Vương tụ họp ở sân trường, áo dài lam trang trọng, khăn voan, khăn lụa màu nhẹ mây. Các cô xếp hàng đi bộ theo phố Huế tới đền Hai Bà, làng Đồng Nhân. Đền xưa lắm, được xây dựng vào năm 1142, đời vua Lý Anh Tông. Tiếng đồng ca *Trung Nữ Vương* cao vút, kiêu hùng, hòa nhịp với tiếng chiêng, tiếng trống uy nghiêm trong sân đền nghi ngút khói hương.

Cho đến nay, mỗi lần hát Hiệu Đoàn Ca trong các buổi họp mặt trường cũ, tôi và có lẽ tất cả các bạn đồng trường, đồng lớp đều cảm thấy phấn khởi với hồn thiêng sông núi,

anh hùng lịch sử nước Nam và tâm hồn trẻ trung, yêu đời trở lại như thuở học trò.

Đáng lẽ tôi phải sinh ra dưới sao cầm thi xướng họa mới đúng. Tôi chép bài hát vào tập học trò không biết mỗi tay, ca hát véo von suốt ngày với máy phát thanh. Nhạc hùng tráng, ủy mị, vui, buồn, bài nào tôi cũng hát. Hát trong khi làm bài, học bài, hát trên xe đạp rong ruổi trên đường phố đến trường. Hát cả trong nhà tắm, nhà bếp và bên bàn ăn trong bữa cơm. Tôi bị bà nội la hoài vẫn cứ quên. Chị Tâm cũng thích hát và có giọng rất hay.

Rồi từ hát qua đàn. Một hôm chị Tâm rủ tôi đi học Hạ-uy-cầm. Tôi hưởng ứng ngay. Không biết chị kiếm đâu ra ông thầy trẻ dạy đàn ở Phố Hàng Giấy. Một tuần hai chị em chăm chỉ đi học hai lần. Thầy khuyên mua đàn tập thêm ở nhà cho chóng giỏi. Nhưng dĩ nhiên là “tiền không”! Hằng tuần còn phải bó bụng trả tiền học đàn, tiền đâu mua đàn. Thầy nghe vậy bèn cho hai chị em mượn một cây đàn. Chúng tôi lại than đi học xa quá, có lẽ phải nghỉ. Thầy bèn dọn lớp nhạc cho hai chị em về đầu phố Quan Thánh rất gần nhà chúng tôi, đi bộ chỉ mất năm phút. Nên chúng tôi tiếp tục học đàn rất hăng say và chơi thuộc những bản *Tiếng Đàn Tôi*²⁹, *Giọt Mưa Thu*, *Suối Mơ*, *Dứt Đường Tơ*³⁰... Một buổi gần xế trưa, hai chị em đang kẻ đàn, người hát, bỗng dung nghe tiếng bố ho xù xụ. Chị Tâm hốt hoảng:

- Thôi chết rồi! Sao ông bỏ lại về giờ này?

Chúng tôi ngưng ngay đàn hát, định liệng cây đàn vào gầm giường nhưng không kịp. Bố đã nhìn thấy tất cả, la quát rầm rầm:

29 - *Tiếng Đàn Tôi*, nhạc phẩm của Nhạc sĩ Phạm Duy

30 - *Dứt Đường Tơ*, nhạc phẩm của Nhạc sĩ Văn Thủy và Doãn Cảnh.

- Con gái, con đàn không đàn địch gì cả. Để thời giờ mà học hành. Tiền đâu mua đàn hả?

Mẹ nói thay chúng tôi:

- Đàn chúng nó đi mượn đấy mà.

Bố la luôn cả mẹ:

- Bà bảo chúng nó đem đàn đi trả mau không tôi đập nát ra bây giờ. Học hành không lo, chỉ lo chơi!

Chúng tôi phải “dứt đường tơ” từ đó, không bao giờ dám chơi đàn nữa trong thời con gái còn lại! Bố chỉ muốn chúng tôi chuyên tâm vào việc học hành, đỗ đạt về vang, mai sau đi làm có chức phận, lo cho gia đình sung túc, khá giả. Thuở đó đàn hát vẫn còn là bộ môn xa xỉ, bố mẹ không đủ khả năng tài chánh cho chúng tôi học một môn “vô tích sự”, chỉ tốn tiền, không làm nên “công chuyện gì” như ông bà vẫn thường nhắc nhở! Chúng tôi được đi học tư Anh Văn, Toán đã là một sự cố gắng rất nhiều của bố mẹ. Cũng may, bố có thừa khả năng kèm chúng tôi Pháp văn, không mất tiền học tư.

Mấy chục năm sau, nhà tôi đầy đàn Guitar cùng các nhạc cụ khác. Trước hết là Nguyên Thủy, cậu con trai đầu của tôi. Một ngày sắp mười bốn, bằng tuổi tôi hồi xưa bị bố cấm học đàn, Thủy rụt rè hỏi mẹ:

- Sinh nhật con, mẹ mua cho con một cây Guitar được không?

Tôi ngạc nhiên nhìn con, lòng chùng xuống còn hơn dây đàn sắp đứt. Tôi nghĩ thầm “con tôi có tâm hồn, thích đồ chơi nghệ thuật thanh tao” và xúc động ôm vai con hỏi cặn kẽ:

- Một cây Guitar? Nhưng có chắc con thích chơi đàn không?

Nguyên Thủy biết mẹ đã bằng lòng, sung sướng quá quyết:

- Con thích lắm chứ. Thằng John có cây Guitar, nó chỉ cho con đánh vài nhịp, con chơi được liền, dễ lắm mẹ à.

Thấy rằng không có lý do gì để từ chối con, tôi đã đưa Thủy đi chọn mua đàn. Ông chồng tôi bàn thêm:

- Phải tìm thầy dạy cho Thủy chứ? Thích chơi đàn là một điều may mắn. Ngày xưa tôi muốn học Piano. Ông thầy tu chê tôi tay thô, ngón ngắn không học đàn được. Tôi còn giận đến bây giờ.

Thông thường người ta chỉ muốn dạy âm nhạc cho những người xuất sắc, có triển vọng đi dự những buổi trình tấu thi thố tài năng. Ngày nay, có nhiều người đã coi âm nhạc như một giải trí lành mạnh tại gia. Đàn được dạy cho cả những người tàn tật, già cả, nghễnh ngãng, lẳng trí, điên loạn để họ quên đi cái loạn điên của cuộc đời! Nếu thế hệ này là nạn nhân của thế hệ trước, thế hệ sau cũng sẽ là nạn nhân của thế hệ này. Có trách nhau cũng hoài! Ông bà, cha mẹ, con cái hay con người muốn đi trước, con người muốn đi sau thời đại vẫn đang trên những dặm đường xa tít tắp, những quãng thời gian dài đặc, cố gắng bắt với, tìm hiểu, thông cảm, tha thứ, trả nợ, xin lỗi, cảm ơn nhau.

Tôi đi tìm lớp dạy đàn và đưa Nguyên Thủy đi học với lòng rung rung. Thế rồi, Trường Sơn, Thần Phong cũng đòi học Clarinette, Guitar, trống. Nhà cửa lúc nào cũng rầm rầm, đình tai, nhức óc. Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ. Bây giờ đến tôi lo âu, luôn căn dặn các con:

- Thủy, con làm bài nhà trường chưa mà đã chơi đàn thế?

- Sơn, con phải làm bài xong mới được chơi đàn nhé! Nếu bị điểm kém, không được chơi nữa đâu!

- Phong, con chơi trống nhẹ xuống một chút đi, không bẻ nhĩ, điếc tai đấy!

Ngày tốt nghiệp Trung Học tại Brussels, Belgium, Vương Quốc Bỉ, Nguyên Thủy ôm đàn lên sân khấu chơi một bản nhạc trước mấy trăm bạn bè, giáo sư, gia đình học sinh, trước sự hân diện của cha mẹ và các em.

Một ngày ở thủ đô Đức Quốc, Bonn, Germany, bên dòng sông Rhine thơ mộng, cảnh sát đã tới hỏi thăm chúng tôi vì tiếng nhạc làm rung chuyển nhà bên cạnh. Thì ra cậu con thứ hai, Trường Sơn chơi Guitar điện, quên đóng cửa sổ phòng, tiếng đàn đã vang ra tận đầu đường, cuối phố và đặc biệt ngày Chủ Nhật là ngày của tín ngưỡng, không được làm chi ồn ào, kể cả rửa xe trong sân và nghe Radio ngoài vườn nhà mình. Thôi thì “nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, nhập quốc tùy luật!”

Thần Phong cũng ở trong ban nhạc nhà trường ngày đó. Cậu Út đã vài lần viết nhạc tặng cha mẹ và vẫn lai rai chơi nhạc giải trí với một nhóm bạn lành mạnh ngoài công việc sở bận rộn ngày nay.

Bên cạnh môn nhạc, ba cậu con trai đều có khiếu về vẽ. Ngón tay của các chàng hình như có rồng bay, phượng múa. Cô con gái độc nhất của tôi, Ngọc Hân đôi khi buồn rầu thổ lộ với mẹ:

- Trong gia đình ai cũng có tài năng về nghệ thuật, âm nhạc, ca hát, vẽ, viết. Con không có một khiếu nào!

Tôi thủ thi an ủi Hân:

- Ngày xưa mẹ đâu biết mẹ sẽ làm thơ, vẽ, viết như ngày nay. Thiên chức đàn bà luôn luôn nghĩ tới gia đình trước. Không phải ai cũng có năng khiếu trong môn nghệ thuật làm vợ, làm mẹ, tề gia nội trợ cao quý này. Đến một ngày, con ngừng lo học, lo công ăn việc làm. Tâm hồn bình thản hơn sẽ kêu gọi, sẽ đánh thức cái phần nhún nhường sâu kín trong con và cho biết con còn thích gì ngoài những bộ môn nghệ thuật làm người kia.

Thời tôi nữ sinh Trung Vương Hà Nội, có một môn học tôi tưởng thích thú lắm, môn Hán Văn, kết quả chẳng học được bao nhiêu. Có hai câu như: *Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu*, (Một chiếc lá ngô đồng rụng là mọi người biết mùa thu đã tới.) Mấy cô học trò ma mĩnh cũng không nhớ và viết được. Hai thầy dạy Hán văn, thầy Lương già nóng nảy, cao gầy, thầy Thăng hiền lành, tầm thước, tứ thời, bát tiết khăn xếp đen, áo the thâm lụng thụng. Cô nào phải lên bảng viết chữ Hán mà không nhớ thì cứ nhìn vào miếng giấy dán lên bên bàn thầy có viết sẵn những chữ ấy. Để rồi chữ thầy trả lại thầy, hàng chữ Nho ngoài cửa đền Ngọc Sơn tôi cũng không đọc được.

Dù luôn luôn cố gắng, chăm chỉ học hành, giữ hạnh kiểm tốt, tôi vẫn bị đi phạt Chủ nhật một lần. Thực vậy, một hôm có giờ giáo sư nghỉ, lớp học ồn ào như chợ vỡ. Bà giám thị người Huế, bà Thanh Lan vào lớp cố gắng la át mấy chục cái miệng con gái. Không biết cô nữ sinh ngoan ngoãn, lễ phép nào dám nhái lại tiếng Huế chọ chọ của bà. Bà còn trẻ đẹp, thánh giác còn tốt, bà ra tới hành lang còn nghe được câu nhái. Bà trở lại lớp la lên sang sảng. Chẳng cô nào sợ, còn phì cười thêm. Kết quả, Chủ nhật đó chúng tôi bị đi phạt cả lớp.

Nhưng có sao đâu, mấy cô lại được dịp rủ nhau đi sớm qua lò bánh Michaud trong một ngõ hẻm Phố Tràng Tiền, mua bánh tây nóng hổi, “pâté”, thịt nguội đem đến trường. Chúng tôi vừa chép một trăm câu “Tôi phải lễ phép, không được nhái bà giám thị,” vừa ăn bánh ngon bùi, thơm phức! Đôi khi bánh chưa được đem tới lớp, các cô đã gặm hết trên xe đạp. Không bánh mì nào ngon như thế, dù ở Sài Gòn, Bruxelles, Paris, London, Bonn, Berlin... Cái ngon này chỉ có được ở tuổi học trò Hà Nội xưa.

Ngoài những chuyện đùa nghịch còn chuyện phiêu lưu nữa. Khi nghe tôi kể chuyện đi chơi chùa Trầm với anh chị trong gia đình, các cô “vợ non” của “chàng” Hà Dương Thị Quyên mê títt cung mây:

- Đẹp quá nhỉ!
- Thích quá nhỉ!
- Làm sao tụi mình đi được với nhau nhỉ?
- Chùa Trầm có xa không?

Tôi nói một cách rất đáng tin tưởng:

- Gần lắm, chúng mình có thể đi bằng xe đạp.

Rồi một ngày đẹp trời, Thu Hòa, Kim Dung, Tú Anh, Tuyết Anh và tôi gặp nhau ở nhà Ngọc Diệp, Hàng Than, mang theo bánh tây, giò chả, trái cây, nước lạnh. Mỗi đứa một xe đạp phóng về hướng Hàng Đẫy. Tôi dẫn các bạn theo tàu điện Hà Đông, yên trí không lạc đường được.

Khi đi ngang làng Mọc Thượng Đình, tôi hẹn sẽ có một ngày dẫn các bạn về thăm Biệt Thự Văn Khôi của gia đình tôi khuất sau hàng cây rậm rạp kia. Qua Thanh Xuân, nơi sinh của Vân, cô em gái thứ năm thì tới Hà Đông quê ngoại. Vậy đã đi được nửa đường.

Ra khỏi Hà Đông, chúng tôi tìm một gốc cây ven đường ngồi nghỉ, ăn uống. Mấy cô bé đói bụng từ sớm, nhưng các bà váy đen, áo nâu sòng kịt gánh phân đầy đường, ăn sao nổi? Vì hăm hở muốn chóng thấy cảnh chùa Trầm nên ăn uống xong, chúng tôi tiếp tục hành trình ngay. Lúc đầu còn thi nhau đạp xe nhanh, vẩy theo xe đồ, ca hát, cười vang. Nhưng đoạn đường rẽ vào chùa gập ghềnh, khúc khuỷu, bên đồi núi, bên thung lũng vực sâu. Tôi ngạc nhiên tự hỏi, “Quái nhỉ, khi đi xe Citroen của anh Phúc, chị Kim, không thấy đường xấu như thế này?” Đường lên dốc quá cao, chúng tôi

không đạp xe nổi, phải xuống xe đẩy chúng lên núi. Cũng may chùa Trầm hiện ra trong lùm cây.

Cuối cùng, sáu cô vào đến sân chùa. Quá mệt, các cô dựng xe, ngồi bệt xuống thềm thở không ra hơi. Nhìn quanh, sân chùa vắng hoe không một bóng người, không khí rợn lạnh. Các điện thờ nửa đóng nửa mở, tối om, thấp thoáng tượng Phật sơn son thếp vàng, khói hương lạnh ngắt. Nghe nói nước mưa của nhà chùa ngon lắm. Trông thấy lu nước đỏ mà không cô nào dám liều lĩnh uống. Không quen dùng gáo công cộng, chúng tôi cũng không quen uống nước thiên nhiên và sợ mấy con cung quăng kia chui vào bụng. Nước máy vẫn phải được đun sôi trước khi uống như bố mẹ tôi căn dặn từ thuở nào.

Bỗng nhiên trời sấm tối như sắp mưa. Đường trở lại Hà Nội còn xa. Không dám nghỉ lâu, chúng tôi vội vàng dắt xe xuống núi. Khi ra đến đường cái mới hết sợ cái vẻ âm u, huyền bí của núi rừng phía sau. Mấy cô bé thiếu sự hộ tống của các ông anh, bà chị lớn, nên chưa cảm thấy yên tâm đi chơi với nhau những nơi xa xôi hẻo lánh. Đường trường đi chơi còn đầy cheo leo, sỏi đá thì đường đời định mệnh sẽ không bằng phẳng, êm đềm như mộng tưởng đâu, các cô ơi!

Về đến bến xe đò Hà Đông, mặt cô thì vàng khè, mặt cô thì xanh ngắt, mặt cô thì đỏ gay! Cô nào, cô nấy gần ngất lả. Từ đó còn phải đi một nửa đường nữa mới về tới Hà Nội! Tôi trông thấy xe đạp được chõ trên mui xe hàng và liệu sức mình, nên bàn với các bạn:

- Tụi mình chắc đạp hết nổi về Hà Nội. Hay, đi xe hàng về nhé! Nhìn thấy xe đạp trên mui xe kia không?

Các bạn tôi đều vui mừng đồng ý. Chúng tôi nấn tụi, đếm tiền xem tất cả có bao nhiêu. Tôi ra hỏi giá xe đò và thất vọng nói với tài xế:

- Sao đắt thế! Sáu vé cho người chúng tôi còn không có đủ tiền, nói chi đến xe đạp nữa. Thôi, chúng tôi đạp xe về vậy!

Người tài xế nhìn các thiếu nữ từ đầu tới chân hỏi:

- Thế các cô muốn xuống chỗ nào ở Hà Nội?

“Giữa đám mù anh chột làm vua,” các bạn tôi biết mô tê đăng nào? May quá tôi nhớ ra hai địa điểm, Quốc Tử Giám gần nhà cô bạn Bích Vân Phố Sinh Từ và Vườn Hoa Cửa Nam trước nhà chị Kim. Địa điểm thứ hai này gần nhà chúng tôi hơn. Tôi trả lời:

- Vườn Hoa Cửa Nam.

Người tài xế nhìn trời đã về chiều, nhìn cái xe của ông ta còn trống nhiều chỗ nên gật gù:

- Thôi được, các cô có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Được lời như cởi tấm lòng, tôi kéo tay các bạn ra xa người tài xế một chút, bàn bạc đủ nghe với nhau:

- Mỗi đứa giữ lại một đồng, lỡ ngã vào hàng bánh đa!

Thu Hòa lo lắng:

- Nếu bánh xe xẹp thì... “bỏ xừ”!

Ngọc Diệp rung mình như chột nghĩ ra vừa thoát cơn hiểm nghèo:

- Ủ nhỉ, may mắn xe chúng mình đã không bị nổ lốp!

Kim Dung gật gù nghiêm trọng:

- Vá cái lốp xe mất hơn một đồng cơ!

Mấy cô thậm thụt giữ lại mỗi người hai đồng tiền độ đường và khúc khích cười đã che mắt được người tài xế đang bận rộn chất sáu cái xe đạp lên nóc xe hàng. Tuy mất một món tiền không dự định và gần sạch túi, các nàng vẫn cho rằng đã may thật là may! Lên ngồi trên xe ai nấy thở phào nhẹ nhõm, tươi tỉnh trở lại. Phong cảnh hai bên đường gợi nhớ bài hát *Nương Chiều* của Nhạc sĩ Phạm Duy (1927-2013).

*Chiều ơi, lúc chiều về rợp bóng nương khoai,
Trâu bò về dục mỡ xa xôi, ơi chiều...*

Phạm Duy là Nhạc sĩ Tân nhạc lớn nhất Việt Nam. Ông có một lượng sáng tác nhạc nghệ thuật cao cường và đồ sộ, với đủ thể loại và người nào Việt Nam nào cũng ưa thích. Từ cái tuổi 13 thơ ngây mới biết hát đó, chúng tôi đã thích hát những nhạc phẩm của ông như *Nương Chiều*, *Gánh Lúa*, *Quê Nghèo*... Sau thời gian phải rời Hà Nội, di cư vào Nam chúng tôi lại bị xúc động với những bản nhạc *Thuyền Viễn Du*, *Tình Hoài Hương*, *Nha Trang Ngày về*, ... Thời kỳ trưởng thành chúng tôi lại được thưởng thức những nhạc phẩm đa diết tình cảm khác của Phạm Duy: *Thương Tình Ca*, *Mùa Thu Chết*, *Nghìn Trùng Xa Cách*...

Bây giờ trở lại chuyện đi chơi chùa Trầm của mấy cô bé mắt sáng môi hồng má đỏ. Tâm hồn lâng lâng phơi phới, chúng tôi quên ngay sự gian nan, vất vả vừa qua. Đồi núi chùa Trầm chỉ còn là một dải mây xanh mờ nhạt dần.

Sau này tôi mới biết chùa Trầm cách Hà Nội bao xa. “Điếc không sợ súng,” tôi đã dám dẫn mấy cô bạn gầy còm, ốm o, làm một cuộc mạo hiểm 40 cây số vừa đi vừa về xa tít tắp, khi tuổi chanh cơm vừa mười bốn, xe đạp còn lớn hơn người. Nếu bánh xe bị nổ lốp cũng không biết tính sao! Tuy nhiên, cái tật vẫn không chữa. Vài năm sau tôi lại đầu têu, rủ các bạn làm một cuộc hành trình 60 cây số đi về, cũng bằng xe đạp ở một nơi khác, tôi sẽ viết trong hồi ký thứ hai.

Hình như có một đêm gì sắp xảy tới, thanh niên nam, nữ muốn đi xem, đi ngắm hết những địa danh nổi tiếng của Hà Nội. Chúng tôi có cảm tưởng, “nếu không đi bây giờ, sẽ không còn dịp nào khác”. Chị Tâm, Phương, Liên, Thịnh, Vượng, anh Lượng đang tuổi mười tám, mười bảy bẻ gãy

sùng trâu, tuần nào cũng rủ nhau đi chơi. Cô bé Dung tôi cũng được đi theo các cô chị vui vẻ và ông anh họ trẻ trung của Hàng Buồm.

Một đoàn xe đạp, hàng đôi, hàng ba thông dong. Chúng tôi lên Hồ Tây ăn bánh tôm Cổ Ngư rồi qua Thụy Khuê, Ngọc Hà, nhớn nhớn đi tìm nhưng không gặp cô hàng hoa của Khái Hưng và Nhất Linh. Có lẽ phải vào làng Ngọc Hà buổi sáng sớm tinh mơ khi các cô gánh hoa đi bán chợ Đồng Xuân hay buổi chiều muộn khi tan chợ về.

Một buổi sáng, chúng tôi qua thăm Đền Voi Phục nằm bên đường tàu điện đi Ô Cầu Giấy. Đền có hồ nước giữa sân thơm hương hoa lan, hoa sói và vườn nhãn phía sau. Buổi chiều cùng ngày hôm ấy, chúng tôi đi sang Chùa Láng ở làng Láng gần đấy. Chùa được xây cất từ năm 1164, có nhiều cây đa, cây tùng lớn. Từ cổng đi vào sân lát gạch Bát Tràng, có chòi bát giác, mái cong. Làng Láng có thứ rau thơm gọi là húng Láng, để ăn với phở mới thật đúng vị.

Lần khác, chúng tôi đi Thái Hà Ấp, quê nhà thơ *Nhớ Rừng* Thế Lữ, và leo trèo mấy chục bậc lên gò Đống Đa, nơi mấy ngàn quân Mãn Thanh đã để lại xác, năm 1789. Tôi nhìn quanh và tự hỏi: “Tướng Tào, Sầm Nghi Đống, khi bị quân Nguyễn Huệ vây hãm bốn bề, không đường chạy trốn, đã treo cổ tự vận trên cành cây nào nhỉ?”

Những ngày tập bơi ở làng Nghi Tàm, sinh quán của bà Huyện Thanh Quan³¹, phía đông bờ Hồ Tây, vui thật là vui! Chị Tâm, chị Hợi, Liên và tôi thường rong ruổi xe đạp theo

31 - Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848): Người làng Nghi Tàm, Hồ Tây, Hà Nội. Bà kết duyên với ông Lưu Nghi đậu cử nhân 1811. Bà để lại cho hậu thế nhiều bài thơ giá trị: *Thăng Long Thành Hoài Cổ*, *Qua Đèo Ngang*, *Chiều Hôm Nhớ Nhà*, *Chùa Trấn Bắc* được giảng dạy trên bậc Trung Học.

đê Yên Phụ, qua nhà thuyền Hùng Nhân dốc Cổ Ngư. Chị Hời là bạn học của chị Tâm, cũng ở Hàng Than. Chúng tôi đi thêm độ nửa cây số nữa tới làng Nghi Tàm. Bên cạnh là làng Quảng Bá, có rặng ôi châu rất thơm ngon, hấp dẫn. Tôi chưa bao giờ đi tới làng đó, nhưng được nghe nhiều giai thoại ăn cắp ôi thần sầu, quý khắp của thanh thiếu niên Hà Nội.

Gia đình Tiêu, Thu ở làng Nghi Tàm. Chị em Thu, Liên là con gái chú Hai. Nguyễn Đức Tiêu là một lực sĩ đẹp, bơi lội giỏi đã từng chiếm nhiều giải nhất ở Hà Nội và sau này là Đại Tá Công Binh của miền Nam. Nhà gia tộc của lực sĩ Tiêu ngay bên Hồ Tây rộng bao la như một vịnh biển lớn. Ngoài vườn trồng rất nhiều cây song mai, trái nào cũng dính đôi. Mùa Xuân hoa mai nở trắng vườn. Chúng tôi được ông em họ dạy cho những bài bơi đầu tiên, được sắc súa uống nước Hồ Tây đầy bụng.

Nghe nói rằng, ngày nay khách sạn Mini được xây trên miếng đất gia đình Nguyễn Đức Tiêu ngày xưa. Bên cạnh là khách sạn Quốc Tế Thắng Lợi tối tân, lớn nhất Hà Nội bây giờ nhưng được xây từ giữa thập niên 1970 với sự cố vắn rất kém của kiến trúc sư Cuban. Bao giờ Chú Sam Hoa Kỳ sẽ xây một Holiday Inn với tiện nghi tối thiểu bên Hồ Tây để hai triệu đồng bào gốc Việt của chú về nghỉ mát, thăm cố hương?

Thời niên thiếu là những chuỗi ngày ngà ngọc, xanh thơm cốm Vòng, thắm thiết hoa phượng đỏ. Trước những đôi mắt trong sáng long lanh của lũ trẻ ngây ngô, thơ dại, Hà Nội vẫn yên vui, thanh bình. Nhưng những cánh dù rực rỡ đủ màu của quân viễn chinh tập dượt trên không phận Bạch Mai, Gia Lâm chẳng làm vui lòng người lớn. Chiến tranh đang rền rĩ ngoài xa và mon men tới gần...

Niên học Đệ Thất qua đi, Đệ Lục tới. Khai trường vẫn vào mùa thu. Lá vàng rụng nhiều như niềm thất vọng đang

rải rác khắp nơi. Sương thu mong manh muốn ôm ấp Tháp Rùa chơ vơ, đơn độc. Mùa đông tới, những tấm áo len, áo dạ, áo nhung không làm ấm được nước Hồ Gươm trong gió heo may lạnh giá như chưa bao giờ giá lạnh như vậy. Xuân về, hoa đào trên bãi Phúc Xá, chợ hoa Hàng Lược, Hàng Khoai, e dè không nở trọn vẹn như hàng năm. Người Hà Nội nghe lòng suy tư trĩu nặng cầu Thê Húc. Thiện nam tín nữ nườm nượp đi lễ đền Ngọc Sơn, xin xăm, hái lộc, khăn vái cho phát tài, phát lộc bằng trăm bằng nghìn năm ngoái, đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái! Trai thanh, gái lịch cầu xin cho duyên may, phận lành. Nhưng, ai kia đang tâm cầu xin cho đất nước Việt Nam của chúng tôi chia đôi?

Chiến tranh giữa Việt Minh và Pháp trở nên ác liệt, gần kề bên cạnh. Thấy rằng không thể kéo dài hơn nữa những thất bại nặng nề với chiến cuộc đẫm máu, du kích xuất quỷ nhập thần trong rừng thiêng, nước độc, chiến thuật biến người cảm tử trên đồng bằng Bắc Việt của bộ đội Việt Minh, mấy ông thực dân Pháp đã Việt Nam hóa chiến tranh.

Quân Đội Quốc Gia được thành lập, dần dần thay thế quân đội viễn chinh Pháp để họ sửa soạn ngày rút lui có trật tự, vớt vát danh dự, thể diện tối thiểu của kẻ bại trận. Thanh niên tinh thành có lệnh động viên tại chỗ hay đi quân trường. Trong số đó có lực sĩ đẹp Nguyễn Đức Tiêu, anh giáo trẻ Nguyễn Công Bình đã lên đường học tập quân sự trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ông anh lớn Nguyễn Quốc Khánh, ông em họ Nguyễn Quốc Văn, cậu giáo Ngô Sĩ Vân, muốn được lè phè ở lại Hà Nội, đã ra nhập Hiến Binh. Trông ba chàng hùng dũng, đẹp trai như tài tử màn bạc, như *Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ*. Cũng cùng một lý do, ông anh rể Vũ Công Uẩn ra nhập ban văn nghệ, báo chí Quân Đội trong thành phố.

Chiến địa lòng chảo Điện Biên Phủ, biên giới Bắc Lào-Việt cách Hà Nội 300km, kinh hoàng, mê hồn trận. Bom lửa Napalm rừng rợn, đốt cháy thành than những làng mạc, nhà cửa, thân xác con người. Chiến sự được nhắc tới hằng ngày trên báo chí, trên đài phát thanh, trên cửa miệng dân gian. Cuối cùng Pháp thất thủ địa ngục Điện Biên. Hội nghị Genève nhóm họp liên miên để bàn định Hiệp Ước Đình Chiến tại Đông Dương.

Ông Võ Thành Minh, cảm lều, thổi sáo, tuyệt thực bên bờ hồ Leman để phản đối Pháp, Việt Minh, các nước Cộng Sản đang âm mưu chia cắt đất nước Việt Nam. Nhưng tiếng sáo của nhà chí sĩ quá yếu ớt, quá mong manh, không đủ thần lực mon chón và sai khiến mấy con rắn hổ mang Nga, Tàu, Việt Cộng cùng bọn đồ tể ngưng tay dao búa trên cái thớt quần quai hình chữ “S”!

Mấy chục năm sau, tôi đến Genève, trông thấy người cao niên Á Đông nào với nét đăm chiêu, khắc khổ, tôi cũng nghĩ rằng có thể là ông Võ Thành Minh. 32[1] Tiếng sáo ai oán buồn của ông như còn quện trong gió hồ Leman, khóc than cho số phận mảnh đất Việt Nam nhỏ bé bị chia ba, chia đôi và tuy được nhập thành một vẫn còn đau khổ triền miên, tiếp nối một thế kỷ dài.

Mùa hè năm đó, mùa hè 1954, hoa phượng vàng, phượng đỏ, phượng tím hoảng hốt nở nhiều hơn mọi năm, như vội vã thở hít không khí trong lành của những ngày tháng tự do cuối cùng và sắp mất. Ve sầu rền rĩ khóc than. Chị Phương đi may áo màu vàng để mặc cho vàng cả không gian, cho cháy bỏng

32[1] Khi đọc Giai Phẩm Tiếng Sông Hương 2002-2003, tôi được biết nhà chí sĩ Nguyễn Thành Minh, một niên trưởng Hướng Đạo đầu tiên ở Huế đã bị Việt Cộng thăm sát trong biển cỏ Tết Mậu Thân, 1968.

giận hờn. Người ta đang âm mưu cướp giết thành phố Hà Nội xinh đẹp, thân yêu. Chị Kim, chị Nguyệt, chị Tâm rủ nhau cùng may, cùng mặc áo màu hoa phượng tím. Những bước chân buồn thả bộ bên bờ hồ như âm thầm để lại những lời già biệt cuối cùng với Cầu Thê Húc, Hồ Gươm, Tháp Rùa. Con đường tím ngắt cánh hoa, màu áo, như lưu luyến níu ôm dấu gót tạ từ.

Hà Nội vào cuối Hè, bạn bè gặp nhau hoang mang, không biết tương lai rồi sẽ ra sao? Thân phận đất nước, con dân như cá nằm trên thớt. Nếu Việt Nam bị chia đôi, nhiều gia đình, gia tộc, nhiều nhóm bạn thân cũng sẽ bị chia đôi. Tôi rủ các bạn đi chơi Hồ Tây, Vườn Bách Thảo để sửa soạn cuộc chia ly, lượm nhặt, nắm giữ thêm những kỷ niệm thân ái bên nhau.

Cả bọn vẫn từng ấy đứa, Tuyết Anh, Thu Hòa, Kim Dung và tôi họp nhau ở nhà Ngọc Diệp, Hàng Than, rồi đạp xe tới nhà Tú Anh trên phố Phó Đức Chính và qua đường Cổ Ngư cây dài, gió lộng. Một bên Hồ Trúc Bạch xinh xắn, thơm ngát hương sen. Một bên Hồ Tây mênh mông tới tận chân trời.

Vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, đại thi hào Nguyễn Du và nữ sĩ nổi danh làm thơ ẩn dục, châm biếm, Hồ Xuân Hương³³ đã sống thời niên thiếu tại vùng Hồ Tây này.

Những hàng giải khát, bánh tôm rải rác bên hồ. Những đĩa rau tươi, lọ đu đủ, cà rốt đồ chua, những chảo bánh tôm rán vàng ngậy, mỡ reo xèo xèo như mời chào. Bánh tôm Cổ Ngư nổi tiếng ngon nhất Hà Nội có lẽ vì cảnh Hồ Tây thơ

33 - Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822). Sinh quán Nghệ An và qua đời tại Hà Nội. Bà có chồng lần thứ nhất là ông Tri phủ Vĩnh Tường. Người chồng thứ hai của bà là ông Tổng Cóc. Với thi tài ẩn dụ lối lạc, bà để lại nhiều bài thơ nổi tiếng: *Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường, Khóc Ông Tổng Cóc, Đánh Đu, Chơi Cờ Người, Dệt Cửi, Tự Tình, Tranh Tô Nữ, Đánh Đu, Hang Cốc Cỏ...*

mộng. Nhưng mấy cô bé, tuổi còn e lệ và cũng không vui vẻ trước hoàn cảnh nao núng của đất nước nên chẳng tha thiết ngừng lại mấy quán quà vặt này. Gió hình như không bao giờ ngưng êm trên con đường Cổ Ngư thanh mát. Những lọn tóc mây vạt vờ, quần quít. Những tà áo mong manh phát phối tung bay. Người và cảnh vật đang vẫy tay chào nhau ly biệt.

Chúng tôi vào thăm chùa Trấn Quốc ngay bên Hồ Tây. Chùa được xây dựng từ đời nhà Trần, thế kỷ 13-14. Bà Huyện Thanh Quan đã từng dừng lại nơi đây và cảm hứng:

*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dẫu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau...*

Lâu đài nàng Ý Lan, và nhiều cung điện nhà Lý, Trần, Lê, Trịnh không còn một dấu vết. Các đời vua sau đã phá hủy cho mất hết di tích kinh đô xưa khi lập triều đại mới! Giờ đây chỉ còn sót lại ngôi chùa cổ, và chúng tôi đây cũng đang đau niềm đau đất nước. Vài nhà sư “của bà Huyện Thanh Quan” vẫn còn đó, áo nâu sòng thong thả đi lại trong sân chùa, “A di đà Phật” chào chúng tôi. Cái máy ảnh bao diêm mượn của chị Tâm cũng thấu được vài hình chúng tôi chụp ở cổng chùa, vườn sau chùa. Vài ngôi mộ đã rêu phong. Thuyền đánh cá ngoài khơi xa. Người câu cá bên hồ.

Trở ra con đường Cổ Ngư, vành xe đạp của chúng tôi lăn trên dấu chân xưa của Thị Lộ, người hầu thiếp tài sắc đã đem oan khiên đến cho Ông Nguyễn Trãi (1380-1442), vị quốc sư thời vua Lê Thái Tổ, Lê Lợi. Tiếng thơ lắng lơ của Thị Lộ như còn bay trong gió:

*Em ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Can chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu nay được trăng tròn lẻ.
Chồng còn chưa có nói chi con?*

Người con gái bán chiếu ngày xưa cùng độ thanh xuân với mấy cô bé học sinh áo trắng này. Nhưng xem ra nàng nhí nhảnh, hồn nhiên không ưu tư nỗi niềm chia ly buồn thảm của chúng tôi.

Cảm giác lâng lâng thương nhớ ấy đã theo tôi đi du lịch khắp bốn phương trời, để thấy sương mù Hồ Tây che phủ mặt mờ mặt Hồ Michigan; sóng vàng Hồ Tây lăn tăn trên hồ Leman; gió mát Hồ Tây lồng lộng bờ Hồ Ontario... Dừng chân bên bên bờ bao la nơi đâu, tôi cũng chỉ thấy Hồ Tây của tôi trong tầm mắt, bát ngát, trong xanh.

Đi hết đường Cổ Ngư, bên trái là đền Quan Thánh cổ kính nghìn năm. Gánh hàng phở thưởng thức ầu tôi ngồi ăn với bố mẹ và các em, vẫn ở đó bên bờ hồ. Dãy núi Ba Vì mờ nhạt phía chân trời, đẹp như bức tranh sơn thủy. Chúng tôi dắt xe vào đền, chụp mấy hình bên những cây hoa đại thơm lừng, thơm nức, cành lá xum xuê. Trong đền có tượng đồng đen cao hai thước, nặng bốn tấn.

Sau đó chúng tôi qua Vườn Bách Thảo rậm rạp rừng cây. Chim ca, vượn hú nghe như bạn Tarzan đang nhảy nhót đánh đu đầu dây. Chúa sơn lâm gầm gừ tâm sự, *gặm một mối cắn hờn trong cũi sắt* với Thế Lữ bên trong chuồng thú tù đầy. Bỗng dung tôi nghe có tiếng gọi:

- Ngọc-Dung! Ngọc-Dung!

Nhìn quanh, tôi thấy ai như Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Nhưng Thảo đã không ngừng còn phóng xe nhanh hơn qua một đường khác. Tôi vội dặn các bạn:

- Đi chậm, chờ nhé. Dung muốn gặp Thảo một chút.

Soài căng phóng theo, tôi bắt kịp cô nàng và gọi giật:

- Thảo, ngừng lại, đi đâu mà vội thế. Sao không cho người ta gặp hả?

Thảo ngoái cổ lại trả lời:

- Dung đi với bạn. Ta không muốn phiền.

- Phiên gì, ta đã rủ Thảo đi chung mà?
- Thôi, Chủ Nhật sau ta sẽ tới Dung rồi hai đứa đi chơi!
- Ủ, nhớ đến nhé!

Thảo vẫy tay chào và phóng xe máy hút trong Vườn Bách Thảo. Từ ngày mẹ Thảo mất, chúng tôi không còn học chung với nhau nhưng vẫn liên lạc thân thiết. Hai đứa vẫn thương nhau như hồi còn học lớp ba, lớp nhì. Tuy nhiên, Thảo thường né tránh, khi tôi có các bạn khác bên cạnh.

Trở lại với nhóm bạn Trung Vương. Qua vườn Bách Thảo, chúng tôi đi thăm chùa Một Cột được xây cất từ đời Lý Thái Tông (1028-1054). Chùa vẫn cổ kính như trong tranh lụa Tú Duyên. Những bông sen hồng thoáng điểm trên mặt hồ phủ kín lá sen xanh. Hương sen thoang thoảng quyện trong nhang khói nhẹ nhàng. Mấy cô bé ríu rít khuấy rộn cảnh chùa tĩnh mịch. Chúng tôi thay phiên nhau đứng chụp hình. Cố lấy được mấy bức thang nho nhỏ thì mất mái chùa cong cong. Nếu lấy được mái chùa cong cong thì mất mấy bức thang nho nhỏ. Nên chúng tôi phải đứng thật xa để thu được đủ cảnh vào cái máy hình bỏ túi, chỉ rửa ra ảnh đen trắng, 4x6 (cm) tí xiu.

Những hình ảnh yêu quý đó đã được giữ gìn trong quyển *album* nhỏ Ngọc Diệp tặng trước khi tôi rời Hà Nội. Những kỷ niệm vẫn được ấp ủ trong tâm tư tưởng nhớ và được ghi lại đây bằng những ngón tay đã pha màu thời gian.

Chiều Chủ Nhật sau đó, Thảo đến rủ tôi đi chơi một vòng. Nụ cười không còn nở trọn vẹn trên đôi môi hồng. Chuyện nói băng quơ, chẳng mạch lạc. Suy tư ghim nặng bàn đạp, bánh xe. Gần như chắc chắn có sự phân chia Nam Bắc. Gia đình Thảo sẽ chẳng đi đâu. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ theo gia đình vào Nam. Đây là lần cuối cùng hai đứa đi chơi với nhau. Chúng tôi lại chọn đường Cổ Ngư, Vườn Bách Thảo, những thắng cảnh bao la, rợp mát, xa phố

phường đông đúc. Xe đạp sóng đôi, chúng tôi tới núi Nùng thì ngừng lại. Nhìn lên trăm bực cao, Thảo hỏi tôi:

- Lên không?

Tôi ngẫm nghĩ, áng chừng sức lực của mình:

- Lên chứ! Chúng mình phải gửi xe ở đằng kia.

Thảo xua tay:

- Không cần. Mình không ở lâu, chạy lên rồi chạy xuống ngay. Dừng xe ở chân núi này. Cảnh binh tới bắt xe, mình có thể nhìn thấy và chạy xuống liền.

Tuy hơi ngần ngại, tôi tin tưởng Thảo nhanh nhẹn, tháo vát nên làm theo lời cô bạn. Chúng tôi khoá xe đạp lại, nắm tay nhau đếm một, hai, ba để lấy đà. Tưởng có thể chạy một mạch lên tới tận bậc trên cùng, nhưng sức con gái mảnh mai, Thảo và tôi phải ngừng nghỉ hai, ba lần. Lên đến sân đền trên Núi Nùng, chúng tôi ôm nhau ngả nghiêng cười. Thằng bé bán kem tới rao:

- Ai kem cam, kem chanh, kem dừa một đồng đây!

Chúng tôi nhìn sang nhau thăm hiểu một ý ngầm, rồi đồng thanh gọi:

- Kem! Kem!

Hai cô bé quên ngay việc canh chừng mấy ông cảnh binh đi bắt xe đạp dừng ầu lè đường. Viễn ảnh Nam Bắc phân ly cũng vụt tan trong cây kem dừa thơm ngon, mát lạnh. Tuổi trẻ muốn đòi được trong sáng, hồn nhiên mãi mãi, không muốn vướng bận những lo âu, phức tạp của cuộc đời.

Đường về, chúng tôi theo Phố Quan Thánh ngậm ngùi lá me xanh, bồi hồi hoa phượng đỏ. Chúng tôi lặng lẽ chia tay nhau ở Nhà máy Nước Tròn, Vườn Hoa Hàng Đậu. Thảo về Hàng Đồng. Tôi về Hàng Than...

Việc gì phải tới đã tới, Hiệp Định Đình Chiến được ký kết tại Genève ngày 20 tháng Bảy năm 1954, giữa Pháp, Việt

Minh, Anh, Nga, Trung Hoa. Việt Nam tạm thời chia đôi tại vĩ tuyến 17. Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Việt Minh), sẽ cai trị miền bắc vĩ tuyến 17 trở lên. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa toàn quyền miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở xuống. Người dân được 300 ngày chọn lựa, tự do di chuyển từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc. Tổng tuyển cử sẽ được thi hành vào tháng 7, năm 1956. Mấy cô bé ngây thơ đã hy vọng như thế. Chúng tôi đâu biết rằng, Việt Cộng không sợ gì bằng tổng tuyển cử tự do. Vì trong tự do, Cộng Sản làm sao tồn tại được? Họ chỉ còn một cách trường kỳ kháng chiến mấy chục năm, đổi hơn hai triệu xác dân để cướp lấy mảnh đất tang thương. Tổng tuyển cử cho nước Việt Nam đau khổ trong bốn mươi năm đã không bao giờ có.

Từ thuở Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập, cha tôi đã nhìn thấy tương lai mờ tối kia. Ông cảm chúng tôi không được hát những bài ca tụng bác Hồ. Cha tôi có lý vô cùng! Ông nhanh chóng quyết định di cư vào Sài Gòn. Gia đình Kim Dung, Thu Hòa, Tú Anh, Thái Lan cũng sẽ đi. Gia Đình Ngọc Diệp, Tuyết Anh, Việt Bảo ở lại. Để làm một cuộc chia tay tập thể, nhóm chúng tôi và các nhóm bạn khác cùng lớp rủ nhau họp mặt tại nhà bà giám thị Nết. Bà đẹp như lai, nhỏ nhẹ, dễ mến như tên. Chúng tôi chỉ định tới thăm bà một chốc lát. Nhưng bà đã mua sẵn thực phẩm để nấu bún mọc cho chúng tôi ăn. Bà chỉ dẫn đám học trò con gái luộc thịt, thái thịt, thái rau diếp, ớt, chanh. Tuy chỉ có vậy, món bún mọc của bà Nết ngon đặc biệt. Tôi đã từng bắt chước nấu y như thế vẫn không bao giờ được ngon bằng. “Rượu ngon phải có bạn hiền, món ngon phải có bạn hiền mới ngon.” Bà giám thị Nết còn cho chúng tôi thưởng thức tiếng đàn dương cầm nhịp nhàng, thánh thót. Khi chia tay nhau, chúng tôi ghen ngào hiểu rằng đây là lần gặp gỡ cuối cùng. Bạn bè không còn cười đùa được nữa. Rồi đây kẻ ở người đi...

Tôi còn một người bạn học thân từ lớp nhất, Bích Vân không học trường Trưng Vương. Cũng như với Thảo, tôi vẫn có với Vân những dịp gặp gỡ khác như đi dạo chơi tha thẩn trong Quốc Tử Giám, la cà mấy tiệm sách báo hay đi xem những phim ca nhạc, nhảy múa của màn ảnh Mỹ và đã mê Leslie Caron, Gene Kelly, Frank Sinatra... như thần tượng.

Hôm đó Vân rủ tôi đến chơi nhà nàng, ở Phố Sinh Từ. Cô bé có “người anh văn nghệ” vừa mới bí mật ra vùng kháng chiến. Nàng muốn gặp người quen để hỏi tin tức. Chàng đợi chúng tôi ngoài phố. Theo như Hiệp Định Genève, lệnh ngưng bắn đã ban hành, tạm thời người dân được tự do đi lại. Nên người đi ra vùng Việt Minh, kẻ đi vào vùng Quốc Gia như đi chợ. Dù vậy, người ta vẫn kín đáo, đề phòng những bất giữ bất ngờ có thể xảy ra.

Khi chúng tôi vừa đến trước tiệm sách, một chàng tuổi trẻ đi xe đạp tới ngang bên. Bích Vân và người ấy chào hỏi nhau. Phố đông đúc, xe đạp không thể đi hàng ba, tôi đi lên trước. Ra tới một con đường vắng, hai người tiến xe ngang tôi. Vân giới thiệu:

- Đây là anh Vũ, đây Ngọc Dung. Anh Vũ rủ chúng mình đi ra Hồ Hoàn Kiếm.

Tôi mỉm cười chào Vũ và đồng ý ngay:

- Dung cũng định đi bờ hồ một lần trước khi rời Hà Nội.

Tôi chưa bao giờ gặp gỡ hay đi chơi với một người khác phái xa lạ nào. Tuy nhiên, Vũ quen Vân nên tôi chẳng ngại ngần và nghĩ thâm, con gái chưa tới tuổi trăng tròn, Vân còn lo sợ gia đình, không dám đi chơi riêng với người thanh niên Hà Nội thanh tú này. Tôi đi hộ tống cho Vân yên tâm. Chị em, bạn gái thân thương, thường chiều chuộng và săn sóc nhau những khi cần thiết như vậy. Có thể, đây cũng là dịp cuối cùng được nhìn Hồ Gươm, Tháp Rùa trước ngày đi.

Qua rạp Lửa Hồng, nơi tôi đã ngồi như bị thôi miên khi xem những phim cao bồi có Roy Rogers, Zorro bịt mặt đầu tiên trong đời, ba xe đạp tới Hồ Hoàn Kiếm.

Vũ chọn một bàn giải khát bên bờ hồ phía Hàng Trống, Hàng Khay. Anh tự nhiên lấy khăn tay lau và kéo ghế mời hai cô nữ sinh áo trắng tuổi yêu hoa phượng. Bích Vân có hai nơ xanh buộc mái tóc chệch đôi đằng sau gáy. Tóc tôi uốn gọn cổ tinh để dài chấm vai buồn, để tang ngày đất nước bị chia đôi, 20 tháng 7 năm 1954.

Như ý thích của Vân và tôi, Vũ gọi nước chanh tươi cho cả ba người. Chúng tôi trầm ngâm nhấp từng ngụm nước trong vắt như tâm hồn tuổi trẻ mà sự chia cắt đất nước đang rạch nát toi bờ. Phượng vĩ nở rực thắm vùng trời Hồ Gươm. Màu hoa đỏ cũng ghen ngào, rung rung trong tim tôi.

Bích Vân và bà mẹ đã quyết định ở lại. Ngày gia đình tôi rời Hà Nội được xếp đặt vào 15 tháng 8. Tôi hỏi Vũ và được trả lời không rõ rệt về quyết định “đi hay ở” của gia đình anh. Mọi người đều dè dặt lời nói trong lúc giao thời. Tôi không để ý lắm tới đối thoại giữa Bích Vân và Vũ. Ngày chia ly thật gần đang cuộn rối lòng tôi. Hà Nội ơi! Mình sắp giã từ nhau! Thình thoảng tôi mỉm cười vu vơ hay lơ đãng nhặt những cánh phượng rơi và giận hờn ném xuống hồ để thấy hoa phượng đỏ, mây trắng, trời xanh lung linh tan vỡ trong nước hồ thăm thẳm. Người ta sắp chiếm đoạt Hà Nội! Tôi sắp mất thành phố thân yêu!

Gần đến ngày đi, đồ đạc trong nhà, xe đạp, bát đĩa xưa, sách vở cũ đã đem cho hoặc bán đi hết. Bố mẹ cho chúng tôi mỗi người một cái va-li để xếp hành lý. Hình ảnh bạn bè, lưu bút kỷ niệm, quần áo, sách vở cũng đủ 20 kí lô mang lên máy bay.

Nhà không còn cái xe đạp nào. Chị Phương đi bộ đến trường Saint Paul từ biệt các Sơ rồi cùng các bạn sang Nhà Thờ Lớn, Phố Nhà Chung gần đây cầu nguyện. Sau đó các chị rủ nhau qua Nhà Thờ Hàm Long chia tay các bạn xóm đạo bên ấy. Cũng chưa hết, những cô thiếu nữ hiền ngoan như ma-sơ lang thang, thờ thần đi vòng quanh Hồ Hoàn Kiếm, tay nắm tay nhau rầm rức khóc biệt ly. Các chị muốn in dấu vết chân mình trên đường phố, muốn ghi nhớ hết những hình ảnh cuối cùng của Hà Nội. Chiều muộn, sau khi trở lại Nhà Thờ Lớn cầu nguyện, các chị ghé về trường ôm chào các Sơ lần nữa và khóc cho nước mắt cạn vơi. Khi thành phố lên đèn, chị Phương lủi thủi về nhà, bỏ cơm tối, lên giường ôm gối thấm lệ vẫn lã chã tuôn rơi.

Trong những ngày thê thảm đó, vì không muốn rời Hà Nội, không muốn xa bạn thân, một ý nghĩ thoáng qua trong tâm trí tôi, xin bố mẹ cho ở lại với cô Sữa và hai người em họ Thịnh, Vượng. Song, tôi đã kịp thời hiểu, tôi còn nhỏ dại, chưa biết tự lo cuộc đời mình. Không ai có thể trông nom, săn sóc con cái đầy đủ vật chất, tinh thần bằng cha mẹ. Ông bà sẽ lo buồn lắm nếu tôi không đi theo gia đình.

Một điều nữa khiến tôi sợ nhất, không dám đòi ở lại Hà Nội và không bao giờ hối hận. Đó là mấy ông bộ đội răng đen, mã tấu. Các ông đi đến đâu chết trâu, chết bò đến đấy. Các ông không đọc nổi một chữ, nhưng các ông cướp của giết người, tuyên án tử khổ, chôn sống, chặt đầu người giỏi lắm. Tiếng kêu than ai oán vọng về từ các tỉnh thành, làng mạc xa xôi, nên mới có triệu dân di cư vào miền Nam trước khi Cộng Sản nhuộm đỏ miền Bắc. Nếu bố tôi ở lại Hà Nội ngày đó, đã bị đầy ải hay chết rục trong ngục tù như mấy người bạn đồng nghiệp.

Trước ngày đi, bố mở từng va-li xem con cái sắp xếp hành lý ra sao. Ôi thôi, cái va-li vĩ đại của chị Tâm đầy nhóc

báo Ciné Revue, Ciné Monde, hình tài tử, minh tinh màn bạc Hollywood, những tờ chương trình quảng cáo phim. Bố giận run người, vừa xé báo, liệng ảnh của chị vừa la:

- Vứt cho hết những thứ rác rến này đi ngay lập tức. Chỉ mang theo quần áo, đồ dùng cần thiết thôi!

Mẹ rên rỉ, thờ dãi:

- Thời buổi loạn lạc thế này! Con cái lớn rồi mà vẫn không biết lo nghĩ gì cả!

Vâng đúng vậy, chúng tôi đang sửa soạn chạy loạn, từ biệt họ hàng, bạn bè, bỏ lại tất cả tài sản và nơi sinh trưởng thân yêu để xa chạy, cao bay lánh nạn Việt Minh. Việt Cộng đi đến đâu loạn lạc đến đó. Cộng Sản ở đâu oán hận ở đó.

Một ngày trước khi rời Hà Nội, tôi muốn gặp Thảo, Bích Vân và Ngọc Diệp một lần chót. Các bạn cũng muốn đi tiễn tôi. Nhưng bố không cho ai đi đâu nữa. Có những trường hợp con cái không muốn theo bố mẹ, đã lên ra vùng Việt Minh hay lẫn trốn đâu đó trong thành phố trước ngày di cư vào Nam, khiến nhiều gia đình đã đau lòng bỏ con ra đi, hay phải khổ sở ở lại vì không nỡ rời xa con. Chắc bố mẹ tôi đã phải sống trong những lo âu thật nhiều như vậy.

Làm thế nào báo cho Thảo, Vân biết nơi và giờ ra đi của chúng tôi? Diệp ở ngay đầu phố, tôi có thể lên chạy ra cho Diệp hay rất dễ. Tôi nghĩ đến cô em gái Tường Vân. Vài ba lần tôi chở xe đạp đưa em đến chơi nhà Thảo và Bích Vân. Cô bé chưa biết đi xe đạp. Bố sẽ không để ý sự vắng mặt của em. Tôi kéo em ra một góc hời:

- Vân có nhớ đường đi đến nhà chị Thảo, chị Bích Vân không? Cô bé gật đầu:

- Có, em nhớ.

Tôi thì thăm:

- Vân đến hai chị ấy báo tin ngày mai nhà mình đi. Chị muốn gặp các bạn ở nơi khởi hành.

Đôi mắt cô em đã to còn mở to hơn, lo sợ rõ rệt, nhưng không dám từ chối. Tôi nhắc lại với em Vân đường đi một lần nữa và đưa em mảnh giấy ghi ngày giờ, địa điểm chúng tôi tập trung để em nói cho đúng với hai bạn. Tuy hồi hộp xanh mặt, em Vân vẫn gật đầu lia lịa. Thế rồi, em lên ra khỏi nhà. Phải đi cho nhanh, về cho chóng, bố biết được sẽ bị đánh đòn. Tội nghiệp! Chỉ vì muốn gặp các bạn để chia tay lần cuối cùng, tôi đã quên rằng Vân mới mười tuổi, yếu đuối, gầy còm. Em vừa đi vừa chạy từ Phố Hòe Nhai qua Hàng Đồng gặp Thảo, tắt tuổi đến dứt cả dép tới Phố Sinh Từ báo tin cho Bích Vân. Trên đường về, em vội vã rẽ qua từ biệt cô bạn Tuyết Mai học cùng lớp, trường Thanh Quan. May mắn Vân về đến nhà bình yên vô sự. Cảm ơn Thượng Đế!

Tờ mờ sáng 15 tháng 8, năm 1954, chúng tôi không bao giờ quên ngày tháng này, vì cũng là sinh nhật cậu em út Khoa. Chúng tôi tới chỗ tập trung tại nhà thương Jeanne D'Arc, gần Quốc Tử Giám. Từ đó chúng tôi sẽ lên xe ra phi trường Bạch Mai. Rất đông họ hàng, bạn bè ra tiễn chúng tôi. Tất cả khóc như mưa, như đi đưa đám ma tập thể. Ngọc Diệp, Bích Vân và Thảo đều có mặt. Chúng tôi nghẹn ngào, bịn rịn, hẹn sẽ viết thư cho nhau, hẹn sẽ không quên nhau, hẹn sẽ thương nhau mãi mãi, hẹn sẽ tái ngộ ba năm sau. Mấy cô bé tin rằng trong hai năm sẽ có tổng tuyển cử. Nam Bắc sẽ không còn ranh giới, bạn bè sẽ được gặp lại nhau.

Chia ly, sầu thảm chất ngất vòm trời mùa thu Hà Nội. Xe đưa người đi chuyển bánh, Văn Miếu mờ xa qua hàng lệ. Nửa mảnh hồn tôi hình như đã để lại Hà Nội từ dạo ấy...

Thế rồi, dòng đời trôi như thác lũ, mưa nguồn. Vài năm sau chiến tranh lại tàn khốc miệt mài trên quê hương đau khổ. Cuộc đời trải dài mất mát, buồn vui. Tôi rời bỏ cố quốc

hơn hai chục năm qua. Chiến tranh đã chấm dứt. Nhưng hòa bình vẫn chưa có trong lòng đất mẹ cay đắng, xót xa.

Tuổi đời vẫn là những mùa xuân qua đi không trở lại. Tôi muốn về thăm Hà Nội xưa, gặp lại bạn bè cũ. Để rồi bao nhiêu ngăn ngại đã ngăn chặn ý tình nồng nhiệt, nung nấu tâm tư theo ngày tháng. Tôi e đối diện với thất vọng đau thương, sự thật phủ phàng. Tôi sợ giấc mơ dĩ vãng sẽ vụt biến bằng hoàng. Tôi muốn tạm quên đi hình ảnh phố phường Hà Nội ngày nay để chỉ nhớ tới kỷ niệm thời niên thiếu tuyệt vời.

Hà Nội trong tôi vẫn huyền hoặc những trang truyện thần tiên của Bích Vân Phố Sinh Từ. Hà Nội vẫn duyên dáng mái tóc dài đen óng ả của Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Hà Nội vẫn hân hoan bước chân sáo tung tăng của cô bé Ngọc Diệp, Ngọc Dung hồn nhiên chạy theo mảnh trăng non mười ba lơ lửng trên mái chùa Hòe Nhai cổ kính thuở nào.

Mỗi độ hè về, hoa phượng vĩ vẫn nở đỏ bên Hồ Gươm Hà Nội. Những người bạn của tuổi trẻ vẫn chờ đợi tôi trở về như tâm hồn tôi tha thiết khôn nguôi. Lời hứa tái ngộ năm xưa chưa tròn, cuộc đời chưa trọn vẹn.



Ngọc Dung Độ thất 1952 , Độ lục 1953
Trung Vương Hà Nội



Bố mẹ, Chùa Trầm 1953.



Núi Trầm 1953. Từ phải: Anh Lượng, chị Tâm, chị Phong và Ngọc Dung



Từ trái: Anh Phúc, Khanh, Tâm, Bảo, Nguyệt, Minh,
Phong, Kim, Dung.



Chùa Trầm 1953 - Hàng đầu: Dung, Phong, Kim, Nguyệt, Tâm.
Hàng sau: Dũng, Minh, Phúc.



Lăng Ông Hoàng Cao Khải, 1953.
Từ dưới lên trên: Phương, Thịnh, Tâm, Vượng, Liên.



Sân Đền Quan Thánh



Sân Chùa Trấn Quốc, 1954



Cổng Chùa Trần Quốc, Hồ Tây.



Photo Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi.

5

THUỞ BAN ĐẦU

Mùa hoa phượng 1954, trước khi theo gia đình rời Hà Nội di cư vào Sài Gòn, tôi đến thăm Bích Vân. Cô bạn gái từ thuở kẹp tóc trường Thanh Quan rủ tôi ra hiệu sách Chính Ký, Phố Sinh Từ để gặp Vũ, người quen của nàng.

Ba chúng tôi thông dong xe đạp qua nhiều đường phố và dừng lại một quán giải khát bên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Giận hờn, se sắt tâm tư, tôi sắp phải xa thành phố yêu dấu và những người bạn thân thương. Tuy không chú ý tới Vũ nhiều, tôi vẫn thoáng nhận thấy anh có những ưu điểm của chàng trai thanh tú, lịch sự.

Nhưng rồi, trong giai đoạn đất nước phân chia sâu thẳm đó, làn sóng người di cư ồ ạt, cuộc sống thay đổi, xáo trộn ở miền Nam, tôi gần như quên hẳn cái tên “Vũ”. Có chăng, hình ảnh anh chỉ mờ hồ, mờ nhạt bên màu phượng vĩ đỏ máu Hồ Gươm mùa hè già từ Hà Nội.

Thời gian mới di cư, gia đình tôi tạm trú tại một căn phòng chật chội, không tiện nghi trong một rạp hát cũ Đường Trần Quang Khải, Tân Định. Một buổi sáng tôi nghe loáng thoáng có người hỏi tên Ngọc Dung ngoài ngõ. Vừa nhô đầu ngó qua cửa, tôi ngạc nhiên nhìn thấy Vũ đang đi vào cùng với một sĩ quan trẻ khác. Tôi cười gật đầu chào, tỏ ý nhận ra người quen. Vũ điềm đậm:

- Chào Dung, tôi là Vũ, bạn của Bích Vân, đã được gặp Dung ở Hà Nội mấy tháng trước đây.

- Vâng, chào anh. Dung còn nhớ. Anh vào Sài Gòn bao giờ?

- Vài ngày nay. Tôi có đem theo thư của Bích Vân viết cho Dung.

Tôi mừng rỡ:

- Vậy ư? Xin mời hai anh vào nhà chơi.

Đây là lần đầu tiên trong đời con gái, tôi có người khác phái tới thăm. Những xúc động không tên chen chúc nhau tìm chỗ ẩn núp trong tôi. Trái tim đập nhanh như vừa qua một cuộc chạy thi thể dục nhà trường. Nhưng phản ứng tự nhiên nhắc nhở tôi mời khách ngồi bên cái bàn gỗ thô sơ độc nhất vừa làm bàn ăn, vừa làm bàn tiếp khách kê giữa những tấm rèm vải che mấy cái giường giáp bốn bức tường. Vũ giới thiệu người bạn đi cùng:

- Đây là Nguyễn. Đây, Ngọc Dung.

Tôi tươi cười chào Nguyễn mà lòng hồi hộp lạ thường. Cô bé mười lăm phải cố gắng bình tĩnh tiếp chuyện hai người khách vào bậc đàn anh. Bà nội, bà ngoại đi ra, đi vào. Chị em đi tới, đi lui ngay bên cạnh bàn làm cho tôi càng cảm thấy vụng về thêm. Đôi bàn tay như thừa thãi trên bàn. Những ngón tay xoắn xít đan nhau. Vũ đưa thư của Bích Vân cho tôi:

- Vũ đã trốn khỏi Hà Nội sau ngày hạn phép và xuống Hải Phòng theo những đoàn người cuối cùng di cư vào Sài Gòn.

Tôi thắc mắc hỏi Vũ:

- Tại sao anh đi muộn thế?

- Vì tò mò muốn xem tiếp thu Hà Nội. Khi được nhìn thấy những thay đổi vô lý, không thích hợp với mình nên Vũ chạy ngay.

- Gia đình anh có di cư không?

- Có, hiện tất cả đang ở Sài Gòn.

Tôi quay sang hỏi Nguyễn:

- Còn gia đình anh thì sao?

- Cũng may mắn đã vào đây. Nhưng ông anh cả bị tổ khổ chết ngoài Bắc.

Tôi rùng mình, tâm tình:

- Trước ngày di cư, nhiều lần Dung định xin bố mẹ cho ở lại vì không muốn xa mấy cô bạn thân. Nhưng Dung không muốn ông bà buồn, cũng không có can đảm bỏ gia đình. Và điều Dung sợ nhất là nghe những vụ tổ khổ khủng khiếp kia.

Vũ đồng ý:

- Dung có lý đã theo gia đình. Dung sẽ thất vọng thật nhiều nếu ở lại.

Tôi mở thư Bích Vân. Lá thư dài kèm theo một tấm hình của cô bạn. Vẫn đôi mắt to, đen láy, lông mày rậm, cánh mũi dọc dừa, đôi môi trái tim không cười. Bích Vân có vẻ sắc sảo, đầm thắm hơn khi chúng tôi chia tay nhau vài tháng trước. Tôi đưa ảnh Vân cho Vũ và Nguyễn xem:

- A, Bích Vân vẫn đẹp đấy chứ?

Vũ cười hóm hỉnh:

- Bạn Vân cũng vậy.

Tôi thật thà hỏi:

- Cô bạn nào của Vân?

Nguyễn trả lời thay Vũ:

- Cô bạn vừa nhận được thư.

Tôi hiểu Nguyễn ngầm khen mình. Mặt bừng nóng then thùng, tôi lắc đầu phủ nhận:

- Không đâu. Cám ơn anh.

Và, nhoén miệng cười, tôi hỏi Vũ:

- Bích Vân ra sao, có vui không anh?

- Vân vui lắm, đã vào học Trung Vương và hoạt động thanh thiếu niên rất hăng say. Dung cũng khai trường rồi phải không?

- Vâng, Trung Vương di cư đang học nhờ trường Gia Long. Nhà chưa có xe đạp, cũng không có chỗ để xe đạp nên phải đi bộ xa. Sài Gòn nắng quá.

Nguyễn cười:

- Trời nắng các nữ sinh đội nón cho rợp hè phố.

Tôi vẫn than:

- Có thể như vậy. Nón ở đây sao dày và nặng quá, hình như không làm cho nữ sinh. Tìm không ra một cái nón bài thơ nhẹ mỏng. Nữ sinh miền Nam không có thói quen đội nón.

Vũ gọi nhớ:

- Bây giờ Hà Nội vào mùa thu mát, các cô không sợ râm nắng, không cần phải đội nón nhỉ!

Một nỗi tiếc xa vời dâng lên trong tâm hồn, tôi mơ màng:

- Và, con đường Lê Thái Tổ bờ hồ lộng gió, Đại Lộ Hai Bà Trưng của trường Trung Vương rợp bóng cây.

Tôi xếp ảnh và gấp thư Vân lại để xem sau. Vũ nói:

- Nếu Dung muốn gửi thư cho Vân, Vũ sẽ gửi cho. Hải Phòng chưa hết hạn di chuyển. Vẫn còn có người từ trong Nam ra, từ ngoài Bắc vào.

Tôi buồn rầu, thở dài:

- Còn bao lâu để viết thư cho nhau. Vài ngày nữa Dung cũng có người quen trở ra Hải Phòng, Dung sẽ nhờ họ đem thư cho Bích Vân và các bạn Hà Nội.

Bố mẹ đi vào, tôi vội vàng giải thích và giới thiệu khách:

- Thừa đây là anh Vũ và anh Nguyễn. Anh Vũ là anh của Bích Vân mới từ Hà Nội vào. Vân nhờ anh đưa thư cho con.

Tôi không giới thiệu Vũ là bạn Bích Vân vì hiểu rằng không bố mẹ nào ưa con gái có bạn trai sớm. Hai chàng lễ phép đứng lên chào. Ông bà còn nhớ cô bạn thân ấy của tôi, nhưng vẫn đáp lại với cái nhìn dò xét:

- Không dám, mời hai anh ngồi chơi.

Tuy vậy, Vũ và Nguyễn không ở lâu. Tôi vui mừng thoát được một việc thật khó khăn, nặn lựa chuyện để tiếp hai người đàn ông trẻ mới quen trong hoàn cảnh di cư không thoải mái. Khi khách vừa ra khỏi cửa, tôi vội vàng mở thư Bích Vân đọc ngay. Tôi đọc đi, đọc lại lá thư không biết bao lần và ngắm hoài ảnh cô bạn, để thương nhớ thần thờ như người ta nhớ người tình. Tôi viết về chuyện Vũ đến thăm và nhờ người chuyển thư cho Bích Vân ngay. Nhưng trong những thư trả lời tôi sau này, Vân không hề nhắc tới tên Vũ.

Đời sống di cư tiếp tục. Sự khác biệt về thủy thổ, thời tiết nóng bức đôi khi trở thành bức bối, khó chịu. Thêm vào đó nỗi nhớ, niềm thương vẫn tràn đầy cho Hà Nội, cho Ngọc Diệp Hàng Than, Bích Vân Phố Sinh Từ và Tạ Thị Thảo Hàng Đồng, những người bạn thân mến còn ở lại bên kia Vĩ Tuyến 17. Tôi không vương vấn chuyện Vũ và Nguyễn. Hai người không còn lý do gì trở lại gặp tôi. Nhưng một hôm, tôi lại ngạc nhiên thấy Vũ đến với người bạn khác và xấp sách báo lớn trên tay. Anh nói:

- Vũ đến người bạn ở gần đây nên rủ lại thăm Dung và biếu Dung mấy tờ báo. Dung có thích đọc không?

Tôi hớn hờ tiếp nhận:

- Có chứ, Dung thường chỉ đọc báo ông bố mua!

- Dung có cho phép Vũ đem báo tới biếu Dung không?

Tôi nghĩ thầm, tại sao Vũ lại thích làm việc này nhỉ? Không lẽ Vũ thích “chơi” với cô bé con? Hay Vũ thương Bích Vân, nên muốn gặp bạn nàng cho đỡ nhớ? Thấy tôi ngập ngừng, Vũ hỏi:

- Dung lo ngại ông bà?

Tôi vui mừng như học trò được nhắc bài:

- Dung không biết ý bố mẹ ra sao, nhưng có lẽ ông bà cũng không cấm đoán. Có báo, anh cứ đem cho Dung. Dung học hành đều đặn, anh đến chơi chốc lát, chắc không sao.

- Vũ mong Dung coi Vũ như bạn để có thể đến thăm Dung cho vui.

Tuy nghĩ rằng Vũ và tôi cùng có kỷ niệm rời xa bạn bè, Hà Nội, gặp nhau để thông cảm, chia sẻ tâm tư, tôi vẫn nhận thấy sự chênh lệch giữa chúng tôi. Vũ đã trưởng thành. Tôi còn quá trẻ con đối với anh. E dè tôi nói:

- Dung chỉ bằng tuổi Bích Vân đâu dám làm bạn anh? Anh có em gái không?

- Vũ có một cô em gái mười tám tuổi.

- Dung còn kém chị ấy mấy tuổi. Anh hơn em gái bao nhiêu tuổi?

- Ba tuổi.

Vậy có nghĩa là Vũ hơn tôi sáu tuổi, hơn cả tuổi chị Tâm, tôi vừa nghĩ thầm và vừa nói:

- Anh muốn đến chơi với Dung như bạn hay “gì” cũng được. Riêng Dung vẫn coi anh như anh của Bích Vân. Anh lại chơi, Dung có cảm tưởng được gần với cô bạn thân, gần với Hà Nội đã xa, thật xa rồi.

Tôi tiếp tục ngây thơ tâm sự:

- Anh biết Bích Vân cũng viết truyện ngắn, làm thơ đăng báo và tặng Dung từ lớp nhất tiểu học không?

- Vũ biết, vì thế Bích Vân mới có một “người anh văn nghệ” vào thành, ra vùng kháng chiến ngoài Bắc trước đây.

- Còn Dung thì làm một bài luận cũng không xong.

- Người nào có tác phẩm được Dung đọc là quý rồi.

Tôi cảm thấy xấu hổ, vì cho đến bây giờ tôi chưa đọc những gì khác hơn sách truyện phải học trong lớp. Tôi tự nhủ phải đọc kỹ lưỡng những sách báo Vũ cho, đề phòng anh hỏi bài nào, mục nào đó còn biết nói chuyện. Thế rồi, tôi không ngạc nhiên Vũ đến chơi lần thứ ba. Và sau đó, tôi bắt đầu mong chờ Vũ. Tôi tò mò hỏi anh:

- Anh có viết không?

- Vũ đã có hai tiểu thuyết dài đã xuất bản từ trước khi rời Hà Nội, nhiều truyện ngắn và sắp hoàn thành một truyện dài thứ ba.

- A, Dung được quen một nhà văn! Vũ viết loại truyện gì?

- Truyện tình cảm, xã hội thôi.

- Dung chờ được xem truyện mới của anh đấy nhé... Nhưng anh có thể cho Dung mượn xem sách đã xuất bản được không?

- Để lần sau Vũ sẽ đem tới biếu Dung. Còn truyện mới, có lẽ Dung phải đợi lâu. Vừa đi làm vừa viết truyện không dễ dàng lắm.

- Vậy là anh phải viết vào buổi tối hay những ngày nghỉ nhỉ?

- Đúng vậy, đôi khi thức khuya viết, sáng hôm sau phải đi làm, trời đất nhuộm một màu vàng.

Cô bé không chú ý và tò mò hỏi công việc làm của người lớn. Nàng chỉ nói chuyện học trò:

- Sài Gòn nhiều muỗi quá. Thường Dung ngồi bàn làm bài sớm để khỏi bị muỗi đốt. Học bài khuya phải chui vào màn.

- Vũ phải đi bít tất, mặc áo dài tay và vận quạt máy đuổi muỗi. Tuy nhiên mặt mũi chân tay Vũ vẫn đầy vết muỗi cắn đây.

Tôi nhận ra vài chấm đỏ trên vàng trán cao vuông vắn của Vũ:

- Người ta tưởng anh có nốt ruồi son, tốt lắm đây. Hình như có một ông ký giả lấy tên Muối Sài Gòn phải không anh?

- Đúng vậy, ông ấy châm ai thì chết người đó.

Vũ liếc nhìn đồng hồ tay rồi nhìn ra xung quanh xem tình hình bố mẹ, bà nội, bà ngoại có ai để ý gì không. Anh hạ thấp giọng hơn:

- Trung Vương vẫn học buổi chiều ở trường Gia Long phải không? Có vài lần Vũ đi qua trường này giờ vào học hay tan học nhưng không nhìn thấy Dung đâu.

- Vâng, mấy trăm cô nữ sinh bắc cờ sọc nắng, đội nón che má hồng. Làm sao anh nhận ra Dung được?

- Nếu Vũ nhìn thấy cô bạn nhỏ bé, Dung có cho phép Vũ lại chào hỏi không?

- Ô, không được!

- Sao vậy?

Tôi cười nhìn thẳng vào đôi mắt sâu trong suốt màu hạt dẻ của Vũ:

- Anh biết học trò thích đùa giỡn và nhiều tưởng tượng lắm. Dung và mấy cô bạn đã từng đi trêu chọc các anh, các chị lớp lớn gặp gỡ nhau trên những con đường xung quanh trường Trung Vương Hà Nội. Có cái chính cũng không được với mấy cô nữ sinh tai quái!

- Dung có nhiều bạn di cư không?

- Có vài cô thân nên cũng đỡ nhớ các bạn ở lại Hà Nội. Anh có nghĩ rằng hai năm nữa sẽ có tổng tuyển cử? Mình sẽ được trở về Bắc không?

Vũ trầm ngâm:

- Theo Hiệp Định Genève thì như vậy. Ai tiên đoán được chính trị sẽ đi về hướng nào? Vận nước xoay vần ra sao?

Tuy nhiên, câu chuyện của tôi chỉ hạn hẹp trong những đề tài về bạn học, trường học, những kỷ niệm Hà Nội và những phàn nàn, khó khăn về thành phố Sài Gòn mới di cư tới. Trước khi gặp Vũ, tôi chưa một lần đọc diễn tiếp chuyện với chàng trai trẻ nào. Nếu Vũ không tìm đến, có lẽ tôi chưa dám làm quen người khác phái. Tôi phải thu hết can đảm, che giấu những ngượng ngập, lúng túng trong cô nữ sinh Đề Ngũ để đối diện Vũ. Sự thực, tôi muốn cởi mở, thăm hỏi dài dòng, nhưng sợ bố mẹ nghi kỵ sự thân mật. Từ hồi nào đến giờ các anh, các chị đã ai dám tiếp bạn trai, bạn gái ở nhà đâu. Tôi là cô con gái bé oắt nhất, bất ngờ mở đầu cuộc “cách mạng vĩ đại” trong gia đình. Một cảm tưởng lâng lâng khác thường vừa len lén đi vào tâm hồn trẻ thơ.

Từ ngày vào Sài Gòn, bố tôi làm việc tại Nha Trước Bạ, Đường Catinat, sau này được đổi tên thành Đường Tự Do. Nửa năm sau gia đình chúng tôi được cấp nhà cư xá công chức di cư và mới được xây cất trên đường Võ Tánh, Phú Nhuận. Nhà cửa khang trang, tiện nghi. Cuộc sống an cư, lạc nghiệp của gia đình bắt đầu.

Tôi cảm thấy rộn vui và tự nhiên hơn khi Vũ đến chơi. Nguyễn đang làm việc ở Nha Trang thỉnh thoảng về và đi cùng Vũ lại thăm tôi. Nghe Nguyễn kể chuyện miền thủy dương, cát trắng, Hòn Chồng, Tháp Bà... tôi há hức tính kể với chị Tâm. Chúng tôi xin bố mẹ cho đi thăm gia đình anh chị Uẩn, Nguyệt và các cháu Minh, Ánh, Hùng, Hằng di cư từ Hà Nội vào ở ngoài đó, để có thêm lý do đi chơi. Chị Tâm đang học Đề Tam trường Trưng Vương. Và, mùa hè 1955, chị rủ thêm mấy người bạn cùng đi Nha Trang. Nguyễn và bạn bè anh là hướng dẫn viên rất ưu ái trong mùa hè không bao giờ quên ấy.

Tôi hồn nhiên kể hết với Vũ những hào hứng vô biên dịp nghỉ hè Nha Trang vừa qua. Lần đó Vũ đem đến tặng tôi cuốn truyện dài của anh vừa mới xuất bản, *Người Em Gái Hà Nội*. Tôi đã đọc hai cuốn tiểu thuyết trước của Vũ, *Ngang Trái* và *Phận Bạc*. Nhìn đầu đề truyện mới, tôi liền láu hỏi ngay:

- Chắc trong truyện tác giả viết nhiều về Bích Vân lắm?

Vũ cười để lộ hàm răng trắng đều, cặp môi dày quyến rũ. Nhà văn trẻ có sống mũi cao, hàng mi cong vút như lai tây phương. Anh đắm đắm nhìn tôi:

- Không phải chỉ có hình ảnh một ai. Truyện có nhiều nhân vật khác nhau. Mỗi nhân vật mang một dáng vóc và cá tính đặc biệt mới nên truyện, Dung xem sẽ biết. Vả lại Bích Vân chỉ là bạn của một người bạn. Vũ coi như em gái.

- Vậy nên mới có *Người Em Gái Hà Nội* phải không?

- Vâng, người em gái tượng trưng của bất cứ ai. Tác giả chỉ muốn viết hộ cho mọi người.

- A, Dung nghĩ cái nghĩa “em gái” quá. Nếu em gái thực sự thì chẳng ai thèm viết tới đâu. Em gái của người khác mới có nhiều chuyện để viết.

Vũ vẫn cố gắng giải thích với cô bé tinh quái:

- Nhà văn góp nhặt những chuyện đời vào tác phẩm và dùng đó để phát biểu tư tưởng...

- Và cả tình cảm của mình nữa phải không?

- Đúng vậy. Nhưng không phải mọi tình ý trong tác phẩm đều là chuyện của tác giả.

- Vậy Dung phải đọc rất kỹ, xem tình ý nào của Vũ mới được.

- Dung cứ coi như truyện thời đại, thời cuộc, truyện của tất cả chúng ta, của bất cứ người nào, không riêng ai.

Quên cả ý tứ, tôi cao tiếng cười dòn, rồi chột nhớ mẹ đang ngồi trong nhà nên ôm miệng hạ giọng:

- A, ai tra hỏi Vũ mà cứ chối nhì?

Vũ khẩn khoản:

- Vũ nói thật đấy. Có gì đâu mà chối. Dung vừa đi chơi Nha Trang về vui hẳn lên.

Rồi thấp giọng Vũ tiếp tục:

- Cho phép Vũ hỏi nhé, Vũ muốn mời Dung đi chơi Thủ Dầu Một?

Tôi tròn mắt, muốn phá lên cười nữa, nhưng cổ ghìm lại:

- Dung đi Nha Trang là đi với chị Tâm và các bạn chị ấy. Ra ngoài đó ở với gia đình bà chị khác, rồi đi chơi với cả nhóm các chị và bạn bè Nguyễn. Dung đâu dám đi chơi riêng với ai.

- Vũ cũng mời Dung đi chơi với nhóm bạn Vũ, trong đó có một nhà giáo, bảo đảm hiền lành, không ngang tàng như mấy ông Biệt Động Quân Nha Trang.

Tôi liếc vào trong nhà, thì thầm:

- Không như Vũ nghĩ đâu. Chuyện đi chơi tung bồng ở Nha Trang với Nguyễn và các anh kia phải giấu nhẹm. Ông bà bố chắc chắn không cho phép con gái đi chơi với bạn trai, dù là cả nhóm với nhau. Đi chơi có chị em, hay bạn gái nếu ông bà biết được còn tệ hơn.

Vũ bàn:

- Dung rủ các chị hay các bạn cùng đi, càng vui.

Tôi suy nghĩ rồi hỏi thêm:

- Thủ Dầu Một bao xa Vũ nhỉ? Ở đấy có gì đặc biệt không?

- Thủ Dầu Một nằm bên Sông Sài Gòn về phía đông bắc, cách đây độ hơn nửa giờ xe hơi, có nhiều vườn trái cây, có xưởng làm đồ gốm, sơn mài, có chùa Sư Nữ trên một ngọn đồi rất ngoạn mục.

- Ô, hấp dẫn quá nhỉ. Dung thích đi chơi vườn trái cây!

Vũ gọi đúng ý thích của tôi:

-Nhà vị hôn thê của người bạn nhà giáo có vườn rộng lắm với đủ loại cây ăn trái.

Tôi náo nức:

- Bao giờ Vũ định đi và đi bằng gì?
- Chủ Nhật này và bằng xe Traction.
- Nếu đi thì khởi hành giờ nào và về giờ nào, Vũ nhỉ?
- Khởi hành 10 giờ sáng. Độ 3, 4 giờ chiều về tới nhà.

Tôi suy nghĩ vài giây và vui mừng nói:

- Dung thường xin phép ông bà bỏ đến nhà bạn vào những thời gian đó. Nếu đi, mình gặp nhau ở đâu?

- Tất cả bạn bè và Vũ sẽ chờ Dung ở số... Đường Yên Đỗ, 9 rưỡi sáng?

Tôi do dự:

- Nếu giờ đó không thấy Dung tới, Vũ cứ đi với các bạn, đừng chờ nhé. Dung chưa bao giờ nói dối ông bà bỏ đi chơi với bạn trai nên còn tùy xem có can đảm không.

Vũ lắc đầu:

- Nếu Dung không đến, Vũ không đi.

Tôi cảm thấy áy náy:

- Vũ biết đấy, Dung ham đi chơi lắm, nhưng không dám hứa.

Vũ nháy mắt khi từ biệt:

- Vũ hy vọng Dung sẽ tới đấy.

Sau khi Vũ về, tôi bắt đầu hối hận. “Tại sao không từ chối quách đi cho xong. Có rủ được chị Tâm, hay hai cô bạn Kim Dung, Thu Hoà đi thì vẫn phải nói dối bố mẹ.” Tôi bàn với chị Tâm:

- Chị Tâm à, Vũ rủ chúng mình đi chơi Thủ Dầu Một với vài người bạn. Chị đi không?

Chị Tâm nhìn tôi tinh quái:

- Vũ “bô” như lai ấy hả? Nếu Dung muốn thì Tâm đi cùng với Dung. Nhưng bao giờ?

Chị Tâm thường rủ tôi “hộ tống” đi dự tiệc sinh nhật, dã vũ gia đình buổi tối, hay đi xa một ngày như Vũng Tàu, Bình Long... với các bạn chị để được bố mẹ cho phép. Bây giờ, chị muốn làm bốn phận với tôi để ông bà có biết cũng nghĩ rằng hai chị em đi chơi ngoan ngoãn. Tôi trả lời chị Tâm:

- Sáng Chủ nhật này.

- Ô tiếc quá, Tâm đã hẹn với chị Lan đi dự sinh nhật một chị bạn khác rồi. Dung rủ Thu Hòa và Kim Dung xem sao?

- Rủ hai cô này cũng bằng thừa. Hai nàng nhát như thỏ, chắc không dám đi mà còn nghi Dung này nọ.

Ngẫm nghĩ một lát tôi lại nói:

- Nghe Vũ nói về Thủ Dầu Một, Dung mê quá! Hay Dung cứ đi đại. Bố mẹ hỏi chị chống chế cho Dung nhé!

Chị có vẻ lo lắng:

- Dung cẩn thận đấy. Bố mẹ mà biết được thì nguy lắm!

Thời buổi đó, con gái ra ngoài gặp gỡ bạn trai là một chuyện không đứng đắn. Bố mẹ tôi biết được sẽ giận lắm. Thôi dẹp chuyện Vũ lại, tôi nghĩ vậy. Nhưng ngày cuối tuần đó không có mục xem phim hay bát phở nào với bạn bè, tôi phân vân, bôn chồn lạ thường. Một sự trống trải mênh mông. Cuộc đi chơi Thủ Dầu Một càng trở nên lồi cuồn. Tôi liền lĩnh xin phép bố mẹ “đến nhà Kim Dung học làm bánh bông lan.” Tôi chọn nhà Kim Dung ở Phú Thọ xa hơn nhà Thu Hòa Đường Ngô Thời Nhiệm. Như vậy, tôi có nhiều thời giờ đi chơi hơn. Tôi vẫn chăm chỉ học hành. Mấy cô bạn thân đều hiền lành, kín cổng cao tường. Vì thế, bố mẹ cho phép tôi đi ngay như thường lệ, không một thắc mắc, nghi ngờ.

Trên chiếc xe xích-lô đến đường Yên Đỗ đã mấy lần tôi định quay trở lại. Những ngại ngại ồ ạt xuất hiện. Tôi cảm thấy tội lỗi thật lớn đã nói dối bố mẹ. Rồi tôi tự trấn an, ông bà thường khuyên chúng tôi phải chuyên tâm học hành cho giỏi dang nên người, chưa bao giờ ông bà đề cập tới vấn đề cấm các con giao thiệp với bạn khác phái. Tuy nhiên, cái gương ngày xưa bố đã nghiêm khắc với chị Kim, chị Nguyệt còn truyền lại. Ở cái thời tiền chiến xa xưa, các chị đã bị mắng, bị cấm cửa trong nhà vì có người yêu. Ông nổi tiếng dữ đòn trong họ. Bố mẹ sẽ tính sao với cô con gái mới mười sáu đã dám đi chơi một mình với bạn trai này. Không những thế, tôi bắt đầu hồi hộp, biết mình sẽ vụng về, lúng túng lắm trước Vũ và các bạn anh. Nhưng sự ham thích đi thăm thú những miền quê hương chưa từng được đặt chân tới đã thôi thúc tôi mãnh liệt. Không đi với Vũ thì có dịp nào khác nhỉ? Thật là trẻ con mới không dám đi chơi với các chàng. Các cô bé thường thích đi trước tuổi làm người lớn đấy!

Tuy lo sợ đủ điều, cái tính bướng bỉnh như con trai đã đưa tôi xuống xe xích lô đi thẳng vào cổng mở rộng của một biệt thự Đường Yên Đỗ. Cái sân mênh mông, đi mãi không đến thềm nhà. Hai chân quỳnh quáng như muốn dẫm lên nhau. Tôi nghĩ thầm, "đáng lẽ Vũ phải đợi mình ở ngoài cổng. Một phút nữa nếu không thấy Vũ, sẽ quay ra." Tôi sắp sửa có ý định đó thì một người đàn ông trẻ tuổi mở cửa bước ra chào hỏi như quen biết tôi từ lâu, có lẽ Vũ đã nói chuyện với bạn về tôi:

- Có phải Ngọc Dung đây không? Vũ vừa đứng đợi ở đây. Hắn sẽ trở lại ngay. Mời Dung vào nhà.

Tôi đang do dự thì Vũ đi tới. Anh giới thiệu tôi với các bạn và ghé sát tôi nói nhỏ:

- Vũ đợi Dung mãi ở ngoài đường, đã tưởng Dung không tới.

Tôi cũng thấp giọng:

- Dung đến đúng giờ, có muộn đâu.

Chúng tôi và hai người bạn của Vũ lên tắc-xi ra bến xe đò Gia Định. Xe Traction chở đầy người. Tôi ngồi bó gối, cố thu mình cho thật nhỏ. Những quẹo lạng của xe, xóc nảy của đường xấu vẫn không tránh được chuyện chen vai, sát cánh với Vũ. Tuy làm vẻ thản nhiên, tôi vẫn mong cho chóng đến nơi để ra khỏi sự ngượng ngùng.

Xe qua Lái Thiêu, Chợ Búng tới Thủ Dầu Một. Bạn Vũ chỉ dẫn và giới thiệu từng nơi chốn đặc biệt. Lái Thiêu nổi tiếng là vựa trái cây của miền Nam. Chợ Búng lòng danh với đủ món bún. Người Nam phát âm chữ “bún” thành “búng”, nên mới có tên Chợ Búng. Xe ngừng mỗi nơi để thả khách và đón khách nên cuộc hành trình mất cả giờ đồng hồ xe mới tới bùng binh Thủ Dầu Một.

Chúng tôi xuống đi bộ một quãng đến đường làng dẫn tới nhà vị hôn thê của bạn Vũ. Chúng tôi được mời dùng cơm trưa ở đó. Một lần nữa, sự xấu hổ dài vô cùng tận của bữa cơm bữa vậy. Nếu biết trước có mục này chắc chắn tôi đã không nhận lời đi chơi. Phải ăn uống trước mặt người lạ là cả một cực hình với cô bé một mình đi chơi với mấy chàng trai mà chẳng ai là người yêu. Thế rồi bữa ăn cũng qua. Các chàng đề nghị ra vườn hái trái cây. Tôi khấp khởi mừng thầm thoát được một phiền toái nặng nề.

Một cánh vườn rộng lớn không nhìn thấy hàng rào, cây trái trĩu trĩu. Không khí trong lành, thơm mát. Đôi bàn chân xăng-đan nhỏ nhắn của tôi lướt đi từ cây mận qua cây ổi, từ cây cam tới cây bưởi, từ cây vú sữa sang cây chôm chôm. Tôi muốn vin vút mọi cành, vuốt ve mọi trái. Nhưng tôi không bứt hái một cành nào và ăn một quả nào. Vườn cây đẹp quá, tôi chỉ thích “mi thơm”, mơn trớn trái cây chín mọng. Đôi lúc hình như có sự im lặng bất thường khiến tôi ngưng lại

trước những ánh nhìn kỳ lạ của các chàng. Ghé lại gần Vũ, tôi lo âu hỏi nhỏ:

- Vũ ơi, có chuyện gì phiền không?

Ánh mắt rạng rỡ vui, Vũ cười dịu dàng:

- Không, trông Dung dễ thương lắm!

Tôi nguýt Vũ thật dài:

- Vũ định trêu Dung hả?

- Vũ nói thật đấy. Dung làm Vũ vui lây.

Một người bạn tinh quái nhìn tôi:

- Tôi cũng thấy tự nhiên yêu đời mới lạ chứ?

Tôi phân trần:

- Dung thích vườn hoa, cây trái. Dung nhớ tới biệt thự của gia đình ở ngoại ô Hà Nội.

Vũ không rời đôi mắt sâu nhìn cô bạn học trò:

- Dung vẫn nhớ Hà Nội ư?

- Vâng, và vẫn nhớ các bạn ngoài đó nữa.

- Mong Dung đừng quên người bạn đang có mặt ở đây.

Và không nên quên thưởng thức trái cây ngon.

- Dung chỉ thích được đùa giỡn, vui chơi trong vườn, ngắm hoa quả thôi. Vừa bị ăn nhiều rồi.

Thực ra con gái ở tuổi vị thành niên, lần đầu tiên đi chơi một mình với nhóm người lạ lại càng ngại ngùng trong sự ăn uống. Nào sợ bị chê ham hố. Nào phải ý tứ giữ gìn. Nào phải làm điệu bộ tiểu thư, không dám ăn uống thoải mái như ở nhà. Vũ lột nửa cái vỏ một trái chôm chôm đỏ và đưa lên gần miệng tôi:

- Chắc trái này ngon lắm, Dung thử nhé.

Tôi ngậm môi, lắc đầu:

- Cám ơn, vừa cơm xong, còn no, lát nữa Dung sẽ ăn.

Vũ vẫn giữ trái cây bằng hai ngón trước tầm mắt của tôi:

- Dung phải nếm một trái để biết vị và khen chủ nhà có vườn trái ngon chứ.

Nghĩ rằng Vũ có lý, tôi đành chấp thuận:

- Chịu thua lý luận của Vũ.

Đỡ trái chôm chôm trên tay Vũ và xé làm hai, tôi đưa một nửa lên miệng, ngậm lại. Đôi mắt nâu sáng của Vũ phản chiếu một bóng áo trắng nữ sinh:

- Nam thực như hổ, nữ thực như miêu. Bọn con trai Vũ là cú cho cả quả vào miệng, thật xấu và tham lam quá!

Miếng chôm chôm ngọt lịm trong miệng nên tôi chỉ cười bằng mắt với Vũ. Một người bạn tiến lại:

- Trông Dung ăn ngon quá. Tôi phải ăn thêm mấy trái nữa mới được. Chắc không bao giờ có chôm chôm nào ngon hơn!

Tôi hiểu lời tán tụng và then thùng đưa tay lên che miệng, chỉ còn để hở đôi mắt. Nhưng chưa hết, người bạn khác buông thêm một câu lửng lơ:

- Hình như vừa có tiếng ru em bên kia hàng giậu: *Hồ ơi! Gió đưa hoa lục bên hè, Anh mê cô bé đêm về mẹ nuôi. Hồ ơi, ơi ới hồ.*

Chưa lớn lắm nhưng tôi cũng đủ thông minh để hiểu câu hò có ý nghĩa sâu xa hơn. Toàn thân ngượng chín như trái chôm chôm. Đôi má chắc cũng bùng bùng lửa lục bên hàng rào. Tôi vội quay nghiêng đi để che giấu bông hoa hổ người trong tôi vừa cúp cánh. Tất cả những năm tháng chồng chất từ ngày được cha mẹ sinh ra, vẫn chưa đủ xây dựng một bức tường thành che đỡ những lời trêu chọc thân mật ấy. Tôi mắc cỡ đến độ muốn đòi về, nhưng sợ bị chê con nít nhõng nhẽo nên đành làm bộ thản nhiên và nhủ thầm, “sẽ không bao giờ đi chơi với các chàng nữa.”

Sau vườn trái, chúng tôi đi bộ qua thăm Chùa Sư Nữ trên một ngọn đồi thấp. Điện thờ chính hình bát giác, mái lá, cột tre, sàn đất đơn sơ, khắp bề bỏ ngổ. Sư bà, sư cô áo xám thông thả đi ra, đi vào những chòi lá nhỏ khiêm tốn ẩn hiện sau lùm cây, kẽ lá. Đây đó rực rỡ những khóm hoa đỏ, hoa

vàng... Con suối nhỏ róc rách uốn quanh vùng đất thanh tịnh. Vũ và bạn bè đã nhảy qua lạch nước. Tôi tìm được chỗ lạch nhỏ nhất, định thực hành một bước nhảy xa như vẫn tập ở sân thể dục Phan Đình Phùng, Sài Gòn, cùng với các bạn học. Bàn tay Vũ đang đưa qua lạch nước, chờ đợi. Tôi đứng sừng, đối chiếu đôi mắt trong xanh bóng cây của anh. Vài giây ngập ngừng, tôi vớ tay để Vũ nắm. Một lóe chớp ngất ngây. Một ấm áp lan truyền trong thân thể. Tà áo dài trắng vút bay qua dòng nước lấp loáng nắng gương để đậu lại bên chàng trai trẻ. Không muốn kéo dài sự xúc động, không muốn người bạn trai nhận thấy những lúng túng của mình, tôi liến thoắng cười nói:

- Dung đang phải tập leo dây, chạy nhanh, ném tạ, nhảy cao, nhảy xa, để lấy thêm điểm thể dục cho kỳ thi Trung Học Phổ Thông năm tới. Nếu có dây treo trong vườn nhà chùa, Dung có thể biểu diễn leo lên, leo xuống hai, ba lần như Tarzan được.

Sau hàng mi dài, ánh mắt Vũ thu hút như ống kính chụp hình:

- Gió có thể thổi Dung nhảy xa hơn lắm. Dung nhẹ như lá bay. Vũ phải nắm giữ lại, không lá sẽ bay đi mất.

Tôi bắt đầu bèn nhảy những đối thoại có nhiều ý nghĩa của Vũ. Tuy nghĩ rằng đó là sự khen ngợi văn hoa, lòng tôi vẫn lâng lâng, rạo rực lạ thường. Đi song song với tôi xuống đồi, Vũ tiếp:

- Nghe nói Dung học giỏi lắm, thế nào cũng đậu.

- Có phải Bích Vân nói không? Dung không còn học khá như hồi ở Hà Nội nữa đâu. Nhưng hy vọng sẽ đậu. Nếu không, chẳng dám nhìn ai.

- Mong rằng Dung không để tên Vũ trong số những người đó.

- Tên Vũ cũng trong đó luôn nếu Dung trượt.

- Vậy Dung phải đợi để Vũ được gặp lại rồi!

Một rung động nào như cánh bướm vừa nghiêng chao bên bông hoa trái tim mong manh... Nắng chan hòa khắp ngọn đồi êm đẹp. Các chàng thay nhau chụp nhiều hình. Đi chơi thật vui, nhưng *Cô Bé Quàng Khăn Đỏ* vẫn phải nhớ giờ về. Bóng cây đã ngả dài hơn. Tôi nhắc Vũ:

- Chúng mình nên về không muộn.

Vũ nhìn đồng hồ tay, rồi nhìn tôi như thông cảm những lo âu của cô bạn nhỏ phải lén lút bỏ mẹ để đi chơi:

- Xin tuân lệnh!

Chúng tôi ghé qua nhà vị hôn thê của bạn Vũ. Chỉ có người này đem một giỏ trái cây nặng về làm quà cho gia đình. Tôi không chịu nhận một thứ gì dù Vũ tự nguyện xách giùm. Đem quà về, lại phải bày đặt chuyện nói dối thêm. Bố mẹ biết sự thật thì đúng là “lạy ông tôi ở bụi này!” Trước khi ra bến xe chúng tôi đi quá lên bờ sông Thủ Dầu Một và chụp thêm mấy tấm hình. Nước sông Sài Gòn đầy ắp, lững lờ trôi qua Xã Phú Cường.

Trên đường về, tôi in chụp tất cả ngã đi, lối về của quốc lộ 13 vào bản đồ trí nhớ. Một ngày nào đó tôi sẽ rủ nhóm bạn thân trong lớp trở lại nơi này. Mấy cô tuy nhỏ bé, yếu điệu thực nữ nhưng cô nào cũng thích đi chơi rong ruổi bằng xe đạp như đã một lần rủ nhau từ Hà Nội đi chùa Trầm.

Cũng như những lần khác xin phép đi chơi với Thu Hòa, Kim Dung, bố mẹ không hề nghi ngờ cô con gái “ngoan”. Chỉ có chị Tâm biết tôi đi chơi với Vũ và bạn bè anh. Chị nghiêm nghị cảnh cáo:

-Dung coi chừng. Bố biết, ăn đòn đấy. A, Vũ làm việc ở đâu?

Tôi lặng thinh suy nghĩ vài giây:

- Dung không biết.

- Vũ bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Hình như cỡ tuổi Nguyễn, 22 gì đó. Giá anh Khánh còn trẻ như ngày xưa và đưa tụi mình đi chơi nhỉ? Cảnh Thủ Dầu Một đẹp lắm. Vườn trái cây thì tuyệt.

Chị Tâm hú lên một tiếng và cười hở cái răng khênh rất có duyên:

- Còn lâu ạ. Các ông bằng tuổi đó chỉ thích đưa bạn gái đi chơi thôi. Chứ sức mấy đưa các cô em gái đi đâu.

Câu nói của chị Tâm làm tôi suy nghĩ nhiều. Không biết tuổi Vũ và Nguyễn, nhưng tôi cảm thấy mình quá khờ dại đối với hai người bạn trai này. Sự hiểu biết của cô bé được bao nhiêu mà đòi làm bạn họ? Thực ra, tôi còn kém tuổi em các chàng.

Một tuần sau Vũ đem đến cho tôi một xấp hình chụp ngày đi chơi Thủ Dầu Một. Đúng thế, người con gái trong hình trông còn nhỏ bé hơn bên ngoài. Tôi ước gì mình lớn một tí, thêm vài tuổi và học mấy lớp trên nữa thay vì cái lớp Đệ Tứ thấp xỉn. Vậy mà không hiểu sao Vũ vẫn muốn tiếp tục làm bạn với cô học trò này nhỉ? Cuộc đời rộng lớn, bao la còn rất nhiều bí mật. Hãy cứ vui chơi theo tuổi thơ ngây trong sáng, chẳng vội gì tìm hiểu cho già đầu óc non dại.



Ngọc Dung, Đệ Ngũ Trung Học Trung Vương

BÊN ANH

Miền quê bát ngát lúa xanh đồng
 Vừa trái thanh bình xóm bến sông
 Cô bé theo anh thăm đất lạ
 Nắng vàng bờ ngõ bước song song.

Vườn thương trái ngọt lịm bên anh
 Áo lụa em thơm hoa bưởi chanh
 Má thắm mặn đào, môi phượng vĩ
 Chim khuyên riu rít, bướm vờn quanh.

Đồi xanh mây trắng trôi mênh mông
 Mái tóc vấn nhân giỡn gió bông
 Tay nắm trong tay trao ánh mắt
 Nàng thơ ngây ngất trái tim hồng.

(Tình Thơ Học Trò, 1956)

Không lâu sau Vũ đến chơi cho tôi biết anh sắp đi làm ở Ban Mê Thuật. Một áng mây thấp vừa bay qua bầu trời u ám ngoài song cửa. Tôi hỏi Vũ trong thoáng buồn như heo may mùa thu:

- Vũ phải đi thật ư?

- Thật đấy! Vũ không muốn một chút nào. Nhưng vì công ăn việc làm, Vũ phải đi, ít nhất vài năm. Chủ nhật Dung đến chơi Vũ cho biết nhà nhé?

Tôi lắc đầu:

- Không dám đâu.

Chẳng cần hỏi tôi tại sao Vũ đã nói ngay:

- Ba mẹ Vũ rất dễ tính. Chủ nhật này ông bà đi chơi vắng. Còn mấy đứa em nể Vũ lắm.

Tuy yên tâm về ba mẹ Vũ, tôi vẫn lo âu:

- Dung không xin phép bố mẹ đi thăm... “ông bạn” được. Vừa nói dối đi chơi Thủ Dầu Một rồi, Dung vẫn còn ngán đây.

Vũ tha thiết:

- Vũ sắp phải đi xa rồi. Dung cố gắng thêm một lần nữa. Dung ngoan, ông bà sẽ không để ý. Nhà Vũ ở đường Trần Hưng Đạo. Rồi từ đó chúng mình đi qua Nhà Bè chơi. Bờ sông rất đẹp.

Đôi mắt mở rộng, tôi thích thú:

- *Nhà Bè nước chảy chia hai, Ai về Gia Định Đồng Nai thì về*, phải không? Câu hò miền Nam cũng hay Vũ nhỉ?

- Câu hò hay vì cảnh đẹp. Vũ muốn đi dạo cùng với Dung rồi có lên nằm khăn trên xứ khi ho cò gáy cũng đỡ buồn.

Tôi không từ chối được cảnh đẹp và một yêu cầu nhỏ bé trước sự đi xa của người bạn thân. Thực vậy, về một phương diện nào đó, tôi đã cảm thấy thân với Vũ. Tôi nhận lời đến thăm Vũ sáng Chủ Nhật đó.

Đường phố Sài Gòn buổi sáng ngày nghỉ vẫn ồn ào và đông đúc. Nắng lên cao chói chang rất nhanh. Không biết sự nóng bức của thời tiết nhiệt đới hay sự hồi hộp làm chân tay tôi ẩm ướt mồ hôi. Tôi tìm ra ngay nhà Vũ trong một hẻm nhỏ trên đường Trần Hưng Đạo. Anh đứng chờ và đón tôi ở cửa. Sau khi dựng xe cho tôi, anh mời tôi vào nhà. Trong căn phòng khách lố nhố dăm ba người mà Vũ nói là em trai, em gái. Rồi hai ông bà còn rất phong độ bước ra. Vũ giới thiệu:

- Thưa đây là Ngọc Dung bạn con, đây là ba mẹ của Vũ.

Tôi giật mình và mong đất nứt ra dưới chân để có chỗ chui trốn, giấu mặt. Tôi chưa sẵn sàng gặp ba mẹ Vũ. Tôi lí nhí chào và được ông bà chỉ ghế:

- Mời cô ngồi chơi.

Trước khi rút rè ngồi xuống, hai tay xoắn chặt cái khăn tay đồ, tôi nói nhỏ đủ cho Vũ nghe:

- Vũ ơi, làm ơn đưa Dung ra phố ngay đi. Dung ngại quá!

Nhìn ánh mắt khẩn khoản của cô bạn gái bé bỏng, Vũ nói to với ba mẹ:

- Con đưa Dung ra tiệm sách lớn gần đây xem những sách mới xuất bản.

Tôi rón rén đứng dậy khẽ chào ba mẹ Vũ và đưa mắt, nặn một nụ cười nhìn các em của anh rồi bước ra cửa. Tôi lên xe, đạp thẳng một mạch ra đầu ngõ không dám ngoái lại. Vũ nhấc một cái xe khác, hớn hờ như cậu học sinh mới lớn và đạp theo. Ra đến đường ngoài, Vũ đi lên song song với tôi và trầm tĩnh:

- Vũ cũng không ngờ ông bà bỏ ở nhà. Nhưng hai người rất dễ dãi. Không quan tâm đến bạn bè của Vũ đâu.

- Cám ơn Vũ đã gỡ rối cho Dung. Cũ nghĩ đến bố mẹ mình, Dung sợ tất cả ông bà bỏ khác.

- Vũ xin lỗi đã làm Dung phiền. Chắc Dung quá lo xa đấy thôi. Biết tình bạn của chúng mình trong sạch, các cụ chẳng để ý đâu. Bây giờ chúng mình đi qua Cầu Chữ Y rồi sang Nhà Bè nhé?

Không biết phương hướng nào, tôi gật đầu bừa. Nhưng khi tới Cầu Chữ Y để qua bên kia Nhà Bè, tôi chùn chân hỏi:

- Con kênh này mang tên gì Vũ nhỉ?

- Kênh Bến Nghé đấy.

Tôi bàn:

- Bây giờ cũng gần trưa rồi. Dung không đi chơi được lâu đâu. Biết nhà Vũ vậy là đủ rồi. Bây giờ mình đi một đoạn dọc theo kênh này rồi Vũ kiếm mấy đường mát cho Dung về là vừa.

Vũ nhìn tôi, có lẽ thông cảm được trăm điều ngại ngùng của cô bạn nhỏ. Vịn nhẹ bàn tay mặt trên ghi-đông xe của tôi, anh cười dịu dàng:

- Vũ tiếc không được đưa Dung sang Nhà Bè chơi, nhưng xin chiều Dung đấy. Vũ không muốn Dung lo âu điều chi thêm.

Tôi quay sang Vũ tỏ ý cảm ơn. Quang cảnh luộm thuộm hai bên con Kênh Bến Nghé không có gì đáng chú ý. Chúng tôi rẽ vào một đường bên trái, băng ngang trở lại Đường Trần Hưng Đạo, rồi qua Đường Trương Công Định. Vũ rủ:

- Chúng mình đi vào Vườn Bờ-Rô đi. Cây cao bóng mát có vẻ giống Vườn Bách Thảo Hà Nội, chỉ khác nhỏ hơn, không có Núi Nùng, không có vượn hú, hổ gầm.

Tôi háng hái hơn:

- Trường học Dung ở gần bên. Có lần “cúp cua” đi la cà Chợ Bến Thành với bạn qua phía ngoài vườn hoa này nhưng Dung chưa khi nào đi vào đấy.

Con đường đất nhỏ vòng lượn giữa những thảm cỏ xanh mướt như nhung, những bụi cây được cắt xén khéo léo, những khóm hoa rực rỡ được trồng tỉa cẩn thận. Ánh nắng xuyên qua ngọn cây, kẽ lá. Gió mát hây hây. Chúng tôi thông dong hai, ba vòng trong công viên rộng lớn. Tôi kể lể chuyện học trò:

- Hồi còn ở Hà Nội, trong dịp đi chơi chùa Trầm, trên đường quê vắng vẻ, rộng thênh thang, xe đạp chạy hàng ba, hàng bốn. Dung và mấy cô bạn học thi nhau bỏ hai tay mà không cô nào bị ngã. Lại còn đua chạy xe 5 phút một cây số không biết mệt.

Vũ giơ hai tay cao và biểu diễn ngay một đường ngoạn mục:

- Dung làm được như thế này không?

Cái thuở mười ba, mười bốn đùa nghịch như con trai, chưa biết xấu hổ qua rồi. Tôi nhìn xung quanh lác đác người:

- Không dám nữa đâu. Nhưng Vũ có muốn chạy xe thì không?

Chẳng đợi Vũ trả lời, tôi soãi chân thật mạnh xuống bàn đạp và bất ngờ phóng vọt lên trước. Vũ chơi với gọi theo:

- A, a, Dung ăn gian chạy trước nhé.

Ra khỏi Vườn Bờ-Rô mà sau này được đổi tên thành Công Viên Tao Đàn, tôi ngưng chân đạp để xe tự động chạy chậm chờ Vũ. Phóng xe tới và thắng gấp lại, Vũ nắm ghi-đông xe của tôi:

- A, cô bé này có thể làm cua-rơ được.

- Sợ Dung chưa? Vũ thua rồi nhé.

- Tại cái xe của thằng em Vũ cộc cạch quá. Càng đạp nhanh, xe càng ì ra.

Con đường vắng vẻ, vang tiếng nói cười của tôi:

- Ông vẫn sĩ thua học trò rồi, đừng chống chế nữa!

Quay sang nhìn tôi, Vũ cười triu mến:

- Vũ muốn được thua Dung cả đời.

Tôi nguyền Vũ:

- Hứ, Vũ nói khéo lắm ạ.

- Vũ nói thật đấy.

Một suy đoán mơ hồ vừa thoáng qua, e ngại sẽ đi vào cuộc đối thoại thân mật hơn. Tôi không muốn tìm hiểu tình cảm người bạn trai đối với tôi và đi đến một kết luận nào. Tâm hồn còn quá mong manh để chấp nhận bất cứ một sự thật nào. Ngưng chân cho xe đạp chạy chậm. Tôi giữ nụ cười im lặng bên Vũ. Trầm ngâm một khúc đường ngắn, anh tiếp:

- Chúng mình đi đâu uống nước đi.

Tôi suy nghĩ giây lâu, vẫn là cái hồi hộp bị người bắt gặp quả tang đi chơi với “trai” rồi về mách bố mẹ:

- Cảm ơn Vũ. Dung phải về.

Vũ đưa tôi đi theo Đường Hồng Thập Tự rồi rẽ trái vào Đường Duy Tân rợp bóng cây. Anh nhìn mấy xe nước giải khát và nói:

- Tiếc quá, không có một quán nước thơ mộng nào như bên Hồ Hoàn Kiếm. Dung dám uống nước ở đây không?

Những ly nước dừa xiêm cùi mềm trắng như sữa có thể nhanh chóng giải tỏa cơn khát buổi trưa Sài Gòn nắng cháy. Tuy bạo dạn dám đi chơi với bạn trai, tôi vẫn chưa bao giờ ngồi hay đứng đường ăn quà vặt. Nếu ở nhà, tôi đã không bỏ qua ly nước dừa đá mát lạnh kia. Nơi đây, xe cộ, người qua lại không ngừng, tôi từ chối:

- Vâng, giá như ở bên Hồ Gươm hay Hồ Tây, Dung chẳng ngần ngại. Ở đây có vẻ không tiện. Đi chơi với con gái khó chịu quá Vũ nhỉ?

- Vũ hiểu chứ và hãnh diện có cô bạn gái rất ngoan.

Chúng tôi song song đi về hướng Đường Hiền Vương. Hai ghi-đông xe đạp sát gần nhau. Tiếng Vũ êm ái bên tôi:

- Mình gặp nhau được hơn một năm kể từ buổi đi chơi Hồ Hoàn Kiếm ấy nhỉ?

- Vũ còn nhớ Hà Nội không?

- Nhớ chứ, nhất là lần gặp gỡ đầu tiên của chúng mình.

- Và là lần cuối cùng Dung từ giã Hồ Gươm, Tháp Rùa. Không biết các bạn ngoài ấy bây giờ ra sao?

- Chắc họ cũng đang nghĩ tới mình. Dung nhỉ, hình ảnh nào rõ rệt nhất mỗi khi Dung hồi tưởng tới kỷ niệm ấy?

- Hồ Hoàn Kiếm đỏ rực màu hoa phượng, đỏ như đốt con tim.

- Dung nói như viết văn vậy! Còn Vũ chỉ thấy có ánh mắt và nụ cười của Dung đốt tim người thôi.

Tôi khôì hài để che đậy ngọn lửa đỏ như màu phượng vĩ hình như vừa rực loé trong tim:

- Ô, hôm ấy Dung buồn muốn nhắm nghiền mắt, vút nụ cười méo mó xuống hồ cho bỏ giận hờn đất nước chia đôi và sự rời bỏ Hà Nội.

Chúng tôi tiếp tục nhắc lại chuyện Hà Nội cũ trong buổi trưa nắng cao của Sài Gòn. Nào kem dừa Hồng Vân bờ Hồ Hoàn Kiếm, kem chanh xê-cô chua ngọt và mát lạnh lên tận óc của Hàng Than. Nào thịt bò khô quán Mụ Béo, bánh tôm vàng ngậy đường Cổ Ngư. Gánh phở thơm nóng độc nhất trước cửa đền Quan Thánh, bên Hồ Tây gió Thu gây gây lạnh. Hình như đó là gạch nối êm ái giữa tôi với Vũ từ khi gặp lại nhau sau ngày di cư vào Sài Gòn. Nhưng giờ đây Vũ sắp đi xa. Vũ sẽ ít gặp tôi. Thương tiếc như trải dài trên những con đường vừa đi qua. Đến ngã ba Đường Duy Tân và Hiền Vương tôi ngừng lại nhìn Vũ:

- Thôi xin chia tay với Vũ ở đây. Chúng mình không nên đi gần tới nhà Dung.

Vũ đặt tay anh lên tay tôi trên ghi-đông xe đạp và ân cần:

- Cảm ơn Dung đã cho anh một cuộc rong chơi đáng ghi nhớ này. Trước khi đi, anh sẽ đến thăm Dung. Dung đi về cẩn thận nhé.

Tôi cười buồn:

- Mong gặp lại Vũ.

Cuối cùng rồi Vũ cũng phải buông tay để tôi lên xe đi về đường Võ Di Nguy. Trước khi rẽ trái, tôi ngoảnh lại. Anh còn ngồi trên xe đạp nhìn theo tôi. Qua cầu Kiệu về Phú Nhuận, tâm thức tôi vẫn theo dõi hướng Vũ trở lại vườn Bờ-Rô cây dài ngả theo bóng anh...

Trước ngày đi Ban Mê Thuật, Vũ đến thăm tôi một lần nữa. Giọng anh nhẹ như tiếng thở dài:

- Chắc phải vài tháng nữa Vũ mới được về phép và đến thăm Dung.

Nhớ tới câu hỏi của chị Tâm, tôi bạo dạn:

- Vũ đi làm việc gì?
- Chủ Sự một cơ quan hành chánh tỉnh.

Dù không hiểu chức vụ đó như thế nào, tôi biết rằng rời Sài Gòn hoa lệ trong cô đơn và đến một miền hoang dã, đèo heo hút gió, chẳng ai vui gì. Tôi kiếm lời an ủi Vũ:

- Dung nghe nói Ban Mê Thuật có đồn điền cà phê ngon nhất Việt Nam, phong cảnh đẹp lắm. Vũ sẽ có nhiều thời giờ viết hơn.

- Không đâu đẹp hơn nơi có gia đình, bạn hữu thân thuộc, buồn vui có người tâm sự. Dung không biết Ban Mê Thuật còn có tên Buồn Muôn Thuở hay sao? Đôi khi buồn quá viết cũng không được nữa.

Tôi làm bộ nhí nhảnh để khuây tan không khí *partir c'est mourir un peu* đang vây bọc xung quanh:

- Vũ đi, Dung không có người đưa đi chơi, cho sách báo và nói chuyện làng thơ văn. Dung cũng buồn và sẽ buồn hột Vũ một nửa được không? Trong khi chờ đợi cảm hứng viết truyện, Vũ viết cho Dung và kể chuyện Ban Mê Thuật nhiều nhé.

- Vũ sẽ nhờ bạn bè gửi báo biểu đến cho Dung. Lên Ban Mê Thuật Vũ sẽ viết cho Dung ngay. Dung mong nhận thư Vũ không?

Tôi vẫn đóng vai trò hồn nhiên để pha loãng những nỗi buồn cho người bạn sắp đi xa:

- Mong chứ. Còn gì vui bằng nhận được thư bạn bè thân mến.

- Nhận được thư Vũ, Dung viết trả lời ngay nhé.

Tôi xòe bàn tay mặt và giờ ngang vai với nụ cười tươi đẹp nhất:

- Xin hứa.

Thế rồi, trước khi về Vũ trao cho tôi một tờ tuần san và nói:

- Để Dung đọc khi anh đi và nhớ tới anh.

Tiếng Vũ trầm buồn. Lòng tôi rung rung. Vũ nắm nhẹ tay tôi với một lời cuối cùng, “anh đi”, rồi vội vã ra khỏi cửa. Vũ lại vừa xưng “anh” với tôi lần thứ hai. Lần đầu tiên, khi chúng tôi chia tay sau cuộc đi chơi bằng xe đạp tuần trước. Có một cái gì khác lạ hơn trong anh ngoài chuyện buồn xa Sài Gòn. Tôi thần thờ lên lâu sau khi vừa cố gắng vui vẻ tiễn đưa người bạn trai.

Ngồi bên bàn học tôi gục đầu trên xấp báo và hình dung con đường Vũ đi xa. Mới chỉ là bạn thôi, chia tay đã buồn rồi. Không hiểu khi yêu nhau sâu đậm và phải xa cách, người ta sẽ đau khổ như thế nào? *Xa nhau là chết trong lòng một ít* có phải là tâm trạng tôi bây giờ chẳng?

Sau một lúc lâu suy tư lòng mình, lòng người, tôi vuốt tóc ngồi thẳng và dựa lưng ghế, tay lơ đãng lật từng trang báo nhưng chẳng đọc được gì. Bỗngưng một bao thư dày hiện ra, tên tôi ngoài phong bì. Vũ chưa bao giờ viết cho tôi. Đôi tay run run bóc thư: “Dung thương yêu”... Giật mình hoảng hốt, tôi đóng nhanh tờ báo trên thư và rút tay lại như vừa đụng phải đồ quốc cấm.

Ngây người, cô gái mười sáu nghe rõ tiếng tim đập mạnh, nhịp điệu bất bình thường. Những nòng nân trong ánh mắt, những triu mến trong lời xưng hô “anh” của Vũ hôm nay mà tôi không dám đoán, không dám tin đã thành sự thực hiển nhiên. Mở hé tờ báo đọc thêm vài dòng thư nữa tôi lại đóng xấp xuống và nhắm mắt như muốn tránh một cảnh tình tự trên màn ảnh lãng mạn, một tội lỗi không tên.

Cứ như thế tôi hồi hộp đọc từng đoạn. Nếu có ai lên thang tôi sẽ kịp thời giấu lá thư trong tập báo. Không hiểu tôi sung sướng hay lo sợ được yêu. Vũ tâm sự rằng, “anh đã

bị cô bé Hà Nội thôi miên từ lần gặp gỡ đầu tiên bên Hồ Hoàn Kiếm. Nụ cười hồn nhiên, đôi mắt bồ câu long lanh, tinh quái của Dung đã làm ngưng đọng cử chỉ, ngôn ngữ của anh ngày hôm đó và sẽ mãi mãi theo dõi anh suốt cuộc đời... Gặp lại em ở Sài Gòn như tìm lại người mơ trong mộng... Anh biết đã thành thực yêu em từ buổi chúng mình đi chơi Thủ Dầu Một...”

Dù vậy, tôi vẫn không thể tin Vũ đã yêu tôi, một cô học trò Đề Tứ đơn sơ, mộc mạc, chưa biết điểm trang. Soi gương, tôi vẫn chỉ thấy mình là thiếu nữ chưa lớn, không vẻ điểm kiêu như trong thơ truyện thường tả. Còn Vũ đã là một công chức trẻ tuổi, đẹp trai đến bàng hoàng rung động những trái tim con gái. Chị Phương 19 tuổi, đôi mắt đen tròn, hàm răng đều đặn, trắng đẹp nhất nhà. Chị Tâm hai mươi, tóc tơ sóng dợn, thân hình cao to, cân đối như minh tinh màn bạc Hollywood. Cả hai đều khen nhận những ưu điểm kia về Vũ. Từ ngày quen nhau, tôi chỉ nghĩ rằng Vũ mến tôi cũng như Nguyễn đối với tôi, một người bạn gái, một người “em gái văn nghệ” cho vui. Đọc lại thư Vũ nhiều lần, tôi vẫn nghi ngờ mình được yêu. Người ấy đã trưởng thành thật xa đối với tuổi tôi học trò. Nhưng dù thế nào, tôi vẫn cảm thấy hài lòng. Lần đầu con tim kiêu hãnh được ve vuốt, thăng tôn.

Ngày hôm đó, đến trường, tôi đã ngần ngại cả buổi chiều. Cố gắng thật nhiều tôi cũng không tập trung được trí tuệ vào bài vở. Chữ giáo sư mờ ảo trên bảng đen. Tiếng giáo sư loảng thoảng bay ra sân trường. Hình ảnh Vũ mỉm cười triu mến khắp mọi nơi. Tâm hồn rạo rực, tràn ngập lời thư yêu thương đầu đời... Ánh nắng miền Nam lọt qua khe lá lung linh trong đôi mắt mơ màng. Chim non riu rít trên cành như hợp ca với lời con tim đang rộn rã. Những cụm mây trôi bẽnh bồng như mái tóc ai trên nền trời trong xanh ngoài song lớp...

Một, hai tuần sau tôi nhận được thư Vũ từ miền cao nguyên gửi về. Mừng vui, xao xuyến vô cùng, nhưng tôi không biết trả lời Vũ ra sao? Nói rằng yêu ư? Tôi đã thích vóc dáng phảng phất tài tử Mỹ Robert Taylor của anh. Thêm vào đó, cử chỉ điềm đạm, lời nói từ tốn, Vũ là người bạn trai lý tưởng đầu tiên tôi quen biết. Vũ là hình ảnh kỷ niệm của Hà Nội tôi thương nhớ. Con tim bùng nóng, tôi đọc đi, đọc lại không biết bao lần những trang thư tha thiết, nồng nàn.

Gần đây tôi thường lên giường sớm, nằm ôm gối, khép mắt tương tư về anh nhiều trong bóng tối. Hình bóng Vũ đưa tôi vào đêm mộng. Tôi mong thư Vũ từ ngày anh đi. Có phải như thế là yêu? Tôi muốn tâm sự với lũ bạn vừa qua tuổi mười sáu như tôi. Các cô sẽ đòi xem thư Vũ. Mấy mái đầu xanh sẽ chụm vào nhau khúc khích đọc lá thư tình. Tuy còn ngây thơ, các nàng cũng ranh mãnh lắm. Họ sẽ đọc được tất cả những ý nghĩ thâm kín của tôi khi trầm ngâm hay lơ đãng trong lớp học. Họ sẽ chế nhạo tôi dài dài chứ chẳng cố vấn gì được. Càng thêm rối rắm. Tiếc rằng tôi chưa đọc tiểu thuyết nào có những chuyện tỏ tình, đối đáp bằng thư từ để “cóp”. Tôi nghĩ tới chị Tâm. Chị hơn tôi bốn tuổi. Không biết chị đã “bị” ai tỏ tình chưa? Chắc chị sẽ cho tôi ý kiến xây dựng, không sợ mấy cô bạn còn non như cốm xanh, nhưng cũng tinh quái nỏ dòn như bắp rang bất cứ lúc nào. Tôi đưa chị Tâm xem thư Vũ. Chị đọc xong, gật gù cười:

- Tâm biết ngay mà. Dung cứ nói là bạn thôi. Phải giấu cho kỹ lá thư này. Bố biết được, ông cạo đầu Dung!

“Trời ơi, chưa biết có yêu thương gì không đã nghe ớn lạnh thân thể rồi!” Tôi lo sợ và hỏi chị Tâm:

- Bây giờ phải làm sao, chị?
- Dung có yêu Vũ không?
- Không biết nữa!

Thế rồi chị Tâm khuyên tôi:

- Dung chỉ nên giữ tình thân, viết thư như bạn, không nên tiến xa. Dung còn quá ít tuổi, chưa thi qua trung học phổ thông mà! Cứ để chuyện nhẹ nhàng cho... vui.

Tôi nghĩ rằng chị nói đúng. Không biết những tình cảm đang xáo trộn trong tâm hồn đây có phải vì yêu? Và, dù được nghe phân tích đó là tình yêu, có dám thú nhận đã yêu không? Xấu hổ lắm! Nếu trốn tránh, nói không yêu thì tàn nhẫn với Vũ quá. Chắc anh ở xa sẽ buồn chẳng viết thư về, mình sẽ mất một người bạn. Tôi nghe lời chị Tâm, nhưng vẫn do dự kéo dài thời gian trả lời thư Vũ. Sau cùng, tôi chỉ biết giải bày những gì tôi thích và mến về anh. Tôi có buồn khi anh không đến thường. Tôi có mong khi thư anh chậm tới. “Nhưng Dung không dám nói đến chữ yêu thương và cảm thấy còn quá khờ dại để nói tới chuyện này. Tuổi trẻ chúng ta còn dài, để thời gian trả lời...”

Trong thời gian này, tôi vẫn viết thư cho Nguyễn ở Nha Trang như một người bạn, như Vũ trước khi có lá thư thổ lộ kia. Tôi mong đọc và trả lời thư cho cả hai người. Nhưng thật rõ ràng những thư thương nhớ của Vũ mãnh liệt rung động tim tôi như có ngọn lửa đang bốc cháy trong lồng ngực. Tôi cảm thấy đôi má lúc nào cũng ửng hồng như vừa qua giấc ngủ ngon đầy. Nhớ kỷ niệm với Vũ, tôi rủ mấy cô bạn thân từ Hà Nội, Thu Hòa, Kim Dung, Tú Anh đi chơi chùa Sư Nữ Thủ Dầu Một bằng xe đạp. Hình ảnh Vũ khắp nơi trên ngọn đồi nắng chiều ngoạn mục kia. Mấy cô học trò đã đổi tên Thủ Dầu Một thành Thuở Mộng Đầu.

Còn vài tháng nữa thi Trung Học Phổ Thông. Đôi khi những mơ mộng chi phối tâm trí, tôi vẫn cố gắng tập trung vào bài vở học hành. Bố mẹ và bạn bè chẳng ai phản nản được về việc học của tôi. Chúng tôi vẫn đi học vào buổi

chiều. Trời Sài Gòn hôm nay mưa tầm tã, mịt mù. Mưa ngập lụt sân trường. Mưa mềm nón bài thơ. Mưa ướt áo học trò. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy nóng nẩy, bồn chồn lạ thường. Có ai mong, có ai nhắc nhở? Có thư Vũ về chẳng? Chuông tan học, tôi cấp sách ra khỏi lớp. Một cô bạn chạy lại nói:

- Chị Tâm đang đi kiếm Ngọc Dung kia. Chị đứng đợi ở dưới cổng chính giữa đường trước.

Tôi ngạc nhiên, chị Tâm hôm nay có vài giờ học cuối không giáo sư, đã cho tôi hay và về sớm. Nhưng tại sao cô bạn lại nói vậy. Tôi vội vàng đi ra cổng trường. Chị Tâm đang nhón nhác nhìn khắp đám nữ sinh ồn ào ra về. Linh tính cho biết có chuyện gì không hay. Chị kéo tôi ra một chỗ vắng thăm thì:

- Dung ơi, nguy quá rồi. Bố đọc thư Vũ gửi tới cho Dung hôm nay. Bố giận lắm.

Như có tiếng sét vừa nổ ngang trời. Tâm thần choáng váng. Toàn thân bủn rủn, tôi đứng lặng nhìn vào khoảng không. Vài phút sau tôi mới quay sang chị Tâm và hỏi:

- Bố nói những gì hả chị?

- Ông bố đã viết thư cấm Vũ không được liên lạc với Dung nữa.

Trời ơi! Tôi muốn ngất xỉu:

- Có bao giờ bố kiểm soát thư ai đâu. Sao hôm nay bố đọc thư của Dung vậy?

- Mẹ nói rằng trời mưa, thư Vũ rất dày, bị mưa ướt bung ra, bố mở đọc.

Tôi gục mặt vào cặp sách ôm trước ngực. Chị Tâm nói thêm như quan tòa tuyên án xử tử:

- Ông bố cũng cấm Dung không cho liên lạc với Vũ nữa. Bố bảo Dung về nhà bố cho một trận. Tâm lo quá, lên trở lại trường cho Dung hay, liệu lời mà chống đỡ.

Tôi lắc đầu:

- Dung không về.

Từ hồi nào đến giờ, tôi không hề bị đòn hay bị bố la mắng vì bất cứ chuyện gì. Trước mắt bố mẹ tôi vẫn là con gái ngoan, học giỏi. Tôi đã nhìn thấy bố đánh đòn các chị hồi còn bé vì cái tật lang thang ra đường, chơi đất, nghịch cát trong vườn, hay bố đánh đòn các em bây giờ vì tội tranh cãi nhau, làm bài sai hỏng. Tôi vẫn không sợ đòn đau của bố bằng sợ bị bố mắng, sợ nhìn thấy bố giận. Tôi vẫn lo bí mật đằng sau sự thư từ với Vũ sẽ bị bại lộ một ngày, nhưng không ngờ sự bất hạnh đã tới nhanh chóng như lưới hái từ trên. Tôi đi mấy vòng sân trường với chị Tâm, nhất định không chịu về nhà. Chị năn nỉ:

- Dung không về thì đi đâu? Cùng lắm bố cho một cái tát, ăn nhằm gì.

Chị nói đúng, tôi đã nghĩ đến nhà Thu Hòa, Kim Dung. Nhưng tôi đến nhà bạn với lý do nào? Nói thật rằng tôi nhận thư tình, trả lời thư tình, bị bố mắng giận, dọa đánh đòn. Tôi sợ không dám về nhà hay sao? Gia đình bạn nào dám chứa chấp? Hay đến nhà chị Nguyệt, chị Kim, anh Khánh? Cũng không được. Tôi không thể để các anh chị liên lụy. Mình làm mình chịu. Tôi lăm lăm đi bộ ra Đường Phan Thanh Giản, qua ngã tư Trương Minh Giảng và Hiền Vương. Chị Tâm vẫn leo đèo kiên nhẫn đi bên cạnh tôi. Đến đầu Đường Kỳ Đồng, tôi đành lên xích-lô với chị. Tôi mong con đường dài vô tận không bao giờ về tới nhà và ước gì tôi có thể bay tới một cõi nào xa xôi không phải trái đất này.

Sau cùng, cái gì phải tới đã tới. Tôi vừa về đến nhà, bố không hỏi han một lời. Ông giận dữ cho tôi ngay một cái tát cháy mặt. Cũng không cần đợi lời răn của Đức Chúa Jesus nghiêng má bên kia, tôi đã lãnh liền thêm cái tát thứ hai, tóe tăm trời đất. Cúi mặt lặng thinh, tôi đứng như tượng trờng, không hé miệng cãi một lời. Nghe bố la mắng, tôi có cảm

tưởng là đưa con gái hư thân, mất nét nhất trên đời. “Mới tí tuổi đầu đã dám thư từ trai gái bấy bạ. Học hành chưa xong đã lãng mạn viễn vông...”

Tuy rằng, từ cái thư đầu tiên đến nay được ba tháng, Vũ chưa trở về, tôi chưa gặp lại anh. Một nụ hôn tưởng tượng cũng sợ tội lỗi dù không thể tránh khỏi khi xem những phim lãng mạn. Tôi không cảm thấy đau vì hai cái tát, nhưng giận hờn nhiều. Một sự riêng tư, thâm kín vừa bị xâm phạm. Một tờ giấy trắng tinh bị đổ loang mực đen. Một bức tranh màu sắc nhẹ nhàng, đường nét mong manh vừa bị hắc ín vấy vung. Một báu vật đang được nâng niu, ấp ủ vừa bị đập vùi, tan nát.

Chiếc bình đã rơi vỡ, không hàn gắn được. Tâm hồn trẻ thơ như bị sỉ nhục, tổn thương vô hạn. Con sên vừa mon men bò ra khỏi vỏ đã bị kiến đốt, vội vàng thụt ngay trở vào với những vết châm chích nhức nhối. Nếu tôi được bố giải thích kín đáo và đe dọa tế nhị, có lẽ khối đá lạnh băng đã không bao quanh tôi và những cơn sóng hung bạo đã không hoành hành trong tôi.

Tôi không hề khóc trước mặt bố mẹ, các chị, các em. Tôi nín thinh không kể lể than van với ai. Một sự khổ sở, đau đớn hơn tất cả, tôi nghĩ tới lúc Vũ nhận được thư bố đe dọa. Chắc Vũ sẽ buồn lắm. Không biết trong thư Vũ đã viết những gì cho tôi để bố nổi giận đến lung lay, rung chuyển nhà cửa. Tôi sợ hãi đến nỗi không dám viết dù nửa chữ cho Vũ. Cái cảm tưởng là một đứa con gái hư đeo theo bên tôi không nguôi. Đúng thế, con gái mới mười sáu tuổi đã có đủ nghề. Nào ngồi lê thềm nhà trường hát hồng là một. Dựa ban-công mơ mộng là hai. Viết thư cho trai là ba. Ăn quà trong lớp là bốn. Trốn học đi bát phố là năm. Chưa tới đã vào giường nằm tương tư là sáu. Láu táu làm đổ vỡ chuyện tình

đầu là bấy. Có hết bấy nghề rồi, còn oan ức, kêu than chi. Ai mà thương?!

Hình như cả nhà ai nấy đều nói khẽ hơn, đi nhẹ hơn. Tiếng cười của các em cũng thiếu vắng. Bố không thèm nhìn mặt “đứa con gái hư mê trai.” Tôi cũng lánh không giáp mặt ông. Sáng chẳng chịu ăn quà. Trưa ăn qua loa rồi nằm lủi ôm sách đi học. Chân đi như không chạm tới đất. Tâm hồn bay bổng tận đâu. Ước gì có Vũ nơi đây để tôi được thổ lộ những cảm nín trong lòng. Những vần thơ tình buồn bắt đầu ươm hạt, nảy mầm.

U HOÀI

Đường xưa lặng lẽ bước em đi
 Bóng cũ mong tìm, lệ ướt mi
 Cỏ dại cây chờ hoa biếng nở
 Âm thầm sỏi đá tháng ngày ghi.

Tím ngắt hoàng hôn ngả xóm chiều
 Một mình ngồi nhớ tới người yêu
 Buồn không ai đến cùng tâm sự
 Thơ thần hồn hoang gác quạnh hiu.

Giữ trong u uất trái tim này
 Một mảnh đau thương chẳng gửi ai
 Sầu mộng mấy vần thơ lạc lõng
 Mênh mang tiếng hát vọng u hoài.

(Tình Thơ Học Trò, 1956)

Thực vậy, tôi không dám nghĩ đến chuyện tìm gặp lại Vũ, nhưng vẫn mong được gặp Vũ bất ngờ trên những con đường

tôi đi, để được nói một lời từ biệt ngắn ngủi. Tôi sẽ nói với Vũ rằng bố tôi có lý. Tôi là con gái mất nết, chưa lớn đã dám viết thư tình cho trai, không nên liên lạc với Vũ nữa. Bạn bè cùng lứa chắc không cô nào liều lĩnh hơn tôi. Tới trường, tôi làm bộ cười vui bình thường. Tôi không tâm sự dù với Thu Hòa và Kim Dung, hai cô bạn thân như con chấy cắn đôi. Đi học về, ăn vội vàng cho xong, tôi lên lầu nhìn sách vở nhưng chẳng học được.

Còn hơn một tháng nữa đến ngày thi. Những gì đã học từ trước còn hy vọng nhớ. Không mong học thêm được chi khác. Mỗi ngày mẹ lặng lẽ để trên bàn học cho tôi một quả cam hay quả quýt, một ly chè hay một cái bánh gai, bánh mật... tôi thường rất thích. Nhưng tôi chẳng ăn, trả lại mẹ tất cả. Một hôm đi học về thấy cái đèn lạ trên bàn, tôi cũng im lặng không hỏi ai. Mẹ lóc cóc lên thang nói nhỏ với tôi như dỗ dành:

- Bố vừa mua đèn mới và thay bóng lớn hơn cho con học có đủ ánh sáng, không hại mắt.

Biết bố muốn làm lành, tôi vẫn làm lì, không nói một tiếng nào với ông kể từ ngày bị hai cái tát để đời đó. Ánh sáng mờ hay tỏ, tôi cũng không còn nhìn thấy chữ nghĩa. Tôi không ốm đau ừ rữ lâu vàng, trướng găm như nàng My Nương tương tư anh Trương Chi ngày xưa, nhưng tâm thần hình như xa rời thân xác. Tôi ước ao mình nhuốm bệnh thật trầm trọng và tan biến vào trong cơn mê không bao giờ tỉnh dậy.

Vâng, ở cái tuổi sắp mười bảy ấy tôi vừa sợ, vừa giận bố vô chừng và nghĩ rằng chẳng ai hiểu được mình. Đến khi có con gái, Ngọc Hân cũng bằng tuổi ấy và ở xứ Âu, Mỹ, tôi mới thông cảm sự lo âu của bố mẹ. Ngày đó, con gái tôi đang học lớp mười hai và có bạn trai cùng lớp tên David. Bố mẹ David tìm cách làm quen với chúng tôi. Nhưng lo lắng con

gái đi vào đường tình ái sớm sẽ không chuyên tâm học hành như tôi ngày xưa, nên lúc đầu tôi cố tình không kết thân với gia đình David. “Không muốn vẽ đường cho hươu chạy.” Tôi gửi con gái đi Đại Học xa cách trường của David. Nhưng khi nghe con gái thổn thức, nước nỡ, lòng mẹ cuộn đau như biển dậy, sóng trào. Cha mẹ David cũng viết thư giải bày cho con trai. Vợ chồng tôi đành đầu hàng trước tình yêu học trò của con gái và gửi Hân đi học cùng trường với David. May mắn thay, chúng vẫn tiếp tục học hành khá. Khi chúng ra trường, bố mẹ hai bên đã phải hoan hỉ lo đám cưới cho đôi trẻ.

Nếu bạn trai của Ngọc Hân thuở Trung Học ngoài hai mươi mà tôi nghĩ rằng chỉ đẹp mã, không nghề nghiệp vững chãi. Hân lại viết thư tình thề non, hẹn biển với Hân như bố mẹ tôi nghĩ về Vũ, tôi sẽ lo lắng đến thế nào đây? Có “nuôi con mới biết lòng cha mẹ.” Nhưng thuở tôi, ông bà đã không cần hỏi về thân thế, việc làm của Vũ. Các cụ chỉ biết con gái còn nhỏ chưa học xong lớp Đệ Tứ, nên cấm ngặt không được “yêu đương nhảm nhí!”

Ngày thi tới, tôi vẫn ra khỏi cái lầu gác xếp buồn thảm và cố gắng tập trung tư tưởng làm bài thi. Chẳng biết do sự màu nhiệm nào tôi đã đậu Trung Học Phổ Thông năm đó. Tuy những giận hờn thầm kín vẫn nung nấu trong lòng, tôi đã mừng thi đậu và làm vui lòng bố mẹ. Tôi chẳng đòi xin ông bà một phần thưởng nào. Nhưng bỗng nhiên chị Tâm nói:

- Bố mẹ cho chúng mình đi chơi Đà Lạt. Phương thu xếp với Cha Nhân cho phòng ở Thánh Tâm Biệt Thự dành cho các bổn đạo. Dung muốn đi không?

Tôi trả lời lơ lửng:

- Dung còn muốn đi xa hơn nữa.

Chị Tâm nhìn tôi như có vẻ thông cảm. Nhưng tất cả sự thông cảm của mọi người vẫn không đủ và không cần thiết với tôi lúc đó. Tôi mong mỗi được giải bày với Vũ một lần cuối cùng. Tôi định tâm lên Đà Lạt sẽ viết cho anh và gửi thư ngay trên đó. Bố sẽ không thể biết được. Ý định đó như những giọt thuốc hồi sinh được truyền tiếp vào mạch máu rất yếu đuối của một con bệnh đã mê man lâu ngày.

Tôi rủ Thu Hòa và Kim Dung cùng đi. Hai cô và đa số các bạn tôi đều thi đậu. Tôi đã đậu thi không cô nào trượt được. Nhưng chỉ có Kim Dung đi cùng với tôi và chị Tâm. Việc sửa soạn hành trình đã làm tôi quên đi phần nào cái nhột đang ung tấy trong tim.

Chúng tôi đi bằng xe đò nhỏ qua Biên Hòa. Tới Định Quán, nơi những tảng đá lớn chồng chất như thành lũy đồ sộ kiên cố hoặc nằm ngổn ngang hai bên đường, xe ngừng độ nửa giờ cho mọi người xuống giải lao.

Sau Định Quán, đường dần dần lên cao, lác đác dân Thượng đây đó. Xe qua những đồi trà bát ngát của Bảo Lộc. Khí hậu bắt đầu se lạnh. Dân bản thượng vẫn mình trần đội thổ sản cao nguyên đi ra, đi vào những con đường mòn mát hút trong rừng. Một cô gái ngực trần căng bóng như tượng đồng nâu, eo thon uyển chuyển, đội thúng đi bên đường. Tôi đang trầm tư, mặc tưởng cũng phải mỉm cười vì các hành khách trên xe trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, man dã.

Mưa rừng xuống, khói núi lên, mây mù trùng điệp. Miền Ban Mê Thuột, xứ Buôn Muôn Thuở của Vũ có hoang vắng như nơi đây? Và, Vũ, anh có buồn, có nghĩ tới em chẳng?...

Khi xe qua đường vào thác Prenn thì tới địa phận Đà Lạt, cách Sài Gòn độ 350 cây số về phía Bắc và cao trên mặt biển gần 1500 thước. Y sĩ người Pháp, Alexander Yersin đã tìm thấy cao nguyên này vào năm 1893. Khí hậu quanh năm trên

dưới 16°C, thành phố Đà Lạt là nơi nghỉ mát, dưỡng bệnh hay trăng mật lý tưởng.

Xe của Biệt Thự Thánh Tâm, đường Đoàn Thị Điểm, ra đón chúng tôi tại bến. Những ngày ở đây, Cha Nhân và mấy bổn đạo giúp việc Cha, săn sóc chúng tôi rất chu đáo. Đà Lạt vào mùa hè dịu mát, sáng chiều một chút lạnh ngọt ngào, chỉ cần khoác thêm cái áo len là đủ ấm. Mùi phân bón hóa học pha lẫn mùi gỗ thông đốt lò sưởi tạo thành một hương nhớ rất đặc biệt Đà Lạt. Mấy cô gái Sài Gòn mới lên vùng cao nguyên vài hôm đã có má đỏ hây hây. Nàng thơ trong tôi tâm sự:

MÃI CHỜ TRÔNG

Mưa rừng, khói núi, anh buồn không,
 Có nhớ người em má vẫn hồng?
 Đan diu môi chưa hôn nụ nhỏ,
 Tóc còn xanh biếc mãi chờ trông.

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Đôi dốc thông xanh khắp ngã đường. Thung lũng rau tươi khắp mọi nẻo. Đôi chân miên man đi như không chạm đất. Tâm hồn lãng đãng theo mây. Đây là lần đầu tiên đi chơi Đà Lạt, chúng tôi sững sờ trước những biệt thự xinh đẹp với hoa tầm xuân, hoa ớt leo quần quít. Chúng tôi ngẩn ngơ mê mãi ngắm hoa hồng, hoa cúc, thực được đua nhau khoe màu sắc trong mọi vườn. Thời tiết ấm áp như mùa xuân Hà Nội một thuở trẻ thơ, vô tư, chưa biết buồn và chưa trông ngóng một hình bóng xa xôi nào.

Chợ Hòa Bình sầm uất ba tầng lầu. Mơ, mạn, đào và trăm thứ trái cây khác bày cao ngất. Vòng đồng, xuyên bạc, vải áo thượng, mít khoai trong dèo của Đà Lạt được xếp đầy một

va-li. Hoa bắt diệt đủ màu, hoa mimosa vàng lá bạc, mùi hắc đến nhưc đầu cũng đem về đầy giỏ tặng người Sài Gòn. Từ chợ Đà Lạt xuống mấy chục thang sâu đi sang Hồ Xuân Hương êm đêm, thơ mộng, thông dong vài du thuyền nhàn hạ. Suối vàng êm đêm, bình lặng. Thác Prenn, Camly, Pongour hùng vĩ, dăm ba con nai vàng ngơ ngác bờ rừng. Ngọn Lang Bian xanh biếc như cồn ngực thiếu nữ thêm thiếp mơ màng, mây lụa vờn bay.

Hồ Than Thở im vắng như chỉ muốn lắng nghe gió thông thở than. Tôi tránh nhớ câu truyện tình đầm nước mắt *Đôi Thông Hai Mộ* đã đọc từ thuở chưa có người yêu để khóc. Vài dòng thơ âm thầm được thả xuống hồ tri kỷ.

BÊN HỒ THAN THỞ

Bên hồ in bóng ánh mây tan
 Lặng lẽ tâm tư vọng ngút ngàn
 Đôi vắng bơ vơ bia mộ đá
 Rừng hoang lạc lõng cánh hoa lan
 Vi vu gió lạnh lòng than thở
 Xao xác thu vàng dạ thở than
 Người có dừng đây cho nhẩn nhủ
 Nỗi niềm cam nín vẫn miên man
 (Tinh Thơ Học Trò, 1957)

Trước ngày rời Đà Lạt tôi đã viết và gửi thư không có địa chỉ hồi âm cho Vũ. “Em buồn nhưng không dám viết cho anh. Em nhớ nhưng không dám mong thư anh. Biết làm sao? Tha lỗi cho em và đừng buồn em...” Một cánh hoa pensée tím gửi theo thư. Một cánh hoa tím khác ướp vào tập thơ buồn từ dạo ấy. Màu hoa đã theo thời gian phai nhạt, những

dòng thơ vẫn còn mang nhiều hình bóng vắn vương. Tên Đà Lạt đã được tôi đổi thành “Darling” muôn thuở.

Tôi vẫn cố gắng gạt bỏ nỗi niềm riêng tư để tiếp tục đời học trò ở nhà trường và làm con cái ngoan trong gia đình. Nhưng hình như măng non đã bị chột. Tôi ít nói, ít cười, thâm lặng hơn và bắt đầu thích hát những bài của Đoàn Chuẩn, Từ Linh... khi bố vắng nhà. Cha mẹ không thể hiểu, không thể chia sẻ tâm tình với các con. Nếu có hiểu chẳng nữa các cụ vẫn làm lơ, vẫn không chấp nhận một thứ tình yêu nào nảy nở ở tuổi vị thành niên. Thực ra có cha mẹ nào không lo con gái “lỡ dại”, hay thâm yêu, trộm nhớ, sao lãng việc học khi còn nhỏ tuổi?

Những ám ức không thổ lộ với ai, đã được giải bày trong nhật ký và tập thơ bắt đầu thành hình của tôi. Sâu mộng chi phối tôi rất nhiều trong sự học. Như một con sông nhỏ len lỏi tìm khe sâu trũng chảy xuôi thành sông dài ra biển rộng, tâm hồn tôi có cơ hội bộc lộ nỗi tình thơ thần...

Thời gian này, Nguyễn đã thuyền chèo đi Pleiku một vùng biên trấn cao nguyên đất đỏ, xa hơn Ban Mê Thuột của Vũ. Tội nghiệp cho thân nam nhi “trần thủ lưu đồn,” để con gái như chúng tôi được êm ấm sống bên cha mẹ và chỉ biết học hành, mơ mộng viễn vông. Nguyễn và tôi vẫn thư từ như én bay lên, nhận sà xuống giữa hai miền. Nhưng tuyệt nhiên giữ tình bạn thuần túy. Nếu bố có mở đọc thư cũng không có lý do la mắng, cảm đoán. Nguyễn cho tôi hay có lần anh đi Ban Mê Thuột thăm Vũ. Tôi nghĩ, thế nào hai chàng cũng tâm sự với nhau. Nên tôi không phải làm một việc khó khăn nói với Nguyễn về chuyện Vũ và tôi. Tuy không muốn giữ bí mật, tôi vẫn chưa qua được cái tuổi con gái còn mắc cỡ đủ

điều, nhất là nói về chuyện tình yêu. Một buổi sáng Nguyễn về Sài Gòn và lại thăm tôi. Anh đưa ra một bất ngờ:

- Vũ gửi cho Dung cái thư này.

Tôi lo ngại:

- Dung không nhận đâu. Ông bô biết được, chết Dung một lần nữa.

Nguyễn khuyến khích:

- Ông, bà đâu có nhà. Cẩn thận một chút sẽ không sao.

Tôi rụt rè đỡ lá thư, xao xuyến nhìn nét chữ Vũ ngoài phong bì. Đã có một quyết định dứt khoát, không liên lạc với Vũ nữa, nên tôi thấy không gấp gấp phải đọc thư Vũ ngay. Tôi làm bộ thản nhiên để thư sang một bên:

- Dung sẽ đọc sau.

Nguyễn cười hiểu biết:

- Dung cứ mở thư ra đọc. Có thể Dung cần Nguyễn làm nhịp cầu tri âm chăng?

Tôi ngáp ngừng nhìn Nguyễn dò hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Làm sao Nguyễn biết được. Dung nên đọc trước khi hai cụ về.

Giật mình và thấy Nguyễn có lý, tôi nhìn anh trước khi hồi hộp mở thư:

- Xin phép Nguyễn.

Tôi bóc thư Vũ. Nét chữ quen thuộc mà từ nửa năm nay tôi không được nhìn thấy. Thư tóm tắt rằng: “Cám ơn Dung đã viết cho anh. Mong mỗi thật nhiều nhưng mãi hôm nay anh mới kiếm ra dịp viết thư cho Dung... Gia đình bắt anh lấy vợ. Ba mẹ anh đã chọn một người. Anh không thương cô ta... Nhưng nếu em nói còn yêu anh, anh sẽ chờ đợi tới khi em trưởng thành chúng mình sẽ thành hôn. Nếu em không còn yêu anh, cũng xin cho anh biết...”

Không ngăn chặn được sự xúc động đột ngột dâng trào, tôi gục đầu trên hai cánh tay xếp vòng trên bàn. Hình như mạch tim nghẹn ứ, tức tưởi. Hình như nước mắt thấm trên tay áo. Khi ngừng lên, tôi chợt nhìn thấy Nguyễn vẫn ngồi lặng lẽ trước mặt. Tôi bối rối, ngưng ngưng:

- Dung xin lỗi.

Ngừng lại để lấy bình tĩnh, tôi giải thích:

- Vũ muốn Dung viết thư trả lời. Nhưng Dung không dám. Nguyễn viết cho Vũ giùm Dung. Nguyễn nói Vũ hãy làm theo lời gia đình. Đừng chờ đợi.

Vâng, tôi sợ không dám nghĩ đến quyết định thành hôn thật hệ trọng với Vũ và còn quá xa vời đối với tôi. Nếu chờ nhau thì tới khi nào? Dù cho tôi trưởng thành, bố vẫn không ưng Vũ, tôi sẽ bỏ theo anh sao? Kinh nghiệm trong gia đình, tôi biết bố rất ghét mấy ông con trai có vẻ hào hoa, lãng mạn. Trong thời gian đợi chờ, tôi không dám viết cho Vũ cũng thật nhẫn tâm. Viết cho Vũ lại là một tội lỗi như bố mẹ la mắng. Tôi đã bị lung lay theo giáo lý của các người. Con gái không được phép của bố mẹ mà viết thư tình cho trai là hư hỏng. Tôi không thể liều lĩnh hẹn thề với Vũ. Tôi để buông trôi chuyện tình khờ dại đồ võ, không chống đỡ, không trách than. Tâm tình tan chảy vào thơ:

THƠ EM

Thơ em kể về chuyện tâm tình
 Đây ấp ngấn tim một bóng hình
 Tan vỡ hoa xưa sầu tím lịm
 Xa xôi ai đó biết cho mình.

Thơ em nhỏ lệ khóc phôi pha
 Nhòa nhạt vì người đã vắng xa

Vì mảnh hoa tim khô héo rụng
Trên đường thâm lặng hạt mưa sa.

Thơ em buồn lắm những chia ly
Văng vẳng còi tàu tiễn kẻ đi
Tiếc nuối hận tình không tiễn biệt
Bạn lòng vương vấn, đọc làm chi!

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Tuy nhờ Nguyễn nhân Vũ, tôi vẫn định tâm tìm dịp viết cho Vũ một lần đoạn tuyệt. Sợ bố làm lớn chuyện cho Vũ, tôi đã không dám viết lên dù một chữ, một dòng ở trong nhà, lớp học, hay ở một nơi nào trong thành phố Sài Gòn. Tôi nghĩ đến việc lên Đà Lạt thăm chị Tâm và chị Phương rồi viết thư cho Vũ thì an toàn hơn.

Hồi này hai chị và vài người bạn đang dạy ở trường tiểu học của cha Đài Giòng Chúa Cứu Thế, Đà Lạt. Một ngày cuối tuần trong dịp nghỉ lễ dài, tôi xin phép bố mẹ đi thăm hai chị. Mấy cô giáo trẻ ở chung với nhau trong căn nhà gỗ hai tầng xinh xắn như chuồng chim bồ câu trên đồi thông. Nhà thờ Giòng Chúa Cứu Thế xây bằng đá xanh, đá xám trên ngọn đồi cao hơn, phía đối diện. Ban ngày, thông reo vì vu như tiếng sáo điệu buồn hiu hắt. Đêm về, gió gào rít qua rừng cây rợn lạnh hồn người. *Wuthering Heights*³⁴, (*Đỉnh Gió Hú* bản phóng tác của Nhà văn Hoàng Hải Thủy), cũng chỉ ma quái đến thế. Tôi ước ao được tan biến trong cái huyền hoặc của câu truyện tình oan khiên thần thoại kia. Sương khói núi

34 - *Wuthering Heights*: Tiểu thuyết (1847) của Nhà văn Anh Quốc Emily Brontë (1818-1848).

đồi sẽ che phủ, ôm ấp đau thương. Gió thông mãi mãi than van cho những cuộc tình buồn.

Một đêm khuya, tôi ngồi co ro bên bàn làm việc của các chị và viết thư đoạn tuyệt với Vũ: “Tuổi em còn quá nhỏ. Em không biết đến bao giờ bố mẹ mới cho phép em nghĩ tới hôn nhân để hẹn đợi chờ. Anh nên nghe theo ba mẹ và lập gia đình. Chuyện mình như thoáng mây bay. Anh sẽ quên em nhanh chóng. Người ta nói tuổi trẻ dễ quên. Chắc em cũng vậy thôi. Đừng lo cho em. Một ngày nào đó khi em trưởng thành, khôn lớn, anh em mình sẽ nhìn nhau như bè bạn. Em không mong đợi thư anh đâu. Đừng viết cho em. Thư này sẽ là thư cuối cùng em viết thăm anh và chúc anh vui hạnh phúc ...”

Tôi tưởng viết và gửi đi như thế, Vũ sẽ không bao giờ trả lời. Vài tuần sau khi về Sài Gòn, tôi nhận được thư chị Tâm viết với những mật mã như người dân sống dưới chế độ Cộng Sản viết thư cho bạn bè, thân nhân ngoài thế giới tự do. Vũ gửi thư về Đà-Lạt cho tôi. Tuy khuyên Vũ đừng viết và nói rằng không đợi thư anh, từ sâu kín trong trái tim tôi vẫn mong và muốn biết Vũ còn nghĩ tới tôi không? Tôi đã để địa chỉ của chị Tâm trên bì thư. Vũ đã viết trả lời. Dĩ nhiên chị Tâm cũng không dám làm việc chuyển thư. Dù mong đọc thư anh, tôi cũng không thể đi Đà Lạt ngay. Tất cả đều đã muộn, tôi phải quyết liệt từ chối Vũ, để anh không thắc mắc về tôi và yên tâm lấy vợ. Vài tháng sau khi để dành đủ tiền xe đò, tôi lại xin bố mẹ cho tôi đi Đà Lạt. Không hiểu tại sao ông bà có thể tin con gái, không lo sợ nó lén lút đi gặp người yêu và cho phép nó đi một cách dễ dàng? Có lẽ cha mẹ hiểu con hơn con hiểu cha mẹ? Bố mẹ tôi đã hiểu con gái không hư như ông bà đã giận.

Tới Đà Lạt, tôi được chị Tâm đưa không những một cái thư của Vũ mà là cả một xấp. Thư nào Vũ cũng nhắc lại anh vẫn yêu tôi. Nhưng vì sự im lặng của tôi, Vũ chán nản, tuyệt

vọng, đã để gia đình định đặt việc dạm ngõ vợ tương lai. Đám hỏi đã được thu xếp vào mùa thu, đám cưới vào dịp Tết. Vũ mong tôi tìm cách liên lạc với Vũ, cho anh gặp ở địa chỉ Tâm trên Đà Lạt. Thư cuối cùng, Vũ nói rằng dù trước ngày cưới, nếu nhận được thư tôi nói còn thương anh, muốn anh đợi tôi, Vũ sẽ hủy bỏ đám cưới ngay. Nước mắt nhòa nhạt những trang thư dày. Có lẽ tình yêu của người con gái chưa đủ lớn mạnh để vượt qua những ngăn trở, khó khăn. Tôi không trả lời Vũ. Tôi nghiền ngẫm đọc đến thuộc lòng thư anh, rồi run rẩy xé vụn những lá thư ấy để vào túi áo len mặc trên người. Mỗi lần lên đồi, xuống dốc tôi thả dần những mảnh thư tình cho bay theo gió trên đường thông rừng. Vài mảnh cuối cùng được gửi lại trong Hồ Than Thở dưới vùng trời u ám một ngày mùa thu Đà Lạt.

ĐƯỜNG CHIỀU ĐÀ LẠT

Xao xuyên thư đề tên cố nhân
 Nét quen ngày ấy vẫn ân cần
 Anh nguyện xin giữ lòng chung ước
 Đợi đến khi em đủ tuổi xuân.

Xa vắng lòng anh thung lũng sâu
 Tim em nhỏ bé, lớn chưa mau
 Ngây thơ, tội lỗi trăm điều sợ
 Đừng nói thương nhau, đừng đợi nhau.

Hồi chuông Cứu Thế vọng đìu hiu
 Gác lạnh cheo leo đỉnh tịch liêu
 Tay viết nét gầy câu già biệt
 Chẳng thề, chẳng hẹn nói thương yêu.

Đôi thông gió hú mãi không thôi
 Ôm gối lệ hờn lã chã rơi
 Đà Lạt đêm trường đông thốn thức
 Khăn hoa thấm ướt giọt đầy vui.

Dốc xuống buồn lên sương tím bay
 Đường Hoa Hồng bước lịm hương cay
 Âm thầm mong ước người không hẹn
 Thương nhớ thôi đành gửi cỏ cây.

Ngăn cách muôn trùng bóng núi xanh
 Hững hờ mây trắng phủ mong manh
 Thiên Thu e ấp trang trinh nữ
 Muốn hóa thân nàng chờ đợi anh.

Nhật nhòa chôn liệm một tình yêu
 Mộng thuở ban đầu có bấy nhiêu
 Tha thứ người em khờ dại ấy
 Thư anh tan tác thả đường chiều.

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Trở về Sài Gòn, tôi âm thầm như con sên trong vỏ. Các em còn nhỏ. Các chị ở xa. Chuyện tình học trò là chuyện không đứng đắn ở thuở đó nên tôi càng không hé mở tâm sự với bạn nào. Tôi gửi nỗi niềm vào nhật ký. Tôi làm thơ trang trải chuyện lòng cam nín và mặc niệm tuổi thơ ngày không còn.

Tôi chép những bài thơ đã làm vào một quyển sổ tay nhỏ, có hoa ti-gôn hồng Đường Ngô Thời Nhiệm, hoa giấy đỏ Đường Phan Thanh Giản, có mimosa vàng, pensée tím Đà Lạt, lá thông xanh Hồ Than Thở, có mảnh áo tím hoa sim ép bên thơ buồn... Tâm sự gửi vào những bài hát buồn. *Lắm*

buồn nhớ băng khuâng, lắm yêu thương. Nước mắt không rơi, hết lúc thơ ngây. Bài hát mang tựa đề “Thơ Ngây” (của Anh Việt) đã vướng vấp và ở lại trong tâm thức tôi từ thuở ấy. Chị Tâm cũng thường nhắc lại, “hồi đó Dung còn hay hát bài “Chuyện Bến”, *Chiều nay sao dâng nhanh màu tím. Và mây bay theo nhau về bến...* (của Đoàn Chuẩn và Từ Linh).

Cảm ơn các nhạc sĩ đã sáng tác, gửi gắm tâm tình của họ, của thánh giả trong nhạc phẩm. Cô bé Ngọc Dung từ tuổi 15 đã biết buồn vì xa Hà Nội, tuổi 17 thất tình người yêu Hà Nội và nhiều giai đoạn khác trong đời đã tìm an ủi hay chia vui trong tiếng hát của các ca sĩ hoặc của chính nàng.

TÌNH BUỒN

Tuổi vui đem dặt mộng đầy,
 Để rồi tan vỡ một ngày thương đau.
 Hồn thơ ấp ủ tình đầu,
 Chưa trao trọn vẹn ngàn sau còn chờ.
 Trời xanh mây trắng hững hờ,
 Hoa bông giấy tím ơ thờ rụng rơi.
 Người ta đi đã xa rồi,
 Mình sao vẫn nhớ những lời thề xưa.
 Bao nhiêu mộng đã vào mơ,
 Nước trôi, bến đợi, sông chờ được sao.
 Thuyền kia đã chở khách nào,
 Dù cho năm ước, mười ao cũng hoài.
 Chiều nghiêng nghiêng mái tóc dài,
 Lướt gương biếng chải, châm cài buông lơ.
 Đêm cao sâu xuống một trời,
 Trăng sao hiu hắt chơi vui tình buồn.

(Thơ Học Trò, 1956)

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, mùa Tết tới. Hình ảnh đám cưới nhà ai chập chờn, ảm hiện. Tôi không buồn da diết, không khắc khoải như thời gian đầu lâu dài mơ mộng bị giứt đổ, nhưng cô đơn nào len lén vây quanh. Tôi mong những ngày dài nghỉ Tết đó qua mau hơn. Một hôm, Nguyễn đến thăm và cho tôi biết Vũ muốn gặp tôi. Giật mình, tôi lo sợ như vừa nghe nói đến chuyện phạm pháp của mình. Nhưng Nguyễn cũng thừa thông minh chọn đến ngày bố đi làm và khi mẹ không có trong phòng khách mới nhắc tới tên Vũ. Tôi ngạc nhiên và thấp giọng hỏi Nguyễn:

- Còn chuyện gì đâu để Vũ gặp Dung?
- Vũ muốn gửi lại những thư từ và hình ảnh của Dung.

Tôi ngập ngừng hỏi Nguyễn:

- Vũ đã lấy vợ rồi phải không?

Nguyễn nhìn tôi đăm đăm như muốn đọc thấu tâm sự người con gái đối diện và gật đầu. Tôi nghĩ tới những lá thư tình, những tấm hình vô tội của tuổi mười sáu vừa trôi qua. Nhưng Vũ không còn độc thân, tôi không thể gặp lại Vũ. Năm trước sợ bố, tội tình như lụt lội tâm hồn, tôi phải cắt đứt liên lạc ngay với Vũ. Bây giờ anh đã có vợ, gặp lại Vũ, tội lỗi sẽ ngập đầy đầu, chắc không lớn được. Không, không, tôi không thể gặp lại Vũ. Tôi khấn khoản nói:

- Nguyễn làm ơn nhắc Vũ cứ xé bỏ và đốt những thứ đó đi. Dung không dám và không muốn gặp lại Vũ.

Nguyễn nghiêm nghị:

- Không ai có can đảm đốt thư từ và hình ảnh kỷ niệm đẹp của mình.

- Nguyễn nhận và đốt hộ. Dung không thể đem chúng về nhà được. Dung chẳng còn dám giữ một vật gì về Vũ cả.

- Nguyễn cũng không muốn đốt kỷ niệm của hai người.

Tôi nói gằn như năn nỉ:

- Chỉ là một chuyện ngây ngô thôi. Nguyễn nhận và giữ những thư ảnh ấy giùm Dung vậy. Lúc nào đó Dung sẽ lấy lại.

Nguyễn không cười, nhưng giọng thân tình:

- Năm trước 16, năm nay 17. Bộ bây giờ Dung khôn lớn rồi hay sao? Dung không cho Vũ gặp lại một lần, nó chết đi không nhắm mắt được. Nó có vẻ thành khẩn mong gặp lại Dung lắm.

- Vũ không tin bố Dung đã giận dữ thật sự hay sao mà định giỡn vậy?

- Tin chứ. Nhưng hai người vẫn có thể gặp nhau một lần cuối cùng, thanh toán nợ nần tình cảm.

Bỗng nhiên một sự giận hờn trở về. Tôi nghĩ thầm, Vũ đã lấy vợ, tôi không “nợ” gì Vũ cả. Nhưng có thể một ngày nào đó, những thư từ và hình ảnh nhỏ bé kia bị người ta chà đạp thì tội nghiệp chúng. Nhìn xuống những ngón tay đang vôn vè nhau trên mặt bàn và với một hậm hực trong lòng, tôi nói như trách móc:

- Dung không nợ gì ai cả. Dung chỉ sợ những thư từ và hình ảnh của Dung sẽ bị thất lạc. Vũ có nói bao giờ Vũ muốn gặp Dung không?

- Chủ Nhật này.

- Sao gấp quá vậy?

- Tuần sau Vũ trở lại Ban Mê Thuật rồi.

- Dung gặp Vũ ở đâu được.

- Sở Thú.

Tôi nhắc lại hai tiếng “Sở Thú” như không tin tai vừa nghe. Nghĩ tới những chuyện tiêu lâm, trai gái hẹn hò bên cạnh chuồng khỉ, tôi bật cười và nghĩ thầm: “Không được!... Vậy ở rạp xi-nê, chợ Bến Thành ư? Tiệm sách, tiệm kem, quán nước ư? Không chỗ nào an toàn hơn? Bố biết lần này, chắc mình phải bỏ nhà mà đi.” Sau cùng tôi nhận lời gặp Vũ mười giờ sáng tại công Sở Thú để lấy lại “món nợ tình.” Hồi

đó trường tôi vẫn còn tạm trú dài hạn tại Trường Gia Long. Nếu trường được dọn qua Đường Nguyễn Bình Khiêm, chắc chắn tôi không có can đảm hẹn Vũ trong tầm mắt như có gần kính ông nhòm cửa các nữ sinh Trưng Vương tinh quái nhất thế giới.

Hồi hộp không cùng, sáng Chủ nhật đó, tôi xuống taxi trước Sở Thú sau mười giờ vài phút. Có tiếng xe Vespa đậu lại bên kia đường. Tôi nhìn sang, ngạc nhiên. Nguyễn chờ Vũ đằng sau. Nguyễn không cho tôi biết anh sẽ đến đây. Nhưng tôi cũng mừng có thêm Nguyễn là đồng minh. Nếu không may gặp người quen, họ không nghĩ tôi bỏ bịch hẹn hò đi chơi Sở Thú riêng tư với Vũ. Song, tôi đã quá ngây thơ mừng hụt. Vũ vừa xuống xe đi lại phía tôi, Nguyễn vù xe đi mất. Tim tôi tăng gia tốc độ dưới làn áo trắng học trò. Tôi hồi hận đã nhận lời cuộc gặp gỡ này, và muộn rồi, không thể trốn tránh được. Vũ đã đi đến trước tôi.

Qua vài câu chào hỏi thông thường, Vũ rủ tôi đi vào trong Sở Thú. Không lẽ vừa gặp đã “đòi nợ” ngay, tôi đành đi theo nhưng xa cách Vũ cả thước. Tôi không hỏi chuyện anh nhiều. Tôi nghĩ rằng Vũ đã có vợ, dù chúng tôi đã quen biết nhau trước đây và thư từ như hai kẻ yêu nhau, tôi phải coi Vũ như người xa lạ. Anh ân cần thăm hỏi tôi và trần tình rất nhiều. Vũ lấy vợ là vì thất vọng tôi đoạn tuyệt. Anh vẫn yêu tôi như bao giờ. Tôi sợ hãi trước lời nói của Vũ nhiều hơn là xúc động. Tôi không thể chấp nhận tình yêu đó. “Bố nói đúng, chuyện tình này tội lỗi quá. Vũ đã có vợ rồi mà vẫn còn nói chuyện thương yêu với tôi.” Vừa khổ sở vì cái cảm tưởng đang phạm điều “trái luân thường, đạo lý,” tôi vừa lo ngại gặp người quen. Nhớ tới “món nợ” phải đòi, nhưng không thấy Vũ mang theo gói bọc gì, tôi hỏi:

- Nguyễn nói anh muốn gặp Dung để trả lại thư, hình?

Vũ nắm tay tôi:

- Anh nói vậy để gặp Dung thôi. Anh không bao giờ có ý định trả lại thư Dung. Anh muốn giữ mãi những kỷ niệm về em như những báu vật của đời anh.

Tôi rút tay lại và quay mặt vào một thân cây. Tôi muốn che giấu nước mắt sắp dâng tràn. Hình như Vũ vuốt tóc tôi. Hình như Vũ hôn tóc tôi. Vũ xoay vai tôi lại. Khi cảm thấy một hơi nóng trên mặt, tôi giật mình xoay nghiêng, lảng tránh cái hôn của Vũ:

- Anh cho Dung về.

Vũ nhìn tôi khăn khoắn:

- Dung không muốn ở lâu hơn với anh hay sao? Hơn một năm nay anh không được gặp Dung.

Tôi không muốn sỗ sàng nói với Vũ, tôi không chấp nhận cuộc gặp gỡ này. Tôi đến nơi hẹn chỉ với mục đích lấy lại thư, hình cũ, không phải gặp Vũ. Tôi bậm môi, cúi mặt:

- Dung không thể ở lâu hơn được. Để Dung đi về.

- Anh hẹn với Nguyễn 11 giờ trở lại. Bây giờ còn sớm.

Bỗng nhiên tôi giận hờn cả “tội đồng lõa” của Nguyễn, đã khuyến khích tôi đến cuộc gặp gỡ không cần thiết này. Để tránh những cử chỉ thân mật của Vũ, tôi tiếp tục bước đi, không dừng một chỗ nào. Cây cầu cong dưới tàn lá me râm mát bên Rạch Thị Nghè nước trôi lơ lững. Nếu tôi lấy lại được những lá thư đáng thương kia, có thể dòng nước này sẽ mang theo giùm tôi những mảnh tình cảm vô tội bị xé vụn. Nhưng tôi đã không bao giờ lấy lại được bằng chứng của mối tình đầu ấy.

Biết rằng không còn lý do gì để nói thêm, tôi nhắc nhở giờ Nguyễn hẹn trở lại. Khi Vũ và tôi ra đến cổng Sở Thú, Nguyễn cũng vừa lái xe Vespa tới. Lần đầu tiên tôi thấy Nguyễn mặc thường phục, thư sinh bạch diện hơn những lần

khác phong sương trong quân phục. Có lẽ cảm thấy không khí nặng nề giữa tôi và Vũ, Nguyễn khô hài:

- Thế nào, hai người đã trút hết nguồn cơn chưa? Nếu cần, lát nữa tôi sẽ quay trở lại.

Phật ý nghe câu hỏi đó, nhưng tôi không trả lời. Nén chặn ảm ức trong lòng, “Nguyễn vô duyên quá, không hiểu gì cả,” tôi lặng thinh nhìn ra đại lộ Thống Nhất để xem có taxi đi tới. Vũ làm bộ thản nhiên:

- Cô bé đòi về ngay khi vừa bước vào Sở Thú. Chúng mình đi ăn uống gì nhé?

Nghĩ tới tội lỗi với bố mẹ và giận hờn không thể giải thích với hai người đàn ông trẻ, tôi nghiêm trang trả lời:

- Cám ơn, Dung không đi được. Có taxi đi lại kia, Vũ gọi giùm.

Nhìn tôi giây lâu, biết rằng tôi cương quyết, Vũ vẫy taxi ngừng lại và mở cửa xe. Tôi không nhìn Vũ và Nguyễn, chỉ nói hai tiếng chào ngắn gọn “Dung về” rồi bước lên xe, đóng cửa và nhìn thẳng. Xe đi theo đường Nguyễn Bình Khiêm về hướng Đa Kao.

Tôi có cảm tưởng như vừa đánh mất một vật gì rất quý báu và sẽ không tìm lại được. Nhưng tôi cũng vui mừng như vừa trả được “món nợ” tình cảm và gạt bỏ được một “trọng tội” trong đời con gái, “dan díu” với tình yêu trong tuổi vị thành niên. Tuy không toại nguyện lấy lại được những thư, ảnh cũ với Vũ dù đã liều lĩnh vượt sự lo sợ bố mẹ cao như núi Thái Sơn, bỗng nhiên tôi yên tâm, bình thản. Không một bàn tay, một con mắt trần tục nào làm xấu được những kỷ niệm trẻ thơ ấy.

Mỗi tình đầu thơm hương sách vở, trong trắng áo học trò sẽ ngược dòng thời gian đi vào quên lãng. Hay có chăng, chỉ còn lại một hình ảnh nhạt mờ thấp thoáng bên Hồ Hoàn Kiếm mùa hè rực đỏ hoa phượng vĩ năm nào...

6

PHƯƠNG
VẪN NỞ BÊN TRỜI
HÀ NỘI

Rồi thời gian trôi qua, một mùa xuân ba năm sau, tôi trở thành vợ của Nguyễn với một tình yêu mà tôi tưởng đã đủ khôn lớn để xác định và đón nhận. Nhưng cuộc hôn nhân này chỉ kéo dài được ba năm đầu thuyền êm bể lặng. Hai năm sau giông tố hãi hùng. Hai năm cuối cùng sóng gió ngất nghiêng.

Trong bảy năm trôi nổi, nhiều lắm ba năm cùng trên một khoang thuyền, tôi nhận thấy mình vẫn chưa đủ trưởng thành và bản lĩnh để tiếp tục cuộc hành trình gian nan, bất trắc với Nguyễn. Tôi xin rút lui ra khỏi cuộc đời bao la, sự nghiệp rộng lớn của chàng. Cái thân mong manh đã quá mỗi một đời chấp những rắc rối, phũ phàng. Một sự nghỉ ngơi rất cần thiết để chữa trị bệnh tim đã đến thời kỳ trầm trọng, bệnh thần kinh sắp trở thành bất trị. Tôi chỉ muốn có một cuộc đời bình yên, giản dị như bài toán lớp vỡ lòng, một với một là hai...

Thêm hai năm ly thân, ly tán tôi bởi nữa vị chi 9 năm sau tôi xin được cởi bỏ xiềng xích hôn nhân và giã từ cuộc sống đa mang của Nguyễn. Tôi ở lại căn nhà rộng rãi với bốn đứa con tuổi từ năm đến chín. Nguyên Thủy lớn nhất đang học lớp ba. Trường Sơn lớp năm, Ngọc Hân lớp sáu, Thần Phong lớp mẫu giáo. Đáng lẽ các con tôi phải học trường làng Tiểu Học Phú Nhuận luộm thuộm, không đầy đủ tiện nghi, hai năm trước tôi nhờ cô giáo Minh Trân dạy trường Tiểu học Chi Lăng xin cho Nguyên Thủy vào trường này, khang trang, sạch sẽ hơn. Nhưng người bạn ấy đổi qua trường xa khác. Nên từ một năm nay tôi cho cả bốn cô cậu vào cùng một trường tiểu học tư đường Đinh Công Tráng, Tân Định, có xe trường đưa rước để tiện việc theo dõi, trông nom chúng hơn. Các con tôi đều thông minh, ngoan ngoãn. Con hát mẹ khen hay là sự thường. Với sự kèm dạy thêm của mẹ, các con đều ham học, thương mến bạn bè, kính trọng thầy cô nhà trường. Đi học là một việc rất thích thú của các con như mẹ “ngày xưa ngày xưa.”

Mẹ con tôi được Nguyễn cấp dưỡng đều đặn. Song, khi còn chung sống cũng không gửi gắm được tâm thân xiêu đổ và cuộc đời lênh đênh thì khi rời bỏ nhau đâu còn lý do để tin tưởng, cậy nhờ. Với mặc cảm tài hèn, sức mọn trong xã hội, tôi tìm cách bám víu vào chính những bước đi dò dẫm của mình trên con đường đã mất chân trời mơ mộng. Phải có việc làm để sinh sống, tự lập. Tôi kiếm được việc thư ký đánh máy trong hãng thầu xây cất, RMK-BRJ của Hoa Kỳ trong phi trường Tân Sơn Nhất. Hằng ngày, tôi chen chúc trên những chuyến xe lam từ Đường Chi Lăng Phú Nhuận qua khu cư xá một thời con gái bên cha mẹ Đường Võ Tánh và lên Cổng Phi Long xếp hàng lấy thẻ vào phi trường. Bước thấp, bước cao tôi leo lên những xe màu vàng chuyên chở nhân viên của hãng đến văn phòng. Dù đôi khi cảm thấy tủi thân, tủi phận vô ngân,

tôi vẫn không ân hận cái quyết định trở lại cuộc đời độc thân, độc lập. Một ông thư ký già có lần ngắm nhìn tôi từ đầu tới chân rất lâu và nói như tiếng thờ dài:

- Nay phu nhân ơi, tội tình chi mà phu nhân lại chịu vất vả thế này?

Có chất cay trong mắt nhưng “phu nhân” vẫn làm ra vẻ ngang tàng không kém ai:

- Xông pha dạn dày nắng gió cho khỏe. Có gì đâu mà tội tình, vất vả, thừa bác?

Một buổi chiều, gió Tân Sơn Nhất lồng lộng như sắp có cơn giông. Cát bụi bay mịt mù. Tôi là người cuối cùng leo lên xe, ngồi đầu băng ghế. Xe rồ máy, lắc mạnh. Chỉ tích tắc sai chệch, nếu một nhân viên trẻ ngồi bên cạnh không kịp giữ lại, tôi đã bật ngã xuống đường. Tôi nắm chặt tay vào thành xe. Tóc áo muốn “cuốn theo chiều gió.” Cái thân nhẹ như phù thủy muốn bay ra khỏi xe. Người đàn ông đứng lên nói:

- Xin tiểu thư ngồi vào bên trong cho chúng tôi nhờ. Tiểu thư ngồi lơ lửng ngoài này, gió thổi bay theo bụi bây giờ. Nếu tôi có bà chị như vậy, tôi không để cho chị tôi đi làm đâu.

Tôi hiểu anh ta muốn nói gì. Một chua chát rĩ ứa trong bao tử. Nhưng tôi vẫn thân mật:

- Cám ơn cậu em. Tôi thích đi làm thì đi. Có ai bắt tôi đâu!

Thực vậy, công việc chẳng nặng nhọc gì. Sự di chuyển hơi vất vả đối với các phu nhân, tiểu thư. Nhưng tôi đã tự truat phé, chẳng còn lý do than van. Có việc làm lương thiện giết thời gian còn thật dài cho cuộc sống không ngày mai là cả một may mắn đối với người đàn bà bốn con nhỏ, vô tài, bất tướng như tôi.

Với việc trong văn phòng, tôi không cần có mình đồng da sất để chống đỡ những nắng gió trong công trường bỏng cháy. Tuy nhiên, đến một ngày tôi cũng quy ngã bởi cái cúm dây

chuyên trong sở. Nhưng tôi chẳng chịu nằm nhà để gậm nhấm nỗi buồn mênh mông, u uất trong bốn bức tường cao. Ông Fennessy, giám đốc phòng nhân viên đi qua bàn tôi chào hỏi:

- Cô khỏe không?

- Tôi nghĩ rằng không.

Ông “boss” già nhìn tôi kỹ lưỡng hơn:

- Mặt cô đỏ như con tôm hùm.

Đặt tay lên trán tôi, ông gật gù:

- Nóng cao rồi đây. Cô sang phòng thuốc lấy cặp thủy và uống thuốc ngay đi. Đau thì phải về nhà nghỉ.

Từ phòng máy lạnh bước ra, tôi muốn xỉu vì ánh nắng chói chang và hơi nóng hừng hực như sa mạc của phi trường. Vào phòng thuốc, mọi vật tối sầm, mặt mày xây xẩm. Người y tá Việt Nam cảm nhiệt độ cho tôi và giặt mình:

- Cô nóng cao như thể này nghỉ quách ở nhà cho sướng cái thân, tội gì đi làm cho khổ. Nghỉ “sick” vẫn ăn lương mà!

Đỡ ly nước nhỏ trên tay ông ta, tôi nhắm mắt uống nuốt 2 viên thuốc. Khi trở lại bàn y tá lấy thêm gói thuốc đem về, tôi đã dễ chịu hơn và chợt thấy một cuốn truyện có nhan đề rất quen thuộc, *Người Em Gái Hà Nội*. Tôi tò mò hỏi:

- Ông cũng thích xem truyện nhỉ? Tôi coi một chút được không?

- Cô cứ tự nhiên.

Tôi nhắc cuốn truyện lên xem tên tác giả, đúng là của Vũ. Những quyển khác trên bàn đều mang tên Vũ. Tôi điều tra thêm:

- Mấy truyện cùng một tác giả. Chắc ông phải thích nhà văn này lắm?

Người y tá có vẻ kiêu hãnh:

- Tác giả là anh em đồng hao với tôi. Vợ tôi và vợ hần là chị em. Cô có quen biết tác giả không? Hần có rất nhiều em gái văn nghệ.

Nghĩ đến kinh nghiệm bản thân với Vũ thuở học trò và với Nguyễn thời làm vợ, tôi muốn phì cười, nhưng chặn lại kịp:

- Không, nhưng có nghe tên. Khi nào xem xong ông cho tôi mượn nhé?

Người y tá nhìn tôi xoi mói:

- Tôi mới lấy về. Để tôi xem xong đã.

Tôi cảm ơn và chào hân để về phòng làm việc. Ông Fennessy hỏi tôi:

- Thế nào, nhiệt độ cô cao lắm phải không?

- Vâng, 102°F.

Ông “boss” vừa thu xếp giấy tờ trên bàn vừa nói:

- Tôi cho cô nghỉ hai ngày. Nếu ngày thứ ba vẫn chưa khô, cô nghỉ thêm ngày nữa. Tiện có xe lên Sài Gòn tôi cho cô quá giang ra cổng phi trường.

Người ta vẫn nghĩ, đàn bà con gái đi làm sở Mỹ thường bị các ông “boss” gạ gẫm làm phiền. Tôi may mắn có “boss” rất đúng đắn, đàng hoàng, ít nhất là đối với cái bản mặt làm ra vẻ con nhà lành, lúc nào cũng như có lưới rào xung quanh của tôi. Trên xe “truck” của hãng RMK-BRJ có tài xế lái hôm ấy ông Fennessy đưa tôi về và nói:

- Cô là người đàn bà trẻ lịch sự, thông minh. Cô đánh máy rất nhanh. Tôi sẽ gửi cô đi học thêm lớp luyện việc của hãng trên đường Thống Nhất.

Ông ta đã thực hiện nghiêm chỉnh điều đó với tôi một hai tháng sau như một ông chủ tốt.

Hôm ấy tôi được “boss” đưa ra khỏi cổng phi trường rồi thẳng đường về nhà. Nhưng tôi đòi xuống ở đầu ngõ để tránh những dị nghị và *cẩn tắc vô ưu*, một lúc nào đó ông “boss” bỗng dừng giờ chứng lò dò tới thăm.

Đêm hôm ấy tôi bị một trận sốt rét chưa từng thấy trong đời. Hình như bao nhiêu chấn mền trong nhà chị Năm giúp việc đắp lên, cô chủ cũng không hết lạnh. Bốn đứa con cuống

quít nằm chồng chất lên người mẹ, tôi vẫn run rẩy. Chị Năm chạy tới, chạy lui như gà mắc đẻ. Sau cùng chị lật đật chạy xuống bếp một lúc và đem lên chai nước nóng để giữa hai chân cô chủ. Tôi vẫn không cảm thấy một chút nóng bỏng. Nhưng rồi gà mẹ ngủ thiếp đi bên cạnh bốn gà con ôm chặt như sợ mất cánh ấm.

Sau những giông tố, cuồng phong trên con thuyền mà thuyền trưởng đã bỏ theo nữ hải tặc, sóng gió đã êm lặng, những gào thét trong lòng đại dương đã lắng dịu. Người mẹ chỉ còn mây đưa con nhỏ để thương yêu lấy sức chống lái con thuyền trên biển cả lênh đênh, vô bờ bến. Những ngày *giận cá chém thớt*, giận chồng la mắng con như điên qua đi. Tôi đã tìm thấy những dịu dàng, âu yếm trong tình mẹ con trẻ dại. “Nếu không có các con, mẹ đã để mặc cho bão tố đắm ngọc, chìm châu. Các con là nguồn sống của mẹ”.

Con sốt nóng lạnh qua đi, tôi nghỉ đúng ba ngày mới khỏe hẳn, đi đứng vững vàng và trở lại sở. Tôi vẫn nhớ mấy cuốn tiểu thuyết của Vũ và tò mò muốn đọc. Nhưng tôi giữ ý, không sẵn đón nhắc nhờ người y tá cho mượn. Hẳn có thể nghi ngờ tôi muốn làm em gái văn nghệ. Tôi định đợi một hai tuần sau sẽ hỏi thì hẳn đến bàn tôi. Bản tính mau mắn, tôi quên sự đề phòng và hỏi ngay:

- Ông đã xem xong truyện nào chưa cho tôi mượn?

Hắn thốt ra một câu mà tôi muốn đuổi ngay ra xa:

- Tôi chưa đọc được quyển nào thì các bà, các cô đã tới tập mượn hết rồi. Cho tôi biết địa chỉ đi, tôi sẽ đem truyện đến tận nhà.

Nghiêm mặt, tôi lạnh lùng:

- Tôi tưởng ông có nhiều truyện để không thì hỏi mượn. Khó khăn vậy thì cảm ơn. Tôi không hỏi nữa đâu. Ông đừng mất công lời thôi.

Tôi định tâm sẽ ra tiệm sách kiếm mua truyện của Vũ sau. Nhưng tên y tá không tha, chạm mặt tôi trên hành lang một lần khác hẳn lần nhai:

- Truyện của ông em tôi hay lắm. Cho tôi địa chỉ, tôi gửi tới cho mượn. Cam đoan không tìm đến nhà.

Vừa đi lướt qua, tôi vừa trả lời:

- Phiền phức quá, cảm ơn ông.

Cũng chưa hết, khi tôi đang đứng đợi lấy com nóng như nhiều người mượn bà làm công quét dọn thổi giùm, hẳn tiến tới đứng bên cạnh tôi, ồm ồm nói băng quơ:

- Ông em văn sĩ của tôi đẹp trai lắm, bao nhiêu các bà, các cô viết thư xin làm quen. Vợ hẳn ghen kinh khủng đấy.

Thực là quá tam ba bận, tôi chịu hết nổi, tôi cười nhạt nhìn thẳng vào bộ mặt thô bỉ của hắn và gằn giọng:

- Này, tôi hỏi thật, ông có biết tôi là ai không?

Hắn lùi lại một bước trở mắt nhìn sự giận dữ trên mặt “Miss Personnel”. Vài nhân viên hăng gọi tôi như vậy.

Tên y tá chưa kịp trả lời, tôi kê thêm một cái tủ vào miệng hắn:

- Đừng ăn nói bậy bạ. Về nói với ông Vũ rằng có bà Ngọc Dung hỏi thăm nhé. Tôi chẳng sợ ai ghen cả.

Nói xong tôi quay phắt về phòng làm việc bỏ luôn cả com trưa mang theo. Tôi không giận tên y tá nham nhở. Tôi giận cái thân tôi! Người đàn bà độc hành có thể bị thiên hạ tưởng tượng đủ mọi chuyện cay độc nhất trong cuộc đời. Một con nhỏ làm công hỗn xược, ngu dốt bị tôi cho nghỉ việc ngay khi nó nói với tôi, “Có chồng thì còn là bà chủ. Không chồng thì sức đấy!” Cuộc đời là thế. Có chồng là bà. Không chồng sẽ là con này, con nọ. Tầng lớp nào trong cái xã hội tiêu lâm này cũng chỉ nghĩ được một cách tầm thường, thấp kém thế thôi. Phải gồng cái thân cô, thế cô lên mà sống năng ỏi!

Vài hôm sau tên y tá lại xuất hiện bên bàn làm việc của tôi. Nhưng lần này hắn như con chó cụp đuôi và cười cầu tài:

- Cô Dung còn giận tôi đấy hả? Tôi xin lỗi đã nói giỡn quá lố. Tôi có một gói quà cho cô đây.

Hắn để lên bàn một gói giấy lớn. Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn và nghiêm giọng:

- Tôi bỏ lỗi cho ông. Nhưng tôi không muốn mắc mớ gì nữa. Cảm ơn, tôi không dám nhận quà của ông.

Tên y tá ngoeo đầu năn nỉ:

- Gói quà này không phải của tôi mà là của tác giả Vũ. Nếu cô không nhận, ông Vũ sẽ giận tôi lắm. Ông ấy sẽ không còn nhìn tôi là anh em. Một lần nữa tôi thành thực xin lỗi đã ăn nói tầm bậy. Thôi chào cô, tôi phải về phòng làm việc.

Tôi mỉm cười thú vị nhìn theo tên y tá đáng đời. Nhe không ưa, ưa nặng. Đợi hắn đi khuất, tôi mở gói giấy. Bốn năm cuốn sách mang tên Vũ trong đó có ba quyển Vũ tặng tôi từ thuở ban đầu, *Ngang Trái*, *Phận Bạc*, *Người Em Gái Hà Nội* và quyển *Hoa Rừng* khá nổi tiếng mới xuất bản năm 1967. Một phong thư rơi ra với tên tôi và nét chữ xôn xao quen thuộc: “Ngọc Dung thân mến. Rất mừng được biết tin tức về Dung. Vũ đã mắng cho tên anh rể vợ một trận, bắt hắn phải xin lỗi Dung, một người rất đặc biệt đối với Vũ. Xin tặng Dung mấy cuốn truyện của người bạn cũ. Mong gặp lại Dung. Vũ.”

Còn gặp nhau để làm gì? Để ôn lại chuyện xưa ư? Để kể về những mất mát chua cay ư? Mười mấy năm qua rồi từ ngày gặp Vũ lần cuối cùng. Vũ đã có gia đình. Không nên gặp Vũ làm gì chỉ thêm phiền phức. Nhớ tới “món nợ” thư từ kỷ niệm ngày xưa, tôi quyết định không viết cảm ơn Vũ. Chiều hôm ấy, trước khi lên xe hăng ra về, tôi ghé qua phòng thuốc. Làm như vội vàng, tôi nhấc người y tá:

- Cho tôi gửi lời cảm ơn ông Vũ về mấy cuốn truyện. Tôi sẽ đọc ngay và trả lại. Chào ông.

Nói rồi tôi làm bộ lo sợ lỡ chuyển xe, hấp tấp đi ra. Tôi muốn cho hắn biết sự thân nhiên của tôi đối với Vũ và mấy quyển tiểu thuyết kia. Không thể để hắn có một ý tưởng xấu xược, tôi muốn mượn chúng để có dịp làm quen tác giả.

Tôi thích đọc sách, nhưng lâu lắm rồi tôi chỉ đọc truyện của mấy nhà văn nữ. Họ viết đúng phần nào tâm lý, tâm tình phụ nữ. Họ không có giọng hằn học, khinh thường đàn bà. Trong truyện họ, tôi còn tìm được “cái tôi”, còn nhìn thấy những hình ảnh thơ mộng, trong sáng và cao quý của đời mình. Tôi đã chán đọc tiểu thuyết giả tưởng từ khi giận hờn Nguyễn. Bao nhiêu truyện của người chồng cũ tôi đem cho hết. Chẳng còn giữ quyển nào để không phải liên tưởng tới tác giả và tự hành hạ tâm hồn mình. Tuy nhiên, tôi vẫn đọc hết mấy cuốn truyện Vũ viết vì tò mò. Nếu chúng không mang tên Vũ, có lẽ tôi cũng không tìm đọc. Với thói xấu không thể bỏ, tôi đã mất vài đêm thức khuya đọc, để sáng hôm sau ngất ngưỡng đi làm. Buổi trưa ăn vội vàng hộp cơm mang theo rồi vào phòng nghỉ phụ nữ, nhắm mắt vài phút lấy sức kéo nốt những giờ làm việc buổi chiều. Khi tôi đem trả mấy tập truyện, người y tá ngạc nhiên:

- Ông Vũ đã nói tặng cô mà. Tôi không nhận lại đâu. Cô làm ơn giữ lấy đi!

Dù sao Vũ vẫn là chỗ quen biết xưa, tôi nên giữ lịch sự tối thiểu, không nên cố chấp và từ chối những cuốn sách vô tội. Tôi cười giải hòa:

- Thôi được, tôi xin nhận món quà rất quý này. Ông nói với ông Vũ vậy và cho tôi gửi lời cảm ơn một lần nữa.

Một tuần sau người y tá đem đến cho tôi lá thư của Vũ. Anh muốn gặp lại tôi như người bạn cũ và muốn biết địa chỉ của tôi để đến thăm. Vũ cho tôi địa chỉ, số điện thoại ở sở và

mong tôi viết hay gọi cho Vũ. Tôi quyết định ngay, không trả lời thư Vũ, không liên lạc với Vũ. Tôi không có lý do giao thiệp với người đàn ông đã có vợ. Tuy nhiên, hình ảnh kỷ niệm thuở ban đầu mười mấy năm về trước vẫn quanh trong tâm trí. Lâu lắm tôi không có cảm giác băng khuâng ấy.

Từ ngày thôi học, bận bịu chồng con tôi không liên lạc với bạn học cũ. Kim Dung thường đến thăm tôi trước đây thì cũng đi du học Úc rồi lấy chồng và ở lại bên đó. Sau khi ly dị, hằng ngày đi làm, Thứ bảy, Chủ nhật tôi đưa các con đi xem phim chương, đi chơi Sở Thú, về thăm bà ngoại hay các bác, các cô cậu của chúng.

Tôi không cố tình khép kín, chôn vùi cái tuổi vừa ba mươi. Thỉnh thoảng vài người bạn gái mới quen tha thiết mời lần tôi mới nhận lời đi phòng trà hay vũ trường với cả nhóm bạn bè họ. Nhưng tôi không đi với nhóm nào đến lần thứ hai. Những bộ mặt khó thương, những lời tán tỉnh sỗ sàng không đáng để gặp lại. Thà cô đơn còn hơn bức mình. Cuộc đời tẻ nhạt đều đặn như cây kim đồng hồ di chuyển 24 giờ mỗi ngày.

Nắng chiều vàng vọt ngả bóng trên Phi Trường Tân Sơn Nhất. Tôi xuống xe sở, trả thẻ vào phi trường tại phòng kiểm soát. Ra khỏi cổng Phi Long, tôi đứng đợi xe lam trước bùng binh Lăng Cha Cả³⁵. Bên kia đường là quán cháo vịt, gỏi vịt, thơm mùi húng quế, hoa chuối, bẹ chuối thái mỏng trộn nước mắm chanh ớt tỏi, ăn vào quên hết sự đời.

Sở dĩ tôi biết được cái chỗ hang cùng ngõ hẻm này là do My Sương, một cô bạn mới quen, thổ công ăn uống com

35 - Lăng Cha Cả: Lăng mộ của Đức Giám Mục Bá Đa Lộc, Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhain. Đức Giám Mục được Vua Gia Long trọng dụng nên lăng mộ ông được xây cất năm ông mất. 1799.

đường, cháo chợ Sài Gòn, Chợ Lớn. Một hôm nổi hứng, Sương lái xe Peugeot 404 mang số ngoại giao của ông bỏ tới đón tôi ngoài cổng trại Phi Long và đưa tôi sang ngay quán bên đó. Từ ngày trở lại độc thân, tôi ăn lê, ngồi la, chẳng cần giữ kè. Đã bị nhấn xuống ngang hàng với tầng lớp tầm thường nhất của xã hội, đã được thương hại như một kẻ thất thế thì quán cóc này còn sạch sẽ, sang trọng lắm. Tỉnh bơ nhân sự, tôi ngồi xếp xuống cái ghế gỗ dài cũ kỹ với Sương và thưởng thức món cháo vịt, gỏi vịt tuyệt cú mèo. Mỗi khi có bạn, tôi ăn uống như đã chết đói bấy ngày. Ăn ngon cũng cần có bạn. Nỗi cô đơn làm tôi mất khẩu vị khi ngồi ăn một mình.

Tôi mong Sương đến đây chiều nay. Tôi đưa mắt nhìn quanh bùng binh Lăng Cha Cả. Xe lam nào qua cũng đầy người và chạy tuốt luốt. Mười lăm phút trôi theo dòng xe cộ đủ các loại hai bánh, bốn bánh, dân sự, xe hàng chạy như mắc cửi và thả khói đến cay mắt. Xe nhà binh mười bánh, xe Sealand nặng hàng ngàn tấn gầm rống, rung chuyển mặt đường và làm mệt những trái tim yếu đuối. Tôi bắt đầu cảm thấy chóng mặt và định đi bộ ra trạm xe phía trước, có thể may mắn gặp xe còn chỗ trống. Bất ngờ một Lambretta ngừng lại. Tôi ngỡ ngàng buột thốt:

- Vũ.

Vâng, người lái xe lam hai bánh đó là Vũ. Sau hơn mười năm tôi vẫn nhận ra anh ngay. Vẫn nét cười cởi mở, Vũ chào tôi:

- Chào Dung. Dung tan sở ra phải không?

- Vâng. Chào anh. Cám ơn anh cho mượn mấy cuốn truyện.

- Dung xem xong chưa?

- Dạ xong rồi. Để bữa nào xin hoàn lại anh.

- Vũ tặng Dung đấy chứ. Mong Dung giữ chúng làm kỷ niệm.

- Cám ơn anh.

Vũ nhìn tôi đăm đăm:

- Dung khác xưa nhiều. Đẹp mặn mà hơn thuở mười sáu, mười bảy năm nào. Nhưng Vũ vẫn nhận ra Dung ngay vì nét cười hồn nhiên, duyên dáng.

“Ồ hay, tôi còn có nụ cười hồn nhiên hay sao? Bề ngoài cười đại, bề trong khóc thầm đấy!” Tôi nghĩ thầm như vậy và làm ra vẻ tự nhiên ngắm Vũ:

- Trông anh cũng vẫn thế. Mười mấy năm rồi không gặp anh nhi?

- Chín năm thôi. Dung còn nhớ không, một lần sau khi Dung vừa kết hôn với Nguyễn, Vũ và người bạn giáo sư chờ nhau Lambretta lại thăm vợ chồng Dung. Nhưng Nguyễn không có nhà, Vũ đã không vào, dù rằng Vũ rất muốn. Dung nhớ chứ?

Tôi gục gật mái tóc tỏ ý nhớ chuyện đó và tiếp tục nhìn các xe chạy qua với ý định gọi taxi nếu thấy. Tôi không muốn đứng đường nói chuyện lâu với Vũ vì cảm thấy như đang mất dần bình tĩnh trước người đàn ông quen biết, rất thanh tú, quyến rũ này. Vũ nhìn quanh và hỏi tôi:

- Dung có chờ ai không?

Tôi cười, giả bộ nhí nhảnh để che lấp nỗi buồn vừa chợt đến:

- Dung đang chờ ông xe lam, ông xích-lô đây.

Vũ thân mật:

- Dung cho phép Vũ đưa về nhé. Vũ đã đến đây mấy ngày rồi đợi Dung. Hôm nay mới gặp.

Tôi biết rằng Vũ thực sự còn cảm tình đặc biệt với người bạn gái nhỏ bé ngày xưa. Nhưng tôi vẫn từ chối:

- Cám ơn anh, Dung đi xe lam hay taxi về nhà được rồi. Khỏi mất công anh.

- Mất công gì đâu. Vũ còn muốn được hân hạnh tới đây đưa Dung về mỗi chiều đấy.

Tôi nhướn mắt ngạc nhiên:

- Được người đưa đón, Dung mừng hết lớn. Anh thấy không cả nửa giờ đồng hồ chẳng xe lam nào ngừng lại. Dung bây giờ thì tự do phơi phới, sợ ai đâu, nhưng sợ cho anh đấy!

- Vũ cũng chẳng sợ ai cả.

Tuy nhiên tôi vẫn vẫy một taxi. Xe ngừng lại. Vũ giữ nhẹ tay tôi và cúi nhìn người tài xế:

- Cảm ơn ông, chúng tôi đổi ý kiến.

Ông ta bực mình lầu bầu gì đó và phóng xe chạy. Vũ quay sang tôi làm vẻ buồn bực:

- Nếu Dung không cho Vũ đưa về chiều nay, Vũ sẽ đến đây ăn vạ mỗi ngày.

Nghĩ đến tên y tá trong sở và những nhân viên hăng ra vào hằng ngày, tôi nhìn Vũ và miễn cưỡng, lắc đầu chịu thua:

- Đừng liều lĩnh vậy, có ngày bị la đấy. Được rồi, anh đưa Dung về lần này và hứa sẽ không bao giờ đến đón Dung tại đây nữa. Anh hứa chắc không?

- Xin hứa.

Vũ rờ máy Lambretta, tôi lúng túng kéo váy che cặp đùi không mang vớ mỏng. Từ ngày đi làm tôi bắt đầu mặc váy, mặc đầm, đồ bộ đủ loại để thay đổi với áo dài. Thời trang của thập niên 60 là váy “mini” ngắn cùn cùn. Tôi không mặc quá ngắn, nhưng cái váy một tấc trên đùi gối cũng đủ khó khăn che cặp giò mảnh khảnh, trắng phau chẳng bao giờ phơi nắng. Nhiều khi tôi vừa hãnh diện vừa mắc cỡ bởi những lời quá khen tặng. Khoác quai ví lên vai, tôi sửa soạn chỗ ngồi cho vững chãi. Tôi định không ôm người Vũ. Bàn tay phải nắm yên xe bên Vũ. Bàn tay trái nắm chặt yên sau. Vũ nghiêng người hỏi:

- Dung sẵn sàng chưa. Vũ chạy xe nhé?

- Rồi, anh đừng phóng nhanh nghe!

Được một quãng tôi mới chợt nhận ra chúng tôi đi về hướng Ngã Tư Bảy Hiền. Tôi cười khúc khích và nói lớn trong tiếng gió phàn phật thổi tung bay mái tóc:

- Xin lỗi. Dung quên không chỉ anh đi về đường Võ Tánh rồi qua Chi Lăng Phú Nhuận.

- Đáng lẽ Vũ phải hỏi trước. Cũng chẳng sao. Vũ càng được đi lâu với Dung. Có ai chờ Dung ở nhà không?

- Có ba ông bạn trai và một cô bạn gái chờ về ăn cơm thôi.

- Dung có bốn cháu hả?

- Vâng, bốn.

Tuy nhiên, Vũ vẫn phóng thẳng đến Ngã Tư Bảy Hiền mới quay vòng trở lại. Qua đường Công Lý dẫn vào cổng phi trường dân sự Tân Sơn Nhất, rồi cổng xe lửa đường Võ Tánh, Vũ nói:

- Ba mẹ Dung còn ở cư xá sau nhà thờ Phú Nhuận không?

- Ông cụ mất được hơn ba năm rồi. Bà cụ còn ở đó với các em Dung.

- Xin chia buồn với Dung.

- Cám ơn anh. Bố Dung còn sống chắc Dung vẫn không dám ngồi toàng teng sau xe anh đâu.

- Tại sao ông cụ ghét Vũ đến thế nhỉ?

- Ông không ghét anh. Nếu con gái Dung mới 16 mà đã có người nói chuyện yêu thương chắc Dung cũng ngán lắm.

Tới nhà thương Cơ Đốc, ngã tư Phú Nhuận, tôi chỉ đường tiếp:

- Anh đi thẳng sang Chi Lăng và rẽ tay mặt hẻm Chu Mạnh Trinh giùm.

Đầu con ngõ này chiều nào cũng tấp nập với xe phở Bắc, xe hoàn thánh mì, hủ tíu bò viên, xe chè hột sen long nhãn, xâm bồ lương. Qua nhà nhạc sĩ Phạm Duy mấy căn, tôi nhắc Vũ ngừng xe. Mẹ chưa lên tiếng gọi, các con đã mừng reo rồi rít chạy ra mở cửa:

- Mẹ đã về, mẹ đã về!

Nhưng chỉ có Nguyên Thủy, cậu cả biết mở khóa cửa. Thường ngày cậu út Thần Phong và cô ba Ngọc Hân tranh nhau vin cổ mẹ xuống đòi hôn, cậu hai Trường Sơn ôm eo mẹ. Chiều nay, khi chợt nhận ra có khách lạ, các cô cậu bỗng đứng ngây nhìn. Tôi mời Vũ:

- Xin mời anh vào chơi.

Tất nhiên Vũ không từ chối. Anh khóa xe đi theo tôi qua cửa sắt, rồi thêm một cửa gỗ và kính. Chị Năm khóa hai lần cửa lại ngay sau khi chúng tôi vào. Đó là luật lệ của tôi để tránh con cái chạy đi chơi bất cứ lúc nào hay bất cứ ai lên vào nhà toàn đàn bà và con nít. Các con vẫn quần quít quanh mẹ và chăm chú ngó khách lạ. Tôi giới thiệu với Vũ:

- Đây là ba ông bạn trai của Dung, Nguyên Thủy, Trường Sơn, Thần Phong. Đây là cô bạn gái, Ngọc Hân. Các con chào bác Vũ đi.

Bốn cái miệng đồng thanh:

- A bác.

Vũ lần lượt hỏi tuổi từng cô cậu chủ nhà. Chưa được hỏi tới, Ngọc Hân đã nhanh nhẩu:

- Cháu 6 tuổi.

Vũ dịu dàng nắm tay Hân:

- Vậy hả, cháu ngoan lắm.

Tôi mời Vũ:

- Mời anh ngồi chơi. Dung xin phép vào trong nhà một chút. Các con ăn cơm chưa?

Bốn cái miệng cùng lên tiếng một lượt:

- Dạ, ăn rồi.

Theo lời tôi căn dặn, chị Năm thường đợi cơm tôi đến sáu giờ chiều. Nếu chưa thấy tôi về, chị cho các em và chị ăn trước, không phải để phần tôi. Vì một lý do nào đó, tôi về muộn và chưa ăn, Năm chỉ đi mua cho tôi một tô phở hay tô

mì là quá đủ rồi. Chị không phải là những người vợ trong cái xã hội “chồng chúa, vợ tôi” này để bị hành hạ, chê bai canh không nóng, cơm không dẻo và chờ chồng dài người. Tôi hỏi các con, tuy rằng đã biết câu trả lời:

- Các con ăn nhiều không?
- Dạ, ăn nhiều.
- Các con ngồi đây tiếp bác Vũ hộ mẹ nhé.

Tôi vào trong nhà bảo Năm pha nước, quay ra đã thấy cô con gái ngồi trên đùi Vũ liến thoắng nói chuyện như chim hót. Ba cậu con trai ngồi yên lặng trong một ghế bành đối diện như dò xét người khách lạ. Tôi ngồi xuống ghế khác. Thần Phong bỏ hai anh, chạy tới ngồi lòng mẹ. Vũ nhìn quanh trong nhà và hỏi:

- Ở đây có an ninh không?
- Cũng an ninh. A, có lần nhà mất cắp bộ máy khâu bằng. Từ đó phải làm thêm cửa sắt bên ngoài. Ra vào cửa đóng then cài như thế đây.

Nguyên Thủy góp chuyện:

- Năm ngoái có róc-két rớt ngay trong xóm này, cách đây vài nhà.

Trường Sơn tròn mắt diễn tả sự sợ sệt:

- Có một người chết bác ạ.

Nguyên Thủy chế giễu em:

- Đêm đó Sơn ngủ say tít, mẹ phải đánh thức mãi Sơn mới dậy để kéo Sơn chạy xuống nhà. Sơn biết cái gì mà nói?

Trường Sơn ấp úng cãi:

- Sơn có tới nhà người chết với chị Năm.

Ngọc Hân làm bộ rùng mình:

- Hân cũng nghe người ta khóc nữa. Sợ quá!

Trường Sơn hình như còn ảm ức bị anh chê, mách mẹ:

- Anh Thủy hôm qua rủ con đi câu cá ở bờ sông mẹ ạ.

Tôi hốt hoảng hỏi:

-Trời! Hai anh em đi câu ở bờ sông nào?

Trường Sơn chỉ tay ra ngoài đường:

-Bờ sông ở đằng này.

Nghiêm giọng, tôi vặn hỏi Nguyên Thủy:

- Thủy, con rủ em đi câu ở đâu?

Nguyên Thủy biết lỗi mình, cúi nhìn chân đi đi trên sàn gạch hoa:

- Phía trên chợ Phú Nhuận. Nhưng Sơn nó ngu quá à. Con sợ nó ngã xuống sông nên đi về ngay.

“Trời ơi, con tôi chúng nó dắt nhau ra tận sông Cầu Kiệu bùn lầy nước đọng kia để câu cá.” Tim tôi muốn ngừng đập với cái cảm tưởng hãi hùng như chúng vừa thoát một tai nạn khủng khiếp không thể lường được. Nước mắt như sắp ứa mi. Tôi ghen ngào không thốt nên lời. Vũ ôn tồn lên tiếng:

- Các cháu không nên ra sông, lỡ trượt chân ngã xuống chết đuối mẹ cháu buồn khổ lắm đấy. Mẹ chỉ còn các cháu bên cạnh để vui vầy thôi. Từ nay không ai ra sông nữa nha!

Vẫn ngồi im trên đùi tôi và luôn tay vôn về lọn tóc mẹ, Thần Phong bây giờ mới lên tiếng:

- Ngày mai anh Thủy cho Phong đi coi chớp bóng nữa nhé. Tôi nhìn con rên rĩ:

- Thủy ơi, cái gì nữa đây?

Trường Sơn lại mách:

- Anh Thủy không cho con đi coi chớp bóng mẹ ạ.

- Thủy, con đưa các em đi rạp nào?

Nguyên Thủy thú thật:

- Rạp Văn Cầm. Sơn lớn, người ta bắt mua vé. Con không đủ tiền. Em Phong không phải mua vé.

Tiện dịp, tôi tra hỏi Nguyên Thủy:

- Tiền ở đâu mà con có vậy?

- Bà nội cho, con để dành.

Cũng như trước đây còn ở nhà, bà nội và bố chúng không biết bù đắp sự thiếu vắng và săn sóc con, cháu bằng cách nào ngoài sự cho chúng tiền mà không theo sát để biết chúng đi đâu và làm gì với tiền đó. Tôi đành thờ dài:

- Mẹ nói một lần chót là từ đây không ai được đi câu cá sông. Mẹ cho Thủy đưa em Sơn đi coi chiếu bóng rạp Văn Cầm thôi. Nhưng đi phải xin phép mẹ và cho chị Năm biết. Phải đi đến nơi về đến chốn, không được lang thang bờ sông, la cà ngoài chợ thì mẹ sẽ cho tiền hai anh em mua vé xem. Hân, Phong còn bé, Thủy không được đưa các em đi đâu cả. Nếu các con ngoan và vâng lời, Chủ Nhật này mẹ sẽ cho đi xem phim Lý Tiểu Long hay lắm ở rạp Văn Hoa lớn Tân Định.

Cả bốn cô cậu cùng nhảy lên reo hò vui sướng. Phong ngoẻo đầu ôm cổ mẹ xin:

- Mẹ cho chị Năm đi cùng nữa nhé.

- Ừ, chị Năm cùng đi luôn. Nào bây giờ các cô, các cậu đi vào đánh răng, rửa mặt mũi chân tay, thay quần áo cho sạch sẽ. Lát nữa mẹ sẽ xem bài vở và học với các con rồi mình cùng ngồi coi ti-vi mí nhau. Cả chị Năm nữa.

Quay sang Vũ tôi hỏi:

- Mái lo con cái quên không hỏi anh chị được mấy cháu?

- Vũ có ba, cháu đầu là con gái mười hai tuổi rồi.

- Cháu cũng phải đẹp như bố mẹ nhỉ?

Vũ có vẻ hài lòng:

- Cháu cũng ngoan và xinh xắn.

- Có con gái đầu lòng dễ nhờ và hơn.

- Mong rằng về sau cháu giống mẹ đảm đang, quán xuyến mọi công việc trong nhà và lo chạy hàng xách nên Vũ cũng đỡ vất vả.

- Anh may mắn đấy.

- Cảm ơn Dung.

Nói rồi Vũ đứng lên, nét mặt băn khoăn:

- Vũ cũng phải về cho Dung ăn cơm. Dung cho phép Vũ thỉnh thoảng đến thăm Dung và các cháu nhé?

Nghĩ rằng chẳng cần nổi Vũ, vả lại tiếp anh như một người bạn, lo ngại gì, nên tôi nói:

- Vâng, nhà cửa Dung đây anh cứ ghé chơi. Nhưng hứa đừng đón Dung ở Cổng Phi Long nữa.

Trước khi bước ra cửa, Vũ ngừng lại, giọng trầm buồn:

- Vũ ân hận đã giới thiệu Nguyễn với Dung.

Tôi làm bộ thản nhiên:

- Ô hay, Dung không ân hận thì thôi, sao Vũ phải phiền nhỉ?

- Nhìn cảnh Dung còn trẻ măng và bốn đứa con bé nhỏ, Vũ đau lòng, xót xa vô cùng!

Tôi cố gắng nở một nụ cười tươi như hoa để tiễn khách:

- Cái gì cũng là thường tình và qua đi. Anh đừng bận tâm. Cám ơn anh đã đưa Dung về.

Đôi mắt Vũ thăm thẳm nhìn tôi:

- Chúc Dung đêm nay ngủ ngon và có nhiều mộng đẹp.

- Anh cũng vậy.

Vẫn giữ nụ cười che đậy những sâu kín đáy lòng, tôi giơ tay vẫy chào Vũ và khóa hai lần cửa sắt. Trở vào nhà, tôi ngồi xuống bàn ăn. Năm đi lại săn sóc cô chủ:

- Để cháu hâm canh lại cô dùng.

Tôi nhìn mấy món ăn nguội ngắt:

- Không cần, tôi không đói, ăn qua loa một chút thôi.

Thực vậy, tôi chỉ muốn ăn cho xong bữa, rồi vội vàng xem sách vở, dạy các con học bài, làm bài.

“Mẹ rất hạnh diện, sung sướng vì các con đều rất thích và vui học nên việc kèm các con dễ như ăn miếng bánh bông lan phải không? Tuy nhiên mẹ luôn luôn phải khuyến khích và thưởng các con ăn chè, ăn bò viên đầu ngõ, cho các con đi

xích-lô tới thăm bà ngoại, đi xem phim chương, đi chơi Sở Thú.”

“Mỗi khi sang bên ngoại, mẹ con mình gặp gỡ đông đủ cả. Cô Vân học giỏi nhất nhà. Thi gì đậu đó và còn đậu ưu hạng nữa. Cô đã đậu xong Cử Nhân Luật và lấy chồng, chú Lưu Quang đang tập sự Luật Sư. Cô chú đã có em bé Vân Trang kháu khỉnh mắt to, mi dài như mẹ thuở nhỏ. Cô Hà cao một thước sáu hai, thân hình đẹp như mấy cô tài tử Mỹ và đang học Đại Học Khoa Học. Cậu Khoa gầy như cây sậy và cao nhất nhà, một thước bảy bốn và đang học Đại Học Luật. Cậu vẫn kiêu hãnh có chân cẳng dài như Angie Dickinson, đáng được bảo hiểm mấy triệu đô-la.”

“Mẹ vẫn thăm cảm ơn các cô cậu học hành giỏi dang thay mẹ để ông ngoại mãn nguyện dưới tuổi vàng và bà ngoại hãnh diện với bà con. Hồi trước khi lấy bố các con, mẹ vẫn bị ông bà mắng, “học hành phú quý giật lùi,” không qua nổi cái Tú Tài Một. Nhưng đến thời các con thì không phải thi cái bằng không cần thiết này nữa. Tuy nhiên mẹ cũng mong các con từ bây giờ và tiếp tục về sau học hành giỏi ít nhất như các cô cậu.”

“Bà ngoại thường treo giải thưởng lớn cho các cháu. Các con phải tranh tài với Quân, Tuấn, Mimi con bác Tâm, Lân. Nguyên Thủy được lên thứ hạng trong lớp là được sách nhi đồng, tuổi thơ. Trường Sơn làm được bao nhiêu tính trừ, tính cộng hai số, Ngọc Hân đánh vần được bao nhiêu chữ dài, Thần Phong đọc được bao nhiêu chữ ABC là được bấy nhiêu cái kẹo, bánh. Mẹ còn nhớ, lần đầu tiên bà ngoại bảo Hân đánh vần một chữ. Tội nghiệp, con biết cả trăm chữ nhưng vì run sợ, đã phải nghĩ mãi mới đánh vần được một chữ ngắn gọn và gần gũi nhất, “mờ e me nặng... mẹ.” Cả nhà vỗ tay ran. Vui thật là vui, các con nhi?”

Vô tuyến truyền hình buổi tối cũng là một phần thưởng hằng ngày cho con nhỏ và giúp bà mẹ trẻ, yếu đuối thù tiếp chúng, giữ chúng ngồi yên được lúc nào hay lúc đó để được nghỉ ngơi. Vì chỉ chơi kích chường, nhảy “twist” với Nguyên Thủy, Trường Sơn một hồi là mẹ mệt dừ. Mẹ cũng không thể vừa nhảy dây hay khâu áo búp bê cho Hân vừa đọc truyện nhi đồng hay tô màu sách vẽ cùng lúc cho Phong.

Tối nay khi bà mẹ đang đánh răng rửa mặt, các con đã gọi ới ới:

- Mẹ ơi, mau lên ra xem Tùng Lâm, Phi Hoàn!

- Mẹ ơi, ra xem ti-vi với chúng con!

Tôi vội vàng thay bộ đồ ngủ và nhảy vào giữa đồng con cái đang ngả nghiêng cười sặc sụa xem một vở kịch giễu trên màn ảnh vô tuyến truyền hình đen trắng. “Những vòng ôm nhỏ bé là lửa ấm yêu thương an ủi mẹ. Những cái hôn thơ đại của các con đã tiếp sức cho mạch sống tưởng rằng đã kiệt quệ của mẹ. Cảm ơn Thượng Đế, mẹ còn có các con.”

Lần thứ hai Vũ trở lại thăm tôi vào một buổi tối khi tôi vừa ăn cơm xong. Khung cảnh nhà cửa với năm mẹ con và một người làm vẫn tung bừng, huyền ảo, cái lương ồn ào như thường lệ. Vì chiều người làm, các con tôi cũng trở thành nghiêng cái lương, mê Thanh Nga, Út Bạch Lan, Thành Được. Các cô cậu nhảy như điên và hát rống lên theo Hùng Cường, Mai Lệ Huyền. Mẹ cũng vui lây!

Tối hôm đó, Vũ hỏi tôi:

- Nguyễn có hay về thăm trẻ con không?

- Từ ngày kết thúc ly dị, Nguyễn không về nữa, nhưng thỉnh thoảng cho tài xế tới đón trẻ con đi chơi.

- Nguyễn có cấp dưỡng đầy đủ cho mẹ con Dung không?

- Hơn cả sự đòi hỏi của Dung.

- Là nhĩ?

- Có đáng là gì so với sự nghiệp và tự do của chàng.

- Dung có cần gì cứ cho Vũ biết.

- Cám ơn anh, cả về vật chất và tinh thần Dung được thoải mái hơn bao giờ hết. Nếu cần những giấy tờ hành chánh cho trẻ con, Dung vẫn gọi tới sở, “hồ” chàng cho người đi làm giùm.

- Dung có nuôi tiếc hạnh phúc cũ không?

Hình như nụ cười mỉa mai chợt hiện trên môi tôi:

- Có hạnh phúc đâu mà nuôi tiếc. Thực ra, Nguyễn đã lấy phải cô vợ vụng về và đoảng vị nhất thế giới, không biết nghệ thuật làm vợ, làm người tình, không biết làm dâu, làm mẹ, nuôi con. Thay vào đó lại mẫn như gà, chồng chê và sợ là phải. Hai kẻ đã như từ hai hành tinh khác biệt, không thể chung sống thì trả tự do cho nhau. Tại sao phải trách móc, lừa dối, hành hạ nhau để rồi cũng đi đến chia tay đau đớn, ê chề. Điều đó đã làm Dung giận hờn không dễ gì quên ngay.

Tôi cúi xuống hai bàn tay ôm mặt để che giấu những giọt nước mắt đang tuôn trào. Nhưng không ngăn chặn được cơn xúc động bất ngờ ồ ạt trở về, tôi đứng lên đi nhanh vào nhà sau. Ướt khăn lạnh lên mặt, tôi lấy lại bình tĩnh và trở ra:

- Xin lỗi anh, lâu lắm không có bạn tâm sự. Dung vô duyên quá, chưa nói đã cười, chưa than đã khóc.

Vũ nghiêm nghị:

- Vũ hân hạnh được làm người bạn tâm sự ấy. Dung còn thương Nguyễn ư?

Xúc cảm đầy lòng, nhưng tôi cười lớn làm bộ thản nhiên:

- A, Dung từ chối trả lời. Dung chỉ đặt vấn đề này trước và trong hôn nhân thôi. Sau khi ly dị rồi, hai bên nguyên đơn và bị đơn không còn lý do nói đến thương yêu nhau nữa.

- Dung có dự tính gì cho tương lai không?

- Tương lai Dung là bốn đứa con. Đi làm đến đâu hay đến đó, lo cho con, lo cho thân mình. Không dám dựa dẫm vào ai.

Vừa lúc ấy Ngọc Hân tới cạnh tôi ồm ồm:

- Mẹ ơi, tối nay mẹ cho con ngủ với mẹ nhé!

Thần Phong nũng nịu:

- Mẹ cho con nữa nhé.

Nguyên Thủy khôn lanh chạy thót lên lầu như đã được mẹ đồng ý:

- Con lên lầu vịn quạt trước cho mát há mẹ?

Trường Sơn cũng lót tót chạy theo anh:

- Đứa nào lên sau hết chỗ, ha ha ha!

Tôi nhìn Vũ như tìm sự thông cảm:

- Anh thấy không, Dung vui với các con.

Vũ đứng dậy tươi cười:

- Thôi chào các cháu nhé. Ru mẹ ngủ cho ngon nghe!

Vũ ra về. Niềm vui nào vừa bùng lên ầm ập trong lòng.

Tôi theo con lên lầu. Thỉnh thoảng chúng lại vò vĩnh đòi nằm ngủ cùng giường với mẹ. Hình như chúng cũng cảm thấy sự lạnh vắng khi phải nằm co ro mỗi người một giường. Thường lệ mỗi khi ngủ giường mẹ, Nguyên Thủy nằm chân giường, Trường Sơn nằm đầu giường. Tôi nằm vào giữa Ngọc Hân và Thần Phong. Năm mẹ con phải nằm ngang cái giường mới đủ chỗ. Chiếc quạt quay nhẹ nhẹ trên trần. Đêm ấy mẹ con nằm ôm nhau như mèo mẹ và bốn mèo con. Đã từ lâu tôi không có một giấc ngủ êm ái, bình an như thế.

Thấm thoát đã đến Tết. *Nếu mai không nở anh đâu biết Xuân về hay chưa?* Tiếng hát của Nhật Trường. Bản nhạc của Trần Thiện Thanh nghe đau đớn, xót xa. Anh là lính tiền đồn, em là gái hậu phương, khắc khoải, lo âu nhớ thương nhau. (Thực ra tên ca sĩ và nhạc sĩ đều là một người.) Tuy nhiên mùa Tết, mùa Xuân chợt về, người chinh phụ có một

hình bóng dễ thương nhớ, chờ đợi, vẫn còn may mắn và hạnh phúc hơn những người không có ai để đợi chờ.

Hôm ấy là ngày mừng một Tết, tôi đã lo cho các con mặc áo mới, đi giày mới. Với thân hình 37 ký lô tươi, tôi thay một áo đầm màu hồng xác pháo, đeo chuỗi hạt trai hai vòng, hoa tai cùng một bộ chị Tâm cho mượn dài hạn. Chị Tâm đã có chồng, anh Lân, Thượng Sĩ và năm con, Anh Quân, Anh Tuấn, Phương Mai, Anh Dũng, Anh Tú. Anh chị đã tự chọn lựa tình yêu với một mái nhà tranh và hai trái tim vàng. Chị thương các em, thích gì chị cho hoặc cho mượn thứ đó.

Đôi giày trắng đã cũ rách nhưng tôi vẫn chưa tìm mua được đôi nào thay thế, đành đi đôi giày da Thụy Sĩ đen bóng, quá sẫm với màu áo. Giày mang số nhỏ bé 34, thật khó kiếm cho vừa chân, vừa ý. Lên khung chải chuốt đầu tóc chỉnh tề, tôi lấy phong bao đỏ bỏ tiền mừng tuổi cho ba cậu con trai, cô con gái và Năm. Tôi định đưa con sang chúc Tết bà ngoại rồi đi Sở Thú thì Vũ tới và là người đầu tiên xông đất. Tôi ra mở cửa. Vũ chúc tôi:

- Chúc Dung năm mới vui vẻ, trẻ đẹp mãi. Đời Dung sẽ luôn luôn tươi sáng như nụ cười bất diệt nở trên môi Dung.

- Anh định viết văn đây hả? Năm mới cũng xin chúc anh và gia đình một năm vui nhất, may mắn nhất.

- Cám ơn Dung. Gặp Dung là muốn viết văn, viết thật nhiều.

- Dung không còn là người em gái văn nghệ nữa đâu nhé.

- Nhưng với Vũ, Dung vẫn là người xưa, tình cảm Vũ chẳng thay đổi.

Tôi giật mình, “nguy quá, bốn cũ sao lại rồi!” Làm như vừa nghe chuyện đùa cợt, tôi cười rộng, muốn xua gạt tình ý của Vũ:

- Tổng cự nghinh tân. Năm mới nói chuyện mới. Mời anh vào chơi.

Vũ vào nhà mừng tuổi cho các con tôi, mỗi cô cậu một phong bao đỏ:

- Chúc các cháu năm mới hay ăn chóng lớn, học giỏi, ngoan ngoãn bằng năm bằng mười năm ngoái.

Bốn cái miệng lễ phép cảm ơn người bạn của mẹ. Thân Phong định mở phong bao Vũ vừa cho. Nguyên Thủy ngăn lại:

- Ê Phong, đừng. Vào đây anh bảo cái này.

Các con nhìn mẹ và khách một lượt rồi chạy uà vào nhà trong. Tôi biết Thủy đã nhắc các em không được bất lịch sự mở phong bao đêm tiền trước mặt người cho. Sau đó các cô cậu ôm nhau hí hửng trở lại phòng ngoài. Chị Năm cũng vui mừng được lì xì, bụng nước trà mời khách. Vũ ngồi xuống ghế bành và hỏi tôi:

- Dung có chương trình gì hôm nay không?

Sau khi biết ý định của tôi, Vũ vẫn nói:

- Vũ muốn rủ Dung đi lễ Lăng Ông.

Tôi ngạc nhiên:

- Anh liêu nhi?

Vũ hiểu ý tôi ngay:

- Liêu lĩnh gì đâu. Bà xã Vũ rất dễ chịu, hiểu rõ sự giao thiệp rộng rãi và đứng đắn của Vũ.

- Thế anh đã làm bổn phận chu toàn cho gia đình ngày mừng một Tết chưa?

- Không thể chê trách vào đâu được.

- Tuy nhiên Dung vẫn muốn ở bên các con trọn ngày hôm nay.

- Dung đưa các cháu sang chúc Tết bà ngoại sáng nay. Chiều hai giờ Vũ quay lại đưa năm mẹ con đi Sở Thú.

Tôi xúc động trong lòng nhưng vẫn từ chối:

- Việc này rất dễ dàng, Dung có thể tự làm lấy được. Cảm ơn, anh đừng hỏi nhiều nữa. Tết nhất thì chỉ thực hiện những

lời chúc vạn sự như ý, muốn gì được nấy. Anh đừng thất vọng cho Dung. Phải lo lấy cho quen đi chứ?

- Vũ chịu thua Dung. Bây giờ cho phép Vũ chụp vài tấm hình Dung và bốn cháu nhé.

- Điều đó có thể được.

Tôi trả lời Vũ và gọi các con:

- Các con ra đây bác Vũ chụp hình cho.

Trường Sơn, Ngọc Hân và Thần Phong hớn hờ chạy lại. Nguyên Thủy phụng phịu đứng dựa cầu thang. Tôi hiểu cậu con trai lớn nhất đã biết buồn. Năm nay là năm đầu tiên bố và bà nội không còn ở nhà. Tôi cũng không làm cơm Tết nhộn nhịp. Nhà vắng hoe tuy rằng vẫn có chậu hoa, chậu quất. Con buồn, mẹ có vui đâu. Tôi ra ôm vai Nguyên Thủy dỗ dành:

- Mẹ cũng muốn mẹ con mình có một tấm hình chụp chung ngày Tết. Xong, mình sang bà ngoại lấy tiền lì xì rồi đi Sở Thú ngồi ngựa quay, leo lầu đài, trèo phi thuyền.

Nguyên Thủy nhoèn miệng cười ngay và tiến lại khoe với Vũ:

- Bố mua cho cháu cái máy hình này.

Vũ đơn đả:

- Ô, máy hình đẹp và tốt lắm đấy, cháu đứng vào bên mẹ, bác chụp nhé. Nào, một hai ba, cười!

Sau khi Vũ ra về, tôi biết rằng không thể giữ các con trong cái nhà lạnh lẽo này lâu hơn. Mẹ con dắt nhau ra ngõ như đàn gà ủa ra khỏi cái chuồng. Ba em chiu chít tung tăng chạy. Anh Hai vừa chín tuổi kiêu hãnh giương máy ảnh ra mọi phía như khoe khoang với trẻ con trong xóm. Ra đường Chi Lăng, bốn cái miệng gọi xích-lô rồi rít. Tôi đã suy nghĩ nhiều. Hôm nay mừng một Tết, tất cả gia đình các bác, cô,

chú đông đủ về mừng tuổi bà ngoại và ăn Tết. Tôi không muốn ai nhìn thấy cái gia đình thiếu hụt của năm mẹ con. Tôi bàn với các con:

- Bây giờ mình đi Sở Thú ngay nhé, không lát nữa trời nắng dữ mẹ nhức đầu lắm. Sáng mai mình sẽ sang bà ngoại nghe.

Một tiếng đồng thanh “nghe” vang đường phố. Xích-lô ngừng lại, mẹ vừa bước lên, các cô cậu tranh nhau nhảy lên theo. Bao giờ cậu Hai, cậu Ba cũng được ngồi, cô Tư và cậu Út phải đứng dựa dùi hai anh. Chỉ được đi xích-lô thôi trẻ con cũng vui như Tết. Gió lộng mát, pháo Tết đi đùng. Mong rằng không phải tiếng súng, tiếng bom đạn chiến tranh tràn về như Tết Mậu Thân, 1968 năm ngoái. Vào Sở Thú, Nguyên Thủy háo hức tung hoành với cái máy hình tự động nhỏ. Xem ra cu cậu thông thạo lắm, nhưng tôi vẫn nhắc:

- Con ngắm kỹ đừng chụp mất đầu nhe.

- Mẹ yên trí lớn!

Trường Sơn ham quá cũng đòi:

- Anh Thủy cho Sơn chụp một cái đi.

Nguyên Thủy gắt:

- Sơn mà biết chụp cái gì!

Tôi giàn hòa:

- Thì con cho em tập chụp vài cái.

Nguyên Thủy đành đưa máy hình cho em:

- Sơn cầm thẳng như thế này. Để mắt vào lỗ này, nhìn thấy đủ mặt mọi người, thì bấm nút này.

Trường Sơn đã chụp hai cái hình. Một cái rửa ra chỉ thấy trời xanh nghiêng ngả. Một cái chỉ thấy những cặp giò trần trụi của mẹ và ba anh em. Nhưng trong lúc tôi viết những dòng này, Trường Sơn đã trở thành một nhiếp ảnh viên thực thụ có phòng chụp hình cho thân chủ. Tết về nhà, anh chàng là tay chụp hình kỷ niệm cho cả gia đình.

Sau khi chụp đủ hình với giàn hoa giấy đỏ, hồ sen long lanh, thảm cỏ xanh mướt, ghế đá công viên, cây cầu gập ghềnh, lầu đài Bạch Tuyết, ngựa quay, phi thuyền, hỏa tiễn không gian, mấy mẹ con ra xe giải khát uống nước ngọt, vì chương trình đi chơi còn dài. Để dần bụng cho đỡ đói, mỗi người ăn một cái bánh mì ngọt nhồi kem thật bự nhưng gọn gàng và mau chóng. Hình như con nít nào cũng thích món này kể cả bà mẹ các con tôi. Một người thợ chụp ảnh dạo tới mời chào:

- Bà và các em chụp hình lấy ngay không?

Thủy trả lời thay mẹ:

- Chúng tôi có nhiều hình rồi.

Người đó lại tiếp:

- Bà chụp một hình đặc biệt, chụp hai lần trong một hình.

Tôi chỉ lấy giá một cái thôi.

Tôi không hiểu ông ta nói gì nên hỏi:

- Chụp hai lần trong một cái là thế nào?

- Tôi chụp cho bà hai lần. Một lần đứng, một lần ngồi.

Hình đứng và hình ngồi đều ở trong một cái ảnh.

- Tôi lạc hậu quá, chẳng nghe thấy bao giờ.

Nguyên Thủy láu táu xen vào:

- Mẹ chụp thử một cái coi.

Được con khuyến khích, tôi đồng ý cho người thợ ảnh chụp hình và cũng muốn để ông ta kiếm thêm chút tiền ngày Tết. Tôi ra đứng, ngồi bên giàn hoa giấy cùng một màu áo đang mặc. Máy ảnh được bấm hai lần. Quả thật lạ lùng. Hai “cái tôi” đôi mặt trong hình. Mẹ con tranh nhau xem.

Trường Sơn khen:

- Mẹ đẹp quá ta!

Nguyên Thủy hóm hình:

- Mẹ “sexy” nữa.

Tôi bật cười, không biết ông con học được tiếng “sexy” ở đâu. Tôi đưa cổ, đưa tay áo ra và cài:

- Mẹ mặc kín áo thể này “sexy” ở chỗ nào?

Cậu cả vẫn tùm tùm:

- Mẹ mặc “mini.”

Tôi xoa đầu con. A, thì ra thế! Cậu con trai biết nhiều hơn tôi tưởng. Ra đến ngoài cửa Sở Thú tôi lại bàn với các con:

- Bây giờ mẹ con mình ghé Giòng Chúa Cứu Thế một chút nhé.

Ngọc Hân thắc mắc:

- Cái đó là gì hả mẹ?

- Cũng như nhà thờ gần nhà bà ngoại, để cầu nguyện cho mẹ con mình gặp được những điều tốt lành. Minh lại đi xe xích-lô và chụp hình nữa.

Xích-lô đưa chúng tôi đi theo Đường Nguyễn Bình Khiêm, qua Hiền Vương, rồi Bà Huyện Thanh Quan và đến Kỳ Đồng. Giờ này sân Giòng Chúa Cứu Thế vắng vẻ. Chắc phải có lễ giao thừa đêm qua. Nhà thờ chính thừa người quỳ lạy. Tôi dắt các con tới trước hang Đức Bà và nói:

- Mình đứng đây cầu nguyện. Đức Bà rất linh thiêng. Các con thành khẩn xin bà phù hộ cho mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn, học hành giỏi dang, ngoan ngoãn và mẹ con mình luôn luôn được vui vẻ.

Năm đưa con ngoại đạo chấp tay trước ngực, đứng nghiêm chỉnh, im lặng cầu xin những điều tôi đã thành tâm tin tưởng từ những ngày còn nhỏ theo các chị đi lễ Nhà Thờ Lớn Phố Nhà Chung Hà Nội. Tuổi đời đã gấp đôi, những cầu nguyện có gấp mấy mươi cũng không đủ cho cuộc đời đầy đau khổ, đất nước lăm tang thương.

Nguyên Thủy đã chụp cho mẹ một tấm hình đẹp nhất đời trước cửa Giòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn. Tất cả những tấm hình năm mẹ con chụp ngày Mừng Một Tết đó được để vào

một cuốn album nhỏ mà Nguyên Thủy đòi độc quyền giữ từ khi vừa trưởng thành.

Ngày mừng ba, Nguyễn cho tài xế đem xe về đón các con. Chúng nhao nhao cuống quít đòi thay quần áo làm mẹ và chị Năm trở tay không kịp. Trước khi chạy ra xe chờ ngoài cửa chúng vẫn không quên hấp tấp vin cổ mẹ, cho mẹ những cái hôn an ủi. Chúng vẫn có tất cả thương yêu cho cha, mẹ. Tôi bỏ chồng, nhưng các con tôi không đòi bỏ cha và chúng vẫn muốn có cha. Chúng không phải là những đứa con hoang hay vô thừa nhận. Tuy không được giải thích, các con tôi đã quen với những xáo trộn giữa bố mẹ và sự xa vắng của bố từ khi có trí khôn. Tôi vẫn nghĩ rằng ngoài Nguyên Thủy đã lơ mơ hiểu tình trạng này, các em cậu còn bé không thắc mắc điều chi, thì cứ để đến đâu hay đến đó. Chiếc xe kia đã mang theo tất cả nguồn sinh lực trong căn nhà hai tầng trống trải. Tôi bảo Năm:

- Tôi lên lầu nghỉ. Chị ăn gì thì ăn, khỏi lo cơm trưa cho tôi. Tôi các em về tôi ăn luôn thể.

Năm vâng dạ, nhưng tôi biết rằng cô chủ không ăn chị cũng nhịn. Tôi may mắn có một người giúp việc hiền lành và hết lòng săn sóc cả năm mẹ con tôi. Đã lâu tôi để Năm toàn quyền đi chợ, mua gì, nấu gì cũng được. Khi tâm hồn không đất đứng, tinh thần cũng sụp đổ, người đàn bà trong tôi không còn hứng thú lo việc nội trợ. Đó cũng là một trong những lý do tôi đã xin giã từ cuộc đời làm vợ, làm dâu, để được yên thân, không bị nghe chê trách triền miên. Khi quá buồn, người ta không còn sức lực để làm bổn phận với những người không muốn giữ bổn phận của chính họ. Hình như tôi đã mất khẩu vị, ăn chỉ để cho khỏi đói nên thật khó khăn nghĩ món ăn hằng ngày. Nhưng Năm khéo léo chọn lựa và

thay đổi thực đơn. Tôi không hề lo Năm ăn bớt tiền chợ. Nữ trang tiền bạc không sợ mất mát. Năm ở với tôi đã hai năm, mới chỉ một lần xin phép về quê miền Trung khi ngập lụt nặng nề ngoài đó. Năm không có hẹn hò trai gái, hay với bà con, họ hàng bao giờ. Năm như cánh tay phải của tôi. Đôi khi tôi nghĩ rằng tôi có quý nhân phò trợ.

Lên lầu, đóng cửa lại phía sau, tôi vặn băng nhạc, rồi vặn lớn hơn, lớn nữa và lớn hết cỡ. Tôi nằm dài trên giường, mặt xấp trên gối để lịm nghe những bản nhạc, những tiếng hát Khánh Ly, Lệ Thu, Thanh Lan... đang gào réo, tàn phá đến mảnh vụn nhỏ nhất của con tim đã nát tan. Khi trái tim không còn một mảnh nguyên vẹn thì cũng không còn cảm thấy đau đớn nữa. Có những lúc tôi đã hy vọng như vậy. Giếng nước mắt hình như lại bị động mạch, dâng lên đầy ắp và tuôn tràn không kịp ngăn lau để gối lại thấm ướt chan hòa. Không biết tỉnh hay mê, tôi bỗng giật mình có người lay gọi và tiếng Năm bên cạnh:

- Cô, cô...

Tôi vội với tay vặn nhạc nhỏ xuống và hỏi lại:

- Gì vậy chị?

Năm vẫn có cái lúng túng bất cứ lúc nào được hỏi tới:

- Thưa cô có ông... ông gì đến?

- Ông nào?

- Ông chụp hình cho cô và các em bữa nọ.

Tôi vội tắt hẳn nhạc và nói nhỏ với Năm:

- Tên ông ấy là Vũ. Chị pha nước mời ông Vũ ngồi chơi.

Tôi xuống ngay.

Ngồi up hai bàn tay lên mặt vài phút để định thần trở lại thực tại, tôi ra bàn phấn soi gương, lau mặt còn hoen ướt nước mắt. Sau khi chải gọn tóc, thoa phớt một chút phấn hồng, một lớp son nhẹ, tôi xốc lại quần áo cho ngay ngắn.

Hít vào một hơi thật dài, tôi bắt đầu diễn tạo một nụ cười và đi xuống thang:

- Chào anh, Dung vừa thiếp ngủ được một lúc thật khỏe.

Đang ngồi ghế bành trong phòng khách, Vũ đứng lên:

- Xin lỗi, Vũ đến đánh thức Dung dậy.

- Không, mấy ngày nghỉ Tết được ngủ đã luôn. Mời anh ngồi chơi.

- Dung vẫn nhạc lớn vậy mà ngủ được ư?

Có một chút ngưng ngừng trong tôi:

- Anh đừng cười cái tặc Dung nghe nhạc lớn khi nhà vắng vẻ nhé.

Vũ nhìn quanh:

- Các cháu đi chơi hết cả?

- Vâng, Nguyễn cho xe về đón trẻ con đi chơi.

- Vũ mang ảnh chụp bữa nọ cho Dung xem. Hình đẹp lắm.

Tôi đỡ lấy mấy tấm ảnh đen trắng trong tay Vũ. Đúng vậy, năm mẹ con tôi trong hình đều đẹp trai, đẹp gái cả. Nhưng tôi vẫn khô hài:

- Hình nào mấy mẹ con cũng phô trương chân cẳng ngheêu ngao như cày cua.

Vũ nghiêng qua bàn, chỉ vào hai bức ảnh:

- Vũ lại nghĩ khác. Hình này năm mẹ con như năm con thiên nga túm tụm áp dựa nhau. Hình này như gà mẹ đang cánh ôm ấp bốn gà con. Mẹ trẻ đẹp, con xinh xắn. Tại sao lại như vậy? Vũ không thể hiểu được.

Biết Vũ muốn nói gì, tôi tránh cái nhìn như muốn soi thấu tâm tư và làm cay mắt người đối diện:

- Chuyện gì cũng có lý do. Tuy nhiên tất cả đã được giải quyết rồi, thắc mắc làm gì nhỉ? Mời anh ăn hạt dưa, mứt sen đi. Mừng ba vẫn còn là Tết.

Nói rồi tôi bóc một hạt dưa nhuộm đỏ đặt vào kẽ răng và cắn. Đôi lúc ngồi hàng giờ cắn hạt dưa liên miên đến rất

lười, nứt môi, đầu óc trống rỗng, tôi không biết mình suy nghĩ những gì. Hôm ấy, hạt dưa thứ nhất đến hạt thứ hai và thứ ba đều bị gãy đôi hay vỡ vụn. Một điều gì đây? Không nhiều thì ít, gần đây tôi đã tin vài điều dị đoan rất dân bà, con gái. Tốt hơn là không cắn thêm hạt nào nữa. Tôi phân trần với Vũ:

- Hạt dưa dòn quá!

Vũ không để ý chuyện hạt dưa, hỏi tôi:

- Dung có định đi đâu chơi hôm nay không?

- Hai cô bạn trong xóm hẹn rủ Dung sang nhà chơi bất chiều nay. Nhưng cảm thấy mệt trong người, có lẽ Dung không đi.

- Đôi khi Dung nên ra ngoài chơi cho khỏe. Ở mãi trong nhà, nghĩ ngợi hoài phát bệnh đấy.

- A, Dung chẳng chôn chân ở nhà để nghĩ ngợi đâu.

- Dung đi chơi một vòng với Vũ nhé.

Tôi đã nghĩ đúng. Tình cảm ngày xưa giữa tôi và Vũ còn le lói, lung lay đây. Một rung động nào nhẹ nhàng, một niềm vui nào nho nhỏ khi Vũ bước vào căn nhà trống vắng này. Tôi hoàn toàn tự do. Tôi chẳng ngại ngần nhẩy xe Lambretta của Vũ, phơi phới phố phường cho quên hết sự đời. Nhưng đi chơi với Vũ, nhất là ngồi ngất ngưỡng sau xe anh thì tội cho người vợ quá. Tôi không muốn lương tâm bị cắn rứt. Đang muốn xua đuổi nỗi buồn này, lại vướng mắc chuyện phiền kia. Bệnh hoạn hình như đang chờ rình ngoài ngưỡng cửa. Tôi ôn tồn từ chối khéo:

- Dung cảm thấy không được khỏe trong người, nhưng rất vui anh đến thăm Dung. Bây giờ chẳng sợ ông bà cô cậu cản như ngày xưa nữa, anh cứ tự nhiên đến chơi. Chúng mình sẽ lại có một tình bạn đẹp...

Biết tôi cương quyết không nhận lời đi chơi, Vũ ngồi thêm chốc lát rồi ra về. Khi tiếng xe Vũ vừa mất ngoài đầu ngõ, có tiếng gọi ngoài cửa:

- Có Miss Dung ở nhà không?

Tôi nhận ra tiếng Duyên, cô bạn trong xóm. “Miss” là tiếng thời trang của các cô, các bà làm sở Mỹ thường gọi nhau. Duyên làm y tá phòng răng Nhà Thương Đệ Thất Sư Đoàn Dã Chiến Hoa Kỳ gần Tân Sơn Nhất. Ra mở cửa, tôi thấy cả Từ, cô bạn bên trước cửa đang đứng cạnh Duyên. Từ là nhân viên hãng RMK-BRJ Trung Ương trên đường Thống Nhất. Tôi mời:

- Hai “Miss” vào chơi. Năm mới năm me!

Từ trắng nõn nà, lúc nào cũng trang điểm cẩn thận với bộ tóc rất hộp. Người đẹp ồm ờ nói ngay:

- Hai đưa đi tới, đi lui cả chục lần, đợi xe chàng đi mới gõ cửa đây.

Vui vẻ và duyên dáng như tên của nàng, Duyên hỏi:

- Chàng nào vậy, đẹp trai đấy chứ? Cứ tưởng nàng vẫn cô đơn.

Tôi lườm hai người con gái tinh quái, bằng tuổi tôi vẫn chưa chồng:

- Đành cô đơn thôi. Chàng có nơi có chốn rồi. Bạn cũ đấy.

Từ dài giọng:

- Thôi Miss Dung ơi, đừng nói chuyện bạn làm chi, chẳng ai tin được đâu.

- Tin hay không tùy các “Miss”. Tôi vừa từ chối đi chơi với chàng đấy. Hai nàng không có mục gì hay sao?

Duyên nói:

- “Chú” vừa tới và gửi lời thăm Dung. Chú muốn mời tụi mình đi chơi nữa. Chú hứa lần này chú ngoan, không làm Dung giận.

Duyên có ông chú cỡ bự, chịu chơi, nhưng vợ con chú cũng bự luôn. Ông ta biết Duyên có mấy cô bạn hơi hớ, nên o bế cô cháu rủ bạn đi chơi với chú hoài. Tôi đi được một lần, thấy chú có xiềng xích to tổ chẳng, vẫn mắt la mày lét, thỉnh thoảng lại giả vờ lơ để tay lên đùi trắng phau phau của bạn cô cháu, nên tôi chạy luôn. Tôi cười cợt trả lời:

- Duyên nhắn chú về nhà chơi với thím. Dung cảm ơn nhiều.

Từ quay mấy vòng như nhảy Valse với người tình trong mộng và buông một tiếng thở dài:

- Hai “Miss” sang tôi rút tí bắt côm cho đỡ buồn đi.

Tôi sang nhà Từ ngồi chơi bất giết thời giờ với hai giai nhân tam tuần còn độc thân của xóm Chu Mạnh Trinh. Nhìn mấy cây bài có ghi số sẵn trên tay nhưng hồn tôi lang thang nơi đâu...

Tuần sau Vũ trở lại với cái máy hình trên vai. Vũ hỏi hả rủ tôi đi chụp hình như chuyện tất nhiên:

- Dung ăn ảnh lắm, hôm nay Vũ lắp một cuộn phim màu, trời nắng đẹp, hoa mai vàng vẫn còn nở tung bùng. Vũ sẽ chụp hết một cuộn này cho Dung.

Đàn bà, con gái dù không đẹp cũng thường thích được chụp hình. Huống chi, tôi biết mình không xấu. Tôi cũng không muốn từ chối một sự ân cần, cởi mở ở Vũ. Anh có thể buồn tôi phụ tình bạn trong sáng, chân thành. Tuy vậy tôi vẫn do dự:

- Có thật Vũ không lo sợ ai thấy Dung đi chơi với anh không?

- Nếu sợ Vũ đã không rủ Dung. Gia đình chẳng bao giờ để ý sự giao thiệp của Vũ cả.

- Tuy nhiên Vũ đừng để ông y tá trong sở Dung biết Vũ đến thăm Dung đấy nhé. Người xung quanh nhòm ngó, khó chịu, chẳng thể làm việc được.

- Chắc chắn rồi. Nhưng nếu có biết hẳn cũng không dám lôi thôi gì. Hẳn có rất nhiều tội nặng. Hẳn sợ Vũ phanh phui nên nể Vũ lắm, không dám ho he gì đâu.

Tôi cười thích thú:

- Mong rằng hẳn đừng bao giờ chọc Dung nữa. Bây giờ Vũ có thể chờ Dung độ mười phút được không?

Vũ nhìn tôi với ánh mắt rạng rỡ:

- Vũ chờ Dung mười năm nữa cũng được.

Tôi nguyệt Vũ và đi lên lầu để buông tiếng thở dài lo âu tình yêu của anh cho tôi đã trở lại. Tôi trang điểm kỹ lưỡng hơn, thay một áo dài cổ vuông, hàng lụa màu hoa đào đỏ, lụa thưa cành lá nhỏ màu đen, quần đen, bóps đen, giày đen và đeo bộ hạt trai cổ hữu. Mái tóc ngắn vén hờ hai tai vừa che tới cái gáy nhỏ. Mấy ông bà thợ may thường nói về tôi như vậy. Cổ nhỏ nên cần phải cứng để mang cái đầu bướng bỉnh, để chống đỡ sự tấn công của cuộc đời. Tôi xuống nhà dặn dò các con:

- Mẹ đi công việc với bác Vũ một lúc về ngay. Không được chạy ra đường nhé. Ngoan nghe, tối nay mẹ cho ra ngõ ăn thịt bò viên và chè sen long nhãn. Chị Năm khóa cửa cẩn thận đấy.

Lần đầu tiên nhận lời đi chơi với Vũ sau một thời gian dài không liên lạc, tôi không để Vũ đưa đi đâu xa. Một e ngại nào đó vẫn theo nhịp thở không đều. Chúng tôi vào Lăng Lê

Văn Duyệt³⁶. Chưa qua rằm tháng Giêng nên người đi lễ, xin xăm vẫn còn đông. Khói hương nghi ngút. Vũ hỏi:

- Dung có muốn xin xăm không?

- Có biết đọc đâu mà xin.

- Vũ có thể đoán được.

Tôi ngẫm nghĩ và lắc đầu:

- Thôi, chẳng dám đâu. Thề tốt không sao. Xấu, lại lo, xui cả năm.

Vũ muốn chụp nhiều hình. Tôi từ chối, nhớ tới những chứng tích mà thuở ban đầu tôi đã không bao giờ lấy lại được. Tôi viện lý do người đông đúc khó lấy hình. Chúng tôi thả bộ mấy vòng quanh Lăng Ông Lê Văn Duyệt. Sự hồn nhiên trẻ trung trở về. Những suy tư, buồn phiền hình như bị lửa nhang đốt bay theo hương khói. Tôi hỏi Vũ:

- Cảnh lễ bái này gọi Vũ nghĩ tới cảnh nào?

Vũ nhìn sang tôi:

- Vũ chỉ nghĩ tới cảnh Lăng Ông ngày Xuân đi bên cạnh người yêu hiện tại.

Tôi làm ra vẻ ngây thơ không hiểu ý tình người đi bên cạnh:

- Vũ giỡn hoài. Dung thì nghĩ tới cảnh đèn Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc Hà Nội. Ông già bà cả lễ bái, trai thanh gái lịch dập dìu. Trời mùa Xuân còn gây lạnh. Áo len, áo dạ khăn quàng thướt tha, Vũ nhỉ?

- Hồi đó Dung cũng đi lễ Tết?

- Không, còn bé tí teo biết gì mà lễ. Nhưng Dung theo các chị đi chơi chợ phiên bên Hồ Hoàn Kiếm rồi vào đền xem người ta lễ bái, hái lộc.

36 - Lăng Lê Văn Duyệt: Miếu đền thờ Tả Quân Lê Văn Duyệt (1764-1832), vị tướng Tổng Trấn Gia Định Thành thời Vua Gia Long Nguyễn Phước Ánh (1802-1819).

- Vũ cũng vài lần đi phát phơ Kermesse bờ hồ ngày Tết với các bạn. Vũ không để ý đến những áo len, áo dạ mà chỉ để ý tới cô bé lẳng xăng, tíu tít chạy theo các chị thôi. Có lẽ vì thế lần đầu tiên gặp Dung, Vũ tưởng như đã gặp cô bé ở đâu rồi.

- Còn Dung cứ ngỡ gặp Vũ trên màn ảnh Ciné đồng hạng 5 đồng từ lâu. Vũ có nhớ cô bé đi chơi Tết bờ hồ mặc áo màu gì không?

- Cô bé mặc áo màu hồng cũng xinh, màu vàng cũng đẹp?

Tôi bật cười vang để chim chóc trên cành cũng bay nhảy ríu rít họa theo:

-Vũ có thể ngả chiếu thầy bói kiếm tí tiền còm ngày Xuân được. Con gái nào không có áo lụa màu hồng, màu vàng.

Vũ giả bộ nhìn xung quanh:

- Phải đấy. Để thầy kiếm một chỗ nào ngồi xuống xem quẻ mở hàng cho cô bé Hà Nội ngày xưa của thầy.

Mãi vui thân mật, tôi không để ý vòng tay Vũ ôm ngang eo tôi từ lúc nào như đôi tình nhân. Tôi bước nhanh lại một gốc mai vàng đang khoe vẻ quý phái như màu áo Tết làm nổi làn da mịn trắng, đôi má ửng hồng của mấy cô bé Hà Nội. Nắng xuân huy hoàng rực rỡ. Vũ đưa máy ảnh lên định chụp. Tôi xua tay lắc đầu, tiếp tục bước đi:

- Miền Nam cũng có hoa Tết đặc biệt và thật đẹp, Vũ nhỉ?

- Vũ nghe nói có vườn hoa mai vàng ở Thủ Đức đẹp lắm. Để bữa nào Vũ đưa Dung đi chơi.

Lẽ dĩ nhiên tôi mơ ước được đi mọi nơi, mọi chốn như mơ ước hạnh phúc đã không bao giờ đến với tôi hay là quá ngắn ngủi, tôi không còn nhớ nữa. Tôi không khuyến khích ý định của Vũ:

- Vậy hả Vũ? Nhưng sau Tết Mậu Thân năm ngoái, Dung chẳng thấy chỗ nào yên mà đi chơi.

Trở lại nghiêm chỉnh, Vũ hỏi tôi:

- Dung có bao giờ lấy số tử vi không?

Tuy không tin bốc thẻ, xin xăm nhưng nghe nhiều người nói tử vi có vẻ đúng như... thật, nên tôi vẫn định tâm có dịp đi lấy một lá số xem cuộc đời mình sẽ đi đến đâu. Nếu tử vi nói đúng cái dĩ vãng gay cấn kia thì có thể tin tử vi sẽ cho biết tương lai còn gì rùng rợn hơn nữa? Tôi trả lời:

- Không. Dung định nhờ mấy cô bạn đưa đi lấy một lá số xem... cho vui.

- Nếu Dung chưa tin, cũng nên tin. Cung sao chiếu mạng con người hiện lên rõ rệt trên lá số. Đúng từng năm, tháng, ngày, giờ. Vũ biết một ông lấy số tử vi hay lắm trong Chợ Lớn. Bữa nào Vũ đưa Dung đi. Dung có biết ngày tháng năm sinh âm lịch không?

- Không. Chỉ biết Dung cầm tinh con mèo.

- Có ngày, giờ sinh dương lịch có thể lấy sang ngày ta được.

- Trong một giấy khai sinh rất xưa cũ của Dung từ Hà Nội có ghi một giờ sáng. Mẹ Dung cũng xác nhận như vậy. Người ta nói, mèo sinh ban đêm thích bắt chuột. Nhưng đó là mèo hoang. Nhà Dung nuôi con mèo nào cũng sợ chuột cả và đêm nằm tho lo sa-lông hay rúc nách các cô, cậu chủ ngủ ngon lành. Dung chỉ muốn làm mèo loại này thôi.

- Mèo hiền lành và dễ thương như Dung.

Tôi cười ngất:

- Chưa chắc đâu. Mèo nào cũng có móng vuốt và răng nanh cả. Dung chỉ không thích làm thứ mèo hoang, dơ bẩn.

Thế rồi, Vũ bắt đầu đến thăm tôi như một thông lệ hằng tuần. Tôi vẫn giữ giới hạn người bạn hồn nhiên, dù rằng lời nói triu mến, ánh mắt nồng nàn của Vũ như tỏa ra vòng hơi

nóng bỏng vây bọc quanh tôi. Một hôm Vũ đến rủ tôi đi ăn trưa. Tôi quên tất cả những e ngại cổ hủ và vui vẻ nói ngay:

- Dung nghe nói trên xa lộ có quán bún ốc hấp dẫn lắm. Anh thích bún ốc không?

Vũ mừng rỡ:

- Thích chứ. Vậy chúng mình đi ngay nhé! Vũ cũng đang đói đây.

Tôi thay nhanh chóng cái áo dài xanh mây trời nhạt, cổ hở, quần trắng, giày trắng, ví trắng, khung kính râm màu trắng. Vũ cũng có lối ăn mặc khéo léo, lịch sự, áo sơ-mi ngắn tay trắng, quần, cà-vạt cùng màu xám nhạt, giày trắng, mắt kiếng màu khói, gọng vàng. Tất cả lên khung một Vũ văn nhân, tài tử. Tôi chưa bao giờ phật ý về cách phục sức của Vũ từ ngày quen biết anh.

Xe Lambretta bon bon chạy dưới bóng rợp của hai hàng cây cao bóng cả trên Đại Lộ Chi Lăng về hướng Gia Định. Xe phải dừng lại ở đèn đỏ. Vũ nghiêng nhìn về phía sau và chợt thấy một mũi giày trắng của tôi dính vết bùn. Vũ hấp tấp hỏi:

- Ô, giày Dung bị bắn bùn lúc nào vậy?

- Ngay ở đầu ngõ nhà Dung. Máy xe phở, hủ tít, rửa chén bát làm ướt át hoài chỗ đó.

Qua đèn xanh, Vũ cho xe đi vào bên lề đường sạch sẽ, chống xe đậu lại. Tôi đứng xuống đất và còn đang ngạc nhiên chưa kịp hỏi, Vũ rút trong túi quần ra chiếc khăn tay trắng. Giọng Vũ dịu dàng:

- Em ngồi lên xe đi, anh lau giày cho. Anh không muốn giày bẩn làm xấu em.

Vũ đỡ tôi ngồi lên yên xe. Rồi như ngày nào bên Hồ Hoàn Kiếm, Vũ dùng khăn tay lau ghế ngồi cho tôi và cô bạn Bích Vân tuổi hoa phượng Hà Nội, một tay Vũ nâng chân mang giày dính bùn của tôi, một tay cầm khăn lau rất nhẹ

nhàng. Tôi có cảm giác bàn chân bé nhỏ của tôi nằm trong bàn tay ấm áp của anh những phút lặng mê, lơ đãng.

Cảm giác ấy hiện về xôn xao khi tôi xem phim *The Way We Were* sau này. Robert Redford đã nâng chân Barbra Streisand đặt lên đùi chàng và thắt lại dây giày cho nàng. Truyện phim khúc mắc, mỗi tình ray rút không hậu. Người ta có thể thương nhau, yêu nhau, nhớ tới nhau suốt đời với cảm tưởng đẹp vì một cử chỉ thật nhỏ bé ân cần.

Đầu thập niên 1970, chiến tranh Việt Nam đã đến thời kỳ không thể nào còn khốc liệt hơn. Chiến tranh khủng khiếp, chiến tranh oán hận, ngút ngàn địa ngục trần gian. Cuốn phim tình cảm đầm nước mắt *Love Story* được tung ra hoàn cầu, không một tình tiết nào liên hệ tới bom đạn, chiến xa, hỏa tiễn. Cuốn phim được cả thế giới tiếp nhận như một món ăn tinh thần hiếm có để người ta tìm lại những lãng mạn bị bỏ quên, những thơ mộng thiếu vắng lâu ngày. Tôi đi xem phim *Love Story* trong buổi chiếu đầu tiên tại rạp Rex, Sài Gòn. Hình ảnh người yêu Hà Nội của tôi đột nhiên xuất hiện, cuồng nhiệt, tuyệt vọng, đau thương. Vũ có nét lai tây phương phảng phất Ryan O'Neal trên màn ảnh lớn. Ngâm ngùi, băng khuâng lại trở về chuyện tình đầu mong manh, ngắn ngủi. Giọt lệ âm thầm nhỏ dài trên đôi má! Tôi khóc cho tình phim hay tình tôi?...

Khi Vũ cho xe chạy, tôi quên hết những ý tứ, giữ gìn, e ngại. Tôi vòng tay ôm qua người anh như ôm người yêu. Tôi cảm thấy như quá quen thuộc với anh, như không có khoảng cách mười ba năm qua giữa tôi và Vũ. Khi tỉnh cơn mê, tôi định rút tay lại thì tay tôi bị giữ trong tay anh. Tôi ngả người trên lưng áo Vũ, êm ái, buông trôi. Xe đi vào một quán nhỏ lụp xụp bên xa lộ, bàn ghế xiêu vẹo nhưng đầy chật người ngồi ăn. Vũ gọi bún ốc cho cả hai. Tuy nhiên, chúng tôi đều

không cảm thấy đói và bỏ dở hai tô bún, chẳng biết ngon hay không. Vũ nhìn tôi tha thiết:

- Vợ anh có vài lần nói rằng, bà ấy không lo sợ anh quen biết cô nào cả, chỉ sợ anh gặp lại Dung.

Tôi ngạc nhiên:

- Sao vậy? Chị ấy biết chuyện mình ngày xưa?

- Bà ấy biết, vì anh thất tình em nên lấy vợ đại cho xong. Anh có hẹn hò quen biết vợ trước khi cưới đâu. Anh còn thương Dung, bà ấy cũng chẳng có quyền trách móc gì được.

Nghe như có một tai họa đang chuyển mình. Tôi mong rằng Vũ chỉ nói cho vui chuyện. Rồi quán cóc, Vũ phóng xe vun vút với một tay cầm lái, một tay nắm tay tôi ôm qua người chàng. Tôi nghĩ đến phim *Vacances Romaines*. Vũ đẹp hào hoa chẳng kém gì anh chàng phóng viên nhà báo Gregory Peck. Tôi mong ước là nàng công chúa Audrey Hepburn bỏ trốn cung điện qua một đêm phiêu lưu mạo hiểm trong dân gian. Đồng ruộng mênh mông, xa lộ chạy dài thẳng tắp. Gió lồng lộng mùi thân thể, hương tóc. Tôi không ngại ngần làm người yêu của Vũ nếu chàng độc thân. Tôi muốn quên đi tất cả những phiền toái cuộc đời để chỉ nghĩ có Vũ bên tôi. Xe chạy gần tới Biên Hòa mới quay lại. Tình cảm ngất ngây thuở mười tám, mười chín muốn trở về...

Nhưng thực tế bùng tình khi Vũ đưa tôi trở lại con ngõ quen thuộc. Tôi không thể tiếp tục gặp Vũ được nữa. Cảm giác choáng váng như đang đứng trên vách đá cao chênh vênh. Tôi phải lùi lại, không thể tiến thêm một bước nào để hụt hẫng ngã xuống vực sâu không lường được. Xuống xe, tôi nói như một lời từ giả:

- Cảm ơn anh cho Dung đi chơi vui. Anh về nhé.

Vũ nhìn tôi ngỡ ngàng:

- Không cho anh vào ngồi với Dung thêm một lát nữa sao?

- Chúng mình đi chơi hôm nay đủ rồi. Khi khác gặp nhau.

Vừa lúc đó các con tôi ùa ra mở cửa. Tôi lách vào và làm bộ tự nhiên vẫy tay chào Vũ.

Những ngày liên tiếp sau đó là cả cuộc chiến nội tâm. Vũ không cần thổ lộ, tôi cũng biết Vũ đã trở lại yêu thương tôi thật rồi. Mỗi liên lạc này không thể nào là tình bạn bình thường, mà sẽ là tình yêu tội lỗi. Vũ đã có vợ. Tôi không muốn làm khổ bà ta. Tuy không thù ghét những người đàn bà không nhiều thì ít, định len lỏi chui qua tường vách vào gia đình người khác, tôi không thể ưa được họ. Có ai thương được kẻ trộm cắp ngoài tên đồng lõa. Tôi cũng không muốn ai nhìn tôi, nghĩ về tôi như vậy. Tình yêu này như con nước lụt đang ào ạt dâng nhanh, chảy mạnh. Một người đang soãi bơi đầu dòng. Một kẻ đang hoang mang sợ hãi nhìn con nước trườn chảy tới. Phải đắp đê ngăn chặn lụt gấp rút, nếu chậm trễ, lụt tới sẽ lôi cuốn theo cả hai. Tôi không muốn Vũ và tôi cùng chết đuối. Với quyết định này, tôi hội họp các con và người giúp việc:

- Chị Năm, bất cứ ngày giờ nào ông Vũ tới cũng nói tôi đi vắng cho đến khi tôi đổi ý nhé. Các con cũng làm như vậy, nghe chưa?

Mười cặp mắt mở tròn nhìn tôi như có câu hỏi lớn trên môi. Hân láu táu trước nhất:

- Tại sao hả mẹ?

- Mẹ muốn có nhiều thời giờ ở nhà chơi với các con. Mẹ chỉ gặp bác Vũ khi có việc gì cần thiết thôi. Nếu bác ấy tới để chị Năm ra trả lời.

Tôi không muốn số sàng cắt đứt thân tình với Vũ ngay. Chàng sẽ buồn giận, chẳng ai vui trong cuộc. Quả nhiên, Vũ

đã đến hai lần trong tuần đó. Một lần tôi ngồi im trong nhà. Một lần tôi đưa các con ghé ăn phở Quyền trước cửa nhà thương Cơ Đốc, rồi gọi xích-lô tới chơi nhà anh Châu, chị Phương gần Ngã Tư Bảy Hiền. Bảy giờ anh chị đã có ba cháu, Phương Mai, Minh Đăng, Minh Đạo. Chiều về, mẹ con tôi ghé thăm bà ngoại cho hết một ngày cuối tuần để tránh Vũ. Chỉ đi chơi vậy thôi, các con tôi vui mừng hơn hờ đến tội nghiệp.

Trong những ngày đó tôi đã nghĩ đến Vũ thật nhiều. Các con tôi không thể hiểu được mẹ chúng cũng có những mơ ước vời vợi trời xanh cao vút, mệnh mông bờ cát ấm êm, bát ngát đồng lúa chín vàng, những vùng của tình yêu trải đầy hạnh phúc.

Tuần lễ sau tôi bãi bỏ “lệnh bế quan tỏa cảng” để trải nghiệm lòng mình, lòng người. Tôi ra mở cửa mời Vũ vào và làm bộ cười như hoa nở, như không có chuyện gì. Vũ đã căn vặn từng ngày của tôi trong tuần qua. Tôi tường thuật một phần và thêm bớt một phần cho được hòa nhã:

- Thịnh thoảng Dung cũng phải đưa trẻ con đi đây đó không chúng cuồng căng, nhăn nhó khó chịu lắm.

Vũ dè dặt hỏi tôi như đoán trước sẽ có sự từ chối:

- Dung có muốn đi lấy số Tử Vi không?

Người đàn bà dù không bao giờ tin bói toán dị đoan, nhưng khi đến khúc quanh cheo leo của cuộc đời, muốn biết mình sẽ thông dong đi xuống thung lũng bình yên hay chơi với bên bờ vực thẳm. Suy nghĩ đắn đo vài phút, thấy rằng đi một lần nữa với Vũ cũng chẳng sao, nên tôi hỏi:

- Đi lấy số tử vi ở đâu anh?

- Bên Chợ Lớn.

- Thực sự có phiền không?

- Cam đoan không có điều gì phiền cả. Anh mong có những dịp được ở bên Dung và cảm thấy trẻ lại, yêu đời hơn từ ngày gặp lại Dung.

Lời Vũ thỏa mãn lòng kiêu hãnh của tôi một chút, nhưng làm tôi lo ngại thật nhiều. Tôi nhận lời đi lấy số tử vi với Vũ nhưng vẫn miên man suy nghĩ về hoàn cảnh và tình cảm của anh. Tôi phải “phong tỏa mọi mặt thành lũy, canh chừng đối phương tấn công” bất cứ giờ phút nào như Việt Cộng đánh úp miền Nam Tết Mậu Thân năm ngoái. Chúng tôi đi tới một ngõ hẻm đông đúc trong Chợ Lớn. Vũ vào gặp một ông già, đưa ông ngày, giờ, năm sinh của tôi. Ông ta có rất nhiều khách nên hẹn một tuần mới lấy xong lá số. Trên đường về, tôi bắt đầu ngênh ngó nhìn phong cảnh hai bên đường như ở nơi xa lạ vì từ lâu không đi đến đâu. Khi đi qua rạp Nam Quang, đường Lê Văn Duyệt tôi buột miệng kêu lên:

-*Breakfast at Tiffany's!*

Vũ hỏi:

- Gì vậy Dung?

Tôi chối:

- Dạ, không!

Vũ nhìn lên tấm quảng cáo vĩ đại trước rạp chiếu bóng:

- Phim đang chiếu phải không Dung?

- Hình như vậy.

Vũ ngừng xe lại:

- Phim của Audrey đây, Vũ cũng chưa coi. Chúng mình đi xem nhé.

- Thôi để lúc khác anh, phim đen trắng, cũ rồi. Chắc không có gì hấp dẫn đâu.

Về giận hờn, Vũ nghiêng nhìn tôi ngồi đằng sau:

- Dung cũng chưa xem phim này phải không?

Cả bấy năm làm vợ, cây nghiền xi-nê tôi đành bỏ quên các phim ham thích. Đàn ông chỉ thích đi xem phim với

người yêu và không thích ngồi nghiêm chỉnh với vợ trong rạp tối. Các con tôi còn nhỏ, không thích coi phim Mỹ, nhất là loại tình cảm thật nhàm chán với chúng. Tôi đi một mình hay sao? Tôi trả lời Vũ một cách khác:

- Lâu lắm rồi, Dung chỉ xem phim Chưởng hay phim Walt Disney với trẻ con và người làm thôi.

- Vậy Dung phải đi coi với Vũ phim này. Nếu Dung từ chối, Vũ sẽ buồn lắm.

Hình như đó là một lời than thở của đàn ông để đàn bà, con gái động lòng trắc ẩn mà... thương. Thêm vào đó, những thích thú học trò náo nức trở về như ngày nào ham mê xi-nê, không bỏ qua một phim nổi tiếng. Cái thú đó vẫn còn với tôi trong giờ phút ngồi viết lại những dòng tâm sự xa xưa này.

Trước vẻ khẩn khoản gần như thất vọng của Vũ, tôi không thể từ chối. Người ta vướng mắc vào con đường trần tục cũng vì những giây phút cả nể. Nhưng đây không phải là *Cả nể cho nên sự dờ dằng, Nỗi niềm chàng có biết chăng* của Nữ sĩ Hồ Xuân Hương nên tôi cười rộng, liều lĩnh gạt hết mọi lo âu:

- Vâng thì đi!

Thế rồi, tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng Audrey Hepburn mảnh khảnh gầy lép, bộ tóc bới cao ngầu nghện, xiêm y satanh đen bóng, miệng cười hóm hỉnh ngậm cần thuốc lá dài như cánh tay của nàng. Nhưng Audrey đẹp như một nàng tiên. George Peppard to cao, có mái tóc và cặp mắt của Vũ, người đàn ông ngồi bên tôi trong rạp tối đã nồng nàn ôm tôi, đã cuồng nhiệt hôn tôi. Người đàn bà cô đơn không tình yêu qua nhiều năm tháng đã đầu hàng cuộc nội chiến tim óc gay go như cơn giông tố, bão táp trong lòng.

Sau lần đó, tôi biết rằng tôi không có một ly tắc bản lãnh nào trước sự thu hút như nam châm ở Vũ. Trái tim rung động như một đóa hồng trước gió. Thân thể mềm như tơ lụa trong mưa. Tôi không thể chống đỡ luồng hơi tình yêu nóng bỏng ào ạt đã đến từ Vũ. Một buông thả, chấp nhận có thể đến bất cứ lúc nào. Qua những ngày đêm khắc khoải suy tư, tôi cương quyết chỉ gặp Vũ tại nhà, không đi đâu với Vũ nữa. Khi Vũ trở lại rủ tôi đi lấy lá số tử vi. Tôi từ chối:

- Anh đi lấy giùm Dung. Từ nay Dung nghĩ rằng chúng mình không nên “làm như thế” nữa. Chúng mình đã đi quá xa và còn đi xa quá nếu cứ tiếp tục gặp nhau.

Vũ nắm tay tôi:

- Anh không thể xa em được, không thể thấy em sống cô đơn như thế này. Sự trẻ đẹp và đau buồn dù em cố tình che giấu làm lòng anh tan nát.

Nước mắt tôi lại như giòng suối tuôn trào. Vũ tiếp:

- Anh đã nghĩ kỹ lắm rồi, anh sẽ đưa mẹ con em đi một nơi xa và lo cho em đầy đủ, chẳng ai làm phiền chúng mình được.

Tôi giật mình thảng thốt, rút tay lại. Cổ trắn tĩnh, tôi nghiêm trang nói:

- Anh không điên đấy chứ? Dù anh có thể làm được tất cả, em cũng không thể nào chấp nhận. Em còn bốn đứa con. Giữ nuôi nấng chúng, nhưng em vẫn muốn chúng có cha gần bên cạnh. Nguyễn phải chịu nửa phần trách nhiệm. Và lại em không muốn có một cuộc đời trốn lánh. Chúng mình nên thừa thốt gặp nhau để có thời giờ suy xét, định lại vị trí và giới hạn...

Hai lần sau Vũ tới, tôi bảo Năm ra nói dối tôi không có nhà. Tôi quyết định ít gặp Vũ và từ từ xa chàng để tránh sự đột ngột đau khổ. Đến lần thứ ba, tôi lại để Năm ra mở cửa mời Vũ vào nhà. Chàng đưa cho tôi xem lá số tử vi, ghi sao, cung

mạng chi chút, Thành Đầu Thổ, Tướng Quân, Long Đức, La Hầu, Lộc Tồn, Lưu Hà, Quốc Ân, Thiên Phúc... Không hiểu gì, tôi khôi hài để phá bầu không khí giận hờn ở Vũ:

- Có sao quả tạ nào không anh?

Vũ cười buồn:

- Nếu có, thì nó đã rớt trong dĩ vãng vừa qua của em rồi. Không còn sao nào nặng nề hơn nữa trong đời em. Anh không giải số giỏi, nhưng đại khái số mạng quá khứ rất đúng với em. Hiện tại và tương lai em còn đào hoa lắm. Có lắm kẻ theo đuổi yêu thương. Em có thể sa ngã nhiều lần. Nhưng vì có sao Thiên Phúc phù trợ nên em sẽ tránh khỏi hết. Nếu em muốn xem kỹ hơn anh sẽ nhờ người bạn, hẳn là bác sĩ nhưng viết giải số từng chi tiết rất hay.

Tôi nghi ngờ:

- Như Dung, còn được ai thương và còn thương ai được? Thôi, sợ lắm, chẳng dám xem giải số đâu.

Một mĩa mai ở Vũ bộc lộ:

- Có một người bạn trông thấy anh đi với em, nói rằng: “Trông chàng và nàng du dương quá.” Anh đã trả lời: “Tôi không bén đến gót chân nàng.”

Tôi hấp tấp cải chính:

- Sao anh lại nói vậy? Lúc nào em cũng quý mến anh.

- Anh không muốn chỉ được em quý mến. Anh muốn một tình yêu ở em. Anh muốn có em như từ thuở ban đầu của chúng mình mà anh ước mơ.

Trời ơi, nguy hiểm quá! Tôi phải thức tỉnh Vũ và kéo chàng ra khỏi cơn mê. Tôi cố gắng biện bạch:

- Em rất buồn phải nói với anh, mong anh đừng giận. Em chưa sẵn sàng nghĩ đến tình yêu bây giờ. Em không muốn lập gia đình một lần nữa. Em chỉ cần một người bạn thân mến mà thôi. Có lẽ phải xa nhau cũng đỡ đau khổ. Con chim đã bị thương với cung tên đau đớn, nó sợ tất cả những cành cây

cong. Và lại, giữa chúng ta không thể nói chuyện yêu thương với nhau được. Nếu muốn em vui và không lo sợ, xin anh đừng nhắc tới chuyện rất khó khăn đó nữa.

Vũ đắm đắm râu rĩ nhìn tôi, không nói. Tôi đổi chuyện:

- Lâu nay anh sáng tác gì không?

- Anh lo tính chuyện chúng mình xong, sẽ viết nhiều lắm, viết về em. Anh phải lo cho em...

Vũ càng tha thiết, tôi càng sợ hãi muốn chạy trốn. Chương ngại vật ngổ ngang trên con đường Vũ muốn tôi cùng đi. Lòng tôi mỏng manh, chùng mềm như tờ đàn sắp đứt khi nhìn thấy khuôn mặt thanh tú, tuyệt vọng của Vũ. Đôi mắt trong nâu xuyên thấu tim tôi. Đôi môi dày thèm khát muốn nghiền nát môi tôi. Nhưng nếu ở thuở mười sáu lần nào đi chơi với chàng tôi cũng lo sợ cha mẹ. Mười ba năm sau, tôi không còn ngán khiếp ai, nhưng tôi sợ tòa án lương tâm của mình. Tôi đã từ bỏ vai chính để bây giờ nhận đóng vai phụ sao? Yêu thương Vũ vẫn chỉ là tội lỗi như cảm tưởng thuở ban đầu. Tôi phải cương quyết xa Vũ trước khi sa ngã vào cuộc đời riêng tư của chàng mà tôi chẳng có quyền và cũng không muốn xâm nhập.

Từ đó tôi đau lòng, ôm tai, giấu mặt trong gối để không nghe tiếng Vũ đứng bên ngoài hai lần cửa khoá hỏi tên tôi và rồi lặng lẽ ra về. Tình yêu bông bột vừa trở về và lại bị giam hãm trong thung lũng quạnh hiu.

Cho đến một hôm tôi nhận được thư Vũ mà ngòi bút của anh đã đâm vằm trái tim chưa lành vết thương trong tôi: "Tôi nay anh đến tìm em, được nghe nói em không có nhà. Nhưng khi vừa rờ máy xe, anh đã nghe các con em reo hò gọi mẹ bên trong. Có phải em đã từ chối gặp anh vì chê anh không danh phận, địa vị? Em đã có ai giàu tiền bạc hơn anh?"

Có phải đêm nay em đang nằm trong tay kẻ đó? Anh đã mù quáng yêu em...”

Toàn thân run rẩy, tôi gục mặt trên lá thư sắc nhọn như bàn chông. Tôi nhớ lại buổi tối cuối cùng Vũ đến gõ cửa, các con tôi bỗng nhiên bật im như đang trong trò chơi ú tim. Thế rồi khi vừa nghe tiếng xe Vũ nổ máy, chúng vui mừng nhảy lên và thích thú reo vang:

- Mẹ ơi, bác ấy đi rồi!

- Mẹ ơi, ra coi ti-vi!

- Mẹ ơi...

Con tim hình như vừa ngừng đập, vô cảm xúc. Đôi mắt ráo cạn như đáy giếng khô trong sa mạc. Tôi không trách giận Vũ đã có những lời lẽ nặng nề ấy. Sự trốn tránh của tôi thật phũ phàng đối với anh. Nhưng biết làm sao hơn? Thôi cũng xong! Chơi với dao đã bị đứt tay. Đùa với lửa đã bị cháy xém con tim. Một người tưởng hiểu mình, thương yêu mình, còn nghĩ rất thấp hẹ về mình, thì chấp chi thiên hạ. Tuy nhiên, tôi vẫn cần phải giải bày để Vũ không buồn giận tôi một cách vô lý. Làm khổ người mình thương cũng như tự làm khổ mình.

Đêm hôm ấy tôi suy ngẫm thật sâu kỹ và viết cho Vũ: “... Anh muốn nghĩ sao về em, tùy ý, chỉ xin anh hiểu rằng em đã rất vui mừng được gặp lại anh và mong nối tiếp tình bạn để có người an ủi, tâm sự. Nhưng cả hai chúng ta đều không giữ được điều đó. Em sẽ ân hận không cùng vì phá hoại hạnh phúc gia đình người khác mà mẹ con em đã từng là nạn nhân. Nếu anh độc thân, em đã không ngần ngại ngã vào vòng tay anh, chẳng sợ số tử vi. Nếu ham danh vọng em đã không ly dị. Em bỏ Nguyễn khi hấn trên tuyệt đỉnh danh vọng mà! Và, vũng lầy tiền bạc bản thiêu sẽ không bao giờ ở trên đường em đi. Em không quá tầm thường như thế đâu. Trước sau em chỉ cần tình thương hiểu biết, tình yêu trong

sạch, đạo đức mà thôi. Tất cả những lần anh đến và người nhà nói em đi vắng, sự thật em chỉ ngồi chết lặng trong nhà với con tim rạn vỡ, nghẹn đau, muốn gặp anh mà đành gạt bỏ ý định điên cuồng. Lần cuối cùng cũng vậy, em nằm trong vòng tay ba cậu con trai và cô con gái bé nhỏ để tìm sự ôm ấp bình yên, quên đi nỗi cô đơn, ray rứt. Cho đến nay em chưa làm một điều gì để có cảm tưởng tội lỗi như những lần em đi chơi với anh gần đây. Em cũng chưa bao giờ hối tiếc có những quyết định trái với lương tâm. Mong anh đừng giận. Hãy quên em đi...”

Sáng hôm sau trước khi đi làm tôi để lại bức thư và dặn chị Năm:

- Nếu ông Vũ đến chị đưa thư này cho ông ấy nhé.

Tôi đi đến sở với tâm hồn giá lạnh như băng tuyết đã làm đắm chìm con tàu oan khiên Titanic. Đến giờ nghỉ, tôi lên phòng tổng đài điện thoại gặp Yến. Cô ta đang nhắm mắt và lắc lư hát:

Yesterday, love was such an easy game to play.

Now I need a place to hide away.

Oh, I believe in Yesterday...

(Paul McCartney – The Beatles 1965).

Tôi đã chú ý và thích bài hát của ban nhạc Anh, *The Beatles* hơn từ khi nghe Yến thường say sưa, thân nhiên hát trên hành lang hay trong phòng phụ nữ như ở chỗ không người. Yến có một tâm sự rất buồn. Nàng cũng ly dị. Nhưng không may mắn, ông chồng cũ đã nhỏ nhen giữ hết các con, không cho mẹ con Yến gặp nhau. Nghĩ cho cùng, tôi vẫn phải cảm ơn Nguyễn không tàn nhẫn đẩy tôi tới chỗ tận cùng đau đớn, tuyệt vọng ấy. Tôi thương cái thái độ chán chường, bất cần đời của Yến. Lần này, tôi cảm thấy thấm thía từng

lời ca xoáy buốt tâm hồn. Tôi đứng yên lặng nghe Yến hát cho đến khi cô điện thoại viên giật mình ngồi nhòm dậy:

- Có việc chi đó bồ?

Tôi đưa ra một mảnh giấy:

- Tôi có việc rất quan trọng và khẩn cấp. Bồ làm ơn gọi hộ số điện thoại này và hỏi ông Vũ. Khi Vũ trả lời thì nhắn rằng: “Bà Ngọc Dung Đường Chi Lăng có cái thư để ở nhà chờ ông đến lấy.” Bồ làm giùm nhé?

- OK. Mình có thể gọi ngay bây giờ để bồ nói chuyện.

Tôi vội vàng xua tay như sợ sẽ phải nghe tiếng Vũ qua điện thoại:

- Bồ cứ nói tôi bận nên nhờ bồ nhắn. Thôi, cảm ơn nhé. Bồ hát hay lắm, tôi bắt đầu thích *Yesterday* rồi đấy! Bye!

Buổi chiều hôm đó, tôi thần thờ bước về trong con ngõ đông đảo, nhộn nhịp. Năm ra mở cửa, về mặt ngõ ngác như có điều xúc động lắm. Vào đến trong nhà, Năm đưa tôi một bao thư:

- Ông Vũ để lại thư này. Khi ông tới, cháu đưa thư của cô. Ông xem qua, rồi nói cho ông vào trong nhà đọc nốt và viết trả lời. Ông ngồi bàn kia. Ông khóc quá cô à, khóc từ lúc tới cho đến lúc ra về!!!

Lòng tan nát, tôi sững sờ nghe Năm nói. Tưởng rằng chỉ đàn bà đau khổ mới khóc. Đàn ông cũng khóc được vì thất tình hay sao? “Vũ ạ, một lần nữa, xin lỗi anh! Em quá yếu đuối nên không còn cách nào khác để xa anh.”

Năm vẫn nhìn tôi như muốn chờ một lời giải thích. Tôi cầm lá thư của Vũ:

- Chị và các em ăn cơm trước đi. Đừng để phần tôi. Đói, tôi sẽ xuống tìm thức ăn sau.

Đã biết thế nào là đau đớn, phủ phàng, tôi kéo dài thời gian đọc thư. Tâm thần hình như xa lìa thể xác, tôi mệt mỏi lên lâu. Căn gác mênh mông, trống trải. Tôi vận quạt trần ở tốc độ cao nhất và chậm chạp tháo giày. Tôi nhớ đến bàn tay Vũ nâng chân, lau giày cho tôi. Sự săn sóc triu mến nhỏ nhất ấy bằng cả trăm lời yêu thương ước lệ. Cởi bỏ bộ áo mặc đi làm, tôi lên giường nằm dài và kéo cái mền mỏng ngang ngực, mong gió quạt làm tê lạnh con tim để không cảm thấy những gai nhọn ghim đâm sắp đến. Như đã sẵn sàng chấp nhận sự hành hình một lần nữa, tôi bình tĩnh mở thư Vũ:

“... Anh xin lỗi, vì quá yêu em nên nông nổi trách cứ em một cách vô lý... Em vẫn là người em cao thượng như ngày nào. Anh không đáng được em yêu thương. Cảm ơn em đã cho anh những kỷ niệm quý báu nhất đời trong vài tháng ngắn ngủi vừa qua. Cho phép anh được tiếp tục là bạn em. Địa chỉ sở anh... Mong nhận được thư em...”

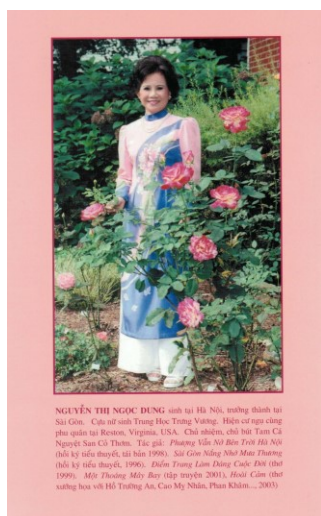
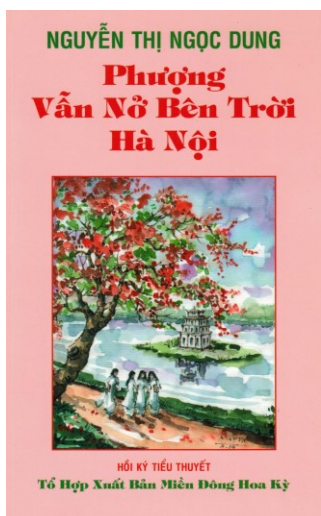
Mũi tên tẩm độc của cuộc hôn nhân trước đây còn găm trong tim, chẳng một vấp ngã tình cảm nào làm tôi đau đớn hơn được. Tôi không trả lời Vũ. Anh cũng không viết thư hay tìm gặp tôi nữa. Có lẽ cũng như tôi, Vũ không thể tin được lời hứa sẽ coi nhau như bạn. Anh không muốn làm người yêu xưa phật ý, lo sợ trước mối tình cuồng si sẽ phá vỡ một gia đình vô tội. Tôi không còn gặp lại Vũ từ đó...

Tình yêu nào dù nồng nhiệt nhất rồi cũng nguội lạnh dần. Nỗi buồn nào rồi cũng phai pha. Thời gian xoa dịu những vết thương nhức nhối, trầm trọng nhất. Một dũng sĩ hào hiệp đã đến với đời tôi. Chàng hiền ngang, can đảm rút mũi tên độc hại trong trái tim đang sâu đau, thoi thóp. Cuối năm 1971, tôi kết hôn với người anh hùng ấy. Một năm sau mẹ con tôi theo về xứ sở chàng và định cư tại vùng ngoại ô Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Hạnh phúc không thiếu vắng trên đường hoa êm

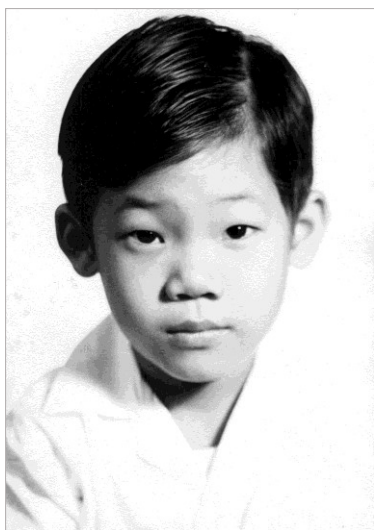
ái bước tôi đi để rất thường bắt gặp những dáng nét thấp thoáng người xưa. Vẫn vương nào vẫn lung linh giọt nắng hồng. Bâng khuâng nào vẫn bèn bồng áng mây xanh.

Thu vừa qua, đông đã tới, xuân vội sang, hè lại về. *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, để hình bóng chàng vẫn nhân trang nhã và nàng nữ sinh áo trắng thơ ngây nào vẫn lẫm đặng bên Hồ Hoàn Kiếm thần thoại, rực thắm màu hoa. Xa quê hương, để nhớ hoài về nơi ấy, dù năm tháng đã qua mau, cảnh vật đã thay hình, đổi dạng, nhiều địa danh, địa tính không còn trên mảnh đất nhỏ bé, thân yêu. Dấu xưa, tích cũ, một thuở thanh xuân mong manh tơ lụa được ghi chép lại nơi đây cho tâm hồn còn thơ mộng và làm đáng mãi cuộc đời...

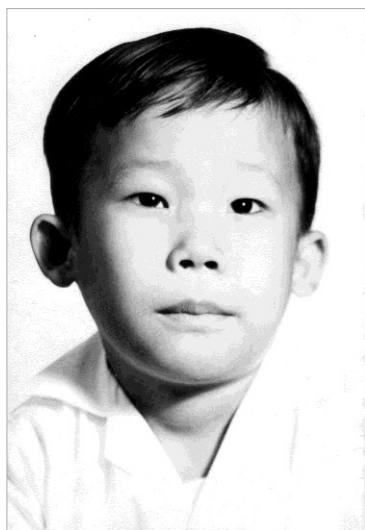
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



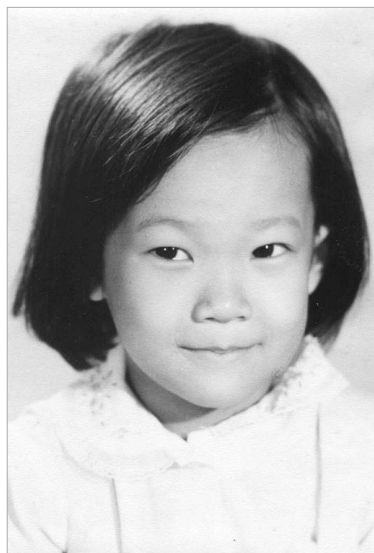
Bìa *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* in lần III, 2005.



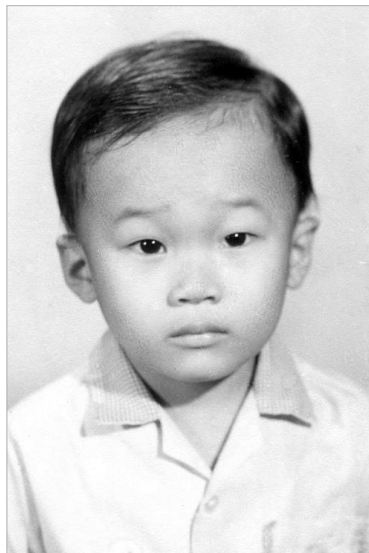
Nguyễn Thủy, 9 tuổi.



Trường Sơn, 7 tuổi.



Ngọc Hân, 6 tuổi.



Thần Phong, 5 tuổi.



Nguyên Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân, Thần Phong và
Ngọc Dung, Tết 1969. Người chụp: Vũ.



Nguyễn Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân, Thần Phong và
Ngọc Dung, Tết 1969. Người chụp: Vũ.

PHƯỢNG
VĂN NỎ BÊN TRỜI
HÀ NỘI

Bạn thương mến, xin đừng chờ đợi
Ngày tôi về Hà Nội còn lâu
Dù bao năm đã xa nhau
Vẫn chưa phai nhạt được màu áo lam.

Ôi đất nước còn cam go lắm
Chưa an hòa nên vẫn lần khần
Nửa vòng trái đất giữ chân
Để người phương ấy tần ngần ngóng trông.

Tâm thư viết trăm dòng trao đổi
Kỷ niệm xưa nhắn gửi thân thương
Thanh Quan khăng khít cùng trường
Trung Vương rong ruổi con đường Cổ Ngự.

Hồn trong trắng vô tư thuở đó
Cạnh Hàng Than trên Phố Hòe Nhai
Có chàng tuần tú điển trai
Lén nhìn cô bé mắt nai đi về.

Hoàng Lan rủ xum xuê đầu dốc
Còn nhạt hoa cài tóc thơm hong
Ô mai cam thảo cay không
Đồng Xuân vẫn lắm nhãn lồng Hưng Yên?

Thu cốm Vòng trình nguyên hương ngát
 Sen Hồ Tây ngào ngạt nhụy hoa
 Duyên thâm cô gái Ngọc Hà
 Răng còn đen lánh hạt na dịu dàng?

Đông có đủ áo choàng len ấm
 Và Tháp Rùa lạnh lắm hay không?
 Nhịp Cầu Thê Húc cong cong
 Khăn quàng voan lụa bay trong thuở nào?

Xuân còn thắm hoa đào Phúc Xá
 Tiểu thư khoe đôi má hây hây
 Quất vàng vẫn để chín cây
 Chợ Hôm giỏ Tết có đầy rau tươi?

Hồ Hoàn Kiếm phượng rơi ngày ấy
 Có bao giờ lại thấy cổ nhân?
 Bể dâu thời thế xoay vần
 Lệ hoa đã nhỏ trăm lần chia tay.

Phượng vẫn nở Hồ Tây, Yên Phụ
 Dù Núi Nùng, Bách Thú phong sương
 Sông Hồng bao thuở đoạn trường
 Người đi còn nhớ một phương xa vời.

Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội
 Mùa hè về đỏ ối Hồ Gươm
 Để lòng man mác nhớ thương
 Hình xưa, bóng cũ nào vương bên hồ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

CẢM Ề

Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội

Một thành phố gần như huyền thoại
Một mối tình nửa dại nửa khôn
Tình xưa theo nước về nguồn
Mà trang hồi ký vẫn còn nét tươi...

Phượng vãn nở bên trời Hà Nội
Hò còn xanh thêm gọi nhớ thương
Bao nhiêu kỷ niệm yêu đương
Bốn mươi năm vẫn còn vương lệ tình.

Tuổi xưa ấy màu tình chưa đỏ
Phượng bên trời đã nở màu yêu
Màu hoa thắm thiết bao nhiêu
Màu tình yêu lại ra chiều đắng cay...

Phượng vãn nở trên vai con gái
Mối tình hồng đã hái trong tay
Trăm năm lỡ cuộc tình hoài
Hận sâu bát ngát chất đầy tim non...

Nay dù tuổi chẳng còn xuân nữ
Nhưng tình buồn vẫn giữ nét tươi
Trắng kia vằng vặc giữa trời
Gương trong còn để cho người soi chung.

Nào có phải anh hùng dũng sĩ
 Sao tâm tình hùng vĩ biết bao!
 Khi cương nghị lúc dạt dào
 Khi chìm đáy nước, lúc cao ngút trời.

Bao kỷ niệm một thời con gái
 Đất nước buồn, tình lại buồn hơn
 Thăng Long ngập vết tang thương
 Tháp Rùa đứng giữa Hồ Gươm ngậm ngùi...

Phượng còn nở bên trời Hà Nội
 Vui buồn xưa vẫn gói trong tim
 Giờ đây ai có đi tìm
 Người xưa cảnh cũ cánh chim lạc bầy!

Mở tâm sự: tình bay theo gió
 Kể chuyện xưa, ai rõ chẳng ai?
 Tình theo năm tháng tỏa dài
 Chuyện theo đất nước chợt vui chợt buồn...

Bao tâm niệm thủa còn son trẻ
 Góp thành trang Hồi ký thân thương
 Dấu xưa vết cũ vẫn vương
 Người xưa tình cũ đôi đường xót xa!

Lòng vẫn biết chữ tình là bậy
 Nhưng người trần ai thấy không ham?
 Trăm năm có mấy tình lang
 Ngàn năm kiếm được mấy chàng thủy chung?

Chuyện tình ái lòng thông không dứt
Một đời người tan hợp mấy phen
Ai đem tấm độc mũi tên
Ai đem bằng giá phủ lên tim mình?

Phượng vẫn nở màu xanh hay đỏ?
Tình còn vui dù có hay không!
Người xưa giờ cách muôn trùng
Chuyện xưa tha thiết tắc lòng thiết tha.

Dòng đời chẳng thuận hòa trôi chảy
Tình đời còn nồng cháy trong tim
Ái ân để lạnh hương nguyên
Giấc mơ niên thiếu còn nguyên trong lòng.

Trang hồi ký bùng bùng nhiệt huyết
Máu Trưng Vương lẫm liệt hiên oai
Phượng kia vẫn nở bên trời
Chuyện tình riêng để muôn người cảm chung!

Cảm khái bởi Ngọc Dung hồi ký
Chợt nghe tình tri kỷ thiết tha
Lâng lâng ngàn nỗi xót xa
Gửi lòng theo mấy dòng thơ tặng Người...

Hoài Hương Trang
mùa thu năm Ất Hợi

THÁI BÌNH LANG

MỘT ĐỜI NHỚ THƯƠNG

Nhạc và lời : NGUYỄN ĐỨC NAM (1995)

(viết sau khi đọc " PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI " của Nguyễn Thị Ngọc Dung)

Valse Lente

Cho nhớ nhưng về trong cõi xa mờ ...

Cho khóc than về năm tháng mù lòa ...

Chôn đời gian vào nơi chốn mơ hồ ...

Ngày thơ ấu xưa .. chỉ còn là thương nhớ ...

Thời nhé em, đừng thương tiếc tình buồn

cho đắng cay làm tê tái mối hững ..

Em dấu yêu, đẹp xưa đã xa rồi ...

Còn chẳng phút giây hôn vẩn vương u hoài ...

Đâu phút giây hôn như đắm say đưa em về dưới ánh trăng thanh ... Ngồi

Dm Gm Edim⁷ A⁷
 bên khóm hoa vàng óng... kể vai ước mơ nồng ấm... Mùi phấn xưa còn đó
 Dm Gm
 Hương tóc em còn như vấn vương bước chân người vương ánh sao rơi... Thề
 Dm Gm Edim⁷ Dm
 yêu dấu muôn ngàn kiếp... Lời nguyện ước xưa còn đó người bóng đầu xa vời...
 D Bm D
 Trong giây phút thương yêu, hình bóng em về...
 D A⁷ D
 đẹp xinh như cô bé chốn quê xưa...
 D F^{#m}7 Bm
 Ôi vóc dáng ngày thơ tha thướt dịu dàng...
 E⁷ A⁷ D
 xinh tươi như tờ thảm nét môi hôn...
 Dm
 Lời nguyện ước không còn nhớ...
 Gm A⁷ Dm
 Tình kia đâu không ngàn kiếp...
 B^b Dm C⁷ F
 Sao ta còn thương nhớ hoài... Bao ân ái xưa tuyệt vời...
 A⁷ Dm
 Đường như Nhớ Thương Một Đời...

Vĩnh Nguyên Thị Ngọc Dung

Một đời được mây anh hàng
 Saigon - Hà Nội một Dream đẹp đầu.
 Nguyện xưa cho đời nghìn sau
 Saigon này nhịp nữa sầu ôi! ai!
 Phụng Kia còn nhớ bên trời
 Lặng người Hà Nội còn với với hương.

Bao giờ trở lại Saigon
 Lệ rồi đây ta theo người về Xương

25/2000

Thái Bình Long

VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ

Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội

Hồi ký tiểu thuyết 1 của Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, 1995

Nhà văn Trương Anh Thụy, Tuần Báo Diễn Đàn Tự Do, Virginia: Câu chuyện thật tầm thường, thật đơn sơ, tầm thường đến cái độ ai trong chúng ta cũng có thể thấy ít nhiều bóng dáng mình trong đó.... Bút pháp giản dị, trong sáng, linh động, văn phong tả cảnh sống động. Chuyện tâm tình cũng được mô tả một cách trung thực. Để tạo được cái “chất thật” trong tác phẩm, tác giả không ngần ngại “cung khai” những khuyết điểm của mình. “Lòng nhân” và “Triết lý sống” bàng bạc trong khắp cuốn sách. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đã lôi cuốn người đọc từ trang đầu tới trang cuối cùng của cuốn hồi ký dài gần 350 trang...

Văn khảo gia Nguyễn Ngọc Bích, Virginia: Một thành phố huyền thoại, một môi tình lãng mạn cao độ, một văn phong chăm chút... Hồi ký tiểu thuyết hóa *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* chắc sẽ được đón nhận nồng nhiệt vì tính cách vừa gần gũi vừa thơ mộng của nó. Tác giả có trí nhớ thần sầu. Khi chọn tác phẩm đầu tay của Nguyễn Thị Ngọc Dung, chúng tôi cũng tin tưởng đã không đặt nhầm chỗ để “gửi vàng...”

Nhà văn Nguyễn Đức Nam, Tạp Chí Ngày Mai, California: Tôi bắt đầu đọc say mê vào buổi chiều. Khi hết những dòng cuối cùng thì trời đã mờ sáng. Thực ra tôi không đọc hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung, tôi đã sống, đã nhập vào cuộc đời của tác giả từ lúc ấu thơ cho đến lúc trưởng thành... Tôi thích *Phương Vần Nở Bên Trời Hà Nội* vì giọng văn trong sáng, chân thành và đầy truyền cảm. Đây là cuộc đời của một phụ nữ Việt Nam trong thời loạn được kể lại bằng một văn phong chăm chút. Đọc dễ thương, dễ phục sự hy sinh của tác giả nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung. Đọc dễ nhớ lại một khoảng thời gian đau thương trong lịch sử 1945-1975...

Nhà văn Nguyễn Gia Bảo, Texas: Rất cảm động sau khi đọc (một lèo) hết cuốn sách của chị. Nếu có nhà đạo diễn nào dựng thành kịch hay phim ảnh, Miss Hà Nội (*Phương Vần Nở bên Trời Hà Nội*) chắc chắn hay hơn Miss Saigon...

Nhà văn Phạm Xuân Đài, Nguyệt San Thế Kỷ 21: Nhật Báo Người Việt, California: "... Đừng tưởng chỉ những nhân vật quan trọng của lịch sử mới viết hồi ký hay, làm cho nhiều người đọc say sưa. Như trường hợp cuốn hồi ký *Phương Vần Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung là một ví dụ. Chuyện đời của tác giả sinh ra, lớn lên đi học ở Hà Nội, di cư vào Nam 1954, yêu đương, dang dở, lập gia đình... đã được tác giả kể lại linh động như đã được tiểu thuyết hoá. Sự thành công của cuốn sách, ngoài tài kể chuyện linh động, viết văn duyên dáng với phẩm chất "con gái Hà Thành" nơi tác giả, một điều rất khó định nghĩa rõ rệt nhưng được cảm nhận là một phần không thể thiếu trong suốt cuốn hồi ký này...

Nhà văn Nguyễn Chí Kham, Nhật Báo Người Việt, California: Đây là một tác phẩm đầu tay của nữ văn sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung và lúc vừa xuất hiện đã nổi tiếng. Mặc dù được viết dưới hình thức hồi ký nhưng là một tác phẩm văn học, giàu chất liệu văn chương, viết về một thành phố Hà Nội thân yêu, nơi đó tác giả đã sống qua thời thơ ấu và tuổi hoa niên thật đẹp, lãng mạn. Không phải trong tác phẩm này, chỉ là những kỷ niệm riêng tư cất giấu, mà thật sự nó được sống, được viết trọn vẹn bằng một ký ức đang sinh hoạt, đang thở và đang ôm ấp tình cảm những con người được thành phố này nuôi dưỡng. Một giọng văn xuôi đầy chất thơ, Hà Nội, từ mỗi mái nhà, góc phố, hàng cây, những tên gọi của Hồ Tây, Hồ Gươm, những trạm ng?ng của các chuyến tàu điện đều cùng một lúc sinh động rực rỡ, nhiều màu sắc, và tất cả chứng tỏ tài năng của tác giả...

Văn thi sĩ Hồ Trường An, France: Vừa nhận quyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, tôi đọc một mạch, chỉ sợ sách hết; nhưng rồi sách vẫn hết. Cứ mỗi một chương sách, tôi sống lại một chặng đời của tôi. Thuở ấu thơ của chị đẹp quá, ngay cả lúc chiến tranh và những ngày còn ở lại Hà Nội trước khi di cư vào Nam. Quyển sách hay lắm. Tôi rất thích cái óc quan sát từ mĩ và ký ức tinh nhuệ của chị. Sách quá nhiều chi tiết lý thú, sống thực và thi vị tuyệt vời. Lâu quá từ khi đọc *Thương Nhớ Mười Hai* của cụ Vũ Bằng, tôi mới đọc được một tác phẩm ngọt tình quê hương như vậy...

Giáo sư, Tiền sĩ văn chương, báo chí Nguyễn Đình Tuyển, Houston, Texas: ... Tác giả đã dùng ngôi thứ nhất là “tôi” để tường trình lại những mâu chuyện kỷ niệm thời thơ ấu ở Hà Nội ... Trong tác phẩm *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, tác giả có những đoạn tả cảnh rất hay, giúp ai cũng có

thể hình dung được căn nhà nơi tác giả đã lớn lên... Tự truyện của Nguyễn Thị Ngọc Dung – một nhà văn mới gia nhập làng văn được ít người biết – là tác phẩm có nhiều giá trị vì nó vừa là hồi ký, tự thú, tùy bút, vừa là những bức tranh sống động làm hồi sinh lại trong ký ức chúng ta những biến cố lớn như ngày Cộng Sản cướp chính quyền tại Hà Nội và ngày chia đôi đất nước là những ngày lịch sử liên hệ đến vận mệnh của dân tộc và của tất cả chúng ta. (Trích trong tác phẩm Nhà Thơ và Nhà Văn Hải ngoại: 1975-2000 của giáo sư tiến sĩ Nguyễn Đình Tuyền.)

Văn khảo gia, Bác sĩ Lê Văn Lân, Nhóm Duyên Văn, Philadelphia: Đọc Nguyễn Thị Ngọc Dung qua cuốn *Phương Văn Nữ Bên Trời Hà Nội*, tôi chợt thấy rằng tâm lý của giới phụ nữ - đặc biệt là phụ nữ Việt Nam chứa rất nhiều uẩn khúc trong địa hạt tình trường... Tâm Lý của người phụ nữ muôn đời - Eve éternelle! Vẫn là một sự thách đố đối với những nhà tâm lý học từ xưa đến nay. Nói phụ nữ “sâu sắc như coi đưng trầu” như ca dao Việt Nam chỉ là một nhận xét phiến diện... hoàn toàn không đúng vào chiều sâu của tâm thức...

Đây là một thiên hồi ký tự thuật của một phụ nữ về cuộc đời mình với một bút pháp tiểu thuyết hóa rất linh động. Từ một cô bé Hà Nội ngây thơ sống giữa bao kỷ niệm đẹp lung linh, bẽnh bồng diễn biến thành một nàng xuân phụ gặp nhiều cảnh đồ vỡ nhưng vẫn can đảm phấn đấu trong nội tâm... Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đã rất tài tình không cho độc giả thấy đường kim mũi chỉ khâu khít khao giữa cuộc đời thực tế và nghệ thuật viết văn tiểu thuyết... Một cuốn sách đọc để băng khuâng nhớ về dĩ vãng, để trăn trở với những tình tiết của tình yêu, để khám phá những góc kín bất ngờ của tâm tư người viết...

Nhà văn Hà Kỳ Lam, Nhóm Duyên Văn, Philadelphia: Hồi ký là một loại truyện không dễ viết như người ta vẫn nghĩ. Với *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, chị đã chứng tỏ một nghệ thuật kể chuyện vững vàng. Ký ức rõ ràng, trình bày những màn lớp theo từng “ngăn” thời gian, không gian. Lời văn bình dị, trong sáng, người đọc có cảm tưởng đã cùng lớn lên trên đất Bắc với chị, cùng theo chân chị trên những nẻo đường chị đi, cùng can dự vào những biến cố trong quãng đời đã qua của chị.

Song song với tài “đạo diễn” trên, lối viết của chị đã góp một yếu tố quan trọng để tập hồi ký *PVNBTHN* trở thành một thiên ký sự ăn khách. Đó là sự uyển chuyển trong lối viết của chị. Sự diễn đạt tâm trạng cũng chừng mực, vừa phải, không đi quá mức cần thiết. Khi dí dỏm, khi triu mến, khi buồn vơi vợi, người đọc thấy mọi sự đều đúng lúc, đúng chỗ.

Một lối viết linh hoạt, sắc bén như thế, tôi nghĩ rằng mọi người chứ chẳng riêng tôi, đều yêu thích. *PVNBTHN là một cuốn hồi ký hay...* Người đọc còn thấy bàng bạc trong cuốn sách, từ những trang viết về miền thơ ấu, về Hà Nội ngày mới lớn, hay về những năm tháng trưởng thành đầy sóng gió trong Nam, cái bất an, cái khắc khoải của cả mấy thế hệ người Việt ở trong một giai đoạn của Lịch Sử! Không nhiều thì ít, *PVNBTHN* mang dấu ấn một thời đại...

Nhà văn Trần Quán Niệm, Nhóm Duyên Văn, Philadelphia: Tương tự làm thơ ở thể lục bát, viết hồi ký dễ mà khó... Nhưng Nguyễn Thị Ngọc Dung đã vượt trên những khó khăn một cách tài tình. *PVNBTHN* đã vượt khỏi một hồi ký mang tính cách cá nhân, đạt tới một tầm vóc lớn rộng, trở thành cuốn sách được mọi người yêu mến...

Viết hồi ký, thuật lại nguyên một cuộc đời, từ lúc còn ngây thơ, đến ngày lớn lên, lập gia đình, rồi trau chuốt

ngang trái, thế mà văn chương lúc nào cũng dung dị uyển chuyển, khi tình nghịch, dí dỏm, lúc dẫn vật, trắc trở, làm người đọc say mê, phải bồi hồi, thật khó có người viết hay hơn được. Phải chăng phái nữ luôn luôn có những khuynh hướng nâng niu, giữ gìn kỷ niệm của dĩ vãng nên mới có thể vẽ lại những cảnh đời sống thực, linh động như thế? Gập sách lại, tôi không khỏi băng khuâng trong hồi tưởng, chen lẫn sự khâm phục...

Nhà văn Thế Phong: Dalat 2-1-1998. Sáng nay tôi dậy từ 3 giờ sáng. Đọc hết *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội*, tôi thực sự cảm động về những đoạn tác giả phơi bày nội tâm sâu xé trước sự cảm dỗ của một người đàn bà ly dị chồng gặp lại người tình cũ ban đầu và bốn phận còn phải nuôi 4 con. Nhất là người tình cũ ấy đã có vợ con rồi. Sự sâu xé ấy không phải ai cũng dễ thắng nổi chính mình và lại được viết ra rất đẹp ý...

Bạn T.V. Trần Thị Ngọc Dung, California: “Như người giới thiệu, mình đã say sưa đọc nhưng vẫn phải từ tốn theo từng trang, từng chương. Vừa đọc vừa để những lời văn ngọt ngào như thơ đó thấm vào tâm mà sống lại với những hình ảnh, những sinh hoạt thân quen thuở xưa đã bao lâu nay chưa có dịp khơi dậy. Vừa nhập vào cuộc đời của tác giả, vừa cảm nhận những cấu trúc chặt chẽ của hồi ký, mình cứ tự hỏi: Sao Ngọc Dung có được trí nhớ tuyệt vời đến như thế? Dung có ghi nhật ký từ những ngày đó? Sao Dung đã ghi lại được mọi chi tiết chân thực và sống động y như sự việc vừa xảy ra ngày hôm qua vậy?...”

Nhà văn Hồng Thủy, Nguyệt San Phụ Nữ Việt, California: "Tập hồi ký này đã xuất hiện từng kỳ trên báo Ngày Mai và được độc giả thích thú theo dõi. Các bạn Trung Vương ở khắp các nơi và độc giả Phụ Nữ Việt muốn sống lại thuở áo trắng học trò, tóc thề buông lơ theo gió với những e ấp mộng mơ của tuổi mới biết yêu và muốn tìm lại hình ảnh Hà Nội đẹp và thơ thuở nào, xin tìm đọc *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Bảo đảm đọc xong, quý vị lại muốn mua thêm để tặng bạn bè..."

Nhà văn Bác sĩ Nguyễn Thanh Giản, California: Người nào đã từng sống ở Hà Nội vào những năm đầu của thập niên 50, khi được đọc những trang hồi ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung mới cảm thấy thấm thía... À thì ra đã có một thời ta sống ở thành phố đầy yêu mến này. Những mộng ảo của tuổi đầu đời nay được hiện về một cách rõ nét. Cám ơn Ngọc Dung, vì không có Nàng thì những kỷ niệm đó cứ vẫn mãi nằm sâu trong đáy thức, chỉ lâu lâu hiện về trong những giấc mơ...

Các bạn đã từng sống ở Hà Nội xin hãy tìm đọc tác phẩm này. Các bạn sẽ thấy dâng lên trong lòng một nhớ thương khó tả, một tình cảm lâng lâng. Tôi đã đọc hết tác phẩm này, nhưng không thể giới thiệu nhiều hơn. Lòng tôi đã ngập tràn một niềm yêu dấu mệnh mang...

Giáo sư Ngô Thị Liên, Cincinnati:... Mấy đêm thức đọc *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* đến 12 giờ và rất thích thú. Đêm qua đọc đến 2 giờ sáng. Lúc đi ngủ hãy còn vương vấn những tâm tình tác giả. Văn của chị thật giản dị, trong sáng. Chị viết có duyên và hấp dẫn lắm nên dù là hồi ký mà đọc không nản...

Giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa, World Literature Today, Đại Học Oklahoma: *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội* đã được hoan nghênh rộng rãi trong cộng đồng di cư ở Mỹ và ở Âu Châu... Tác giả đã viết theo cảm giác, và đó chính là giá trị của quyền hồi ký.

Nhà thơ Tiến sĩ Lưu Nguyễn Đạt, Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơ, Virginia: Riêng tên tác phẩm, *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội*, cũng đủ tiêu biểu cho một sức mạnh mỹ mãn, lâu bền. Dáng dấp và âm hưởng của mấy chữ *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội* đã tụ tập thành một thi ảnh dịu dàng, có màu sắc quyến luyến, mộc mạc của nữ giới Việt Nam. Thi ảnh đó còn tiềm tàng một trào lực mong manh, bền bỉ của thân phận con người, lúc nghẹn ngào trong cảnh thất bại của truyền thống, của thành kiến, lúc điêu linh trước những thách thức của thời cuộc, của lịch sử, của vận nước. Chỉ với tấm lòng thành khẩn, với trách nhiệm cá nhân và sự tin tưởng vào nhân phẩm và tình người, mà đương sự đã vượt thoát được những trở ngại hiện sinh để hoàn tất ý nghĩa của cuộc sống toàn diện. Đó cũng là lịch trình diễn tiến của một tâm hồn đẹp gắn bó với *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội*.

Nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao, Virginia: Tuy là hồi ký riêng của Nguyễn Thị Ngọc Dung, nhưng trong tác phẩm *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội*, người ta đọc thấy lại được nhiều kỷ niệm thân thương của chính mình từ những ngày xa xưa trên đất Bắc với những danh lam thắng cảnh, địa phương, địa tính, với những biến cố thăng trầm lịch sử của dân tộc... Tác giả viết văn một cách thanh thoát, nhẹ nhàng, bình dị và thành công ngay với tác phẩm đầu tay của mình thì cũng là điều dễ hiểu...

Bà Trinh Loan, Pháp: ”*PVNBTHN* hay thật. Một cuốn sách có giá trị về văn chương. Tôi chưa đọc một cuốn hồi ký tiểu thuyết Việt Nam nào hay như vậy, nội dung súc tích, truyền cảm. Khi đã đọc, phải đọc cho hết. Lời văn nhẹ nhàng, chải chuốt và sâu sắc...”

Nhà văn bác sĩ Nguyễn Đức An, Florida : “Tôi sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, nên đọc *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, tôi thấm đòan nặng lắm.”

Nghệ sĩ Hồ Liễu, California: ”Ngọc Dung ơi! Tôi thương người khi đọc qua những dòng tâm sự, nhớ quê hương, nhớ trời phương Bắc nước Việt của chúng ta. Chị đã đọc hết quyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*. Chị thức suốt hai đêm. Có nhiều đoạn chị đọc đi đọc lại mấy lần, tâm tư có lúc bị xao động giống như vừa xem một chuyện phim thật mùi vậy. Thấy vừa xót thương cho tác giả, vừa xót xa cho thân phận đàn bà....”

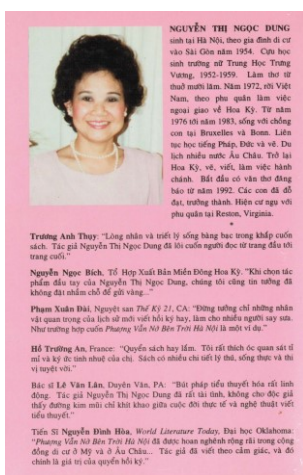
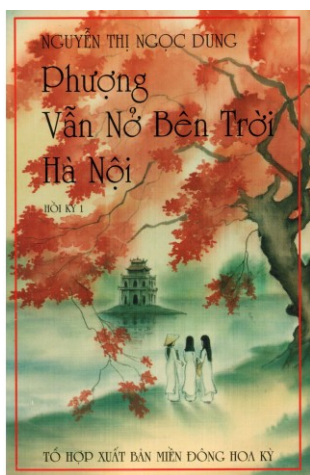
Bạn T.V. Đức Quý, Washington: “*Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* hay lắm. Gợi nhớ lại bao con đường cũ của tuổi thơ và kỷ niệm. Anh chồng mình cũng “nghiên” kỹ lắm, một điều hiếm có vì anh ấy chỉ đọc về kinh tế, xã hội, chính trị thôi...”

Phương Liên, Budapest: ”Lời văn giản dị, chân thành trong cuốn hồi ký làm cháu thực sự cảm động. Cháu đã đọc không ngừng nghỉ. Khi đã cảm và đọc nó, cháu không thể buông nó ra được và đọc một mạch đến tận cùng. Cuốn sách làm cháu nhớ Hà Nội nhiều...”

Nhà văn Bích Huyền, California: “Rất nhiều người yêu *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội ở bên này* (California) kể cả Bích Huyền.

Bà V.V.B., Paris: ”Tôi đã thích thú đọc luôn trong 2 đêm liền và thấy cô viết hay lắm, vừa nhớ nhiều vừa trình bày giỏi... Tiện đây nhờ cô gửi một cuốn về cho một người bạn cũ của tôi...”

Ông Nguyễn Đăng Võ, Washington: “Tôi vừa đọc xong tập hồi ký *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội* với thích thú và cảm động. Tôi chắc chắn sẽ đón đọc những tác phẩm tương lai của bà...”



Bìa *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội* in lần II, 1998.

CẢM TẠ

Thưa quý vị độc giả,

Trong quá trình 30 năm cầm bút, Ngọc Dung đã cho xuất bản tập hồi ký tiểu thuyết thứ nhất *PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HẠ NỘI*, tập hồi ký tiểu thuyết thứ hai *SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUƠNG*, tập truyện ngắn *MỘT THOÁNG MÂY BAY*, tập thơ *ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI*, tâm bút *NON NƯỚC ĐÁ VÀNG*, ký sự *BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG*. Đồng thời, 20 năm cộng tác với Cơ Sở Văn học Cỏ Thơm, Ngọc Dung đã giữ chức vụ chủ nhiệm cho đến đầu năm 2018 và phát hành đều đặn 55 số Tạp chí Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Xin trân trọng cảm tạ quý văn thi họa nhạc sĩ và độc giả đã từng tiếp tay Ngọc Dung bảo tồn Tạp Chí Văn Học Cỏ Thơm vững vàng trên văn đàn Việt Nam hải ngoại.

Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và độc giả đã đọc và có lời ưu ái khuyến khích, giới thiệu các tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Dung (NTND). Những lời khích lệ của quý vị đã giữ vững tinh thần tiểu thuyết tự truyện của NTND.

Xin cảm tạ quê hương sinh thành Việt Nam xưa và quê hương bao dung Hiệp Chung Quốc ngày nay đã là cảm hứng cho những dòng văn thơ của NTND.

Xin cảm tạ ông bà, cha mẹ, anh chị em, các con và người bạn đường 44 năm đã là nguồn thương yêu trong các tác phẩm của NTND.

Xin cảm ơn các nhân vật dù giả tưởng, hay hiện thực đã cấu tạo nên *PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HẠ NỘI* và *SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUƠNG*. Không nhiều thì ít, hai tiểu thuyết tự truyện này đã làm sáng tỏ phần nào cuộc đời Ngọc Dung qua bao cuộc chiến tang tóc, dấu ấn lịch sử đau thương trên đất nước Việt Nam.

Viết hồi ký là phải giữ tình tiết, hoàn cảnh, thời gian, không gian trung thực. Đa số độc giả đều thương mến *PHƯỢNG VẤN BÊN TRỜI HÀ NỘI* và *SÀI GÒN NẮNG NHỚ MÙA THUƠNG* vì tính chất trung thực trong đó. Tuy người viết vẫn tự hào vì đã can đảm đi tiên phong trong lãnh vực này nhưng vẫn mong sự thông cảm nếu có độc giả nào không đồng ý, không hài lòng vì tính chất trung thực ấy.

Từ năm 2018, Ngọc Dung đã từ chức chủ nhiệm Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm sau 20 năm cộng tác. Tuy đã về hưu, buông tay, không gõ phím văn chương, thơ phú nhưng NTND vẫn là hội viên Cỏ Thơm.

Hiện tại, Ngọc Dung vẫn đủ sức khỏe để vui vầy con cháu, tiêu khiển thời gian với hoa lá, cây cảnh, thỉnh thoảng họp mặt thân hữu. Không sáng tác nữa, nhưng Ngọc Dung đã gom góp những bài văn thơ chưa xuất bản, thành những tập sách Online: Tập thơ xướng họa *TÌNH BÚT DUYÊN THƠ*, tuyển tập thơ nhạc *NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP* và tâm bút *NỖ NHỚ NIỀM THUƠNG*. Tất cả đã được Chủ nhiệm Cỏ Thơm hiện tại Nhạc sĩ Phan Anh Dũng đưa lên Website, độc giả toàn cầu tự do đọc. Và, cuối cùng sẽ là tập sách dịch *THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH* từ những lá thư nửa thế kỷ trước giữa NTND và người bạn ngoại giao Hoa Kỳ Robert A. Senser trước khi là bạn đường 44 năm của nhau. Robert đã khuất bóng cõi trần năm 2015 với bao thương nhớ của Ngọc Dung và con cháu.

Xin chân thành cảm tạ Chủ Nhiệm Phan Anh Dũng và Kỹ Thuật gia Nguyễn Văn Bá đã bỏ rất nhiều công phu giảng nhện đàn tơ các tác phẩm của NTND lên Website đầy hoa thơm cỏ lạ của Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm. Trên hết xin cảm ơn Thượng Đế tất cả những gì Ngọc Dung đã có được trong cuộc đời này.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Virginia 05/2022

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Ngọc Dung sinh tại Hà Nội ngày 8 tháng 7 năm 1939. Thân phụ là Ông Phán Nguyễn Văn Khôi. Thân mẫu là Bà Phạm Thị Ngọc Lan. Trong gia đình có 10 anh chị em, 3 trai, 7 gái.

Bắt đầu bậc tiểu học tại trường Thanh Quan, Hà Nội 1947, Đệ thất Trường Trung học Trưng Vương, Hà Nội 1952.

Sau hiệp định Genève 20 tháng 7, 1954 Ngọc Dung theo cha mẹ di cư vào Nam và định cư tại Sài Gòn. Tiếp tục học Trường Trưng Vương tại Sài Gòn. Làm thơ, viết nhật ký từ 15 tuổi.

Lập gia đình lần thứ nhất năm 1960 với Nhà văn Văn Quang (Trung Tá Quân Đốc Đài phát thanh Quân Đội sau này), và có bốn người con, Nguyên Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân và Thần Phong. Ly dị năm 1967.

Lập gia đình lần thứ hai với Robert A. Senser, viên chức Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cuối năm 1971 tại Sài Gòn và về Hoa Thịnh Đốn cuối năm 1972. Theo phu quân làm việc tại tòa Đại Sứ Brussels (Bỉ) và Bonn (Đức) từ 1976 đến 1982. Sau đó trở lại Hoa Kỳ, định cư tại Virginia với chồng và các con. Ngọc Dung đã có 44 năm hôn phối hạnh phúc với Robert Senser.

Hiện nay đã có hai cháu nội, Mai và Thuy, hai cháu ngoại là Anton và Levi.

Đã xuất bản:

- *Phương Văn Nở Bên Trời Hà Nội*, Hồi ký I, in lần thứ I (1994), in lần II (1998), in lần III (2005) – Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ.
- *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, Hồi ký II, in lần I (1995), in lần II (2005) - Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ.
- *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, Thi phẩm, 1999 - Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm
- *Một Thoáng Mây Bay*, Tập truyện ngắn, 2001 - Cơ Sở Cỏ Thơm
- *Non Nước Đá Vàng*, Bút ký 2007 – Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm
- *Bước Lạ Quê Hương*, Bút ký 2015 - Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm
- *Tình Bút Duyên Thơ*, Tuyển tập thơ xướng họa, Cỏ Thơm Website 2019
- *Nỗi Nhớ Niềm Thương*, Tuyển tập thơ nhạc, Cỏ Thơm Website 2019
- *Những Kỷ Niệm Đẹp*, Đoàn văn, Cỏ Thơm Online 2019
- *Thư Viết Cho Người Tình*, những lá thư dịch đang đăng trên Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm
- Cộng tác với Tạp Chí văn học Cỏ Thơm từ năm 1996, là Chủ bút từ năm 1998, Chủ nhiệm từ năm 2003 đến tháng ba, năm 2018.
- Góp thơ trong tuyển tập *Mùa Tình Yêu* - Cỏ Thơm, 2000.
- Xướng họa thơ trong thi phẩm *Hoài Cảm*, 2003, với các nhà thơ: Hồ Trường An, Phan Khâm... - Cơ Sở Cỏ Thơm
- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Hội Văn Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005, do Nhà Thơ Võ Đức Trung chủ trương.
- Góp thơ trong tập thơ Đường luật *Hương Mùa Cũ* do Nữ Sĩ Huệ Thu thực hiện.
- Góp thơ trong tập *50 Năm Thơ & Người Thơ* của Thi Sĩ Dương Huệ Anh và Thụy Cẩm.

- Góp thơ trong tập thơ xướng họa *Bút Ngổ Lờ* của Nữ Sĩ Trùng Quang.
- Góp thơ trong tuyển tập *Hoa Vàng* của Nhà Thơ Nguyễn Phan Ngọc An.
- Góp truyện ngắn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* do Nhà Văn Hồ Trường An chủ trương
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí *World Literature Today* của Đại Học Oklahoma, số mùa thu 1997.
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Tuyển giới thiệu trong tuyển tập *Những Nhà Văn, Nhà thơ Hải Ngoại 1975-2000* và trong *Từ Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt* (1998).
- Nhà Văn Đặng Trần Huân giới thiệu trong tập *Những Người Thích Dấu Huyền*.
- Nhà Văn Hồ Trường An giới thiệu trong: *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, Giai Thoại Văn Chương, Náo Nức Hột Trăng Rằm, Thập Thuý Tầm Phương, Cây Quỳnh Cành Dao*.
- Thi sĩ Nguyễn Văn Lượng giới thiệu trong tác phẩm *Thi Văn Bình Thoại*.
- Tiến Sĩ Học giả Trần Bích San giới thiệu trong biên khảo phẩm *Việt Nam Văn Học Sử* (2021).
- Có bài viết và tiểu sử trong tuyển tập *Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại* do Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris xuất bản (2022).

LIÊN LẠC
dsenser@yahoo.com



NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG sinh tại Hà Nội, trưởng thành tại Sài Gòn. Cựu nữ sinh Trung Học Trưng Vương. Hiện cư ngụ cùng phu quân tại Reston, Virginia, USA. Chủ nhiệm, chủ bút Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm. Tác giả: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (hồi ký tiểu thuyết, tái bản 1998). *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* (hồi ký tiểu thuyết, 1996). *Điểm Trang Lâm Dáng Cuộc Đời* (thơ 1999). *Một Thoáng Mây Bay* (tập truyện 2001), *Hoài Cảm* (thơ xướng họa với Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm..., 2003)